Tìm Sách
www.timsach.com.vn

TỦ SÁCH DỊCH - THUẬT

TRẦN - TIẾN

TRƯỜNG QUỐC-GIA SƯ-PHẠM
THƯ VIỆN

登科錄搜講

ĐĂNG-KHOA-LỤC SƯU-GIẢNG

bản dịch
ĐẠM-NGUYÊN

BỘ GIÁO - DỤC
Trung-Tâm Học-Liệu xuất-bản
1968

TỦ SÁCH DỊCH - THUẬT

~~TIÊ~~
~~895.92~~

登科錄搜講

ĐĂNG-KHOA-LỤC SƯU-GIẢNG

TimSach.Com.Vn

Dịch - Giả
NGUYỄN - ĐỨC - ĐẠM
tự ĐẠM - NGUYÊN

BỘ GIÁO - DỤC
Trung-Tâm Học-Liệu xuất-bản
1968

Mấy lời nói đầu

Tập «Đăng-Khoa-Lục-Sưu-Giảng» này do một vị Thượng-Thư triều Lê là Trần-Tiến biên soạn nói về căn bản của sự đỗ đạt, và thuật lại, để dẫn chứng, những mẩu chuyện vắn, nhấn-mạnh về phần đạo đức, những chuyện đã thấy rõ trong mùa thi cử của thời xưa.

Ngoài một vài điểm khuyết-nghi bởi sự truyền khẩu, không có minh văn, cuốn «Đăng-Khoa-Lục-Sưu-Giảng» là một cuốn sách có tính cách triết-lý do người xưa đã dựa theo ĐẠO, ĐỨC mà viết ra để răn đời.

Chẳng những cuốn sách đó, đã có công dụng đặc biệt là trừng thanh, khuyến thiện (khuyên răn những ai chớ cậy có tài mà làm những điều trái với lương-tâm) phải nên gắng sức luyện chí, luôn luôn trông vào Đức và Hạnh, lại còn là một phương-châm xử-thế dành riêng cho các anh, chị,em học-sinh trong hiện-đại.

Thực vậy ; vì gần đây trong giới nam, nữ học-sinh : có một số anh, chị, em đã có một ngộ-nhận trong sự thi rớt; mà oán than, toan làm uổng phí cả một thời xuân, nên cuốn sách này được đem phiên dịch và đưa lên khung ấn-loát, tưởng không phải là vô-ích vậy.

Còn nói về phương-diện văn-chương thì : «Nhân tài như bách hoa» đủ các màu sắc. Sự ưa thích từng màu, là do ý riêng của mỗi người. Trong địa-hạt tư-tưởng, thường thấy có chỗ dị đồng. Cuốn truyện Thúy-Kiều của Nguyễn-Du, cuốn Le Cid của Corneille, có người cho là hay, có người cho là dở, là lẽ rất thường.

Lòng thị hiếu của người tuy có khác, nhưng bất luận ở Thời-đại nào, ở xã-hội nào, cuốn sách này vẫn có một giá-trị đặc-biệt đối với Quý-vị Độc-giả muốn thưởng thức cái tinh-hoa của Hán-học và khảo cứu cách xử-thế theo tinh thần Đạo đức và Luân-lý của các bậc Hiền-triết thời xưa.

Vả chăng, những sự trừng thanh, khuyến thiện, duy trì đạo lý, đương được khuyến khích, thì cuốn sách này, có thể ví như ngọn đèn soi sáng, chỉ đường dẫn lối, giúp cho những ai muốn hướng về điều THIỆN.

Đó là mục đích duy nhất của cuốn sách này vậy.

Saigon, ngày trùng cửu năm Nhâm-Dần

(Tháng 10 năm 1962)

Dịch - giả

Đạm-Nguyên

TimSach.Com.Vn

Lời Tựa

TẬP ĐĂNG-KHOA-LỤC-SƯU-GIẢNG

登科錄搜講序

Tên Sách là « SƯU-GIẢNG » thủ nghĩa gì ? Có nghĩa là : « sự việc tuy ở trong vòng kín đáo, tế-vi, nhưng chính là căn bản của sự thi đỗ, (Đăng khoa), nên không thể không sưu tầm đến nguồn gốc được. Việc kể ra đây, là để khuyên răn người tương lai, nên không thể không giảng giải ra được.

Tôi nghĩ : Phú quý là điều người ta ham muốn nhất, mà trong vòng phú quý thì khoa danh là trọng hơn cả. Lòng mong muốn của người ta là khoa danh. Trong khoa danh thì nối đời là khó, cho nên người đời mong muốn, tức là việc quý báu của trời đất. Họa và phúc không biết cửa nào mà tìm, mà Trời đất có dành riêng cho ai đâu ?

Thiên hạ biết bao người, (những người theo về nghề thi cử cũng không ít), có người thi đỗ, có người đỗ rồi ra làm quan giỏi giang, có người sự nghiệp tầm thường, có người được trọn đời vinh hiển, có người lại không được lệnh chung (bất đắc kỳ tử) có người thọ, có người yểu. ; có nhà đỗ đạt chỉ một hai đời, có nhà đỗ đạt liên tiếp đến ngoại hai mươi đời ; có người đỗ sớm từ 17, 18 tuổi ; Người được hoàn toàn, người bị thiếu thốn, không đều nhau, đó có phải là tự nhiên mà sinh ra thế đâu ?

Theo luật thừa trừ của Tạo-Hóa thì hoặc cho hưởng phúc, hay không cho, đó tất phải có thế nào mới nên nỗi thế ? Có 2 thuyết sau đây :

Cùng là loài cây, mà cây có gốc sâu, thì lá mới tốt, cùng là cái chuông, mà chuông có sức lớn thì tiếng mới vang. Vật đều thế cả, huống chi là người.

Kinh Dịch có câu :

積善之家必有餘慶

« Tích thiện chi gia tất hữu dư khương ». (Nghĩ là nhà nào tích lũy được nhiều thiện, ắt là có phúc để lại về sau) Vua Tống Nhân-Tôn cũng nói : « Phàm người bề tôi nào đã có khoa danh, hưởng phúc lộc, tất nhiên cha mẹ đã tích đức ». (Câu này xuất xứ ở Uyên-Giám). Hãy coi việc Thám-Hoa giáng sinh, (trong truyện Công-Dư-Tiệp-Ký) và coi các điều chép ở Đan-quế-Tịch, thì sẽ thấy sự cảm-ứng giữa trời và người, không phải là ngoa-truyền.

Thế cho nên, nhà nào đời trước có nhiều âm-đức thì sau con cháu tất được hiển vinh. Đường khoa-danh, toàn hay không toàn, bền lâu hay ngắn ngủi, cũng đều tùy theo âm-đức dầy hay mỏng...

Vậy thì bảo nguồn gốc khoa cử là ở Thế-Trạch, là một thuyết.

Khoa danh rất trọng, nên phải căn cứ vào phúc-ấm của đời trước Nhưng cũng phải người có hạnh nghĩa có thể đáng được khoa danh ấy thì Hoàng-Thiên mới giao phó cho.

Kinh thi có câu :

瑟彼玉鑽黃流在中愷悌君子福緣攸降

Sất bỉ ngọc toàn, hoàng lưu lại trung, khải dễ quân-tử, phúc lộc du giáng (5). (Chén ngọc mịn màng trong đựng rượu vàng, (rượu qui) cũng vì như người quân-tử có đức trung hậu, phần được hưởng phúc lộc của trời dành cho (6). (Rượu vàng là thứ rượu qui, pha uất kim ; chén ngọc là vật qui, để đựng rượu qui). Là ý nói : lộc chỉ cho người có đức, mà phúc thì không đến kẻ gian tà. Hãy xem câu chuyện truyền-lô (Xướng danh) của Tiến-Sĩ họ Lưu (Trong truyện Công-Dư Tiệp Ký), và xem trong Đan-Quế-Tịch đã chép, thì thấy giữa trời và người có cảm-ứng, không sai,

Bởi thế trước lúc thi, trên Thiên-Đình đã cân nhắc đức-trạch đời trước cửa từng nhà, và hạnh-kiểm của từng người, rồi mới tùy theo phúc-trạch dày hay mỏng, mà cho đỗ-đạt hay không, gián hoặc cũng có những người hạnh kiểm khuy-khuyết (xút kém) mà cũng được đỗ đạt, đó tất nhiên là nhờ ở đức-trạch của tiền-nhân người tu rất dày ; ngoài ra còn phải giữ gìn hạnh kiểm cho chính đinh, rồi mới có thể nói đến đỗ đạt được. Vậy hạnh-kiểm của chính bản-thân cần phải có là một thuyết nữa.

Thế thì nên phải lo sợ, không liên lụy đến âm-đức, mới có thể dành cho con cháu về sau được.

Ai chả mong thân mình được hiển vinh. Theo thuyết đức-hạnh, thì mình tất phải lo lắng sợ làm dơ bẩn hạnh kiểm, mới có thể tính đến việc vin bẻ cành Đan-Quế trên cung-trăng.

Ta suy xét kỹ thì thấy khoa danh phải đâu chuyện dễ. Nhân thế mới đem những điều đã được mắt thấy tai nghe ; rồi đem Đăng-Khoa-Lục ra mà tìm tòi giảng giải, chưa được một phần trăm, nhưng cũng tùy biết được thế nào thì ghi chép thế, và phụ thêm ý kiến của mình, ngõ hầu làm cho di tích của các bậc tiền-bối không bị mai một; và cho lũ con cháu có chỗ khảo xét; để khỏi phải dạy bằng miệng đó thôi, đâu dám nói đến chuyện dạy người.

Theo sách Công-Dư Tiệp-Ký : sách này do Ông TRẦN-TIẾN, *Thượng-Thư đời Lê-Hiến-Tôn, làm ra.*

LÊ HIỀN-TÔN TRIỀU

Thượng-Thư Trần-Tiến (8) **biên-soạn**

1) *Sưu-giảng là tìm tòi, tra xét và đem giải nghĩa ;*

2) *Thọ khảo là sống lâu ; yểu vong là chết non ;*

3) *Đan-Quế : Chỗ Thần Tiên ở ;*

4) *Thế-Trạch : Ân đức đời đời lưu lại ;*

5) *Du-giáng: ở câu phúc lộc du-giáng nghĩa là phúc Lộc trời dành cho mãi mãi.*

6) *Tổn-thương: Làm hao thiệt, thương hại đến việc gì;*

7) *Câu thơ chữ Hán trong bài tựa trên, trích trong Thiên Đại-Nhã Kinh Thi;*

8) *Trần-Tiến là vị Thượng-thư triều vua Lê-Hiến-Tôn và là người tỉnh Hải-Dương (Bắc-Phần),*

Tài Liệu Sưu Tầm

MỤC - LỤC

Cộng 47 Trạng-nguyên

1) Mạc-Hiền-Tích	莫顯績	Trạng-Nguyên
2) Nguyễn-Hiền	阮賢	- - -
3) Nguyễn-Trung-Ngạn	阮忠彥	Hoàng- Giáp
4) Nguyễn-Trãi	阮薦	Trạng-Nguyên
5) Trần-văn-Bảo	陳文寶	Trạng-Nguyên
6) Chu-văn-Trinh	朱文貞	Tiến - sĩ
7) Lương-Thế-Vinh	梁世榮	Trạng-Nguyên
8) Quách-Đình-Bảo	郭廷寶	Thám-Hoa
9) Nguyễn-Nhân-Tiếp	阮仁浹	Tiến-sĩ
10) Thân-Nhân-Trung	申仁忠	- - -
11) Bùi-Xương-Trạch	裴昌澤	- - -
12) Nguyễn-Giản-Liêm	阮簡廉	- - -
13) Nguyễn-quang-Bật	阮光弼	Trạng-Nguyên
14) Đặng-Tử-Nghi	鄧子儀	Tiến-Sĩ
15) Dương-Bang-Bản	楊邦本	Hoàng-Giáp
16) Đàm-Thận-Huy	譚慎徽	Tiến-Sĩ
17) Nghiêm-Viên	嚴猿	- - -
18) Nguyễn-Huân	阮勳	- - -
19) Triệu-Bảo-Phú	趙寶符	Hoàng-Giáp
20) Đỗ-Lý-Ích	杜履益	Trạng-Nguyên

21) Lê-Ích-Mộc	黎益沐	Trạng-Nguyên
22) Hứa-Tam-Tỉnh	許三省	Bảng nhãn
23) Nguyễn-Giản-Thanh	阮簡清	Trạng-Nguyên
24) Nguyễn-Đức-Lượng	阮多亮	- - -
25) Giáp-Hải	甲海	Trạng-Nguyên
26) Trần-Vĩnh-Tuy	陳永綏	Thám-Hoa
27) Nguyễn-Sản	阮僎	Tiến - Sĩ
28) Nguyễn-Doãn-Khâm	阮允欽	Hoàng-Giáp
29) Đồng-Hãng	同沆	Tiến - Sĩ
30) Phạm-Gia-Môn	范家門	Thám-Hoa
31) Ngô-Trí-Tri	吳致知	Hoàng-Giáp
32) Nguyễn-Thực	阮實	- - -
33) Nguyễn-Duy-Thời	阮維時	- - -
34) Nguyễn-Đăng	阮登	- - -
35) Nguyễn-Trật	阮秩	Tiến - Sĩ
36) Nguyễn-Minh-Triết	阮明哲	Thám-Hoa
37) Hồ-Sĩ-Dương	胡士揚	Tiến - Sĩ
38) Nguyễn-Công-Bật	阮功弼	- - -
39) Nguyễn-Quốc-Trinh	阮國楨	Trạng-Nguyên
40) Vũ-Cầu-Hối	武求誨	Tiến - Sĩ
41) Ninh-Đạt	寧達	- - -
42) Lê-Hy	黎僖	- - -
43) Nguyễn-Nho	阮儒	- - -
44) Đặng-Đình-Tương	鄧廷相	- - -

45) Vũ-Thành	武晟	Tiến-Sĩ
46) Ngô-Tuấn-Dị	吳俊異	- - -
47) Nguyễn-Mại	阮邁	Hoàng-Giáp
48) Phạm-Nguyễn-Ích	范阮益	Thám-Hoa
49) Nguyễn-Trọng-Thường	阮仲常	Tiến-Sĩ
50) Bùi-Sĩ-Tiêm	裴士遧	Hoàng-Giáp
51) Nguyễn-Trác-Luân	阮卓倫	Tiến-Sĩ
52) Nguyễn-Tôn-Phong	阮宗峯	Hoàng-Giáp
53) Uông-Sĩ-Đoan	汪士端	Tiến - Sĩ
54) Hà-Tôn-Huân	何宗勳	- - -
55) Trần-văn-Hoán	陳文煥	- - -
56) Trần-Phụ-Dực	陳附翼	- - -
57) Nguyễn-Nghiễm	阮儼	Hoàng-Giáp
58) Nguyễn-Bá-Lân	阮伯璘	Tiến - Sĩ
59) Trần-văn-Trứ	陳文著	Hoàng-Giáp
60) Nhữ-Trọng-Đài	汝仲台	- - -
61) Bảng-Nhỡn	榜眼	Khuyết-Danh
62) Trịnh-Huệ	鄭惠	Trạng-Nguyên
63) Nguyễn-Trọng-Tân	阮仲賓	Tiến - Sĩ
64) Vũ-Đình-Quyền	武廷權	Tiến - Sĩ
65) Phạm-Công-Bảo	范公寶	Hoàng-Giáp
66) Phạm-Đình-Trọng	范廷重	Tiến - Sĩ
67) Phan-Kính	潘敬	Thám-Hoa
68) Tiến-Sĩ	進士	Khuyết danh

69) Nguyễn-Trọng-Hoàn	阮仲侃	Tiến - Sĩ
70) Vũ-Miên	武綿	- - -
71) Lê-Quí-Đôn	黎貴惇	Bảng-Nhỡn
72) Nguyễn-Xuân-Huyên	阮春暄	Tiến - Sĩ
73) Đông-Bình-Công	東平公	- - -
74) Phạm-Tiến	范進	- - -
75) Ngô-Trần-Thực	吳陳植	- - -
76) Nguyễn-Huy-Cận	阮輝瑾	- - -
77) Ngô-Thời-Sĩ	吳時仕	Hoàng-Giáp
78) Lý-Trần-Quán	李陳琯	- - -
79) Nguyễn-Duy-Nghi	阮惟宜	Tiến - Sĩ
80) Nguyễn-Bá-Dương	阮伯暘	- - -
81) Bùi-Huy-Bích	裴輝璧	Hoàng-Giáp
82) Nguyễn-Đình-Giản	阮廷簡	Tiến-Sĩ
83) Ngô-Duy-Viên	吳惟垣	- - -
84) Nguyễn-Hồ-Dĩnh	阮胡頴	Hoàng-Giáp
85) Nguyễn-Công-Điền	汝公塡	- - -
86) Nguyễn-Quỳnh	阮侗	Tiến-Sĩ
87) Giác-Trai	覺齋	- - -
88) Lưu-Tiệp	劉捷	- - -
89) Ngô-Thời-Nhiệm	吳時任	- - -
90) Nguyễn-Thế-Lịch	阮世曆	- - -
91) Nguyễn-Nha	阮衙	- - -

92) Nguyễn-Thế-Bình,	阮世平	Tiến - Sĩ
93) Phạm-Nguyên-Du	范元攸	Hoàng - Giáp
94) Phạm-Quý-Thích	范貴適	Tiến - Sĩ
95) Hoàng-Quốc-Trân	黃國珍	. . .
96) Ngô-Tiêm	吳選	. . .
97) Nguyễn-Tân	阮濱	. . .
98) Nguyễn-Du	阮攸	Hoàng-Giáp
99) Ngô-Nho	吳儒	Tiến - Sĩ
100) Trần-Bá-Lãm	陳伯覽	. . .
101) Trần-Danh-Án	陳名案	Hoàng-Giáp
102) Lê-Huy-Du	黎輝瑜	Tiến - Sĩ
103) Nguyễn-Khuê	阮奎	. . .
104) Nguyễn-Lý	阮理	Tiến-Sĩ
105) Đỗ-Lệnh-Thiện	杜令善	. . .
106) Nguyễn-Kỳ	阮棋	. . .
107) Tiến - Sĩ	進士	Khuyết-danh
108) Thám-Hoa	探花	. . .
109) Nguyễn-Tự-Cường	阮自疆	Tiến - Sĩ
110) Tiến-Sĩ	進士	Khuyết-danh
111) Tiến-Sĩ	進士	Khuyết-danh
112) Tiến-Sĩ	進士	Khuyết-danh
113) Danh-Toại	名遂	Tiến - Sĩ
114) Thiều-Quy-Linh	韶龜齡	Hoàng-Giáp
115) Lê-Tuấn-Mậu	黎俊茂	. . .

116) Vũ-Duệ	武睿	Trạng-Nguyên
117) Ngô-Hoán	吳煥	Bảng-Nhỡn
118) Nguyễn-Hữu-Nghiêm	阮有嚴	Thám-Hoa
119) Trần-Bảo-Tin	陳寶信	Bảng-Nhỡn
120) Đỗ-Nhân	杜絪	Hoàng-Giáp
121) Thám-Hoa	探花	Khuyết-danh
122) Vũ-Thần	武臣	Tiến - Sĩ
123) Tiến-Sĩ	進士	
124) Tiến-Sĩ	進士	

Còn ba quyển của 3 ông đã trúng lại bị đánh hỏng.

TaiSachCom.Vn

Phụ-dẫn

Theo điều lệ triều Lê thi « Chính Tiến-Sĩ tức là Hoàng-Giáp.

Tiến-Sĩ tức là ông Nghè».

Bài tựa cuốn Đặng-Khoa-Lục nói : Triều nhà Lý và triều nhà Trần mở khoa thi Thái-học-sinh, lấy đỗ tam khôi, tức là khoa này.

Vua Lê Thánh-Tôn là người yêu chuộng văn học tự mình làm Tao-Đàn đại Nguyên-Soái, kén chọn văn thần 27 người, để cùng nhau xướng họa, gọi là Tao-Đàn nhị thập bát tú, gồm có các vị sau :

Thân-Nhân-Trung, Đỗ-Nhuận (Tiến-Sĩ) làm phó Nguyên-Soái.

Ngô-Luân (Tiến-Sĩ) Ngô-Hoán (Bảng-Nhãn, Nguyễn-Trọng-Ý (Tiến-Sĩ) Lưu-Hưng-Hiếu (Bảng- Nhãn) Nguyễn-Quang-Bật (Trạng-Nguyên) Nguyễn-Đức-Huấn (Bảng-Nhãn).

Võ-Tứ (Trạng-Nguyên) Ngô-Trẩm (Bảng-Nhãn)

Ngô-văn-Cảnh (Hoàng-Giáp) Phạm-Trí-Khiêm (Hoàng-Giáp Lưu-Thư-Ngạn (Thám-Hoa) Nguyễn-Nhân-Bị (Tiến-Sĩ) Nguyễn-Tôn-Mậu (Tiến-Sĩ) Ngô-Hoan (Hoàng-Giáp) Nguyễn-Bảo-Khuê (Hoàng-Giáp) Bùi (khuyết - danh) Dương-Trực-Nguyện (Hoàng-Giáp) Nguyễn-Hoàn (Hoàng-Giáp).

Phạm-Cần-Trực (Tiến-Sĩ) Nguyễn-Ích-Tốn (Tiến Sĩ) Đỗ-Thuần-Thứ (Tiến Sĩ) Đoàn-Huệ-Nhu (Tiến-Sĩ) Lưu-Trạch,

(Tiến Sĩ) Đàm-Thận-Huy (Tiến-Sĩ) Phạm-đặc-Phú (Tiến-Sĩ) Chu-Huân (Tiến-Sĩ)

Lại thêm hai vị Tao-Đàn Phó-Soái là Lương-Thế-Vinh (Trạng-Nguyên) TháiThuận (Tiến-Sĩ) (Thái-Thuận tự là Nghĩa-Hòa người làng Liễu-Lâm, thuộc huyện Siêu-Loại, đỗ Tiến-Sĩ khoa Mậu--Tuất, niên hiệu Hồng-Đức thứ sáu, có tập Lư-Đường di-cảo được lưu hành ở đời vì hiệu ông là Tư-Đường.)

Mạc-Đăng-Dung cướp ngôi đặt khoa thi, kể từ khoa Kỷ-Sửu (niên hiệu Minh-Đức thứ 3) đến khoa Nhâm-Thìn (niên hiệu Hồng-Ninh của Mạc-Mậu-Hợp), tất cả có 21 khoa thi.

Vua Lê-Thái-Tôn, mở khoa thi để tuyển lựa học trò; cứ 3 năm một lần thi làm thường-lệ, các Sỹ-tử trúng tuyển đều được là Tiến-Sĩ xuất thân cả. Đến năm Giáp-Thìn, niên hiệu Hồng-Đức thứ 35 (triều vua Thánh-Tôn), sai lập bia, đề tên các Tiến-Sĩ ở Quốc-Tử-Giám, kể từ khoa này là đầu. Lúc đó ông Quách-Đình-Bảo xin đổi Trạng-Nguyên, Bảng-Nhãn, Thám-Hoa, là Tiến-Sĩ cập đệ; chính bảng (Hoàng-Giáp) là Tiến-Sĩ xuất thân; Phụ-bảng là Đồng Tiến-Sĩ xuất thân, cho hợp chế độ đương thời.

Ông Trạng-Nguyên Trình-Quốc-Công có bài thơ vịnh ông Trạng-Nguyên Tống-Trân như sau: (trích trong Trạng-Nguyên Trình-Quốc-Công thi tập).

千古我邦人
宋珍傳與友
八歲綴儒科
十載紳鄰好
誠信感虎狼
忠義破吳傑

朝代既云遥
簡編無可考
見說狀元名
百世留人口
見說狀元墳
一坵江畔草
笑我同此州
臨風一憑吊

Phiên âm

Thiên-cổ ngã bang nhân :
Tống-Trân trù dữ hữu :
Bát tuế xuyết nho khoa,
Thập tải đề lân hiếu.
Thành tín cảm hổ lang
Trung-nghĩa phá Ngô-lạo.
Triều đại ký vân giao
Giản biên vô khả khảo.
Kiến thuyết Trạng-Nguyên danh,
Bách Thế lưu nhân khẩu.
Kiến thuyết Trạng Nguyên phần.
Nhất khâu giang bạn thảo.
Tiếu ngã đồng thử châu,
Lâm phong nhất bằng điếu.

Dịch-nghĩa

Ngàn xưa, người nước Việt.
có một Tống-Trân mà ;
Tám tuổi thông nho học,
Mười năm đi sứ Hoa,
Thành tín cảm lang hổ,

TimSachCoMoVn

Trung-Nghĩa diệt gian-tà.
Trải qua bao triều đại ;
Sự tích chưa tìm ra
Được nghe tiếng quan Trạng
Muốn thuở miệng người ta
Thấy nói mộ quan Trạng.
Bên sông nắm cỏ hoa
Những cảm tình đồng quận,
Kính viếng lòng xót sa.

Đến đời Hậu-Lê, các ông Nguyễn-Bạt-Tụy, Trịnh-Thiết-Trường, Nguyễn-Nguyên-Chấn, Nguyễn-Nhân-Bị, từ chối không nhận đỗ Tiến-Sĩ, để đi thi lại, nhưng lại đỗ Tiến-sĩ lần nữa.

Các Ông Lương-Hữu-Khánh, Lê-Nại, Lê-Như-Hổ (ba người có tiếng ăn khỏe) đều đỗ đại khoa.

Triều-Lê, người nào đỗ khoa Đại-Tỉ, thì được để tên vào bia đá, dựng ở Quốc-học, Sử-Quán, và được biên tên tuổi quê quán, khoa thi, cấp bậc đỗ, gia thế, hoạn nghiệp chép thành sách (từ khoa Ất-Mão niên hiệu Đại-Ninh thứ tư đến các khoa thi đời Cảnh-Hưng) nhan đề là « Đại-Việt-Lịch triều Đăng-Khoa-Lục »

Gồm 3 quyển để khắc bản in (Bản in của nhà Quốc-Tử-Giám) Bản này trước kia sao chép nhiều chỗ sai lầm. Đến ngày mạnh-Hạ năm Kỷ-Hợi (niên-hiệu Cảnh-Hưng thứ 4) mới đem bản cũ sửa lại đính chính, và giao cho thợ khắc bản in, để phổ

biến và khích-lệ trong dân gian. Sau lại kiếm thêm những vị đại khoa có sự tích đáng ghi, lần lượt biên chép thành tập nhan đề là « Đăng-Khoa-Lục Sưu-Giảng ».

TaiSachCom.Vn

莫顯蹟公

ÔNG MẠC-HIỂN-TÍCH

Người làng Lũng-Động, huyện Chí-Linh, tỉnh Hải-dương, đỗ Trạng-Nguyên khoa Bính-Dần, niên-hiệu Quảng-Hựu, triều vua Lý-Nhân-Tôn. Em là ông Kiến-Quan cũng đậu bảng vàng. Cả hai anh em cùng làm quan đến chức Thượng-Thư,

Đến triều nhà Trần, người cháu xa đời của ông là ông Mạc-Đĩnh-Chi lại đỗ Trạng Nguyên khoa Giáp-Thìn, niên hiệu Kiến-Long, triều vua Anh-Tôn nhà Trần, danh tiếng vang lừng hai nước Hoa, Việt, Sau này là ông Tổ của nhà Mạc

Ôi ? đức trạch sâu xa đến thế nào, mà xứng được với phúc ấy. Tiếc rằng tôi chưa khảo sát được rõ ràng.

阮賢公

ÔNG NGUYỄN - HIỀN

Người làng Dương-A, huyện Thượng-Nguyên, tỉnh Nam-Định. Thân-Phụ ông học nghề pháp môn (Phù-Thủy), coi chùa đông-A. Ông là người có tài, sinh ra đã biết. Năm 13 tuổi đỗ Trạng-Nguyên khoa Tân-Mùi; niên hiệu Thiên-Ứng Chính-Bình thứ 16, triều vua Thái-Tôn nhà Trần.

Thấy ông đỗ sớm vua hỏi : « Trạng-Nguyên học ở đâu » ? Ông thưa rằng : «Thần xin tâu Bệ-hạ, thần chỉ học thần, . . . và thỉnh

thoảng hỏi ông sư một hai chữ. » Vua cho là chưa biết cách tấu đối, nên hãy cho về học thêm. Không bao lâu ông mất. Khoa ấy thi tuyển tam khoa, ông là người ít tuổi nhất. Ông Lê-Văn-Hưu, người Phủ-Lý, huyện Đông-Sơn, đỗ Bảng-Nhãn, mới 18. ông Đặng-Ma-La (do bà mẹ ông cảm tinh Ma.La mà sinh ra ông, nên đặt như vậy) đỗ Thám-hoa năm 14 tuổi, thực là xưa nay ít có.

阮忠彥公

ÔNG NGUYỄN-TRUNG-NGẠN

(tự là Bàng-Trực)

Người làng Thổ-Hoàng, huyện Thiện-Thi, tỉnh Hưng-Yên, có tiếng là Thần-Đồng; 16 tuổi đậu Hoàng-Giáp khoa Giáp-Thìn, niên hiệu Hưng-Long, triều vua Anh-Tôn nhà Trần, phụng mạng đi sứ sang Trung-Hoa (Nhà Nguyên).

Ông làm quan đến chức Đại-Hành-Khiển, được phong là Trung-Quốc-Công thọ ngoài 80 tuổi, là danh-thần triều nhà Trần.

Ông lấy hiệu là Giới-Hiên. Theo Quốc-Sử chép, ông là người có khoa danh và sự nghiệp hoàn toàn, Văn-chương của ông thấy ở bài bia Tương-Dương lời văn hùng mạnh.

Sau này ông Ẩm-Chương có nói (1) : ông tiếng tăm vang dội thiên cổ, cái dư oai của chữ nghiêm nghị như thu sương Lời đó không phải là quá sai vậy.

---

(1) Đời Hậu-Lê ông Hoàng-Giáp Bùi-Huy-Bích, (người Hà-Nội) hiệu là Ẩm-Chương tự là Tốn-Trai, làm quan tới chức Hành-Tham.

Ông làm quan trải năm triều; xưa tên là Cố, con một nhà đi hát. Lúc còn nhỏ, ông nằm mơ thấy nuốt sao Ngưu vào bụng, Có tiếng là Thần-Đồng.

阮薦公

ÔNG NGUYỄN-TRÃI

Người làng Nhị-Khê, huyện Thượng-Phúc, tỉnh Hà-Nội. Năm 21 tuổi, đỗ Hoàng-Giáp (khoa Giáp Thìn), niên hiệu Thánh-Nguyên, nhà Hồ (tức là niên hiệu của Hồ-Quý-Ly)

Vào cuối đời nhà Hồ, gặp loạn nhà Minh; ông muốn tìm kiếm một vị chân-nhân, nhưng không biết đi tìm ở đâu liền đến cầu mộng ở đền đức-Đồng-Thiên-Vương. Thiên Vương báo mộng rằng : « việc này không phải công việc của ta phải hỏi Tử Đồng-Công (tức là Văn-Xương Đế-Quân » rguyên là người Tàu, miếu thờ ở huyện Tử-Đồng. Tại Hà-Nội có Chấn-Vũ-Quán, và ở xã Hoàng-Xá, huyện An-Sơn, tỉnh Sơn-Tây cũng có đền thờ. Nhiều người đã đến cầu mộng tại đó.) Ông theo lời đến đền thờ Tử-Đồng Tiên-Nhân cầu mộng. Tiên-Tử báo mộng cho biết là họ Lê đương nổi lên ». Ông liền đến Lam-Sơn (nay thuộc tỉnh Thanh-Hóa) để tìm kiếm. Lúc bấy giờ vua Lê-Thái-Tổ còn ẩn náu trong một căn nhà hẻo lánh, tinh phép Thái-Ất, không thông tin tức với ngoài. Ông không có cách gì vào yết kiến được, ông lén vào nấp ở nóc nhà. Khi đêm đã yên tiếng người, Vua Thái-Tổ đang ngồi một mình trước đèn. Ông liền từ trên nóc nhà nhảy xuống. Vua Thái-Tổ cầm gươm toan chém. Ông cúi đầu sụp lạy, bầy tỏ chí hướng của mình. Rồi từ đó, rồng mây kết hợp, vua sáng tôi hiền. Ông giúp vua Thái-Tổ bình định thiên hạ, cứu giúp nhân dân thoát cảnh lầm than.

Tương truyền rằng : «trước kia, lúc ông đi dạy học tại một nhà, nhà đó có một cái vườn hoang. Ông bảo các học trò : « Sáng sớm ngày mai, nhờ anh em đến dãy cỏ, sạch sẽ khu vườn đó » Đến đêm ông nằm mơ thấy một người đàn bà đến nói với ông rằng : » Hiện nay chúng tôi đương kỳ sinh nở; xin hoãn lại cho ít bữa. để chúng tôi dời đi nơi khác». Khi ông thức dậy, cho là việc lạ, định bảo học trò hãy tạm hoãn lại. Nhưng sớm hôm đó; học trò đã trót đến vườn đó sửa sang phá vỡ thấy một con rắn lớn, (đẻ con còn non) liền đánh và chém con rắn nọ đứt đuôi chạy mất. Khi ông biết ra thì việc đả lỡ rồi.

Đêm hôm đó, ông ngồi bên đèn xem sách, chợt thấy có ba giọt máu từ trên mái nhà nhỏ xuống sách, Ông biết là điềm kì ông hay. (những giọt máu ấy là của con rắn kia nhỏ xuống).

Về sau, con rắn đó hóa làm một người con gái tên là Nguyễn-Thị-Lộ, mà ông lấy làm nàng hầu. »

Khi Lê-Thái-Tôn-Hoàng-Đế đến chơi nhà ông, nghỉ đêm tại đó, Thị-Lộ bò ra cắn vua, vua mất. Triều-Đình khép vào tội thí nghịch, và yêu cầu ông tự xử tội mình, ông xin cam chịu tội chu di cả họ, rồi ông bị giết. Đó là sự báo oán của con rắn, không biết thuyết đó có đúng không? Nhưng đương khi giặc Minh tàn ngược, đánh lấy nước ta, mà ông đã giúp được vua Lê-Thái-Tổ dựng nên nghiệp lớn, thì công đức của ông thật là bất hủ. Sau người ta nói : Triều Nguyễn là giòng giống của ông, không biết điều đó có đúng hay không :

Trong đền thờ ông, tại làng Nhị-Khê. Ông Ấm-Chương có đề câu đối rằng :

英雄靈魂依高廟

« *Anh hùng linh-phách y cao miếu* »

翊替勳勞簡聖朝

« *Dực tán huân lao giản thánh-lriều* »

Dịch nghĩa

« *Anh hùng phách vấn nương cao miếu* »

« *Dực tản công ghi tại Thánh-Triều* »

Hai câu này ngụ ý nói việc vua Lê khôi phục, và khen tặng ông.

Ông Lập-Trai cũng có đề câu đối rằng :

功齊藍岳千峰峙

« *Công tề Lam-nhạc thiên phong trĩ* »

慶及蘇江一水流

« *Khánh cập Tô-giang nhất thủy lưu* »

Dịch nghĩa

« *Công sánh Lam-Sơn ngàn ngọn núi* »

« *Phúc tràn Tô-Lịch một giòng sông* »

Sự-nghiệp của Ông Nguyễn-Trãi hiện đã ghi chép ở Công-Dư-Thư. Nay chép phụ thêm những điều đã được nghe truyền khẩu.

Thân khụ ông là Phi-Khanh có dựng một ngôi nhà trên cái gò cao ở trong làng. Khi ông mất, người trong làng thấy ông là người

văn hay học rộng và là một bực công - thần dựng nước của triều Lê, nên có lập đền thờ tại ngay ngôi nhà đó. Sau vua Thánh-Tôn thương ông bị nỗi oan uổng, cho sưu tầm thơ văn của ông, và lục dụng các con cháu. (Niên hiệu Hông-Đức năm đầu; nhà vua truy phong cho ông tước Tế-Văn-Hầu.

陳文實公

ÔNG TRẦN-VĂN-BẢO

Người làng Cổ-Chữ, huyện Giao-Thủy, tỉnh Nam-Định, đỗ nhất-Giáp-Khoa-Canh-Tuất, niên hiệu Cảnh-Lịch nhà Mạc (Triều vua Lê-Quang-Tôn) Nhà nghèo, thân-mẫu ông phải đi ăn xin, và nằm chết rét trên một cái gò thuộc xã Lạc-Đạo, mối đùn thành mộ. Sau ông đi học, đỗ Trạng-Nguyên, là phát tích ở ngôi đất này. Tôi có đi qua, nhưng không có thì giờ coi kỹ. Chỉ thấy cái gò đó không cao lắm, ở giữa cánh ruộng trũng, nghĩa là kiểu đất «Bình-Dương nhất đột» có một con môc nằm ngang, và hai ngọn bút thẳng tắp, coi rất ngoạn mục, dẫu đến tranh vẽ cũng không khéo được như thế (Hiện nay ngôi mộ đó hãy còn).

Theo về phong thủy thì ngôi mộ này trước sinh nhân, sau đắc địa, (nghĩa là trước sinh người, sau phát đạt.) Khởi đầu, từ hai ông đậu Trạng-Nguyên và Tiến-Sĩ rồi sau đến 11 ông Hương-Cống đến đời ông Hương-Cống Trần-đình-Cần mới thôi. (Truyện này đã ghi rõ trong gia phả họ ông)

Ông Trần-đình-Bảo đỗ nhất giáp, năm 27 tuổi, làm quan đến Thượng-Thư. Sau con ông là Trần-đình Huyên, 26 tuổi, đỗ Đồng Tiến-Sĩ khoa Bính-Tuất, niên hiệu Đoan-Thái nhà Mạc. Đến thời

nhà Nguyễn, vào khoảng Hoàng-Triều Tự-Đức, xã này mới lập đền thờ phụng có câu đối rằng :

父 子 狀 元 進 士

« *Phụ-tử Trạng-Nguyên Tiến-Sĩ* »

古 今 天 理 人 心

« *Cổ Kim thiên-lý nhân tâm* »

Dịch nghĩa

« *Cha con đều đỗ Trạng-Nguyên Tiến-Sĩ* »

« *Lẽ trời vốn ở lòng người, xưa nay vẫn thế* »

TimSachCom.Vn

朱 文 貞 公

ÔNG CHU-VĂN-TRINH

(Hiệu là Tiều-Ẩn)

Người Thanh-Đàm, đỗ Tiến-Sĩ triều nhà Trần, được bổ chức Quốc-Tử-Tư-Nghiệp, lúc nào cũng lấy đạo lý làm mẫu mực.

Triều vua Chiêu-Tôn, cuối đời nhà Trần, ông dâng thư xin chém bảy người gian-nịnh, tức là sớ Thất-trảm, nghĩa động đến quỷ thần. Sau ông được, thờ trong miếu Tiên-Thánh.

Thanh-Đàm nay đổi là huyện Thanh-Trì, thuộc tỉnh Hà-Đông. Có đền thờ ông tại xã Cung-Hoàng thuộc huyện đó.

Ông họ Chu tên là Văn-An, triều vua Nghệ-Tôn, cuối đời nhà Trần, truy xưng là Chu-Văn-Trinh, được thờ cúng trong Văn-Miếu.

Ông dạy được nhiều học trò thành đạt, cảm đến quỷ thần, vua Long-Vương cho con đến học, gặp lúc đại hạn, Tiên-sinh sai làm mưa để cứu dân; Con vua Long-Vương vâng mệnh lệnh thầy, mà phạm điều luật của trời, nên sau khi làm mưa, Thiên-Tào chiếu luật trảm quyết, đầu và mình từ trên đám mây rơi xuống địa phận làng Quang-Liệt. Tiên-sinh thương xót chôn cất, nay mộ đó hãy còn. Con Long-Vương cũng được làm thần.

梁世榮公

LƯƠNG-THẾ-VINH

Ông người làng Cao-Hương, huyện Thiên-Bản, tỉnh Nam-Định. Đời truyền rằng : Ông đã thác sinh tại một nhà ở huyện Nam-Xương. Lúc 7. 8 tuổi, sang học tại làng bên. Cạnh đường có một con chó đá, mỗi lần ông qua lại đó, chó vẫy đuôi mừng. Ông về nhà nói chuyện, thân phụ bảo rằng : «Nó đã biết mừng, tất nhiên nó có thể nói được, con hãy hỏi nó làm sao mà mừng». Ông theo lời, rồi một hôm ông qua đó, con chó đá lại chồm dậy mà mừng Ông liền hỏi : « Làm sao mà mừng ? » Con chó đá nói ra tiếng người đáp rằng: «Ông là Trạng-Nguyên cho nên tôi mừng». Ông về nói lại với thân phụ ông. Thân-phụ ông từ đó mỗi lần cãi nhau với ai, cũng bảo rằng: «Mai kia, con tao đỗ Trạng-Nguyên, tao sẽ trả thù này.» Ông liền bảo với mẹ rằng : «mẹ còn có đức, chứ cha con ít đức lắm, con không ở được, từ nay con xin đi.» Bà mẹ cố giữ, ông không chịu ở, Bà mẹ liền khóc bảo ông rằng: «con đi đâu bảo cho mẹ biết», ông nói «Con muốn sang nhà ông kia ở làng Cao-Hương-huyện Thiện-Bàn. Năm

đó tháng đó, mẹ cứ đến chỗ đó là tìm được, »nói rồi liền vứt sách học và bảo rằng: «Mẹ nên giữ gìn cẩn-thận, chớ có xé đi». thế rồi ông bị đau một ngày ông mất.

Thời đó, văn vận nước nhà rất thịnh, nên các văn tinh giáng hạ. Người Trung-Hoa coi thiên-văn biết được, nên có một người khách biết ông giáng sinh, liền tìm đến nơi đề yểm. Vào lúc ông hãy còn ở Nam-Xương, không ai rõ tông tích chi cả Khi người khách đến nơi, ông đã thác sinh tự lâu rồi, không biết ông thác sinh làm con nhà ai mà tìm, Người khách liền đến chỗ con nít chơi đùa, đào một cái lỗ sâu chừng hơn một thước, đề vừa lọt quả bưởi xuống đó, rồi bảo lũ trẻ rằng: «cấm không được lấy que nhọn đâm, đứa nào lập kế lấy quả bưởi lên thì ta cho tiền thưởng.» Đàn trẻ chưa tìm được kế gì, ông cũng ở đó, nhưng không ra mặt, liền ngầm sui một đứa nhỏ rằng: «Mầy lấy nước đổ đầy lỗ, thì quả bưởi tự khắc bật ra ngoài» Đứa nhỏ theo lời làm thế, quả nhiên lấy được quả bưởi lên. Người khách liền thưởng tiền, và hỏi mẹo đó mày nghĩ ra được, hay ai dạy mày. Đứa nhỏ liền bảo là mẹo của ông. Người khách biết văn-tinh giáng sinh ra ông, đương nghĩ tìm cách đề yểm; thì chợt ông bỏ nơi đó đi. Người khách liền đi theo, đến làng Cao-Hương, nơi đó có con đường trẽ (ngã ba) ông liền biến vào một tảng đá ở đó. Khách liền hỏi người làng mua tảng đá. Tảng đá này nguyên vứt bỏ đi không dùng đến. Nay người làng thấy khách muốn mua, liền nói đùa rằng:« Hòn đá này phải 100 quan tiền mới bán.» Người khách trả đến 70 quan, người chủ không biết thế nào, tưởng là họ đến cợt mình, nhứt định không bán, người khách thấy thế giả tảng đi nơi khác. Chợt có người đàn bà ở ngoài đồng đi về, thấy mọi người xúm xít lại quanh người hỏi mua hòn đá, liền giẫm chân vào hòn đó mà nói :

— Hòn đá này quí hóa gì mà họ mua đắt đến thế !

Không ngờ, ông ở trong hòn đá, liền đầu thai ngay vào người đàn bà ấy. Hôm sau người khách trở lại, toan cố vật nài để mua hòn đá cho bằng được. Người có đá cũng định bán cho, nhưng khi đến nơi, người khách trông hòn đá, biết thần đã xuất mất rồi, mới nói rằng :

— Bây giờ một đồng cũng không mua nữa.

Người khách biết là không thể nào trấn áp được, mới trở về.

Khi Thế-vinh mới sinh ra, ngày đêm chỉ khóc lóc. Cha mẹ và hàng xóm thay nhau ôm ẵm cũng không nín. Một hôm người mẹ trước nhớ lời con dặn, hỏi thăm đến tận làng ấy, nghe có một nhà đẻ con trai, mà chỉ khóc suốt ngày đêm, liền hỏi đến tận nhà vào chơi, xin chủ nhà ẵm dùm đứa bé một tí. Từ đấy đứa bé mới thôi không khóc nữa. Bà kia mới kể chuyện đầu đuôi con mình với chủ nhà, từ đó thường đi lại thăm nom như con mình.

Đến khi Thế-Vinh lớn lên, bảo với bà mẹ trước rằng .

— Những sách của tôi thủa trước, và tôi có món tiền chôn ở dưới gốc cây chuối, xin đem đến đây cho tôi,

Bà kia về đào dưới gốc cây chuối, thì quả nhiên thấy có món tiền, mới đem cả sách và món tiền sang đưa cho Thế-Vinh. Cha mẹ đẻ mới tin, nuôi bà kia ở đấy một thể.

Thế-Vinh học đến đâu, như người học ôn lại, đến năm 23 tuổi, thi đỗ Trạng-Nguyên.

Vua Thánh-Tôn thấy Thế-Vinh là người hay chữ, dùng làm chức Hàn-lâm thị-thư chưởng-viện. Bao nhiêu giấy tờ giao-thiệp

nhà Minh tự tay Thế-Vinh soạn thảo. Người Trung-Hoa phải chịu nước Nam có tay văn-chương giỏi.

Bộ-đại-Thành toán-pháp, là của Thế-Vinh biên soạn.

Thế-Vinh làm quan không được bao lâu thì về trí-sĩ. Tính hay khôi hài, lúc về hưu rồi, thường chỉ mặc cái áo vải, chơi bời với mọi người trong làng.

Một hôm, ông ngồi chơi với vài người làng, thấy có quan huyện đi qua. Quan huyện xưa nay hách dịch đi đến đâu rầm rộ đến đấy. Mấy người ngồi hàng đứng dậy tránh cả, chỉ còn một mình Thế-Vinh ngồi chơi. Khi quan huyện đến, sai lính vào hàng bắt phu khiêng võng. Lính không biết ông ấy là ai, bắt ra khiêng võng, Thế-Vinh cũng ra khiêng.

Đi được một lát, ông ấy gặp người làng nhắn rằng :

«Nhờ bác bảo hộ người học trò tôi là Thám-Hoa làng Vân-cát, tên là Trần-công-Bích, bảo hắn ra khiêng đỡ võng quan huyện cho tôi, kẻo tôi mệt quá, không đi được.»

Ông huyện nằm trong võng, nghe câu ấy, chẳng khác gì sét đánh ngang tai, giật mình ngã lăn xuống đất; rồi đứng dậy lậy van kêu là không biết, xin thứ tội cho.

Thế-Vinh cười bảo rằng :

« — Ông là quan huyện, bắt tôi khiêng võng, thế là phải, có việc gì mà tạ.»

Ông huyện kia cố năn-nỉ kêu van, Thế-Vinh mới bảo rằng :

« Có phải thế, thì rầy chớ nên bắt phu khiêng võng nữa, Bác nhé. »

Ông huyện xin vâng, và xin tự khiêng võng; rước ngài về nhà, Thế-Vinh không khiến, người trong làng đồ ra đón Thế-Vinh về.

Về sau Thế-Vinh mất, được phong làm Thượng-đẳng Phúc-thần. Con là Hiến-Công, có công với nước, cũng được phong làm phúc-thần. Ngôi mộ ông Thế-Vinh, đến giờ vẫn còn ở làng Cao-Hương.

Khoa Thế-Vinh đỗ, Nguyễn-Đức-Trinh đỗ Bảng-Nhãn, Quách-Đình-Bảo đỗ Thám-Hoa, ba người cùng có tiếng hay chữ từ thuở nhỏ. Vua có thêu ba lá cờ, ban cho mỗi người một lá, khi vinh qui.

Trong cờ thêu bốn câu rằng :

狀元梁世榮
Trạng-Nguyên Lương-Thế-Vinh,

榜眼阮德貞
Bảng-Nhãn Nguyễn-Đức-Trinh,

德花郭廷寶
Thám-Hoa Quách-đình-Bảo,

天下共馳名
Thiên-hạ cộng trì danh,

Nghĩa là :

Trạng-Nguyên Lương-Thế-Vinh,
Bãng-Nhản Nguyễn-Đức-Trinh

Thám-Hoa Quách-đình-Bảo

Khắp thiên-hạ lừng danh.

Đời truyền : khi Thế-Vinh còn nhỏ, nghe tiếng Quách đình-Bảo hay chữ. hỏi thăm đến chơi Đến nhà thấy Đình-Bảo đang học ở trong buồng. Thế-Vinh trở ra về ngay, nói rằng : « Anh ấy không đáng sợ », vì kỳ thi sắp đến nơi rồi, mà còn phải học thì hèn lắm. Về sau, Đình-Bảo cũng hỏi thăm đến chơi nhà Thế-Vinh, thấy ông đi thả diều vắng. Đình-Bảo than rằng : « Thi đến nơi rồi, mà không cần gì phải xem sách, đó mới thực là thiên tài ». Đình-Bảo tự biết mình không bằng ông Vinh, xấu hổ trở về.

阮仁浹公

ÔNG NGUYỄN-NHÂN-TIẾP

Ông người làng Kim-Đôi, huyện Võ-Ninh tỉnh Bắc-Ninh. Nguyên trước ông là người làng Lạc-Thổ, huyện Phụng-Sơn. Năm 15 tuổi, ông đậu Tiến-Sĩ khoa Bính-Tuất, niên-hiệu Quang-Thuận, làm quan đến chức Lại Bộ-Thượng-Thư.

Người anh ông là Nguyễn-Nhân-Bị, 19 tuổi, cũng đậu Tiến-Sĩ cùng khoa với ông. Nhưng vì không được dự hàng cập-đệ, nên từ không nhận. Đến khoa Tân-Sửu, lại đỗ Đồng-Tiến-Sĩ thứ 7, làm quan đến chức Binh-Bộ-Thượng-Thư, được dự vào Tao-Đàn-Nhị-Thập-Bát-Tú. Người anh trưởng là Trọng-Ý (trước tên là Nhân-Phùng) 19 tuổi, đỗ Đồng-Tiến-Sĩ khoa Kỷ-Sửu, niên hiệu Quang-Thuận, làm quan đến Lễ-Bộ-Tả-Thị-Lang, cũng

được dự vào Tao-Đàn-Nhị-Thập-Bát-Tú. Em ông là Nhân-Dư, 17 tuổi, đỗ Tiến-Sĩ khoa Nhâm-Thìn, niên hiệu Hồng-Đức, làm quan đến chức Hiến-Sát-Sử. người em thứ là ông Nhân-Dịch, 18 tuổi, đỗ Tiến-Sĩ khoa Ất-Vị niên hiệu Hồng-Đức (triều vua Lê-Thánh-Tôn), được tặng quan hàm Hàn-Lâm-Kiểm-Thảo; Con ông là Hoành-Khoản, 20 tuổi đỗ Tiến-Sĩ khoa Canh-Tuất, niên hiệu Hồng-Đức; con thứ ông là Nguyễn-Viên, 21 tuổi, đỗ Bảng-Nhãn, khoa Bính-Thìn, niên-hiệu Hồng-Đức. Từ thi Hương đến thi Hội đều đỗ thứ nhất, làm quan đến Lại-Bộ-Thượng-Thư được tặng hàm Thái-Bảo. Cùng khoa này, cháu họ của ông là Đạo-Điền, 29 tuổi, đỗ Tiến-Sĩ, làm quan đến chức Hiến-Sát-Sử, cháu họ là Cũng-Thuận, 25 tuổi, đỗ Tiến-Sĩ, con thứ ông là Nguyễn-Mẫn, 18 tuổi, đỗ Tiến-Sĩ, hai lần phụng mệnh đi sứ, làm quan tới chức Thượng-Thư. Cháu ông là Nguyễn-Lượng, đỗ Tiến-Sĩ khoa Bính-Thìn niên-hiệu Quang-Bảo, triều nhà Mạc, làm quan tới chức Thượng-Thư. Cháu họ của ông là Nguyễn-Nhượng, 27 tuổi đỗ Hoàng-Giáp khoa Nhâm-Tuất, niên hiệu Quang-Bảo nhà Mạc, phụng mệnh đi sứ, làm quan đến chức Thượng-Thư, cháu xa đời của ông là Quốc-Quang, 25 tuổi, đỗ Tiến-Sĩ khoa Canh-Dần, niên hiệu Qnang-Hòa, làm quan đến chức Tham-Chính. Đỗ đại khoa xưa nay rất khó, nếu không phải là nhà thế gia, đức trạch sâu xa, thì không đỗ nổi, mà một gia-đình ông nào cha con, anh em, nào ông, cháu, chú, chắt, kế tiếp nhau đỗ được 13 đời, thực là hơn người. Hơn nữa những người khoa giáp đây, toàn là niên thiếu, nên càng được đời quý trọng. Kể từ đời Tiền-Lê, đến cuối đời Hậu-Lê, trâm anh khôi giáp, gần 200 năm, những nhà thế tộc khoa bảng, không phải là ít. Những nhà khoa bảng đời đời nối dõi có thể hơn gia-đình ông, nhưng kể về việc đỗ sớm (thiếu niên

đăng khoa) thì không mấy nhà được như nhà ông, nếu không tích đức sao được như thế ! Tiếc rằng tôi chưa khảo sát được kỹ.

Xét huyện Chí-Linh, phủ Nam-Sách, thuộc tỉnh Hải-Dương, ở về phía Đông-Nam dưới núi Phao-Sơn cát bồi thành bãi, như hình hai con nhạn, dài mấy ngàn trượng, cao dài chục thước. Đứng gần trông như núi, đứng xa trông như nước. Nhà Phong-thùy (địa-lý) Trung-Hoa có nói: « Bạch-nhạn sinh mao, sản tận anh hào » nghĩa là nhạn trắng mọc lông, thì sản xuất được nhiều người anh hào (trong địa-dư-chí nói người Tàu có câu bí-quyết như thế, lấy cớ rằng cát không mọc cỏ.)

Ngôi mộ họ Nguyễn làng Kim-Đôi, táng trên cái đồi phẳng ngay dưới chân núi Ngũ-Viên, lấy con nhạn này làm án, nên kế xuất được 13 Tiến-Sĩ. Đến ngày nay mười phần chỉ còn ba, bốn mà thôi.

TimSachCom.Vn

申仁忠公

ÔNG THÂN-NHÂN-TRUNG

Tên tự là Hậu-Phủ, người làng An-Ninh, huyện An-Dũng, tỉnh Bắc-Ninh, đỗ Tiến-Sĩ Hội-Nguyên khoa Kỷ-Sửu (triều vua Lê-Thánh-Tôn, nhà Tiền-Lê) ; làm quan đến chức Lại-Bộ-Thượng-Thư, Chưởng-Lý-Hàn-Lâm-Viện, kiêm Đông-Các-Đại-Học-Sĩ, phụ chính tại nội-điện. Cùng với ông Tiến-Sĩ Đỗ-Nhuận người làng Kim-Hoa, đều vào nội-thị, hiệu là Tao-Đàn phó Nguyên-Soái. Nay trong tập thơ Minh-Lương-Cầm-Tú có chép cả thơ ông. Vua Thánh-Tôn rất yêu mến, trông cậy, vì ông là một bậc

danh thần trông đời. Con trai ông là Nhân-Tìn và Nhân-Vũ (1), đều đỗ Tiến-Sĩ. Người con trai của Nhân-Tín, là Cảnh-Vân, 25 tuổi, đậu Thám-Hoa khoa Đinh-Mùi niên hiệu Hồng-Đức. Ông này đã đỗ trước cha là Nhân-Tính, năm 52 tuổi, đỗ khoa Canh-Tuất, niên hiệu Hồng-Đức.

Vua Lê-Thánh-Tôn có thơ ban khen ông như sau :

十 鄭 弟 兄 聯 貴 顯

« Thập Trịnh đệ huynh liên quý hiển.

二 申 父 子 佩 恩 榮

« Nhị Thân phục tử bội ân vinh.

Diễn-nghĩa

« Mười anh em họ Trịnh đều quyền quý »
Hai cha con họ Thân được hiển vinh »

裴 昌 澤 公

ÔNG BÙI-XƯƠNG-THẠCH

Người làng Định-Công, huyện Thanh-Đàm (nay là huyện Thanh-Trì) tỉnh Hà-Nội, nhưng sang ở bên làng Thịnh-Liệt, năm 41 tuổi, đỗ Tiến-Sĩ, khoa Mậu-Tuất, niên hiệu Hồng-Đức, phụng

(1) Nhân-Vũ, 38 tuổi, đỗ Tiến-Sĩ, khoa Tân-Sửu, niên hiệu Hồng-Đức. Nhân-Tính 52 tuổi, đỗ Tiến-Sĩ, khoa Canh-Tuất, niên hiệu Hồng-Đức.

mệnh đi sứ Trung-Hoa, làm quan đến chức Thượng-Thư và Chưởng-lý công việc lục bộ, kiêm Đô-Ngự-Sử, Quốc-Tử-Giám, Tế tửu Tri kinh-diên sự. Thái-Phó Quảng-Quốc-Công. Đời truyền: tiên-tổ, ông đỗ Sinh-Đồ, dạy học ở nhà, có biết ít nhiều về Địa-lý, thường dề đất cho người ta. Một hôm có người Trung-Hoa mới 13 tuổi, tự nói là « cùng với mấy người Trung-Hoa khác đi Tàu vượt biển, bị gió bão đắm tàu, lưu lạc, không biết nương tựa vào đâu » Ông cụ thương tình, bèn nuôi ở nhà. Nguyên người này là con một người địa-lý chính tông, bên Trung-Quốc, ngụ ở các tàu buôn, đi xem phong-thủy ở nước ta không may gặp bão đắm tàu, lưu lạc đến đây, giữ bí truyền nghệ-thuật không chịu nói. Được ông cụ coi quý hóa người này thường theo ông đi làm đất cho người ta. Hễ thấy ông điểm huyệt nào được yên, thì mới ăn cơm nhà đó; hễ phạm sát một chút, thì nói đau bụng không ăn cơm. Ngày thường ông cụ coi sách địa lý, nhưng trong khi ngủ hay đi chơi, thì y liền lấy sách ra coi, chỗ nào không phải, lấy bút xóa đi, rồi lại đề nguyên chỗ cũ. Nhiều lần như thế, ông cụ lấy làm lạ, mà không hiểu là y. Tính cụ rất nghiêm-ngặt, có lúc gắt-gỏng đánh mắng. Duy bà cụ mẹ nuôi, thì coi tử tế, cho y tiền để tiêu xài, y không tiêu một đồng nào, chỉ bỏ vào ống tre. Còn quần áo có rách rưới, bà mẹ nuôi lại khâu vá cho, mình mầy có dơ bẩn, liền tắm rửa cho, coi như là con mình.

Được mấy năm sau, họ hàng của y ở bên Trung-Hoa sang tìm kiếm thăm dò, lên bảng chiếu đề. Y nghe thấy, liền nói với ông cụ cho y đến nơi thăm nhận họ hàng y. Người nhà y liền hỏi, lưu lạc ở đâu và khi biết rõ đầu đuôi mọi sự, liền bảo với y rằng người ta hậu đức như vậy, thì đã chọn được ngôi đất tốt, để đáp tạ lại người ta chưa? Y nói:

bà mẹ nuôi có đức, mà bố nuôi thường đánh mắng luôn, không muốn báo đền bằng ngôi đất, chỉ nên báo đáp bằng tiền. Người họ theo lời, đem tiền bạc đến nhà cụ, và nói y sắp từ biệt, gọi là đôi chút tặng đáp. Hai cụ từ chối, nhất định không nhận. Bà cụ ý muốn lưu lại, nhưng không biết làm thế nào, lại tỏ ý quyến luyến không nỡ rời. Y tạm từ biệt ra đi, và nghĩ rằng cũng nên đền ơn lại. Đi được hơn một dặm, bà cụ thấy ống tiền của y hãy còn, liền cầm ống tiền đuổi theo để đưa, y không nhận, họ hàng của y bảo y rằng : tấm lòng tốt của bà mẹ nuôi sao nỡ phụ, nên lựa chọn một ngôi đất để đền đáp lại. Sau này y trở lại và nói cho biết y là môn phái địa-lý chính-tông, trước đây những sách địa-lý của cụ bị dập xóa, đều là do y dập xoá cả, và là chỗ đất đã để cho người ta rồi. Vậy khuyên ông cụ không nên khinh-dị trong khi đi làm đất. Chẳng hạn ở những nơi nào, làm đất mà không ăn cơm đều là nơi phạm sát cả. Ông cụ cho là phải, lấy làm cảm phục và hối, về những sự khinh thường trước kia. Y liền kiếm giúp cụ một ngôi đất, và dặn rằng : « đất này tuy phát, mà phát thanh quý và bền lâu. » Trước kia, y theo ông cụ đi du lãm, đã để ý chỗ đất đó, rồi lại lập giúp một ngôi dương cơ (nhà ở) tại xã Thịnh-Liệt và dặn rằng : « ly tổ mới phát.» Cụ nghe lời liền thiên cư sang bên này. Người ta còn nói, kiểu đất này, thủy của Minh đường đi rất xa, mộc tinh thụ huyệt, đằng sau có thổ tinh, để làm ngự bình; phía trước có núi tam thai, ở cách rất xa rộng, nên chỉ có phát quý mà không có phát phú, những kiểu đất lớn, hình thế man-mác ộng-rãi, không phải bọn dung sư (người thường) có thể chủ trương được.

Sau này con cụ là Bùi-Vịnh, 35 tuổi, đỗ Bảng-Nhãn khoa Nhâm-Thìn, niên hiệu Đại-Chính triều nhà Mạc, làm quan đến Lại-Bộ-Tả-

Thị-Lang, Mai- Linh-Hầu. Cháu huyền - tôn là Bùi-Bình Quân 40 tuổi, đỗ Tiến-Sĩ khoa kỷ-vị, niên hiệu Hoàng-Định (vua Kính-Tôn nhà Hậu-Lê) làm quan đến đến chức Phụng-Thiên Phủ-Doãn, phụng mệnh đi sứ Trung-Hoa nhưng mất ở đường, được tặng chức Hữu-Thị-Lang. Cháu Diễn-Tôn là Bùi-Huy-Bích(1) 26 tuổi, đỗ Hoàng-Giáp, Đình-Nguyên, khoa Kỷ-Sửu, làm quan đến chức Tham-Tụng, đời đời trâm anh, không thể kể siết, nhưng chỉ đỗ đạt mà nghèo nàn, đúng như lời ghi về kiểu đất. Như ta thường thấy : trời đất đối với người, ai có phận của người nấy, nên thấy nhiều ngôi mộ đã phát phúc, có giàu không có sang, có sang không có giàu, có đất phát mau và bại mau; có đất chậm phát mà lâu dài. Còn những đất phát giàu sang kiêm toàn và lâu dài, thì có ít lắm : Than ôi ! một người Trung-Hoa lưu lạc đến ngụ ở trong nhà để báo ơn, nếu nhà này không có đức trạch, thì sao được như thế ?

Cháu ông là Bùi-Vương-Tự đỗ giải-nguyên kỳ thi Hương và đỗ luôn khoa Sĩ-Vọng và khoa Hoành-Từ (năm Vĩnh-Trị thứ ba, đời vua Lê-Huy-Tôn), làm quan đến chức Tham-Nghị . Ông Bùi-Dung-Tân, vào khoảng năm đầu, niên hiệu Cảnh-Hưng; ẩn cư dạy học, được tập ấm sung chức Giảng-Dụ và được truy-phong, chức Thừa-Chỉ.

阮簡廉

NGUYỄN-GIẢN-LIÊM

Người làng Ông-Mặc, huyện Đông-Ngạn, tỉnh Bắc-Ninh, đỗ Tiến-sĩ, năm 26 tuổi. Đời truyền : Tiên-Tổ nhà ông là người tích

---

(1) : Từ ông Xương Thạch đến ông Huy-Bích gồm 3 đời.

đức, nên được ông Tả-Ao, chọn cho một ngôi đất, ở chỗ hỏa tinh rất lớn, đầu nhọn sinh một thổ tinh, điểm huyệt ở ngay chỗ đầu nhọn. Người họ sợ hãi nói với ông cụ rằng: ông để mộ như thế định giết cả họ chúng tôi hay sao: ông cụ trả lời: Đây chính là ngọn bút thiên-tử chấm đầu. Sau này quả nhiên ông đỗ Tiến-Sĩ khoa Mậu-Tuất, niên hiệu Hồng-Đức (đời vua Lê-Thánh-Tôn). Con ông là Giáng-Thanh, 28 tuổi, đỗ Trạng-Nguyên khoa Mậu-Thìn, niên hiệu Đoan-Khánh (triều vua Uy-Mạc nhà Lê). Tuy đã phát khoa giáp nhưng con cháu vẫn còn lo bị sát hại, nên đến nay, người họ vẫn còn lấy gạch đá, chêm vào chỗ đầu nhọn bắn ra.

Khoa Giáp-Thìn niên hiệu Hồng-Đức (triều vua Lê-Thánh-Tôn), nhà vua nằm mộng thấy hai người bầy tôi nhà Đường. Khi yết bảng, thấy có ông Nguyễn-Quang-Bật, 21 tuổi, người làng Bình-Ngô-huyện Gia-Định (nay đổi là huyện Gia-Bình, thuộc tỉnh Bắc-Ninh), đỗ Trạng-nguyên, và ông Đặng-Tử-Nghi người làng An-Tập, huyện Đường-Hào, thuộc tỉnh Hải-Dương đỗ Tiến-Sĩ, thật đúng như trong mộng.

楊邦本

DƯƠNG-BANG-BẢN

Người làng An-Cừ, huyện Thanh-Liêm, tỉnh Hà-Nội. Lời truyền: tiên thế nhà ông rất nghèo túng. Lúc đó ông còn nhỏ tuổi, trong bàng tổng có một người muốn tìm một ngôi đất. Thầy địa-lý đã điểm huyệt rồi, người ấy nằm mộng thấy thần bảo rằng: «đất này không thể cho nhà ngươi được, phải để

lại cho nhà Bang-Bản». Người ấy sợ hãi không dám trái lời, đi hỏi dò biết tên ông liền đem lời trong mộng, kể cho nhà ông biết, và hứa sẽ biếu ông ngôi đất ấy. Nhà ông liền đem ngôi mộ tổ đến táng ở đó. Ngôi mộ này trước sinh người, sau được đất. Ông lớn lên đi học, năm 33 tuổi đỗ Hoàng-Giáp, khoa Giáp-Thìn, niên hiệu Hồng-Đức, phụng mệnh đi sứ, làm quan đến Thượng Thư Bộ-Lễ, hàm Thiếu-Bảo. Ông được ban Quốc-tính là họ Lê, đổi tên là Tung, soạn sách Việt-Giăm Tổng-Luận, Người ta nói : nhà ông độc đinh. Người con ông đẻ được một con cho người khác nuôi. Người nuôi đó có em gái lấy chồng ở làng Vĩnh-Lại, huyện Thiên-Hàn đẻ được một đứa con cũng thường ẵm lại nhà đó chơi. Hai đứa trẻ đó sinh cùng ngày. mặt mũi giống nhau. Chị em y âm mưu ngầm đổi con cho nhau, không ai biết cả. Người chồng em gái của chị ta làm nghề thuyền chài, người con đổi trộm ngày sau, là Phạm-Đình-Kính, 42 tuổi đỗ Tiến-Sĩ khoa Canh-Dần, niên hiệu Vĩnh-Thịnh (triều vua Hậu-Tôn nhà Hậu-Lê). làm quan đến chức Tham-Tụng, Thượng-Thư-Lại-Quận-Công. Khi về hưu trí được tặng hàm Thiếu-Bảo, tức là cháu ông, Còn đứa con đổi làm giòng dõi nhà ông không học hành gì được, sau cũng lại đời đời kế tiếp làm thuyền chài. Lời truyền đó không biết có đúng không ? Nhưng đất phát phúc tất nhiên phải đợi người có đức, không phải cầu mà được, không thể lấy trí lực mà môi cầu được. (Còn như thế đức nhà ông, tôi cũng chưa khảo sát được).

譚 愼 微

ĐÀM-THẬN-HUY

Tên hiệu là Mặc-Hiên, người làng ông-Mặc, huyện Đông-Ngạn, tỉnh Bắc-Ninh. Tiên-thế nhà ông, có bà mẹ ở góa thủ-

tiết, đón Tả-Ao Tiên-sinh về đến làm đất. Nhưng tiên-sinh tính khí khó quá, hay thử thách người ta xem có thành tâm hay không, rồi sau mới để đất. Bà mẹ hết sức chiều theo, dòng dã mấy tháng trời không có nản lòng.

Một hôm, Tiên-Sinh đi mua đất đến một quãng đường lội, người theo hầu xin cõng tiên-sinh đi qua. Tiên-sinh không nghe, bảo về nhà gọi bà mẹ ra cõng. Bà mẹ cũng hết lòng chiều đi ra cõng. Tiên-sinh ý muốn chòng ghẹo. Bà mẹ nói rằng : Tôi đón thầy làm đất, là việc phúc đức, nếu như thế này, thì tiết-nghĩa của tôi còn đâu ! Tiên-sinh khen ngợi rằng : Bà muốn tiết-nghĩa thì tôi lấy tiết-nghĩa cho Bà. Rồi tìm chọn cho một ngôi đất.

Sau này ông đỗ Tiến-Sĩ, khoa Canh-Tuất niên-hiệu Hồng-Đức (triều vua Lê-Thánh-Tôn) được dự vào Tao-Đàn-Nhị-Thập-Bát-Tú, phụng mệnh đi sứ Trung-Hoa. Làm quan đến bực Tán-Trị công-thần, hết lòng phò-tá, được phong Thái-Bảo. Gặp khi nhà Mạc cướp ngôi, ông đón vua Chiêu-Tôn sang Giang-Bắc khởi binh, bị cô thế, rồi uống thuốc độc chết. Sau nhà Lê-Trung-Hưng ông được phong tiết-nghĩa Đại-Vương.

Em ông là Thận-Giản 34 tuổi, đỗ Hoàng-Giáp khoa Kỷ-Mùi, niên hiệu Cảnh-Thống (triều vua Lê-Hiến-Tôn) được tặng Công-Bộ Thượng-Thư, cũng phong Tiết-Nghĩa Đại-Vương. Cháu ông là Đàm-Cư, 30 tuổi, cũng đỗ Hoàng-Giáp, khoa Mậu-Tuất (niên hiệu Đại-Chính-nhà Mạc) ,làm quan đến Lục-Bộ Thượng-Thư, Thế-Quận-Công, được tham dự triều-chính, tặng hàm Thiếu-Bảo Tri-Sĩ. Sau này nghe tin con cháu ông, cũng lại có một người được tập ấm làm quan. Gặp hồi ở Vương-phủ, Tiều-Vương mất, các con tranh nhau làm chúa. Người thì tư

tình, người thì sợ thế lực, dây dưa kéo dài không quyết. Hoàng-Thượng liền sai ông cầm cờ tiết đến Vương phủ, chọn người để lập. Ông vâng lệnh đến Vương-phủ, triệu tập bá quan và các Vương-tử đến, rồi ông đích thân, quyết đoán chọn lựa lấy, không sợ quyền - thế, không theo tư - tình, xét trong các Vương-Tử, người nào đáng lập thì lập. Một người ái-phi của Tiên Vương ẵm con đến để xin lập. Ông nói rằng: giờ phút này đang nghiêm trọng, phải chọn lập người trưởng thành và hiếu thuận mới được. Các Vương-tử không ai dám tranh. Khi lập xong rồi, liền rước lên phủ-đường, đánh ba hồi trống, để nhận lễ chào mừng của bách quan. Hậu-Vương run sợ quá, ông đứng đỡ ở đằng sau nói rằng : « làm chúa thiên-hạ, còn sợ gì nữa» ». Rồi đó, xong việc định-vị. Kể ra những việc khó khăn, như thế mà ông giàn xếp được, thì thực xứng đáng là bực « Thác cô ký mệnh», của triều-đình.

Sau ông được phong là Quốc-sư và Tiết-Nghĩa Đại-Vương. Đó là ngôi đất của Tả-Ao Tiên-Sinh để cho. Vì mạch đi có chữ vương. Tiên - thế nhà ông tuy chưa khảo sát được, nhưng khí tiết của bà Tổ-Mẫu như vậy, thì đức cũng hơn người ta nhiều. Con cháu phát phúc kể cũng là đáng.

Khoa Bính-Thìn, niên hiệu Hồng-Đức, (Triều vua Lê-Thánh-Tôn) có 43 người trúng cách Hội-thí, được vào diện kiến, vua xét dung mạo lấy 30 người. Lúc đó có ông Võ-Văn-Uyên, người Võ-Ninh, vào Hội-thí được thứ nhì, đến Đình-thí bị đánh hỏng. Ngày hôm Đình-thí, có ông Nghiêm-Viễn, người ở Bồng-Lai (Quế-Dương) và ông Nguyễn-Viên, 21 tuổi, hai quyền ngang nhau. Vua nằm chiêm bao thấy hổ ăn đầu người, liền cho ông Viên đỗ thứ nhứt, được đổi tên là Viện, kết duyên với Công-chúa, vinh quy về nhà,

vợ bị thuốc độc chết. Lại có ông Triệu-Bảo, người ở Đức-Hạp, Lập-Thạch, văn đáng đỗ Trạng-Nguyên, bị đánh xuống Hoàng-Giáp. Ôi! Khoa danh trúng hay không, thứ bực cao hay thấp, phải chăng có tiền định. Như vậy ta thấy rằng việc phúc đức và hành nghĩa cũng quan-hệ lắm, chứ đừng chỉ cậy là có văn chương và sức học của mình.

Chú-Thích : Nguyễn-Viên con ông Nguyễn-nhân-Tiếp từ Hương-thí đến Hội-thí đều đỗ đầu.

杜履益

ĐỖ - LÝ - ÍCH

Người làng Ngoại-Lãng, huyện Thư-Trì, tỉnh Nam-Định. Đời truyền rằng : Làng Nội-Lãng có ngôi đất to, Tả-Ao tiên-sinh đến coi, Thần không cho, chỗ này thờ Thần-Bạch-Hạc; Thần hóa làm con cò trắng, ỉa cứt vào mắt. Ông bị đau mắt phải quay trở lại, thiếu tiền hành lý. Khi đi qua làng Ngoại-Lãng, thấy có một ngôi đất tốt : Tiên-sinh bảo người quanh đó rằng : « Ai giúp cho tôi tiền hành lý, tôi sẽ cho ngôi đất Trạng-Nguyên », mọi người đều cười, cho là nói dối, không ai chịu cho. Bấy giờ bà mẹ ông, có một căn lều nhỏ ở bên đường bán nước trà, tiên-sinh đi ngang qua đấy, cũng nói câu đó. Bà mẹ nói rằng, « Nếu nhà tôi có, thì thực không tiếc tiền. Nhưng vốn bán nước trà, chỉ có một quan sáu, để biếu tiên-sinh.» ông Tả-Ao thấy thành tâm như thế, liền cho ngôi đất, và hỏi rằng : « Liệu có sắm được áo quan nhỏ không?» Bà thưa rằng : « Nhà nghèo lắm không biết vay mượn vào đâu, không thể sắm sửa được »

Tả-Ao liền nói : «Tôi lấy một quan, còn sáu tiền đây mua cái nồi đất, để hài cụ-tổ vào trong; tôi sẽ táng cho» Bà mẹ theo lời, sửa soạn rồi ra nói với tiên-sinh để giùm. Bà tưởng chắc sẽ táng chỗ khác, không ngờ tiên-sinh lại táng ngay bên cái quán bán nước trà đó. Nguyên đất này hành long rất xa, đến chỗ quán đây nổi lên một ngọn bút kình thiên, khai oa kết huyệt. Trước oa có một con bút lớn nằm ngang, đinh mạch nhập thủ, nên tiên-sinh có dặn rằng : « Ngoại thân cây bút lớn là Trạng-Nguyên, nội Thân cây bút nhỏ là Hội-nguyên. Có hai cây bút, thì trùng khoa trùng bảng. Anh em làm quan cùng triều, chỉ hiềm ngựa không quay đầu lại, sẽ chết ở làng khác». Ngựa không quay đầu, không ai hiểu là ý thế nào. Về sau ông đỗ Trạng-Nguyên khoa Kỷ-Mùi, niên hiệu Cảnh-Thông (triều vua Lê-Thánh-Tôn) làm quan đến Phó-Đô-Ngự-Sử, phụng mệnh đi sứ Trung-Hoa, rồi mất ở dọc đường vào năm Canh-Ngọ, niên-hiệu Hồng-Thuận thứ hai triều vua Tương-Dực-Đế.

Em ông là Đỗ-Oánh, đỗ Tiến-Sĩ, khoa Mậu-Thìn niên hiệu Đoan-Khánh; (triều vua Uy-Mục-Đế nhà Lê) làm quan đến chức Thượng-Thư, đi đánh giặc bị hại, được phong phúc thần, đúng như lời trong kiểu đất đã nói. Tả-Ao tiên-sinh đến vùng này, chỉ vì tìm đất làng Nội-Lãng, không được vừa lòng, rồi rút cuộc chọn được ngôi đất này. Như vậy, há chẳng phải là do lòng trời xui khiến hay sao : còn về âm đức thì tôi chưa khảo sát được.

Chú-Thích : Bà mẹ sinh ra ông thường đi múc nước, thấy có hai vì sao rơi vào trong lu nước, cho là điềm hay, khi uống nước ấy, sinh được một con đỗ Đình-Nguyên, một con đỗ Hội-Nguyên.

微 益 沐

LÊ - ÍCH - MỘC

Người làng Thanh-Lãng, huyện Thủy-Đường, tỉnh Hải-Dương Lúc trước làm Đạo-sĩ (thầy chép sách ở trong chùa) xem thêm kinh Phật có hiểu đôi chút. Đến khoa Nhâm-Tuất, niên hiệu Cảnh - Thống (triều vua Lê-Hiến-Tôn) ông 44 tuổi, đỗ-cập đệ. Bài thi văn sách hỏi kiêm về kinh-phật có câu : « 18 bộ Kim-Cương thì bộ nào không có câu Nam-Võ, 20 thiên-Luận-Ngữ, thiên nào không có chữ Tử-Viết. » Văn ông rất đắc-lực, được đỗ Trạng-Nguyên. (Không biết sao kỳ thi ấy lại hỏi như vậy ?) Tương truyền rằng, nhà vua ngẫu nhiên dở kinh-phật ra coi, rồi sai các quan ra đầu bài, không riêng gì ông, mà có lẽ khoa đó, hai ông Bãng-Nhản, Thám-Hoa, và Hoàng-Giáp, Tiến-Sĩ, tất cả 24 người thi đậu, đã từng xem kinh-Phật cả chăng ? Như thế đủ thấy rằng vào lúc văn học thịnh hành, có những nhân tài thông-minh uyên bác, xem rộng các sách (không sách gì là không đọc) so với các học-giả đời sau, khác nhau một trời một vực vậy.

Khoa đó, có ông Nguyễn-Văn-Thái, 54 tuổi, người làng Tiền-Liệt, huyện Vĩnh-Lại, đậu Thám-Hoa, sau làm quan nhà Mạc đi sứ Trung-Hoa bị giữ ở lại, lấy vợ người Trung-Hoa, sinh một người con, tên gọi là Ngạn-xán, theo họ mẹ là họ Trương cũng đỗ Tiến-Sĩ,

許 三 省

HỨA - TAM - TỈNH

Người làng Như-Nguyệt, huyện Yên-Phong, tỉnh Bắc-Ninh,

năm 33 tuổi, đỗ Bảng-Nhãn, khoa Mậu-Thìn, (triều vua Uy-Mục nhà Lê). Khoa này ông Nguyễn-Giản-Thanh người làng Ông-Mặc, huyện Đông-Ngạn, đỗ Trạng-Nguyên. Ông Nguyễn-Giản-Thanh mặt mũi xấu-xí, còn ông thì mặt-mũi tươi đẹp. Khi vào triều bái sân rồng, vua yêu ông đẹp, nói rằng : «Người này không cho đỗ Ttrạn g-ư ?» và cho ông được đỗ trên ông Nguyễn-Giản-Thanh vì tiếc đời gọi là Mạo-trạng-Nguyên. Trước kia Tả-Ao tiên-sinh có đề đất cho nhà ông Nguyễn-Giản-Thanh, hứa rằng đất này sẽ đỗ Trạng. Sau Tiên-Sinh lại chu du xem đất, đến xã Như-Nguyệt, thấy mộ tổ nhà ông Hứa lại nói rằng : Đất này khoa này cũng phát Trạng-Nguyên. Người ta hỏi rằng ; « Lẽ nào một khoa lại có hai Trạng-Nguyên? » Tiên-Sinh nói rằng : « Trạng My đè Trạng Ngọt «. (làng Ông-Mặc tục gọi là làng Ngọt, làng Như-Nguyệt tục gọi là làng My). Người ta đều không tin, đến lúc đó biết là đúng.

TimSach.Com.Vn

阮德亮

NGUYỄN-ĐỨC-LƯỢNG

Người làng Canh-Hoạch, huyện Thanh-Oai, tỉnh Hà-Nội. Đời truyền : « khi ông đã luống tuổi rồi, mà chưa đỗ được, có rước một thầy địa-lý Trung-Hoa, về nuôi để nhờ tìm đất. Vừa đúng một năm, mới tìm được một ngôi đất, nhưng chưa tìm được ngày

---

Sách Công-Du-Tiệp-Ký cũng có chép việc Mạc-Thủ-Khoa.

táng, nên còn phải đợi. Gần đấy có một cái chợ lớn, có một người điên và cùi, hay ở đó ăn xin. Trước ngày sắp táng nửa tháng, người cùi lại chỗ định huyệt, làm cái lều nhỏ ở đó, đuổi cũng không chịu đi, ông tìm hết cách, cho tiền gạo và dỗ dành, cũng không nghe; ông lại bảo: tôi sẽ cho anh ruộng, đất và nhà cửa, để anh đi chỗ khác, chả hơn ở chỗ này đi ăn xin. Vả tôi nuôi thầy tìm đất đã hơn một năm, nay sắp táng ở đây, mà anh làm như vậy chả hóa ra thiệt thòi cho tôi lắm sao ?

Xét ra người ấy tàn tật đau yếu, mà ông không hề lấy thế lực đuổi đi, chỉ một niềm an ủi như thế ?

Không ngờ người ấy có tính cố chấp, khăng khăng một mực, bảo cũng không nghe, ông có một người em gái nhan sắc rất đẹp chưa lấy chồng, còn đóng cửa kén người xứng đôi vừa lứa. Người ở vùng đó ai cũng biết tiếng. Người cùi liền bảo với ông rằng : «ông có người em gái, nếu cho tôi được giao-hợp một lần, thì không cần phải tiền, tôi sẽ nghe ngay, ông không biết làm thế nào được, mà ngày táng đến rồi. Một đêm khuya, ông liền bảo người em gái rằng : « nay anh sắp làm ngôi đất này mà thằng cùi ấy cố chấp một mực không đi. muốn chuyện như vậy, thì ý em thế nào : » Người em liền nói rằng : «Nếu yên được hồn phách của cha, thành được tiếng của anh, thì anh bảo làm sao, em xin nghe làm vậy Em quả không dám tiếc gì cái thân này nữa.» Ngày hôm sau, liền tắm rửa sạch-sẽ, chờ đến đêm khuya, liền đi đến chỗ người cùi đó, rồi nằm chung với nhau. Người cùi vừa giao-hợp được một lát, liền chết ngay ở trên bụng. Người em gái sợ quá đẩy luôn xuống đất, rồi về bảo với ông, để ngày mai sẽ đem người nhà đến, khiêng đi chôn chỗ khác; không ngờ đêm hôm ấy, mối đã dùn lên lấp kín.

Đất này có một hình hỏa tinh lớn nở miệng, trước mặt có con sông chạc ba, bên kia bờ sông ,mà chỗ hỏa-tinh mở miệng, thì mộ

của người cùi ở trên trốc oa. Ông nghĩ thầm mạnh trời như vậy, không biết làm thế nào ? Thầy Địa-Lý bảo rằng : thế thì ở dưới oa, còn có huyệt thừa khí, tôi sẽ táng cho ông. Nghĩa là một huyệt ở trên oa, Người em gái ông từ đó có thai, sau đẻ được một người con trai; ông dạy cho học, thấy tính chất rất thông minh, biết là phát ở ngôi đất này.

Sau này ông đỗ Trạng-Nguyên, khoa Giáp-Thìn, niên hiệu Hồng-Thuận (triều vua Tương-Dực-Đế nhà Lê) mà người con của em gái ông, tức là Nguyễn-Thiện 38 tuổi, đỗ Trạng-Nguyên, khoa Nhâm-Thìn (niên-hiệu Đại-Chính nhà Mạc) người ta gọi là đất Trạng-cậu, Trạng cháu.

Sau con ông là Khuông Lễ, cũng đỗ Tiến-Sĩ. Nhưng xét ông Lượng là con ông Bá-Ký. Ông Ký đỗ Tiến-Sĩ, khoa Quý-Mùi, niên hiệu Quang-Thuận, khoa thứ 4, tức là ông của Khuông-Lễ, là cha của ông Đức-Lượng, thì trước đây cũng đã có đất phát phúc rồi. Có lẽ ngôi mộ này là đất tiếp phúc chăng ? Mà ông Nguyễn-Thiến là con cháu ông Nguyễn-Doãn-Tịch, nguyên người ở làng Bộc-Dương đến ở ngụ làng Canh-Hoạch. Ông Doãn-Dịch đỗ Thám-Hoa, khoa Tân-Sửu (niên hiệu Hồng-Đức) cũng đã có đất phát phúc từ trước rồi, có lẽ trung-gian mới lại được thêm ngôi đất này nữa. Điều đó chưa được khảo sát, chỉ được nghe truyền như thế, mà chép vào đây.

甲海

GIÁP - HẢI

Người làng Sinh-Kê, huyện Phượng-Nhãn, tỉnh Bắc-Ninh. Năm 32 tuổi, đậu Trạng-Nguyên, khoa Mận-Tuất, niên hiệu Đại-

Chính nhà Mạc (triều vua Lê-Trang-Tôn) phụng mệnh đi sứ, làm quan trải khắp Lục-Bộ-Thượng-Thư, tặng hàm Thái-Bảo, sách phong Quốc-Công, rồi về Trí-Sĩ. Đời truyền: Ông không phải là người làng Sinh-Kê, nhưng chưa rõ quê quán ở đâu. Lúc còn nhỏ, cha mất sớm. Bà mẹ làm nghề bán nước chè ở ven sông. Khi ông mới hai tuổi, thường bò chơi ở sân. Một hôm nọ ông chợt chạy đi đâu. Có chiếc thuyền buôn đi qua đó, thấy trong hàng nước vắng người, lại có một đứa bé bò ở đó. Người lái buôn này không có con cái chi cả, liền bế trộm xuống thuyền đi nơi khác. Khi bà mẹ về không thấy ông đâu, tìm khắp cả mọi nơi không thấy, cho là ngã xuống sông, rồi kêu khóc rất thảm-thiết. Vì nghèo nàn bà cứ vẫn bán nước chè ở đấy. Còn người lái buôn kia là người ở Sinh Kế. Sau khi đã bế trộm được ông, liền đem về nuôi làm con nuôi. Khi ông lớn lên, học rất thông minh. Người lái buôn dấu không nói thực, người hàng xóm nói vụng với ông, nhưng cũng không biết người lái buôn bế trộm ở đâu? ông cũng tự biết mình không phải con người lái buôn, nhưng cũng không biết mình con ai. Lâu dần rồi cũng yên trí, nhận người lái buôn kia là cha,. Sau khi đỗ rồi, phụng chỉ Triều-đình đi khám xét một việc, ngẫu nhiên đi qua bên bờ sông, vào nghỉ quán bán nước chè của mẹ ông. Dưới bàn chân ông có nốt ruồi đỏ, khi mới sinh ra đã có rồi, bà mẹ còn nhớ. Trong lúc ngồi, ông để thò cái chân ra; bà mẹ trông thấy, không cầm lòng được, òa khóc nức-nở. Ông lấy làm lạ hỏi, bà sợ không dám nói, chỉ khóc sướt-mướt. Ông liền sinh nghi hỏi đầu đuôi câu chuyện. Bà nọ thưa rằng: « Chúng tôi nói ra sợ có tội với quan lớn, nên không dám nói: » Ông nói: « có việc gì đâu? Bà cứ nói » Bà mẹ liền thưa rằng: » Chồng thiếp mất sớm, có để lại một đứa con trai, mới lên hai

tuổi, dưới chân có nốt ruồi đỏ. Khi tôi ngẫu nhiên chạy đi chỗ khác, không may nó ngã xuống sông chết, còn tôi bơ vơ không nơi nương tựa, nay thấy quan lớn cũng có nốt ruồi đỏ, nên chợt nhớ đến con mà thương nhớ. »

Trước kia người hàng xóm cũng bảo ông là người lái buôn bế trộm được ông, khi ông mới lên hai tuổi, mà người lái buôn này cũng thường buôn bán qua lại khúc sông đó. Ông nghe bà mẹ nói, mới rõ đầu đuôi, bất giác òa khóc rồi nhận là mẹ liền tâu lên Triều-đình, bày tỏ đầy đủ chứng cớ của người lân cận, nói người lái buôn là cha nuôi. Ông cũng biết địa-lý, khi đỗ lên đi xem khắp cả mồ mả gia-tiên của người lái buôn, thì không có ngôi mộ nào đáng phát văn học; và khi nhận được mẹ rồi, mới biết được phát phúc ở ngôi mộ cha. Sau này con ông là Giáp-Lễ, năm 24 tuổi, cũng đỗ khoa Mậu-Thìn, niên hiệu Thuận-Phúc, năm thứ tư nhà Mạc (tức triều vua Anh-Tôn nhà Lê).

TimSachCom.Vn

陳永綏

TRẦN-VĨNH-TUY

Người làng An-Dật, huyện Thanh-Lâm, tỉnh Hải-Dương. Năm 21 tuổi, đỗ Hội-Nguyên, rồi đậu Thám-Hoa, khoa Quý-Sửu niên hiệu Cảnh-Lịch nhà Mạc (triều vua Lê-Trung-Tôn). Trước kia ông được bổ nhiệm chức Thừa-Chánh-sứ-An-Bang. Người nhà Minh viết bức thơ vào lụa, buộc vào đầu ngọn giáo đưa cho, ông lấy cái mộc hứng lấy. Sứ nhà Minh thấy ông là người chế biến tinh nhanh, khen là có tài Tam-Khôi, liền thưởng tiền bạc. Rồi,

ít lâu sau, ông tiếp chỉ triệu vào triều, làm quan đến Lễ-Bộ-Thị-Lang.

阮 佐

NGHUYỄN - SĂN

Người làng Thượng-An-Quyết, huyện-Từ-Liêm, tỉnh Hà-Nội-Hồi đó vua Lê-Trang-Tôn, mới Trung-Hưng ở phía Nam. Năm Giáp-Dần, niên hiệu Thuận-Bính thứ 6, mở khoa thi Chế-Khoa, ông hâm mộ chánh nghĩa; và xu hướng đường lối sáng sủa, khi thi được kỳ ba rồi, ông mới xin vào thi, làm văn kiêm cả 4 kỳ làm một, đỗ Nhị-Giáp Tiến-Sĩ. Người ta gọi là Tiến-Sĩ bốn ngày.

Xét rằng mộ tổ nhà ông ở xã Dịch-Vọng, huyện Từ-Liêm, do ông Tả-Ao táng cho. Lúc mới để mộ trông vào một ngọn đồi. Táng được 5, 6 năm, ông vào ứng thí với nhà Mạc, trượt kỳ đệ nhị. Sau nhà Lê Trung-hưng, ông vào Thanh-Hóa ứng thí, mới đỗ, làm quan đến chức Tuyên-Lực-Công-thần.

阮 允 欽

ÔNG NGUYỄN-DOÃN-KHÂM

Người làng Kiệt-Đặc, huyện Chí-Linh, tỉnh Hải-Dương. Năm 30 tuổi, đỗ Hoàng-Giáp khoa Kỷ-Mùi, niên hiệu Quang-Bảo nhà Mạc (triều vua Lê-Anh-Tôn) ông bản tính nghiêm-khắc làm quan đàn hặc, nên người ta gọi ông là Xích-Mục-Ngự-Sử.

同 沇

ĐỒNG - HÃNG

Người làng Chiêu-Dương, huyện Chí-Linh, tỉnh Hải-Dương, ông luôn luôn gắng sức học hành để thành tài, và thường tin chắc rằng sẽ đỗ đại-khoa. Nhạc-Phụ ông vốn nhà giàu có, vẫn trọng tài học của ông, nên ông muốn gì cũng đều chiều theo. Khi ông đi ứng thí khoa Bính-Thìn (niên hiệu Quang-Bảo nhà Mạc) ông bảo với nhạc-phụ rằng : « Trạng-Nguyên đi nộp quyển, nên giết sẵn một con trâu. » Nhạc-Phụ nói rằng : « Đợi khi đỗ rồi hãy giết trâu, cũng chưa muộn, việc gì phải vội vàng như thế. » Ông không bằng lòng, không chịu nộp quyển. Nhạc - phụ bất đắc-dĩ phải giết một con trâu, ông mới chịu nộp quyển vào thi kỳ nhứt, bị đầu bài khó định bỏ ra về. Các anh em bạn cố nài ở lại và nói : «Để chúng tôi đọc cho mà viết, việc gì phải như thế.» Ông nói : « Đã gọi là Trạng-Nguyên thì đâu lại đi học mót của người ta», liền cuốn lều chiếu ra về. Sau ông lại thi khoa Kỷ-Mùi, niên hiệu Quang-Bảo nhà Mạc (triều vua Lê-Anh-Tôn). Lúc sắp đi thi, ông lại bảo với nhạc-phụ giết cho ông một con trâu Nhạc-Phụ bảo rằng : « Trước kia đã như thế, làm người ta che cười, không nên giết trâu nữa.» Ông lại không chịu nộp quyển. Nhạc-phụ ông bất đắc-dĩ, lại giết một con bò. Khoa đó chỉ đậu có Hoàng-Giáp. Vì không đỗ được Trạng-Nguyên, ông lấy làm căm tức, ngày hôm vinh-quy, không đợi đón rước, ông đi bộ về nhà. Em ông là ông Đồng-Đắc tài kém không bằng ông, mới đỗ Cử-Nhân. Khi ông đỗ rồi nhân ngày giỗ tổ, vợ ông Đồng-Đắc với vợ ông ngồi cùng chiếu. Trong họ có người nói rằng : » Vợ ông [illegible] lại được ngồi ngang hàng với vợ ông Hoàng-Giáp.» Bà Đồng-Đắc lấy làm xấu hổ, liềnkh ông ăn bỏ ra về, bảo với ông Đồng-Đắc rằng : « Ông liệu sức học của ông có

đỗ được Tiến-Sĩ, thì thiếp tôi mới có thể kết tóc trọn đời với ông. Nếu không thì thiếp xin chết quách kẻo bị người ta chê cười.» ông Đồng-Đắc hỏi ra mới biết lý do, bực giận, liền đáp rằng : Công danh có phận, tôi đâu có thể biết được. » Bà không vui» ông Đồng-Đắc nói : « để ta nghĩ xem » Rồi ông Đồng-Đắc liền thừa dịp hỏi ông Hãng rằng : « Tôn-huynh hãy liệu cái tài của đệ có đỗ được Tiến-Sĩ không ? » Ông không hiểu câu chuyện liền nổi giận nói : « Mày thấy tao đỗ lại ghen chăng ! » Ông Đồng-Đắc nói : « Không dám thế », liền thuật rõ đầu đuôi câu chuyện của vợ mình và nói rằng : » Tôn-huynh hãy liệu xem sức học của đệ, nếu trúng được thì để tôi bảo cho nó biết. Nếu bằng không thể trúng được, thì tùy ý nó », ông liền nói rằng : « Tiến-Sĩ mà như anh thì ít, còn cả triều đều như chú cả ». Ông Đồng-Đắc mừng lắm, về bảo với vợ. Sau ông Đồng-Đắc cũng đỗ Tiến-Sĩ thứ 10 khoa Mậu-Thìn, niên hiệu Thuận-Phúc nhà Mạc (triều vua Lê-Anh-Tôn).

Tôi thiết nghĩ : học vấn ở người, khoa danh của trời. Ông Chu-Tử có nói : người ta nên hết sức ở những điều nên làm, chớ đừng có cầu may ở sự khó khăn. Vả lại trời kia thường ghét những sự kiêu căng, mà ưa chuộng những điều khiêm tốn. Qui-thần cũng thường làm hại những kẻ kiêu-căng, và ban phúc lành cho những kẻ khiêm-tốn. Ví bằng có tài đức tốt đẹp như Ông Chu-Công, mà kiêu và lận, thì cũng không đáng khen nữa. Người xưa có nói : « chữ tài liền với chữ tai ». Thánh-nhân còn không dám kiêu-căng tự mãn, nữa là chúng ta lại cậy có tài về văn chương ư ? Người ta theo đuổi học hành, ai là người không có chí về khoa-giáp. Nhưng lập chí thì được, chứ nếu sốt-sắng quá, chỉ những cậy mình mà tỏ ra lời nói khinh thế ngạo vật. Không nên như vậy. Sao ta không nghĩ, trên đầu ta có từng xanh thăm thẳm làm chúa tể đó ? Đến lúc không được như ý muốn,

lại ngậm ngùi uất-hận, nói năng kiêu-căng ngạo-nghễ. Sao chẳng nghĩ đến cái tài của mình, liệu có bổ-ích gì cho quốc-gia không ?

Đại để tài danh con người ta là do tạo-vật phú cho, xem mình có ích gì cho sinh dân không ? Có hổ thẹn với các bậc hiền triết không ? Có đắc tội với trời đất không ? Tạo-vật vẫn ghét những sự kiêu-căng như thế, là sao ? Nghĩa là trời cho ta cái tài, không phải là để cho mình khoe-khoang, khinh lấn các người khác, thực ra là muốn cho mình giúp nước giúp dân, dạy dỗ người ta; có lợi cho sự vật, không phụ với cái ý của tạo-vật sinh tài. Cho nên dẫu mình có tài cũng coi như không, thực coi như hư, hơn nhứt là, lại phải giữ-gìn kiềm thúc. Nên biết rằng chúng ta theo đòi văn-học, chẳng qua là mượn cái đó, làm cái dụng-cụ tiến thân mà đến lúc áp-dụng, ra giúp ích cho xã-hội quốc-gia thì lại không ở những điều đó. Tài của mình dù hơn người ta, mà mình không lấy thế mà tự cao, tự mãn. Người khác đã kém cái tài của mình, thì mình càng phải nên xử-đối với họ bằng cách khiêm-nhường. Ngay như khi chưa thành đạt, tuy rằng mình lập chí cao cả, mà không dám tỏ ra cái ý gì là khoe-khoang. May mà thành đạt, thì trời ban cho ta được thế nào, hay thế, chứ không hề oán hận gì cả. Như thế mới không hổ là một kẻ sĩ trong tứ dân, mà không làm cho tạo-vật phải ghét giận mình nữa.

Tôi đã từng đọc các sử sách cổ-kim, thấy các cụ tiền bối nước nhà, vị nào thường cậy tài khoe-khoang, thì phần nhiều không được lệnh-chung, không thành lệnh khí. Những công-danh, sự-nghiệp, chói lọi sử-xanh, thì thường dành riêng cho các vị có đức tính khiêm-hòa, nhã-nhặn. Như vậy đủ chứng tỏ rằng những người lượng nhỏ, không thể hưởng thụ những phần lớn lao.

Những người hưởng thụ những phần lớn lao thì thường không có tính khí nhỏ nhen. Tài cao học rộng, tuổi trẻ đăng-khoa, xưa kia, người ta cho là một điều bất hạnh, thật đúng lắm thay. Kìa như ông Đồng-Hãng, có chí chăm học, đó là điều đáng để cho người ta noi gương bắt chước, còn đến những điều như : lúc còn đi học khoe-khoang tự phụ là có tài Trạng-Nguyên; lúc chưa đỗ bảo giết sẵn trâu để ăn mừng; không được đỗ khôi khoa, thì giận-dỗi đi bộ về nhà; và câu nói ngông rằng : « Tiến-Sĩ như anh thì ít có », những điều như vậy ta không nên bắt chước. (Câu chuyện về ông đã chép rõ-ràng ở trong sách « Công-Dư ») Tôi đã được thầy học của tôi kể chuyện cho nghe, nên ghi chép sơ-lược vào đây. Tôi mong muốn người đời bắt chước cái chí của ông; mà lại e rằng những người niên thiếu cậy tài, mà bắt chước cái tính kiêu-căng tự phụ của ông, thì có khi chưa chắc đã bằng ông, mà rút cục chỉ là một anh học trò vô hạnh.

Nghe nói ông cùng đồng thời với Hùng-Viên, Phạm-Duy-Quyết (ông này 42 tuổi, đỗ Trạng-Nguyên, khoa Nhâm-Tuất, niên hiệu Quang-Bảo thứ 8 nhà Mạc). Thấy tài học của ông hơn ông Phạm-Duy-Quyết, lúc bấy giờ người ta nói : « Đỗ Trạng, phải là ông Hãng, đâu đến ông Quyết ». Thế mà ông chỉ đậu có Hoàng-Giáp, ông Quyết lại đỗ Trạng-Nguyên. Như vậy biết đâu không phải do sự cậy tài khoe-khoang, mà trời khiển-trách đó ư ? Vậy xin các bậc sĩ-phu, có đôi chút tự-ái, nên coi việc «úc úc tùng chu » trong cuốn « Đan-Quế-Tịch » thì đừng cho rằng việc bình-luận các bậc tiền-tiến là không phải, mà trách đến tôi.

Ngày làm ông Đồng-Đắc đỗ, có người đỗ đồng bảng là ông Hoàng-Bôi (ông này đỗ Tiến-Sĩ thứ 8) người làng Hạ-An-Quyết, huyện Từ-Liêm. Vua Mạc-Thái-Tôn thấy các Tiến-Sĩ Tân khoa vào hầu liền cười nói rằng: « Khoa này Hoàng-Bội thấp bé, Đồng-

Đắc một mắt, vận nước suy rồi. » Không bao lâu nhà Mạc mất nước. Như vậy đủ tỏ rằng, nhân tài là nguyên khí của Quốc-Gia, có sự liên-hệ quan-trọng như thế.

Lại xét đến cháu ông là Tôn-Trạch, 30 tuổi, đỗ Tiến-Sĩ khoa Bính-Tuất. niên-hiệu Phúc-Thái (triều vua Lê-Chân-Tôn). Chắt ông là Bỉnh-Do đỗ Tiến-Sĩ khoa Tân-Mùi, niên hiệu Chính-Hòa (triều vua Lê-Hi-Tôn). Đời đời kế-tiếp đỗ đạt như vậy há chẳng phải là do đức trạch thâm hậu của tổ-tiên đó ư : Sau lại có ông Đặng-Văn-Giáo, đỗ Tiến-sĩ khoa Đinh-Sửu, niên-hiệu Sùng-Khang nhà Mạc, cũng là họ đồng tông của ông.

Phạm-Công lúc mới đến học quan Thượng-Thư Nguyễn-Khắc-Kính. Bà mẹ ông phải giết một con trâu để cúng Tiên sư. (chuyện này có chép trong sách « Công-Dư-Tiệp-Ký ».

TimSach.Com.Vn

范家門

PHẠM - GIA - MÔN

Người làng Dương-Hồi, huyện Đại-An, tỉnh Nam-Định. Năm 53 tuổi, đỗ Thám-Hoa, khoa Đinh-Sửu, niên-hiệu Sùng-Khang nhà Mạc (triều vua Lê-Anh-Tôn) ông phát tích do ngôi mộ tổ, hình mộc tinh lớn, đầu nhọn, (nơi mộc thân nhỏ ra hình thủy-tinh, nghịch hồi kết huyệt), hình thể như chữ « Vưu » huyệt ở chỗ nét chấm, có một con bút lớn gài mang tai, như vậy ông đỗ kề cũng là đáng. Còn gia thế thì chưa được rõ.

吳致知

NGÔ - TRÍ - TRI

Người làng Lý-Trai, huyện Đông-Thành, tỉnh Nghệ-An. Trước Khoa thi Hội năm Nhâm-Thìn, niên hiệu Quang-Hưng thứ 15 (triều vua Lê-Thế-Tôn). Ông Trịnh-Cảnh-Thụy người làng Chân-Bái, tỉnh Định-An, nằm chiêm-bao, có gặp hai người Trung-Hoa không hiểu là nghĩa làm sao. Đến Kỳ Hội thi vào đệ-tứ trường, thì lều của Trịnh-Công đóng ở giữa, còn lều của ông Ngô đóng ở một bên, lều của con ông là Trí-Hòa đóng ở một bên. Hai ông Ngô ở hai bên. Ông Ngô đã luống tuổi rồi, mà chưa đỗ được, tinh-lực có phần sút kém. Ông Trí-Hòa thì tinh nhanh học nhiều, các đề tài đều thuộc lòng, ông Trịnh cũng biết, hai cha con ông Ngô xin đổi lều đóng gần nhau, ông Trịnh không chịu. Ông Trí-Hòa không làm sao được, buộc lòng mỗi khi làm văn được một câu thì phải nhờ ông Trịnh đưa bản ráp sang lều của cha, rồi đưa trả lại cho ông Trí-Hòa, đưa qua đưa lại, ông Trịnh đều xem lược và hiểu ý để làm bài, bởi thế văn của ba ông đều đắc-lực. Khi ra bảng thì cả ba ông đều trúng. Ông Trịnh mới hiểu cái mộng hôm trước. Tên đỗ ở bảng hội thi không ghi rõ thứ mấy, còn thi Đình, thì ông Trịnh đỗ Đình-Nguyên Hoàng-Giáp, ông Trí-Hòa cũng đỗ Hoàng-Giáp (năm đó 28 tuổi) ông Ngô thì đậu Đồng-Tiến-Sĩ (năm đó 56 tuổi) cha con ông đỗ Đồng-Khoa. Ông làm quan đến chức Ngự-Sử. Ông Trí-Hòa phụng mệnh đi sứ Trung-Hoa làm quan đến chức Tân-Trị-Công-Thần Hộ-Bộ-Thượng-Thư, Tế-Tựu-Thiếu-Bảo tặng Xuân-Quận-Công. Cháu ông là Sĩ-Vinh cũng đỗ Tiến-Sĩ khoa Bính-Tuất, niên-hiệu Phúc-Thái (triều

vua Lê-Chân-Tôn). Cháu huyền-Tôn, của ông là Công-Trạc, 33 tuổi, cũng đỗ Tiến-Sĩ Hội-Nguyên, khoa Giáp-Tuất niên-hiệu Chính Hòa (triều vua Hi-Tôn nhà Hậu-Lê), làm quan đến chức Hiến-Sát-Sứi ông Hưng-Giáo, 45 tuổi, cũng đỗ Tiến-Sĩ khoa Canh-Dần, niên-hiệu Vĩnh-Thịnh (triều vua Dụ-Tôn nhà Hậu-Lê), con cháu đờ đời đỗ-đạt.

Ông Sĩ-Vinh có hai bài thơ thuật lại và tán dương công đức của Tổ-phụ như sau :

演驩形勝縣名東
秀發英才挺相公
六藝詩書庭講素
一門父子榜碰同
連斤仕路鈞衡任
撐柱皇家柱石功
忠孝兩全勳赫奕
豐碑屹立對蒼穹

Phiên âm

« Diễn, Hoàn hình thắng huyện danh đông »

« Tú phát anh tài đĩnh tướng công »

(1) Đình-Thí khoa Nhâm-Thìn, sắc tứ Tiến-sĩ ba người : Đệ-Nhị giáp Tiến-sĩ xuất thân hai người (Trịnh-Cảnh-Thụy và Ngô-Trí-Hòa), Tam-Giáp Đồng-Tiến-Sĩ xuất thân một người (Ngô-Trí-Tri).

« Lục nghệ thi, thư, đình giảng tổ »

« Nhất môn phụ, tử, bảng liên-đồng »

« Liên thăng sĩ lộ quân hành nhiệm »

« Xanh trụ hoàng gia trụ thạch công »

« Trung hiếu lưỡng toàn huân hách dịch »

« Phong bi ngật lập đối thương khung »

Dịch nghĩa

Diễn, Hoan danh thắng nhất miền đông.

Nức tiếng anh tài có Tướng-công

Sáu nghệ thi thư, nền nếp cũ;

Một nhà khoa bảng, bố con chung!

Đường mây thăng tiến nơi quân quốc;

Trụ đá kiên trì với núi sông.

Trung hiếu đôi đường công chói lọi,

Bia xanh rạng rỡ với thương-khung. (1)

天開泰運出儒臣
科目梯階以進身
測色命酋疆鄰國
能容才德保黎民
昂昂節勁挺琦栢
奕奕枝芳碰桂春

1l (Thương-khung : tức là giời xanh)

重厚老成朝柱石
用流累世久長仁

Phiên âm

Thiên-khai Thái-Vận xuất nho chân
Khoa mục thế giai dĩ tiến thân
Nhuận sắc mệnh từ cường Trịnh quốc,
Năng dùng tài đức bảo lê dân
Ngang ngang tiết kính đình quân bách,
Dịch dịch chi phương liên quế xuân
Trọng hậu lão thành triều trụ thạch,
Dụng lưu lủy thế cửu trường nhân.

Dịch nghĩa

Trời cho gặp vận, này nho-chân,
Mượn bước khoa danh để tiến thân.
Nhuận sắc văn thơ phù đất nước,
Tin dùng tài đức giúp nhân dân !
Đề cao kính tiết đường quân bách ;
Sực nức mùi hương, cội quế xuân.
Trọng hậu lão thành tay trụ thạch,
Muôn đời còn mãi tấm lòng nhân.

阮公實

ÔNG NGUYỄN - CÔNG - THỰC

Người Làng Vân-Điểm huyện Đông-Ngạn, tỉnh Bắc-Ninh. Đỗ

truyền ; Ông Tổ nhà ông nhà nghèo, biết chữ, sống về nghề dậy trẻ học. Gặp năm mất mùa, dân xóm không ai nuôi ông. Ông cùng 2, 3 người làng cũng làm nghề dạy học, đi xa lên mãi Thượng-Đạo, Hưng-Hóa dạy trẻ học. Nơi đây ít người biết chữ, nên rất được trọng đãi. Cứ từ đầu đến cuối năm về nhà một lần, mỗi người đều có một vài hốt bạc tiền công, đem về chi dụng, vợ con ở nhà chỉ trông vào món tiền đó để trang trải công nợ, năm nào cũng thường như thế. Có một năm, gần Tết, ông cùng hai, ba anh em bạn từ Thương-Đạo trở về, trong túi ông chỉ có một hốt bạc, các anh em ai cũng đều có nhiều hơn. Trong khi đi đường anh em còn ngồi hàng uống nước. Duy mình ông cứ đi trước, đến quán ở bên đường ngồi nghỉ, để đợi anh em. Nhác thấy trong quán có một người ăn uống, thô-tục, vẻ mặt uất giận, vừa ăn vừa dức lác rằng :

« Ta ăn uống xong, ta sẽ đến nhà mày tự tử, để gieo vạ cho mày ! » Ông hỏi người ấy sao lại nói gở như vậy ? Người ấy vừa khóc vừa nói :

« Tôi có vay nợ nhà giầu kia đã trả tiền lời rồi, còn tiền gốc không trả được, chủ nợ giam giữ mẹ tôi, Nay hết năm rồi, ai cũng vui mừng năm mới, mà tình-cảnh tôi như thế, tôi còn sống làm gì nữa.

Tôi định ăn uống no say, rồi đến nhà nó tự-tử gieo án-mạng cho nó. »

Ông liền lấy tình, lý, mà khuyên giải rằng :

« Nếu chưa trả được nợ, thì nên van khất, có lý nào lại gieo

ấn - mạng cho người ta, là trái đạo trời đất không nên ! Vả anh có mẹ già mà anh liều chết, thì mẹ anh trông cậy vào ai ? » Người ấy nghe ông nói có lý, liền tỉnh ngộ, khóc và nói rằng : « ông nói rất phải, nhưng chủ nợ quá nghiệt, tôi đã nhiều lần van xin, mà họ không thương. Ngày nay, nhà nghèo không vay mượn được tiền lấy gì trả nợ, mà mang mẹ về được. Như thế thà chết đi cho xong ! » Nói xong, lại khóc oà lên. Ông thương tình mà hỏi rằng : « Anh nợ bao nhiêu ? » Người ấy trả lời : « 30 Quan tiền. » Ông nói : « Nay thế đã cùng rồi, biết làm sao được. Tôi có hốt bạc đây, tôi cho anh để trả nợ, mà chuộc mẹ về, đừng liều mạng nữa. ». Rồi ông móc túi lấy tiền trao cho người ấy. Người ấy nhận bạc lậy rập xuống đất cám ơn, rồi mang bạc đi. Trong khi ấy vì lòng quá thương người, nên cho tiền. Nhưng khi người ấy đi rồi, lại nghĩ : năm cùng, tiền thiếu, vợ con ở nhà ngóng mình về, nay về tay không, lấy gì mà sống, bất giác ngồi ngây người ra đến nửa giờ.

Khi các anh em đi đến, thấy ông ngồi ngây ra không nói, lấy làm lạ, hỏi có sao ? Ông liền kể chuyện cho bạc. Anh em đều trách rằng : « Đó là nó thấy mình có bạc, nó bày mưu bịp mình. Nhà nghèo đi dạy học công được mấy tý mà không cẩn-thận. » Ông liền giải thích không phải thế đâu... Chủ quán cũng nói : « Người ấy không phải người lừa gạt đâu, chính ông này thương người mà cho đấy. » Anh em không tin, đều ái ngại cho ông. Ông cũng không biện-bạch nữa, chỉ dặn anh em rằng : « Chuyện đã trót rồi, anh em giữ kín về , nhà đừng nói cho vợ con tôi biết, nó dầy vò tôi » Anh em đồng ý cùng về, đến nhà là ngày gần tết, bà vợ hỏi năm nào về cũng có tiền để trả nợ, năm nay làm sao về tay không như thế ? lấy gì trang trải công nợ. Ông nói dối rằng : « Năm nay ốm đau luôn, có đồng nào uống thuốc hết cả » nên bà vợ không kêu ca nữa. Ông hỏi có cơm không ? bà vợ nói : « Trước mấy

ngày, tôi có đi làm mướn, được công một đấu gạo, sáng ngày thồi ăn rồi, còn ít cơm nguội thôi ». Ông hỏi có thức ăn không, bà vợ bảo chỉ có rau luộc sáng ngày ăn còn lại. Ông lấy cơm ra ăn, vợ chồng vui vẻ, không ân hận gì. Đêm ấy vợ ông nằm mộng thấy một vị Thần cầm một vòng tròn như cái đai đưa cho vợ ông, và bảo là đai ngọc để cho con cháu dùng. Tỉnh dậy nói với ông, ông biết là điềm tốt, nhưng chưa giải được ra sao ? Tết ấy, những bạn ông đều có tiền cho vợ con chi tiêu vui vẻ, duy ông ngồi xuông ngày Tết. Các chủ nợ thương tình cũng không đòi. Trong ba ngày Tết ăn nhờ hàng xóm. Tết rồi, vợ ông lại đi làm mướn, còn ông dáng điệu học-trò yếu ớt, không đi làm được. Ở nhà bữa ăn không có. Đầu giêng năm mới, chưa đi dạy học, nghĩ thầm ta ngồi nhà cũng buồn, và nghĩ chỗ nhà anh nhận bạc của ta cũng không xa, mà anh cũng nghèo như mình, âu là đến đấy chuyện gẫu cho vui. Đi đường gặp một ông thầy phong thủy, (thầy địa-lý) bảo ông rằng « Tôi coi ông hiền lành nho nhã, ở đằng kia có một ngôi đất phát Tiến-Sĩ (ông Nghè) nếu ông xin được, tôi táng giùm.» cho Ông vui lòng theo thày dẫn đến nơi ấy, may lại chính là làng người mà ông cho bạc trước. Thày phong thủy điểm huyệt, hình đất chỗ ấy như cái đai áo. Ông mừng thầm đúng như vợ ông nằm mộng, liền hỏi thăm người trong làng, xem chỗ đất ấy của ai, được trả lời rằng : «Đất này là của người nghèo làng tôi, ý ông muốn làm ngôi đất này hử : Đất này các Thày phong-thủy đều gọi là kiểu ngọc đới (đai áo). Ai táng được phát phúc to lắm, chính người có thửa đất này có đem mộ tổ về táng, Thần nhân báo mộng không cho. Không đừng được, hắn phải rời mộ đi. Nhưng hắn biết là đất quý, nhiều người đến xin mua, hắn không bán. Năm ngoái ông

nhà giàu làng tôi cho hắn vay tiền, bắt hắn bán thửa đất này, hắn nhất định không nghe. Ông nhà giàu lập mẹo giữ mẹ hắn, để bắt buộc hắn bán, may hắn gặp được người cho bạc, hắn trả xong nợ rồi, bây giờ có ông trời cũng không mua được, nữa là ông? » Ông hỏi thăm người làng ấy cho biết chỗ nhà ở của người có đất ấy rồi bảo ông Thày phong-thủy ở ngoài đợi. Ông đến nhà, cả hai mẹ con nhà ấy đều lạy mừng nói . « Ơn ông to quá, không biết lấy gì báo đáp » Ông bảo là không đáng bao, xin đừng phải nghĩ. Truyện trò hồi lâu, rồi ngỏ lời rằng : « Năm mới tôi đi chơi xem phong cảnh, gặp Ông Thày phong-thủy cho ngôi đất, hỏi thăm mới biết là chỗ ấy là đất của ông anh đây, nhân tiện tôi lại đây thăm gia đình, và xin ông anh ngôi đất ấy có được không? » Người ấy nói : « Đất này nhiều Thày nói là đất quý, mà nhiều người đến xin, tôi không cho. Năm ngoái người nhà giàu giữ mẹ tôi, cũng vì thèm muốn ngôi đất này, nó giàu nhưng nó bất nhân, nên mấy tôi cũng không cho. Nhờ ông, mà tôi trả xong nợ đem mẹ tôi về, và chưa kịp đền ơn. Nay ông hỏi đến ngôi đất, có lẽ lòng trời đưa lại, chứ người khác mấy tôi cũng không cho. Vậy trong thửa đất này ông muốn táng chỗ nào cũng được, tôi đâu dám tiếc. » Ông mừng lắm, cám ơn... Rồi mời thày về nhà, chọn ngày lành đem táng mộ tổ, sau sinh ra ông Nguyễn-Thực, năm 41 tuổi đậu Hoàng-Giáp khoa Kỷ-vị (niên-Hiệu Quang-Hưng đời vua Lê-thế-Tôn) làm quan đến Lại bộ Thượng-Thư, Quốc-Lão Thái-Phó Tước Hàn - Quận - Công. Khi về hưu trí, được tặng là Thái - Tể, hưởng thọ 83 tuổi, con là Nguyễn-Nghi năm 32 tuổi đỗ Tiến-Sĩ khoa Kỷ-Vị (niên hiệu Hoàng-Định đời vua Lê Kính Tôn) làm quan đến Lại Bộ-Thượng-Thư, Thiếu-Phó Tước Dương-Quận-Công Khi về hưu trí, được tăng chức Thái-Phó.

Cha con Thái-Phó cùng Triều, cháu 4 đời ông Nguyễn-Thực là ông Nguyễn-Khuê, em ông Khuê là Nguyễn Sỹ, hai anh em đỗ Tiến-Sĩ, cùng khoa Canh-Tuất, (niên-Hiệu Cảnh-Trị đời vua Lê-Huyền-Tôn.) Năm ấy anh 33 tuổi, em 26 tuổi. Ông Khuê làm quan đến Hình-Bộ thị-Lang. Ông Sỹ làm quan đến Phó - Đô-Ngự-Sử. Người cháu là ông Nguyễn-Thưởng đỗ Tiến-Sĩ khoa giáp-Tuất (niên-hiệu Cảnh-Hưng đời vua Lê-Hiển-Tôn) làm quan đến Trấn-Thủ một trấn.

Nay họ ấy một ngành ở làng Vân-Điềm, một ngành ở làng ở lăng Du-Lâm. Đời đời khoa giáp trâm anh. Xem thế đủ biết âm đức, để dành cho con cháu là hơn cả. Một hốt bạc không đáng bao nhiêu, mà trời đất báo đền cho như vậy, là vì rằng : nghèo, đến thế mà cứu giúp người ta khi cấp bách, tấm lòng ấy mới quí Khi ông giúp kẻ nghèo ấy là do lương tâm trắc ẩn sẵn có mà làm chứ không phải cốt để cầu trời đất báo đền cho. Nếu mà chỉ chăm chăm cầu lấy báo đền, thì là giả dối. Dối người chứ sao dối được trời. Những kẻ giả danh làm thiện, chỉ cốt để hưởng phúc trời cho, xem việc này thì nên vuốt bụng mà tránh xa đi.

阮維時

ÔNG NGUYỄN DUY THỜI

Người làng An-Lãng, Huyện An-Lãng, Tỉnh Sơn-Tây. Khi còn nhỏ, nằm mộng thấy Thần-nhân bảo rằng: «An Lãng nhân, An Lãng-Nhân, An nguy hệ nhất thân.»

(Tạm dịch : người An-Lãng, người An-Lãng, An nguy hệ một thân) Sau ông đỗ Hoàng-Giáp, Khoa Mậu-Tuất đời Vua Lê-Thái-Tôn (Niên-Hiệu Quang-Hưng) làm quan đến Tả-Lý Công-Thần, tham-Tụng Lại-Bộ Thượng-Thơ, coi cả việc sáu bộ, Thái-Phó, Tuyên-

Quận-Công, được mở ra Phủ-Binh-Quân, tặng là Thái-Tế. Quả thật là người hệ-trọng của thiên hạ.

Con ông là ông Duy-Hiểu, năm 27 tuổi, đỗ Hoàng-Giáp, Khoa Mậu-Thìn, Đời Vua Lê-Thần-Tôn. (Sự tích ghi trong sách; CÔNG DƯ TIỆP-KÝ)

阮 登

ÔNG NGUYỄN-ĐĂNG

Người Làng Đại-Toán, Huyện Quế-Dương, Tỉnh Bắc-Ninh đỗ Hoàng-Giáp Khoa Nhâm Dần, đời vua Lê-Kính-Tôn. (Niên-Hiệu Hoằng-Định) 4 kỳ đều ưu-hạng (Hạng nhất), thi Hương, thi Hội, thi Đình, đều đỗ đầu cả, tức là Tam Nguyên, đi sứ sang Trung Hoa, làm quan đến Hộ-Bộ Tả Thị-Lang, Tức Phúc-Nham-Hầu. Khi mất được phong Phúc-Thần. Về văn chương, ông giỏi về lối phú, đã thành câu tục ngữ của thời bấy giờ; «Phú ông Tồi, giỏi làm chi» (trích trong Công Dư Tiệp ký)

阮 秩

ÔNG NGUYỄN TRẬT

Người làng Nguyệt-Viên, huyện Hoằng-Hóa, tỉnh Thanh-Hoá. Đời truyền lại rằng, ông đỗ thi Hương rồi, vì nhà nghèo, bỏ học đã lâu, không có chí tiến thủ nữa. Đời vua Lê Nhân-Tôn (niên-hiệu Vĩnh-Tộ) khoa Quý-Hợi, trước mấy ngày, các bạn ông đến rủ ông đi thi, ông từ chối rằng «thi đại-khoa khó lắm có thể cầu may được đâu. Tôi bỏ học đã lâu, vả lại nhà nghèo không có tiền đi ăn đường, nên không dám đi.» Các bạn cố ép, nên ông phải gượng đi với bạn. Tiền đi đường đều nhờ ở bạn. Và tự nghĩ tài mình kém người, nên khi đi, khi ngồi đều nhường các bạn trước. Đến nhà trọ, các ông bạn

nằm giường cao chiếu sạch, Ông tự biết phận mình không dám ngang với bạn, cuộn chiếu ngủ riêng dưới thấp ở gian nhà khác.

Các bạn đều bậc học giỏi, cùng nhau bình-luận văn-chương, ông nào cũng chắc là mình đỗ, không ai để ý đến ông Trật. Khi ngủ yên cả, đến canh tư, hốt nhiên người chủ trọ đốt đèn gọi các ông dậy còn ông Trật, chủ trọ tưởng là đầy tớ, nên không gọi, chủ trọ bảo rằng; «Tôi thấy thần-nhân bảo tôi, nhà này có Tiến-Sĩ đến trọ, và dẫn cho tôi xem mặt kỹ-lưỡng. Các ông cho tôi nhận mặt để xem đúng ông nào» Ông nào cũng chắc là mình đều ngồi dậy cả, nhưng chủ trọ đều bảo không phải; Giấc mộng rõ ràng, chả nhẽ thần dối mình. Các ông cho là hoảng-hốt, nói liều không tin bảo chủ trọ rằng :« còn một ông nằm ở gian kia, thử gọi dậy xem sao?», rồi chỉ bảo chủ trọ gọi, chứ không thèm gọi, lại tỏ ý khinh bỉ mà cười. Lúc trước ông nghe lời chủ trọ, song nghĩ bụng Đại-Khoa đâu đến phần mình, nên cứ cuộn chiếu ngủ yên. Chủ trọ gọi, ông sợ anh em cười không dậy. Chủ trọ phải dựng đầu ông dậy xem mặt, nhác trông bảo đúng là ông này rồi. ông thẹn đỏ mặt, bảo chủ trọ rằng «Các ông kia mới đáng tài Tiến-Sĩ, còn tôi đâu dám mong, bất quá trong lúc nằm mộng lơ mơ đó thôi, xin đừng nói, sợ các bạn chê cười».

Chủ trọ bảo :«tài học của ông thì tôi không biết, nhưng trong mộng Thần chỉ đích là tướng mạo ông.» Các bạn cười ầm, ông thẹn quá cuốn chiếu ngủ, không tin lời chủ trọ,

Sáng ngày dậy, các ông đều đều gọi ông là Tiến-Sĩ. Đến ngày thi ông cũng gượng vào thi, bụng nghi đỗ đạt gì đến mình. Từ kỳ nhất đến kỳ ba đều được bạn giúp, đỗ luôn ba kỳ, bảng ra kỳ thứ ba

rồi chỉ mình ông có tên vào kỳ thứ 4 còn các bạn cùng trọ đều rớt cả. Ngày thi kỳ thứ 4 văn sách thời mẹo dài và khó hơn ba kỳ trước, ông liệu không đủ tài làm nổi toan làm ố nhọ quyển đề ra. Các ông bị rớt ở ngoài bảo nhỏ nhau rằng :«xem kỳ này nó hỏi ai được, mà đậu Tiến-Sĩ cho đúng mộng chủ trọ»

Ông ở trong trường chỉ viết đề thi xong rồi gấp quyển lại, giả ngủ đợi hết giờ là đi ra. Không ngờ vào khoảng giữa trưa, có một trận gió to, bài vở bay lung tung, lều chõng đổ ngả nghiêng, phút chốc gió yên, thấy ttước mặt có một bản thảo sẵn đủ cả. Nghĩ bụng biết là trời cho, bèn chép vào quyển mình đem nộp. Khi truyền lô, ông đỗ Tiến-Sĩ, mới tin lời mộng của chủ trọ. Kế đến hôm thi Đình ông lại gấp quyển giả cách ngủ, có người Võ-Sĩ coi thi, lấy đốc dáo đập vào chân ông, bảo sao không dậy mà làm văn, ông vin cớ kêu rầm lên là bị đánh đau quá, không nghĩ được văn nữa. Triều Đình xét không lý gì bắt lỗi được ông, nên phải cho đậu. Từ đấy thi Đình không ai bị đánh hỏng là từ ông Trật trước.

Xem thế thì biết: Bảng Tiến-Sĩ là bảng trời, phần nhiều bằng cứ theo phận mệnh, không thể chỉ cậy văn-chương giỏi mà được đâu Vì ông đỗ như thế nên làm quan chỉ đến cấp sự thôi, đời bấy giờ cũng không trọng lắm.

Sử nhà Lê chép rằng, Mùa hạ tháng Tư, Thi-Đình, cống Sĩ Nguyễn-Trật người làng Nguyệt-Viên, huyện Hoằng-Hoa mượn người làm gà văn, việc phát giác, chúa không bằng lòng, nên khoa ấy không cho bảng vàng.

阮明哲

ÔNG NGUYỄN - MINH - TRIẾT

Người làng Nhạo-Sơn, huyện Chí-Linh, Tỉnh Hải-Dương, lúc

còn nhỏ tuổi, ông nằm mộng thấy người bảo rằng:

« Độc thư đáo lão vị thành nhân » nghĩa là : « Đọc sách đến già chưa nên người» Tỉnh dậy ông đem lòng chán nản vì câu đó.

Sau được làm Tri huyện An-Lão. Năm Tân-Vị, đời vua Lê-Thần-Tôn (niên hiệu Đức-Long). Ông đã 54 tuổi, thi Hội, thi Đình đều đỗ đầu, rồi đỗ Thám-Hoa, (Chiết tán ra mới rõ mộng là đúng Nghĩa là đến Huyện An-Lão, cứ đọc sách, rồi năm Vị mới thành danh Lão là huyện An-lão. Vị tức năm Vị (năm Mùi) chứ không phải như nghĩa đã đoán trên.) Làm quan đến Thượng Thơ, hàm Thiếu-Bảo, Tước Cẩm-Quận-Công, hưu-trí, hưởng thọ 95 tuổi. Ông tuy đỗ muộn, nhưng hưởng lộc đến 41 năm. Sự-nghiệp hiển hách. Thế mới biết đạo trời đất thừa trừ đều có định phận, bớt đằng nọ, thêm đằng kia. Về công danh có kẻ sớm người muộn. Người thành đạt sớm vị tất được toàn vẹn khi tuổi già, mà người thành đạt muộn thì lại được phú quý vinh hoa. Người ta cốt phải sửa mình không nên thấy người ta thành đạt sớm mà vội kêu là ta không kịp người, cũng không nên vì thành đạt muộn, mà biếng nhác công phu tu-tỉnh.

Cổ nhân nói rằng : « bao giờ đậy nắp quan tài mới là hết việc» Xem cuốn Đăng-Khoa-Lục ghi chép sự-nghiệp của các bậc tiền bối thường đều thế cả. Người có chí lập công danh nên lấy đó làm gương, (trích trong Công-du Tiệp-Ký)

胡 士 陽

ÔNG HỒ - SĨ - DƯƠNG

Người làng Hoàn-Hậu. huyện Quỳnh-Lưu, tỉnh Nghệ-An, đỗ Giải-Nguyên (Thủ-Khoa) khoa Ất-Dậu. Khoa Mậu-Tý đi thi thay

cho người khác, bị tội xung làm linh, đến năm 31 tuổi ông đỗ Tiến-Sĩ khoa Nhâm-Thìn; (niên hiệu Khánh-Đức) đi sứ nước Trung-Hoa, làm quan đến Tước Duệ-Quận-Công, ông là dòng dõi xa ông Hồ-Sỹ-Thốc và là ông Tổ Sỹ-Tân, Sỹ-Đông, Con cháu đều đỗ khoa giáp đến nay vẫn còn. Làng này có một trái núi vuông như trái bảng, lại một trái núi nhọn như cái bút nên trong làng ấy, không riêng gì họ Hồ Các họ khác, họ nào cũng có khoa giáp quí-hiển không những là đức-Trạch đời trước để lại còn có lẽ là phong thổ xui nên đó chăng ? Nhưng mà phong-thổ cũng phải là nhà có đức mới được. Lẽ ấy không sai.

Xem khoa thứ của họ Hồ : Hồ Sỹ-Dương, đỗ Tiến-Sĩ, cháu là ông Sỹ-Tân, 31 tuổi, đỗ Tiến-Sĩ, khoa Tân-Sửu, đời vua Lê-Dụ-Tôn (niên hiệu Bảo-Thái) Sỹ-Đống 34 tuổi đỗ Hoàng-Giáp chế khoa đời Vua Lê-Cảnh-Hưng, sang đến Triều-Nguyễn, Sỹ-Tuấn 32 tuổi, đỗ Tiến-Sĩ khoa Giáp - Thìn, đời vua Thiệu-Trị, Hồ-Sỹ-Thốc đỗ sớm, đến đời Trần-Phế-Đế làm quan đến Học-Sĩ Phụng-Chỉ,

阮功弼

ÔNG NGUYỄN - CÔNG - BẬT

Người làng Khang-Cù, huyện Nam-Trân, Tỉnh Nam-Định, 34 tuổi, đỗ Tiến-Sĩ khoa Nhâm-Thìn, đời vua Lê-Thần-Tôn (niên-hiệu Khánh-Đức). Cụ Tổ nhà ông nghèo lắm. Khi chết, hàng xóm khiêng đi chôn, đến cánh đồng bỗng gặp mưa to gió lớn. Nhân tiện có chỗ trâu dẫm, vội đề xuống đấy, lấy cỏ và bùn lấp qua loa rồi mải miết chạy về. Sáng hôm sau, đã thấy mỗi đùn đất lấp đầy rồi ông đỗ được là phát phúc ở ngôi đất này. Hình đất chỗ ấy là hình con cá chép, huyệt kết ở đuôi cá.

阮國楨　　阮廷柱

NGUYỄN-QUỐC-TRINH — NGUYỄN-ĐÌNH-TRỤ.

Người làng Nguyệt-áng, Huyện Thanh-Trì, Tỉnh Hà-Nội, Cụ Tổ nhà ông vốn là người có âm-Đức. Một hôm, gặp mấy người Tầu đánh rơi một bao tải, trong có vàng bạc, ông nhặt được, đứng chờ ở đó đợi khi người Tầu trở lại, ông trả đủ.

Người ấy muốn tặng lại ông một nửa vàng bạc, ông không nhận. Người Tầu bảo rằng: «Tôi đi xem phong thủy (xem đất) thấy ở đây có một ngôi đất tốt, đang chọn ai có đức thì cho. Nay ông là người có đức tôi xin cho» ông mời người Tầu về nhà, kính trọng khoản đãi thờ như Thày. Khi tìm được đất rồi, chọn được ngày lành đem mộ Tổ đến táng, và dặn rằng đất phát khoa Giáp, khi vào trường thi phải cẩn thận mới đủ Tam-Khôi, nếu không thì không đủ đâu.

Ông hỏi họ tên, ông thày Tầu chỉ viết cho bốn chữ Bình-lục tiên-sinh và nói rằng ngày nào phát phúc, nên nhớ đến tôi, rồi cáo từ đi. Từ đó không thấy tông-tích ông Thày đi lại đấy nữa. Ông vốn làm nghề Thư-Lại, Quốc-Trịnh và Đình-Trụ là cháu ông cụ đó. Hai ông ở với ông cụ lúc Thầy Tàu làm ngôi đất thì 2 ông đã hơi lớn, Sau ông cụ mất, nghèo quá không nơi nương nhờ, phải đến ở với chị lấy ông Tiến-Sĩ người làng, vẫn làm nghề Thư-lại Vì lúc ấy Quốc-Trịnh 17 tuổi, Đình-Trụ cũng đã 12 tuổi. Một hôm ông Tiến-Sĩ mua gỗ về làm Từ-Đường thờ Tổ, bảo hai em vợ rằng: « Nhân tiện, xin làm Từ-Đường cho cha mẹ vợ một thể, chứ hai em làm nghề Thư-Lại có thành lập được cũng chỉ đủ no ấm tấm thân, thời dựng xây sao được Từ-Đường ». Ông Tiến-Sĩ nói thế hai ông thẹn, vì là anh rể nói khích liền đem đồ tịch, ghế

chiếu và nghề thư-lại vất xuống giếng trong làng và thề rằng từ đây về sau nếu còn làm nghề Thư-Lại, xin nguyện trời đất chu-diệt. Nói rồi; nước giếng tự nhiên xôi lên, lâu độ một trống canh Từ đấy hai anh em đi tìm thầy để học. nhưng ngặt vì không có lương thực. Người chị có hiếu hạnh, thầy hai em lập chí như thế mừng thầm, liền theo gấp đến chỗ trọ học, vào lạy Thày hết lòng dậy bảo vì hai em đã lớn tuổi, đi học hơi muộn Lại tìm nhà cho 2 ông trọ và tiếp tục vẫn đủ lương ăn. Ông thày cũng cao kiến, biết 2 ông tất thành đạt, Thày bảo bà chị đừng lo, hai em thế nào cũng thành tài, sẽ không phụ lòng mong đợi của chị. Hai ông học tấn tới, nhưng có tính hay chơi. Một hôm chị đem lương đến thấy Quốc-Trịnh đương thả diều giấy liền vào thưa rõ với Thày, xin thày quở phạt. Thầy gọi Quốc-Trịnh bảo : «Tội đáng đánh đòn. Ta hãy ra câu đối, nếu đối được thì ta tha, nếu không đối được sẽ phải đánh đòn. Ra đối rằng : « bất học hiếu du, vi Tì-giáo » (nghĩa là không học thích chơi, trái lời chị) ông liền đối : « đăng khoa cập đệ, trọng sư-danh » (đỗ khoa cập-đệ nổi tiếng thày) Thày khen là có khí phách đại khoa mà tha cho. Sau hai ông học tiến tới. Năm Bính-Thân đời vua Lê-Thánh-Tôn, niên hiệu Thịnh-Đức, thi Hội hai ông đỗ liền Tam-Trường, đến kỳ thi thứ tư, ông Quốc-Trịnh quên mất mấy đoạn đề mục, ông Đình-Trụ bảo tôi đã nhớ ra rồi Ông Quốc-Trịnh nói : Ta thi đỉnh lấy khôi nguyên, mà còn có để không nhớ, thì sao đáng là Khôi nguyên. Vả đã đi thi, tôi lại phải hỏi còn ra gì nữa. Thôi tôi đành đợi khoa sau lấy khôi nguyên cũng vừa, nói rồi cuốn lều ra.

Khoa ấy ông Đình-Trụ 30 tuổi, đỗ đầu Hội và đầu Đình, nhưng chỉ được đồng Tiến-Sĩ thôi, khoa Kỷ-Hợi sau, niên hiệu Vĩnh-Thọ. Cũng đời vua Lê-nhân-Tôn, ông Quốc-Trịnh 35 tuổi, đậu Trạng-Nguyên (thi Hương bốn kỳ ông đều đỗ đầu) làm quan đến

Thượng-Thư Tước Quận-Công. Thời ấy quân Tam-Phủ kiêu-ngạo lộng hành, ông bàn giảm quân lương chúng biết chuyện đều oán ông, khi ông ở triều ra cửa phủ, chúng vây bắt ông, tay không đánh chết. Triều đình biết rõ bốn tên thủ phạm. Song sợ chúng làm loạn, nên không dám án-luật trị tội, phải nói thác là bốn tên ấy có công sai đi giúp việc các trấn. Bốn tên đi rồi, Triều-Đình mật tư cho bốn vị quan Trấn-thủ chém đầu bốn tên ấy, cùng một ngày, có báo tin về Triều. Vua khiến làm một mâm cỗ sai quan đến quê ông ở làng Nguyệt-áng làm lễ tế ông, phong làm Phúc-Thần và lục dụng các con cháu. Hồi ông chưa đỗ nằm mộng thấy mình ăn đầu người, chưa tán ra sau. Khi đỗ Trạng Nguyên, cho là ứng mộng rồi, nhưng có lẽ mộng ăn đầu người ứng vào việc ông bị giết và bốn tên thủ-phạm bị chém đầu. Về sau con ông Đình-Trụ là Đình-Bạch, năm 25 tuổi đỗ Tiến-Sĩ, khoa Quý-Hợi đời vua Lê-Hy-Tôn (niên hiệu Chính-Hòa) con thứ là Đình-ý 15 tuổi, đỗ cử-nhân 25 tuổi đỗ Bảng-Nhãn, Đình-Nguyên khoa Canh-Thìn (Niên-hiệu Chính Hòa) đến cháu bốn đời là Đình-Quý đỗ Tiến-Sĩ khoa Ất-Vị, đời vua Lê-Dụ-Tôn (Niên-Hiệu Vĩnh-Thịnh) khi 32 tuổi Đời truyền rằng : ông Đình-Bách thi Đình đáng Đỗ Thám-Hoa, vì thất cách nên bị truất xuống chỉ đỗ Tiến-Sĩ. đúng lời kiểu đất. Ông Đình-Ý khi chưa đỗ có làm bài thơ : « Dĩ-Tẽ Khẩu-Mã » có hai câu kết là : « Tha nhật Hoa Sơn tuy vị phóng, Thủ dương hồi cố thượng hàn mao » rõ là khí phách người khôi nguyên thổ lộ ra đó.

Tục truyền rằng: Địa khoán của mộ tổ nhà ấy là : « Đánh khánh muôn người đến, ngược lại muôn người đánh khánh » có ý chỉ việc ông Trạng bị giết. Tôi là con cháu xa của ông được biết tưởng nói không có việc ấy, chỉ nói: Lúc thày Tàu đề mộ cho, có vạch xuống đất câu thơ, nửa câu trên không nhớ, chỉ nhớ nửa câu dưới là : «bất nhiên chỉ tác huyệt đề tâm » nghĩa là : « Nếu không

Thượng-Thư Tước Quận-Công. Thời ấy quân Tam-Phủ kiêu-ngạo lộng hành, ông bàn giảm quân lương chúng biết chuyện đều oán ông, khi ông ở triều ra cửa phủ, chúng vây bắt ông, tay không đánh chết. Triều đình biết rõ bốn tên thủ phạm. Song sợ chúng làm loạn, nên không dám án-luật trị tội, phải nói thác là bốn tên ấy có công sai đi giúp việc các trấn. Bốn tên đi rồi, Triều-Đình mật tư cho bốn vị quan Trấn-thủ chém đầu bốn tên ấy, cùng một ngày, có báo tin về Triều. Vua khiến làm một mâm cỗ sai quan đến quê ông ở làng Nguyệt-áng làm lễ tế ông, phong làm Phúc-Thần và lục dụng các con cháu. Hồi ông chưa đỗ nằm mộng thấy mình ăn đầu người, chưa tán ra sau. Khi đỗ Trạng Nguyên, cho là ứng mộng rồi, nhưng có lẽ mộng ăn đầu người ứng vào việc ông bị giết và bốn tên thủ-phạm bị chém đầu. Về sau con ông Đình-Trụ là Đình-Bạch, năm 25 tuổi đỗ Tiến-Sĩ, khoa Quý-Hợi đời vua Lê-Hy-Tôn (niên hiệu Chính-Hòa) con thứ là Đình-ý 15 tuổi, đỗ cử-nhân 25 tuổi đỗ Bảng-Nhãn, Đình-Nguyên khoa Canh-Thìn (Niên-hiệu Chính Hòa) đến cháu bốn đời là Đình-Quý đỗ Tiến-Sĩ khoa Ất-Vị, đời vua Lê-Dụ-Tôn (Niên-Hiệu Vĩnh-Thịnh) khi 32 tuổi Đời truyền rằng : ông Đình-Bách thi Đình đáng Đỗ Thám-Hoa, vì thất cách nên bị truất xuống chỉ đỗ Tiến-Sĩ, đúng lời kiều đất. Ông Đình-Ý khi chưa đỗ có làm bài thơ : « Dĩ-Tẻ Khầu-Mã » có hai câu kết là : « Tha nhật Hoa Sơn tuy vị phóng, Thủ dương hồi cố thượng hàn mao » rõ là khí phách người khôi nguyên thổ lộ ra đó.

Tục truyền rằng: Địa khoán của mộ tổ nhà ấy là : « Đánh khánh muôn người đến, ngược lại muôn người đánh khánh » có ý chỉ việc ông Trạng bị giết. Tôi là con cháu xa của ông được biết tưởng nói không có việc ấy, chỉ nói: Lúc thày Tàu đề mộ cho, có vạch xuống đất câu thơ, nửa câu trên không nhớ, chỉ nhớ nửa câu dưới là : «bất nhiên chỉ tác huyệt đề tâm » nghĩa là : « Nếu không

thế, chỉ làm bằng lòng huyệt » vì nói đất ấy về phương cần có con sơn cao to là phát Trạng-Nguyên. Thầy đất làm phép thế nào không biết, nhưng có bảo vào thi cần thận thì đỗ Tam-Khôi. Nếu bất cần thì thiếu, sau ông Đình-Bách vì thất cách nên thi sểnh Thám-Hoa. Thế thì khí mạch ngôi đất cùng công dụng của sự làm phép đều không thể hiểu nổi. Nay từ đường nhà ông cũng thờ cả thày Địa-Lý Tàu.

Ông Đình-Trụ hiệu là Chi-Đường, có hơn 70 người học trò đỗ Giáp-Đệ

PHONG THỔ LÀNG MỘ-TRẠCH VÀ ĐẤT VŨ-HỒN

Họ Vũ Làng Mộ-Trạch, huyện Đường-An, tỉnh Hải-Dương, khoa giáp rất thịnh thường mỗi khoa hai. ba người đỗ cùng khóa anh em chú cháu làm quan đầy triều. Thời bấy giờ quan Triều nói đùa rằng : các ông họ Vũ bàn việc họ, việc làng, tại Triều-Đình à ? Khoa Kỷ - Hợi đời Lê-Thần-Tôn (niên-Hiệu Vĩnh-Thọ) quan chủ khảo ngờ trước đây có lẽ vì tư tình nên họ Vũ đỗ nhiều. Khoa ấy bắt đào các hố đất, các ông Cống-Sĩ ngồi dưới hố làm văn, lều phủ lên hố, kiểm soát rất nhặt, chấm quyển rồi khớp phách lại, làng Mộ-Trạch lại có bốn người đỗ Tiến-Sĩ, anh em chú cháu họ Vũ đỗ ba người, là Vũ-Cầu-Hối 42 tuổi, Vũ-Bật-Hài 31 tuổi, Vũ-Công-Đạo 32 tuổi, anh em chú cháu đỗ liền ba người, văn thể không giống nhau lại có Lê-Công-Triều 30 tuổi cùng làng Mộ-Trạch đỗ đồng khoa, mới biết trước đây, không phải tư tình, mà liên quan đến phong thổ của làng ấy. Nghe nói làng ấy có một thửa đất gọi là Tổ-Tiến-Sĩ, chỗ ấy long hổ quanh co đến vài mẫu, trong có sơn mạch chi tiết tràn xuống từng chùm nếu táng được một

---

Quận Tam - Phủ là những quận quê ở Phủ Hà - Trung Phủ Thiện-Thiên và phủ Tĩnh-Gia đời vua Lê-Hiển-Tôn.

ngành thì đời đời phát khoa, mỗi họ được một huyệt. Lại nghe nói họ Vũ táng theo các họ trong làng ấy một huyệt ở gò đất to hình kim-tinh, (Ông Cao-Biền cho là kỳ-hình quái huyệt) phải đào tung kim tinh ra chôn bốn cột sắt và có xích sắt treo quan tài ở trong đậy ván gỗ, rồi lấp đất lên trên.

Từ Vũ-Hồn táng huyệt này. Đời truyền rằng đời Đường nước ta nội thuộc nước Tàu, Vũ-Hồn làm quan ở đất này, lấy vợ người nước ta, xem khắp phong thủy nước ta, chỉ có đất làng này là hơn cả nên gọi là Tổ-Tiến-Sĩ. Vì làm quan Đời-Đường nên đặt tên huyện là Đường-An, ý là lâu dài yên ổn, đặt tên làng Mộ-Trạch ý nói là Đức-Trạch đời trước và người ta rất ưa, táng theo ngôi kim-huyệt, lại táng thêm mấy huyệt ở chỗ Tổ Tiến-Sĩ nữa, Sinh các con, để một chi lại còn một chi đưa về Tàu. Hai chi ở nước ta và nước Tàu đều được khoa giáp hiền đạt.

Sau nước ta có quan sang sứ nước Tàu, gặp nhiều con cháu Họ Vũ làm quan đương triều, có hỏi thăm họ Vũ ở nước ta phát đạt thế nào. Sứ ta cho biết họ Vũ đương đại phát, và đãi sứ ta rất hậu. Họ gửi các vật châu báu và một phong thư nhờ sứ ta đưa cho họ Vũ Làng Mộ-Trạch. Trong thư dặn ngôi đất táng treo ở Kim-Tinh, có giây sắt treo quan tài, một dây sắp đứt, áo quan lệch, phải đánh giây sắt khác, đặt lại áo quan cho bình chỉnh, không nên để sai một ly, và bồi đắp lại như cũ, có họa cả đồ bản gửi theo làm tin. Chắc đời trước có đồ bản và lời dặn để lại như thế đó. Họ Vũ ở nước ta, trước đây cũng biết có ngôi mộ ấy, khi nhận được thư và họa đồ, mở ra quả nhiên đúng trong họa đồ, rồi sửa lại hoàn toàn như cũ. Nay nước ta kể đến khoa giáp thịnh nhứt là họ Vũ, làng Mộ-Trạch còn chi ở Tầu chưa biết phát đạt thế nào.

Xem trong Đăng-Khoa-Lục, thì họ Vũ đã hơn hai mươi ông

TimSachGroup mời bạn xem tiếp phần 2

TimSách
www.timsach.com.vn
Tiếp theo phần 1

Tiến-Sĩ rồi, sự tích họ Vũ đã chép kỹ ở Công-Dư Tiệp-Ký. Nay chỉ ghi các điều nghe được thôi. Từ ông Vũ-Tá-Nghiêu đời Trần-Minh-Tông, đến họ ông Vũ-Huy-Đình đời Lê-Hiến-Tông, tất cả cộng được 25 ông đỗ ĐẠI-KHOA.

寧達公

ÔNG NINH-ĐẠT

Người làng Cối-Trì, Huyện An-mô, Tỉnh Ninh-Bình. Đời ông cha nhà ông mời Thày Tầu về làm đất. Chọn được một ngôi đất rồi, Thày nói với người trong họ rằng; «Đất này lợi ngành thứ, ngành trưởng bị sát, các người ở ngành trưởng có bằng lòng táng không? »

Ngành trưởng nghe theo, khi táng huyệt ở trên núi, Thày dùng cái nõi đất, chỉ táng một đầu lâu, đặt dựng đầu người trong nõi như người ngồi, đằng trước có hòn núi như cái bàng. Sau này ngành trưởng quả nhiên sát. Năm 42 tuổi, ông đỗ Tiến-Sĩ khoa Kỷ-Hợi, đời vua Lê-Thần-Tôn (niên hiệu Vĩnh-Thọ) ông Ninh-Địch 32 tuổi đỗ Hoàng-Giáp khoa Mậu-Tuất (đời vua Lê-Vĩnh-Thịnh) ông Ninh-Tốn 35 tuổi đỗ Tiến-Sĩ khoa Mậu-Thân (đời vua Lê-Cảnh-Hưng) Các ông đều là ngành thứ cả, đúng nhời ông Thày Địa lý đó nói.

黎僖公

ÔNG LÊ-HY

Người làng Thạch-A huyện Đông-Sơn, tỉnh Thanh-Hóa, 19 tuổi, đỗ Tiến-Sĩ, khoa giáp-Thìn, đời vua Lê-Huyền-Tôn (niên-hiệu Cảnh-Tự) làm quan đến Tham-Tụng. Đời ấy có câu rằng:

« Tể-Tướng Lê-Hy, thiên-hạ sầu bi, Tể-Tướng Văn-Hà, thiên-hạ âu ca » (nghĩa là ông Lê-Hy làm tể tướng thì thiên-hạ buồn rầu, ông Văn-Hà làm tướng thì thiên-hạ thái bình) Hoạn nghiệp của hai ông tuy không có điều gì được truyền tụng, nhưng lời ca của dân như thế, tất nhiên có chỉ vào điều gì.

Vậy người Quân-tử, lập nên sự nghiệp phải nghĩ sao cho thiên-hạ được nhờ ơn để phúc về sau, không điều nào lớn hơn điều này. Chúng ta bình nhật học hành những gì? Làm được việc cứu người lợi dân còn lo sợ hổ-thẹn với các bậc Tiền-Triết, huống chi lại lưu độc cho thiên hạ, để bia miệng nghìn năm được chăng? Làm ông Thạch-A, sao bằng làm ông Văn-Hà.

Tôi xét Văn-Hà, là ông Thượng-Thư Nguyễn-Quán-Nho người làng Văn-Hà, 30 tuổi đỗ Tiến-Sĩ khoa Đinh-Vị (đời vua Lê-Cảnh-Trị năm thứ năm) là người đức hậu có tiếng.

鄧廷相

ĐẶNG ĐÌNH TƯƠNG HIỆU LÀ CHÚC ÔNG

Người làng Lương-Xá, huyện Chương-Đức, tỉnh Hà-Nội. Đời truyền rằng: Bà Tổ-Mẫu ông rất nghèo, thường phải xin ăn. Làng ấy có một cánh đầm, nước bốn mùa không cạn, những người cày cấy đi qua phải dùng thuyền. Giữa đầm có một cái gò lớn, những người làm tất phải tụ ở đó nghỉ ngơi ăn uống. Bà cụ theo người ta vào đấy ăn xin, Một hôm trời rét quá bà cụ không chịu được lạnh nằm rạp ở đó, mọi người về quên không gọi. Khi bà cụ thức dậy thì trông bốn mặt không có thuyền nữa, trời lại mưa dầm rét quá, bà cụ chết rét ở đấy. Sáng hôm sau mọi người đi làm chờ thuyền đến, chỉ thấy mối đùn một ngôi mộ. Nhân nghĩ

đến bà cụ hôm qua không về được mà chết ở đây, trời táng cho đất ấy, phát phúc bắt đầu từ ông, Năm 22 tuổi ông đỗ Tiến-Sĩ khoa Canh-Tuất đời Vua Lê-Huyền-Tôn, (Niên hiệu Cảnh-Trị) đi sứ sang Trung-Hoa làm quan đến Tả-Thị-Lang, Lại Bộ cải sang chức Tả-Đô-Đốc, Tả-Lý-Công thần, coi giữ quân doanh Tiền-hòa Thái-Phó, tham dự Triều chính, Quốc Lão, trí-sĩ, Tước quận-Công

Sau lại được khởi phục làm quản Trung-Khuông-Doanh thăng Đại-Tư-Mả chưởng phủ-sự. Lại trí-sĩ lần nữa ; gia phong Đại-Tư-Đồ, hưởng thọ hơn 80 tuổi, mất rồi được truy phong làm phúc-Thần. Đời truyền : Khi Ông hưu trí về nhà, cứ ngày mùng một và ngày rằm, Ông vào kinh sư chầu Vua, khi đi ông tất mang theo cái giỏ tre ở bên mình, để nhân dân ai có kêu oan, và ai có sự gì oan uổng chưa được xét phân minh, cứ viết đơn, bỏ và trong giỏ ấy (tức như hộp thư dân ý). Đi từ làng Lương-Xá đến kinh đô, dân đầu đơn đầy giỏ. Ông vào chầu lấy các đơn ra, tâu với Triều-Đình xét xử cho công bình và thân oan cho họ. Con cháu ông hiển đạt mãi mãi, nên có câu ca dao rằng : « đánh giặc họ Hàn, làm quan họ Đặng » (ý nói họ Đặng sau làm quan rất nhiều khoa giáp vinh hiển) Người Họ tản cư các nơi, đến đâu cũng đỗ đạt vinh hiển, không phải chỉ có ngôi đất này. Tản cư ở đâu được đất ở đó, mà ở đâu cũng phát đạt là nhờ đất xui nên đó.

Đời truyền : Tiên-Tổ họ Đặng trước kia có một nhà hơi khá, một thày Phong-Thủy (Thày-Địa-lý) người Tàu, đến trọ ở nhà ông, để xem đất. Ông thường hậu đãi cơm nước, ở độ vài tháng, đêm nghe tiếng người học trò mật bảo thày rằng : « Đây có ngôi đất to, nhưng sát Thày làm đất, nên chưa dám làm.» Sáng hôm sau vợ chồng ông nói với Thày xin được làm cho ngôi đất, Thày nói dối là khó, chưa tìm được ngôi nào. Ông đem câu nghe được lúc đêm hỏi lại, thày Tàu biết không dấu được ông và cảm lòng

hậu đãi của ông, không chối được, bèn lập mẹo bảo phải lo một trăm quan tiền Thày chắc nhà ông nghèo không lo nổi phải thôi, nào ngờ đâu, ông quả-quyết nhận lời, lập tức bán vườn ruộng được đủ trăm quan; Thày Tàu không từ chối được, lại lập kế nói «Ngôi đất này táng người chết thì không phát.» Nghĩ rằng đến thế thì ông phải thôi' không ngờ ông nhận lời, rồi bảo vợ. Bà vợ bảo để tôi chết cho, ông ở lại nuôi con. Ông bảo ông không biết làm ăn gì, để ông chết, còn bà vợ ở lại làm ăn nuôi con. Hai vợ chồng cứ tranh nhau chết thầy Tầu nghe thấy bảo học trò rằng : Người đời ai không muốn sống. Ta tưởng lập mẹo thế, để họ thôi, ai ngờ vợ chồng họ tranh nhau chết, để được táng vào ngôi đất đó, chả phải ý trời cho nó là gì! trời đã cho thì ta không dám trái, bèn bảo vợ chồng rằng:«Tôi không phải vì tiền mà cũng không phải đất táng người sống, nhưng vì đất sát-sư chết ngay vào tôi, nên tôi đặt điều như vậy để ông bà thôi. Nay ông bà đều không sợ chết, đó là trời cho ông, vậy tôi cũng theo ý trời làm cho ông, và cũng là để tạ ơn lòng tốt của ông bà đối với tôi xưa nay. Vậy thì táng sống ông, còn bà ở lại nuôi con. Khi táng tôi cũng tất chết, số tiền một trăm quan ấy xin mua cho thầy trò tôi mỗi người một con ngựa, táng rồi lên ngựa đi ngay, vì tôi có gia-đình ở Phố Khách bến Bồ-Đề, nơi kinh đô buôn bán, để về được chết ở nhà được nơi nương nhờ, còn thừa bao nhiêu tiền xin vì tôi xây cho ngôi Từ-Đường theo hướng tôi định mà lập, không được sai đến ngày táng.» Thầy bảo ông xuống huyệt rồi bảo học trò lấp cho mau, rồi ra ngay lên ngựa đi, không ngờ con ngựa chưa quen tập, vừa cầm giây cương đã bị con ngựa đá chân vào âm-nang chết ngay tại chỗ. Khi học trò theo đến, thày đã chết rồi. Họ Đặng theo đúng thầy dặn xây Từ-Đường, và xây thêm miếu thờ ở chỗ thầy chết nữa, đến nay vẫn còn ngôi đất ấy tục gọi là non rầy, hình núi xuôi xuôi xuống chỗ thấp như hình con ngô công xuống uống nước. Tục truyền như thế, không biết có đúng không. Nhưng

họ Đặng phát phúc rất thịnh, ở tản mát khắp nơi được rất nhiều không những được một vài ngôi mà thôi. (đất phát cả đến con gái, nên có bốn người lấy chúa). Theo Hoáng.Việt địa dư, Họ Đặng từ đời chúa Văn-Tổ ông Nghĩa-công-Huấn, làm Trung-hưng Công-Thần có con gái lấy chúa Trịnh - An -Vương đẻ ra Trịnh-Tráng, Họ Đặng nối đời vinh hiển, phong quận-công, lấy công-chúa, kiêm chúa trấn-thủ, không sao kể xiết, giầu sang hơn hai trăm năm bất tuyệt.

武 綏 公

ÔNG VŨ THÀNH

Người làng Đan-Loan, huyện Đường- An, tỉnh Hải - Dương, 22 tuổi đỗ Thám-Hoa khoa Ất-Tỵ, đời vua Lê-Hy-Tôn (niên hiệu Chính Hoà) học trò ông hơn 70 người: văn đỗ Giáp-Đệ, vũ đỗ khoa võ cũng nhiều) sau em ông là Vũ-Huyên. con ông là Vũ-Huy, hai chú cháu cùng đỗ Tiến-Sĩ năm Nhâm - Tuất triều vua Lê-Dụ - Tôn (niên hiệu Vĩnh-Thịnh) Khoa ấy chú 43 tuổi, cháu 27 tuổi. Nên có câu đối rằng:

同世同朝三進士　一門一日兩榮歸

Nghĩa là: Cùng đời, cùng Triều ba Tiến-sĩ,

Một nhà một ngày hai vị được vinh qui.

吳 俊 異

ÔNG NGÔ TUẤN-DỊ

Người huyện Thanh- Oai, tỉnh Hà-Nội, 34 tuổi, đỗ Tiến-sĩ khoa Mậu- Thìn đời vua Lê-Hy- Tôn (niên hiệu Chính-Hoà) có tiếng là bậc danh sĩ, nên thời ấy có câu rằng:

俊 荼 俊 異 天 下 有 二

阮 瓊 阮 岩 天 下 無 三

Tuấn-cung Tuấn-Dị, thiên-hạ hữu nhị,

Nguyễn-Quỳnh, Nguyễn-Nham, thiên hạ vô tam»

Nghĩa là : Tuấn-Cung. Tuấn-Dị, thiên-hạ chỉ có hai người,

Ấy Nguyễn - Quỳnh Nguyễn-Nham thiên-hạ không có người thứ ba,

Ông cùng ông Nguyễn-Nham đỗ Đại khoa (Tiến-Sĩ) còn ông Tuấn-Cung và ông Nguyễn-Quỳnh thì không. Đời truyền rằng: Ông Tuấn-Cung có Từ-Đường thờ ở Trung-quốc, ba lần thác sinh sang nước ta mà không đỗ. Vì rằng, đời bấy giờ văn vận nước ta đang thịnh; các vị thần nước Tầu luôn luôn giáng sinh ở nước ta. Không phải một mình ông mà ông không đỗ được, không phải là không có cớ. Vậy thì các sĩ phu phải lấy đức hạnh làm gốc, đừng chỉ cậy văn nghệ (ông Nguyễn-Nham người làng Phùng-Xá huyện Thạch-Thất, đỗ Tiến-Sĩ khoa Ất-vị, đời vua Lê-Vĩnh-Thịnh.

Ông Nguyễn-Quỳnh người làng Bột thượng, huyện Hoàng-Hoa tỉnh Thanh-Hóa, có tài, đỗ Hương-Cống cuối đời Lê.)

阮邁

ÔNG NGUYỄN - MẠI

Người làng Ninh-Sá, huyện Chí-Linh, tỉnh Hải - Dương. 37 tuổi đỗ Hoàng-Giáp, khoa Tân-Vị, Triều vua Lê Hy-Tôn (niên-hiệu Chính-Hòa). Đời truyền ông xử kiện rất giỏi; công minh và biết rõ nhân tình Ông làm quan trấn -thủ tỉnh Sơn-Tây. Một hôm ông đi bộ, thấy một người đàn bà mất một cái màn mà chửi rủa. Ông sai trói người đàn bà ấy ở quán, rồi cho gọi hàng xóm đến, ông mắng người đàn bà rằng: mất một cái màn đáng giá bao nhiêu tiền mà chửi tổ tông người ta? Ông sai tất cả đàn ông đàn bà xóm làng ấy vả vào má người đàn bà. Mọi người sợ lệnh ông, nhưng thương hại người đàn bà không nỡ tát mạnh. Duy có một người đàn bà trong đám, hết sức tát thật mạnh, vì người ăn trộm cái màn, giận

người kia chửi rủa nhưng không biết ý ông, mà chỉ khoii được tát cho sướng tay, ông liền bắt cho điều-tra, Quả nhiên phải nhận tội, ai cũng khen là thần-minh.

晟劍盜

ÔNG PHẠM-KHIÊM-ÍCH (hiệu là Kính-Trai)

Người làng Kim-Sơn, huyện Gia-Lâm, tỉnh Bắc-Ninh. Hồi ông chưa đỗ, đến cầu mộng ở đền Chân-Vũ. Thần cho một chữ (Hoăng) (nghĩa là chết) trong lòng ông vẫn lo và ngờ là chết non. Năm 32 tuổi đỗ Thám-Hoa, khoa Canh-Dần, triều vua Lê-Dụ-Tôn (niên hiệu Vĩnh-Thịnh) làm quan đến Thượng-Thư Thái-Tể, Tước Thuật Quận-Công, vinh phong là công Thần, làm Thống-Lãnh các trấn. tặng là Đại-Tư-Không, ngày chết được viết chữ (Hoăng) 薨

(Các vị khanh Tướng khi chết mới được viết chữ Hoăng, tỏ là làm quan khanh tướng).

洋日高

ÔNG DƯƠNG NHẬT-CAO

Người làng Hà-Lỗ, huyện Đông-Ngạn, tỉnh Bắc-Ninh. Thời còn nhỏ, ông mộng thấy thần bảo rằng: «anh suốt đời là dân hạng» Ông nghĩ có lẽ không đỗ. Năm ngoài 40 tuổi, ông thi hạch ở tỉnh và thi Hương đều không đỗ sau vua Lê-ý-Tôn (niên hiệu Vĩnh-Hựu) khoa mậu-Thìn ông là dân hạng mà được đỗ Hoàng-Giáp.

阮仲常

ÔNG NGUYỄN-TRỌNG-THƯỜNG

Người làng Trung-Cần, huyện Thanh-Đàm (nay đổi là Thanh-

Trì) tỉnh Hà-Nội. Khi còn ít tuổi đọc sách ở nhà, mỗi khi đốt đèn lên đọc sách, khi tiếng người yên lặng rồi thấy người con gái rất đẹp áo xiêm lộng lẫy, đứng dựa ở cửa. Ông hỏi ở đâu đến ? Người ấy không trả lời một lát bỏ đi. Ông lấy làm lạ, Về sau thường thường vẫn thấy đến. Ông cũng cho là quen, không dám đùa cợt, nhưng hỏi thì không nói; sau ông sắp đến kinh-sư-học, đương mải sửa soạn hành lý, nghỉ không đọc sách hai ba ngày, không thấy người con gái ấy đến, ông nghĩ thầm: «ta thử đem sách ra đọc, nếu nó đến ta chòng ghẹo nó, mà hỏi xem nó trả lời ra sao!» bèn lấy sách ra đọc, khi tiếng người yên lặng; lại thấy người con gái đến đứng nguyên chỗ cũ, Ông sấn ra kéo áo trêu cợt, người ấy dằng áo mà chạy nói «Tôi thấy anh nhà nghèo học hành khổ hạnh; chắc là quyết chí bước đường mây, để được phỉ nguyền. Nên tôi không ngại xa ngàn dặm mà đến thăm. Nếu sinh lòng hoa-nguyệt, thì tự nhiên ta không đến nữa, ngày khác sẽ gặp nhau ở trạm Ba-Lăng,» nói rồi biến mất. Ông nghe nói kinh sợ, không hiểu ý gì mà cũng không biết trạm Ba-Lăng ở đâu Sau ông đỗ Tiến-Sĩ khoa Nhâm-Thìn (triều vua Lê-Vĩnh-Thịnh,) vâng mệnh đi sứ sang Tầu, qua quán trạm Ba-Lăng, nhớ đến lời nói người con gái, hỏi thổ dân ở đó rằng: «Ở đây có đền thờ nào không ?» Thổ dân nói : có đền thờ hai vợ chồng vị-thần, xưa kia rất thiêng. Nhưng từ năm .. kém thiêng tức là năm để mình, biết là mình tất lại về đền này. bèn bỏ của nhơ dân sửa lại ngôi miếu. Khi đi sứ về qua đấy, mộng thấy người con gái đến bảo rằng, «sang chơi nước Nam có vui không? nhà này không có chủ. phải về đây làm chủ» ông tỉnh mộng, liền bị bệnh chết dọc đường; sau được truy tặng quận công.

暹士裴

BÙI - SĨ - TRIỀN

Ông người làng Minh-Dũ, huyện Đông-Quan, tỉnh Nam-Định

Ông là một danh sĩ thời bấy giờ. Lúc đó các học giả đều ùn ùn kéo nhau về kinh-đô du học, phần nhiều các trường lớn, đều ra đầu bài làm văn luyện thi, ông đi khắp các trường đến trường nào cũng làm văn, trong một ngày ông nộp năm trường, mỗi trường một quyển đều là tên ông cả, ai nấy đều kính phục. Một đôi khi ông có sang chơi bên Giang - Bắc, ở đó có một cái miếu thờ bà nàng rất là linh ứng, ông đề bài thơ giỡn chơi. Bà Nàng liền bà mộng cho thổ dân ở đấy rằng : Ta bị Bùi-Công-Măng đuổi, không thể ở yên đây được, vậy các ngươi nên kêu người tha tội cho ta nếu không thì tội lây đến cả các ngươi nữa ? « Bọn dân làng bèn vào trong miếu thấy có bài thơ, hỏi ra mới biết chữ của ông. Dân làng bèn đem câu chuyện thần báo mộng nói với ông, ông liền xóa sạch chữ đi.

Thời bấy giờ nước ta chỉ có Chân-Võ-Quán ở phía Bắc thành Hà-Nội là linh thiêng nhứt, các học trò đi thi đều ăn chay đến đó cầu mộng, rất là ứng nghiệm, ông không tin liền ăn thịt chó đi cầu mộng, suốt đêm chẳng thấy gì, cùng đi với ông cũng có 2, 3 người, một người mộng thấy có một người cởi trần đồ dầu vào cây đèn trước bàn thờ Thần, ông và mọi người đều không biết là ý gì cả, khi ông đi cầu mộng cũng không bảo gì với chủ nhà trọ cả. Đến lúc về chủ nhà trọ đón ông hỏi rằng : « đêm qua đi cầu mộng, sao lại bất kính thế ? » Ông hỏi : sao biết ? » Chủ nhân nói : « Đêm qua tôi mộng thấy thần bảo tôi rằng : « Bùi-sĩ-Tiêm lại cầu mộng hỏi ta, mà lại ăn thịt chó, ta thấy tiết mạn như thế, nên ghét không muốn bảo, khoa này ông ta sẽ đỗ Hoàng - Giáp ta bảo cho mà biết ». Ông nghe nói, giật mình sợ hải, mới tin rằng quỷ thần không thể tiết mạn được, mà Chân-Vũ-Quán cũng là nơi linh ứng nhứt, nhân tiện lại đem câu chuyện nằm mộng thấy đổ dầu; mà không biết là ý làm sao ? Chủ nhân nói : Xích thân là phi y (非衣) đó là chữ Bùi (裴) còn du (油) là do

(由) vì tiếng đọc hai chữ như nhau, chữ do (由) viết rồi lộn ngược lại thành chữ giáp (甲) dầu mà rót xuống là lộn ngược sắc của dầu thì vàng là chữ Hoàng (黃) còn cái đèn là chữ đăng (燈) tức là chữ đăng (登) họp lại thành ra năm chữ : phi y đăng Hoàng-Giáp (非衣登黃甲) Vì ông bất kính, nên thần không bảo, mà bảo với tôi. Ông nghe thấy thế càng thêm sợ hãi, quả nhiên năm đó ông mới 26 tuổi, đỗ Đình Nguyên Hoàng-Giáp khoa Ất-Mùi niên hiệu Vĩnh-Thịnh (triều vua Lê Dụ-Tôn). Trước kia lúc ông chưa đỗ hương thí tính thi khoa đó ông 18 tuổi mà một lần thi đỗ ngay. Khi ông làm quan, rất là ngay thẳng ngang ngạnh vì nói thẳng, trái ý của triều đình nên bị thải hồi.

Sau khi ông mất, trong văn tế có câu rằng :

Dĩ cái thế văn chương, suy chi vì đình nguyên nhất cử,

以蓋世文章推之爲庭元一舉

cổ kim khoa mục chi sở vô.

古今科目之所無

Dĩ mãn xoang trung nghĩa, phất chi vi phong

以滿腔忠義發之爲封

sự thập dư điều, phủ diệt gian hùng ư vị tử;

事十條斧鉞奸雄於未死

Nghĩa là :

Lấy tột bực văn chương, một phen thi đỗ Đình - Nguyên, nổi tiếng khoa danh trong lịch sử.

Đem một bầu trung nghĩa, mười điều giảng trình biểu tấu, gắt gao lên án bọn gian hùng,)

Như vậy ông thật là không thẹn với khoa danh, nhưng mà quỷ thần nên kính mà coi xa là hơn, chớ có thấy ông như thế mà bắt chước sinh lòng càn dở vô hạnh.

Trước kia ông có đến chơi nhà ông Hương-Cống là Danh-Giản ông Danh-Giản có ra câu đối rằng:

Nhân gian tự gián cái nhân gian
人 間 自 個 盖 人 間
Ông liền đối rằng :
Nhật tiến vi Tiêm tùy nhật tiến.
日 進 爲 遄 隨 日 進

阮 卓 輪

NGUYỄN TRÁC LUÂN

Người làng Bình-Lao, huyện Cẩm-Giàng, tỉnh Hải - Dương. Năm 22 tuổi đỗ Hoàng - Giáp khoa Quý-Hợi, niên hiệu Bảo - Thái (triều vua Dụ-Tôn nhà Hậu Lê) Ông là một danh sĩ thời bấy giờ. Em gái ông là bà Thị-Điểm thông minh chẳng kém gì ông, rất giỏi nghề làm văn, khi ông chưa đỗ, có một hôm ông rửa chân ở dưới ao, thấy em gái đương soi gương đánh phấn, ông đọc luôn một câu rằng:
Chiếu kính hoạ my, nhất điểm phiên thành lưỡng điểm
照 鏡 畫 眉 一 點 翻 成 兩 點
Em gái ứng khẩu đọc luôn rằng :
Lâm trì tẩy túc, chích luân chuyển tác song luân
臨 池 洗 足 隻 輪 轉 作 雙 輪
Nghĩa là:
Soi gương kẻ lông mày, một nét (Điểm) hoá thành hai nét ;
Xuống ao rửa chân, một vòng (Luân) hóa ra hai vòng.
Lại một hôm ông tới thư phòng em gái đọc một câu rằng:
Huynh lai đường thượng tầm song nguyệt;
兄 來 堂 上 尋 雙 月

Người em gái đang ngồi trước cửa sổ bắt chấy ứng khẩu đọc luôn rằng:

Đệ hướng song tiền tróc bán phong.

弟向窗前捉半風.

Nghĩa là:

Anh lên trên nhà, tìm hai chữ nguyệt (chắp lại thành chữ bằng là bạn.)

Em ở trước cửa sổ bắt nửa chữ phong (nghĩa là chữ sắt là con chấy).

Bình nhật anh em ông, xướng họa đối đáp với nhau luôn luôn. Người ta thường ví anh em ông như anh em nhà họ Tô bên Tàu.

Bà Điểm có viết cuốn Truyền-Kỳ Tân-Lục.

Lúc bấy giờ có ông Nguyễn-Quỳnh, cũng giỏi nghề đối đáp, thường ra câu đối cho bà Điểm. Bà cũng đối luôn không chịu thua bao giờ.

Xét ra nước nhà đôi khi có sản xuất những bậc phụ nữ thông minh. Người ta nói rằng : có một bà cung phi nào đó, người rất thông minh, học rộng, các sách kinh-sử bách gia, đều rất thông suốt. Có một ông thông gia nọ, sức học rất phong phú, làm văn hay dùng chữ lạ, vào 4 kỳ thi Hội, viết văn rất đắc lực. khi ra ngoài nói với người ta rằng : Văn của tôi viết chỉ có chị tôi là Bà phi điểm duyệt được thôi ? rồi sau quyển của ông ta cũng được trúng cách, nhưng trong bài dùng nhiều chữ lạ lùng bí hiểm, quan trường cũng không biết hết xuất xứ ở đâu, nên cho đỗ thấp. Khi đệ lên Vua sai bà phi duyệt kỹ lại, ông được đỗ thứ nhứt. Đầu bài 4 kỳ thi Hội, vua thường ngờ bách quan có sự thiên tư, thì tất nhiên vua lại sai bà phi ra đầu bài mới khác.

阮宗峯

NGUYỄN - TÔN - PHONG

Hiệu là Thư-Hiên, người làng Phúc - Khê, huyện Ngự-Thiên (nay đổi là Hưng-Nhân) tỉnh Thái-Bình. Buổi thiếu thời ông chơi bời lêu lổng, cha ông ghét đuổi ra khỏi cửa, mặc ông muốn đi đâu thì đi. Bà mẹ thương hại cho trộm áo cơm, năm qua tháng lại, thấm thoát đã 17 tuổi, sau ông hối cải, liền về lạy tạ cha xin đi học Đêm hôm đó, ông nằm mộng thấy mình xé cả kinh sử ra nhai nuốt, đến ngày hôm sau, đọc sách rất thông minh, thấy khác hơn trước, học nghiệp tiến mạn . Năm 29 tuổi, đỗ Hội-Nguyên Tiến-Sĩ, khoa Tân-Sửu, niên hiệu Bảo-Thái (triều vua Dụ-Tôn nhà Hậu Lê). Ngày hôm Đình đối, văn ông đáng đỗ Bảng-Nhãn, chỉ vì thất cách, phải đánh tụt xuống Hoàng-Giáp, làm quan đến chức Hộ-Bộ-Thị Lang. Ông giỏi về thơ, hai lần phụng mạng đi sứ sang Tàu, để vịnh rất nhiều. Người Tàu khen ngợi ông rằng : « Bên quý quốc chắc hẳn có một mình ông biết thơ, cho nên luôn luôn phụng mệnh đi sứ. » Ông liền từ tạ thưa rằng : « Quốc gia tôi sai các triều thần đi sứ xa xôi, nhiều người không muốn đi, mỗi lần đi sứ phải khảo thí quần thần, người nào cuối cùng thì phải đi, đình thần nhiều người giỏi thơ, tôi không bằng họ, hai lần khảo thí đều cùng rốt nên phải đi sứ luôn. » Người Tàu tuy biết là nói dối nhưng cũng khen là người ứng đối giỏi, nay có tập «Sứ-Hoa-Tòng-Vịnh » vẫn còn lưu hành.

Phúc-Khê nay đổi là xã Phú-Khê, thôn Phúc-Lâm, tục gọi là quan Nghè-Xâm, khi phụng mệnh đi sứ lại gọi là quan Xứ-Xâm làm tới chức Hộ-Bộ Tả-Thị-Lang, bị khiển trách truất chức xuống Thị-Giảng.

Lúc ông chưa đỗ, có người con gái ra câu đối rằng :

Lang phòng ảnh chiếu thư đường, tiểu-tử hữu tình

榔房影照書堂小子有情

nan trích thực.

難摘實

Ông liền đối rằng :

Quế thụ thiên quang nguyệt quật, đại nhân cử thủ

桂樹天光月窟大人舉手

tất phan chi.

必攀枝

Tạm dịch :

Nhà học bóng cau soi, tiểu-tử muốn ăn khôn ngắt trái (quả);

Cung trăng cây quế tỏ, đại-nhân tay với phải vin ngành (cành).

Sau đó người em gái không có con cái gì cả, mà ông thì đỗ Tiến-Sĩ.

汪士端

UÔNG - SỈ - ĐOAN

Người làng Võ - Nghị, huyện Thanh-Lan (nay đổi là Thanh-Quan) tỉnh Nam-Định. Thân phụ ông nghèo lắm nhưng tính rất thực thà, làm nghề thợ may, vải may còn thừa tuy chút ít cũng trả lại, suốt đời không có cạnh tranh với ai bao giờ, đến khi chết, các sư ni độ táng cho. Làng Võ-Nghị gần bể, các sư ni đưa đến một cái gò toan táng trông ra biển, một người sư ni nói : Ông này thường ngày thực thà, có tính nhút nhát, nay táng trông ra bể e khiếp sợ sóng biển, thần phách không yên, không bằng trông ra ruộng, quay lưng ra biển là hơn, các sư ni liền nghe theo. Kiểu đất làng đó trước kia có câu « Ngôi đất Võ-Nghị, hốt sơn xuất quý », tức là chỗ này.

Lúc bấy giờ ông còn nhỏ, sau lớn lên đi học. Năm 28 tuổi đỗ Tiến-Sĩ khoa Tân-Sửu, niên hiệu Bảo-Thái (triều vua Hậu-Tôn nhà Hậu-Lê) là phát ở ngôi mộ này.

Sau con ông là Sĩ-Điền 30 tuổi đỗ Tiến-Sĩ năm Cảnh-Hưng (triều vua Hiển-Tôn nhà Hậu-Lê). Cha con cùng làm quan đồng triều. Ông Sĩ-Điền là người có tiếng sĩ-hạnh, thụ nghiệp ông Trần-văn-Trứ ở Từ-Ô. Lúc ông đã làm quan rồi, một hôm ông vào yết kiến ông Từ-Ô, ông mặc áo thường, đi bộ, không đem theo người hầu hạ, ông sụp xuống lạy, bấy giờ ông Từ-ô đang đánh cờ với khách, cũng tưởng là học trò thường đến yết-kiến, nên không để ý đến rồi ngồi lẫn vào đám người nhà, trong đám người hầu hạ, cũng không biết là ông. Khi tan cờ ông Từ-Ô hỏi là ai ngồi đấy, ông đứng lên thưa, kể rõ họ tên, ông Từ-Ô mới nhận ra ông, và người nhà mới biết là quan triều.

Người học trò lấy nết na làm gốc, mà ông nết na như vậy, thì sự đỗ đạt cố nhiên do ở đức của tiên ấm, mà nết na đó, biết đâu lại chẳng phải là việc lựa chọn của Đế đình đó ư ? Như vậy thật là gương mẫu cho chúng ta.

何宗勳

HÀ-TÔN-HUÂN

Người làng Kim-Vực, huyện An-Định, tỉnh Thanh-Hóa. Người ta truyền lại rằng : trong làng ông có một cái vực lớn, trong vực có một con ba-ba thần, thường nổi lên trên mặt nước mà không sợ người. Một hôm mẹ ông ra múc nước, con ba-ba liền lặn đến, gần sát bà mẹ, nổi lên trước mặt, bà mẹ sợ quá, ù té chạy, vì thế mang thai, từ đó thần ba-ba không hiện lên nữa, liền sinh ra ông, là thần ba-ba thác sinh. Sau ông 28 tuổi, đỗ Bảng-Nhãn khoa Giáp-Thìn, niên-hiệu Bảo-Thái (triều vua Hậu-Tôn nhà hậu Lê) làm quan đến chức Tham-Tụng, lĩnh chức Thiếu-Bảo Huy-Quận-

Công, có tập phương ngôn bằng quốc âm dạy con, được lưu truyền trên đời. Ngày thường trong nhà có chỗ chứa nước, hằng ngày ông vẫn tắm ở đó, đó là tính của ba ba vậy.

Lúc còn nhỏ, thân phụ sai ông đi mua lịch, ông lấy quyển lịch xem xong một lượt, trở về tay không, thân phụ ông hỏi lịch đâu. Ông thưa rằng con đã xem kỹ rồi, bất tất phải mua lịch nữa, cha ông lấy làm lạ, sai người đi mua lịch về để thử xem, quả nhiên ông đọc thuộc lòng (trích ở sách Thoái-Thực Ký-Văn).

陳文煥

TRẦN - VĂN - HOÁN

Người làng Từ-Ô huyện Thanh-miện, tỉnh Hải-Dương. Ông 35 tuổi đỗ Tiến-Sĩ khoa Giáp-Thìn niên hiệu Bảo-Thái (triều vua Lê-Dụ-Tôn). Đời truyền rằng: Đồng thời với ông, có một Tiến-Sĩ làm một bài Tâm-Hữu-Chế, để giễu ông Trần-Văn-Hoán, văn làm bằng quốc âm có câu rằng:

Kích Lô-Thoa nhi báo quốc, kỳ khắc hữu huân. Sinh cục kịch

擊嚧哆而報國其克有勳

dĩ truyền gia, khắc xương quyết hậu.

生喎喇以傳家克昌厥後

Tạm dịch là:

Đánh quân giặc Lô-Thoa để báo quốc, lập được nhiều công lao.
Sống cuộc đời cục kịch để truyền gia, cho dồi dào con cháu.

Lại có câu rằng:

Thân-Hầu đỗ khoa hầu, Trạng-Huệ khuyên lân đắc mã chi câu.

身候杜科候狀狀稔鄰得馬之拘

Gia-Hương tập đạm thầy, Tả-Binh điểm chấm chinh miêu chi chữ

嘉鄉習淡禁左兵點湛稔征苗之字

Câu dưới: khuyết nghi.

đi nấp trốn cả, người lính không còn kiếm cơm, rượu, vào đâu được, liền sục sạo các nhà, chợt khi tới nhà bà Tổ-mẫu của ông. thấy sắp sẵn một mâm xôi, một cẳng giò heo đã luộc chín rồi, hỏi có việc gì mà có vật đó, Bà Tổ-mẫu nói: Nhà thiếp có ngôi mộ tổ lâu ngày ván lạt đã nát, sắp cải táng, cho nên sửa cái lễ này để tạ thần linh, người lính hầu hỏi: «Ai táng hộ cho nhà Bà». Bà Tổ-mẫu nói: «Nhà thiếp nghèo quá, không lấy gì rước thầy được, trong làng có ông Pháp-môn giữ chùa cũng thường để đất cho người ta, thiếp sắp đi mời, thì không ngờ gặp quan sai về, ông thầy cũng sợ trốn nấp, nên thiếp phải đợi». Người lính lúc bấy giờ cũng đã đói rồi, liền nói rằng: «Tôi cũng biết làm đất, bất tất phải đợi thầy Pháp-môn, tôi sẽ táng dùm cho, lễ thần linh thì trầu cau cũng được, sôi lợn này để tôi ăn, rồi sau sẽ táng, Bà Tổ-mẫu đợi thầy Pháp-môn lâu rồi mà không thấy đến. Vả lại thấy người lính nói năng giảo-quyệt cũng có ý sợ, nên không giám trái ý. Nguyên người này không biết địa-lý chi cả, chẳng qua nói dối đàn bà để ăn xôi thịt, liền hạ lễ vật xuống, ăn xon rồi nói rằng: «Mộ Tổ nhà bà ở đâu? bảo người khênh đi theo tôi». Nói rồi liền ra một nơi tha ma ở sau làng, thấy nơi đó có một sơn mạch dũ xuống, tròn trặn đáng yêu, liền quay vào nơi đó định huyệt, không ngờ kiểu đất này là chân long thủy nhủ long hồ rất rộng và rất xa, có ngọn bút kình thiên làm án, trông cao lớn lắm. Khi táng xong người lính liền khoác lác nói rằng: «Đất này phát phúc lớn lắm» miệng tuy nói vậy, nhưng cũng không biết long hồ ở chỗ nào? và long mạch từ đâu lại. Sau ông 29 tuổi đỗ Tiến-Sĩ khoa Quý-Hợi niên hiệu Chính-Hòa (triều vua Hi-Tôn nhà hậu Lê) làm quan đến chức Tham-Chính.

Khoa thi năm Tân.Hợi, niên hiệu Vĩnh-Khánh (triều Hôn-Đức-Công nhà hậu Lê) người con trưởng là ông Ninh, 29 tuổi đỗ Hoàng Giáp, người con thứ là ông Lâm 27 tuổi đỗ Tiến-Sĩ, anh em đồng khoa, cả hai cùng làm quan đến chức Thượng-Thư, cùng về trí

đi nấp trốn cả, người lính không còn kiếm cơm, rượu, vào đâu được, liền sục sạo các nhà, chợt khi tới nhà bà Tổ-mẫu của ông, thấy sắp sẵn một mâm xôi, một cẳng giò heo đã luộc chín rồi, hỏi có việc gì mà có vật đó, Bà Tổ-mẫu nói: Nhà thiếp có ngôi mộ tổ lâu ngày ván lạt đã nát, sắp cải táng, cho nên sửa cái lễ này để tạ thần linh, người lính hầu hỏi: «Ai táng hộ cho nhà Bà». Bà Tổ-mẫu nói: «Nhà thiếp nghèo quá, không lấy gì rước thầy được, trong làng có ông Pháp-môn giữ chùa cũng thường để đất cho người ta, thiếp sắp đi mời, thì không ngờ gặp quan sai về, ông thầy cũng sợ trốn nấp, nên thiếp phải đợi». Người lính lúc bấy giờ cũng đã đói rồi, liền nói rằng: «Tôi cũng biết làm đất, bất tất phải đợi thầy Pháp-môn, tôi sẽ táng dùm cho, lễ thần linh thì trầu cau cũng được, sôi lợn này để tôi ăn, rồi sau sẽ táng, Bà Tổ-mẫu đợi thầy Pháp-môn lâu rồi mà không thấy đến. Vả lại thấy người lính nói năng giảo-quyệt cũng có ý sợ, nên không giám trái ý. Nguyên người này không biết địa-lý chi cả, chẳng qua nói dối đàn bà để ăn xôi thịt, liền hạ lễ vật xuống, ăn xong rồi nói rằng: «Mộ Tổ nhà bà ở đâu? bảo người khênh đi theo tôi». Nói rồi liền ra một nơi tha ma ở sau làng, thấy nơi đó có một sơn mạch dũ xuống, tròn trặn đáng yêu, liền quay vào nơi đó định huyệt, không ngờ kiểu đất này là chân long thủy nhủ long hồ rất rộng và rất xa, có ngọn bút kình thiên làm án, trông cao lớn lắm. Khi táng xong người lính liền khoác lác nói rằng: «Đất này phát phúc lớn lắm» miệng tuy nói vậy, nhưng cũng không biết long hồ ở chỗ nào? và long mạch từ đâu lại. Sau ông 29 tuổi đỗ Tiến-Sĩ khoa Quý-Hợi niên hiệu Chính-Hòa (triều vua Hi-Tôn nhà hậu Lê) làm quan đến chức Tham-Chính.

Khoa thi năm Tân-Hợi, niên hiệu Vĩnh-Khánh (triều Hôn-Đức-Công nhà hậu Lê) người con trưởng là ông Ninh, 29 tuổi đỗ Hoàng Giáp, người con thứ là ông Lâm 27 tuổi đỗ Tiến-Sĩ, anh em đồng khoa, cả hai cùng làm quan đến chức Thượng-Thư, cùng về trí

sĩ, cùng được tặng hàm Thiếu-Bảo, cháu ông là Âu đỗ Hoàng-Giáp khoa Đinh-Mùi, niên hiệu Chiêu-Thống (nhà hậu Lê).

阮 儼

NGUYỄN-NGHIỄM

Ông người làng Tiên-Điền, huyện Nghi-Xuân, tỉnh Hà-Tĩnh. Tổ tiên ông cũng có biết địa-lý. Ở trong làng có bãi Sa ma, cây cối um tùm. Một hôm ông đi chu du sơn thủy, thấy mỏi mệt, liền nghỉ dưới gốc cây rồi ngủ gà, mơ thấy thần bảo rằng : «ở bãi sa-ma này có đất to sao không tìm đi». Vì ở đây hoang vu rậm rạp, ít người đi đến, các thầy địa-lý cũng chưa ai để ý đến chỗ này. Ông tỉnh dậy liền vào bên trong tìm kiếm, thấy một nơi đất thấp trũng xuống ở giữa hơi lồi lên, liền hạ la-bàn xuống ngắm, có một đứa chăn trâu nói rằng: mới rồi cũng có một ông cụ già cũng xách một cái la-bàn to đến ngắm ở đây, nhưng đi xuống vài bước, thì cái hướng ông cụ già để ở chỗ đó, khác với hướng của ông đề. Ngày hôm đó không có ông thầy địa-lý nào đến đây cả. Ông biết đó là thần nhân liền đúng theo chỗ hạ trước mà định huyệt, ra ngoài coi xem hình thế, thì long hổ triều ứng rất xa, mà đất này tức là long hành đến lưng chừng thì thắt eo xuống.

Về sau ông Nguyễn-Nghiễm 24 tuổi đỗ Hoàng-Giáp đời vua Vĩnh-Khánh (Hôn Đức Công nhà hậu Lê) làm quan đến chức Tham Tụng Thượng-Thư Đại-Tư-Đồ Xuân-Quận-Công. Về trí sĩ rồi lại được triệu ra cầm quyền tướng vị hơn 10 năm, hộ giá đi Bình-nam, phụng ban chức Tả-Tướng-Quân Khai-Doanh, khi mất được bao tặng Phúc-Thần. Anh là ông Nguyễn-Huệ, 29 tuổi, đỗ Tiến-Sỹ khoa Quý-Sửu, niên hiệu Long-Đức, (triều vua Thuần-Tôn nhà Hậu Lê) cũng được phong Phúc-Thần. Con là ông Nguyễn-Khản 27 tuổi đỗ Tiến-Sỹ khoa Canh-Thìn niên hiệu Cảnh-Hưng (triều vua Hiến-Tôn nhà hậu Lê) cũng lấy võ công đi bình nam, được đổi sang Võ-

chức, kiêm chức trấn thũ Sơn-Tây, Hưng-Hoá, được thăng Lại-Bộ Thượng-Thư, chưởng quan đạo quân Nhất-Hùng. Cha con cùng làm quan một triều, Ông Khản giỏi về quốc âm, có diễn nôm bài Chinh-Phụ- Ngâm được lưu hành ở đời. Ông được nhà vua tin dùng nhất, vinh hoa phú quý, nổi tiếng một thời. Tòa sảnh đường ở Trường-An có câu đối rằng :

長安城名臣家. 琴棋詩畫, 阮謝湖山, 或於斯攸事於斯文章. 於斯翰墨笙歌萬般春意

宰相子進士第袍笏簪纓省臺苑閣, 兼如此人物如此際遇, 如此門庭氏譜百世流香

DỊCH ÂM

Trường An thành, danh thần gia, cầm, kỳ, thi, họa, Nguyễn-Tạ, hồ sơn, hoặc ư tư chính sự, ư tư văn chương, ư tư hàn mặc, sinh ca, vạn ban xuân ý.

Tể tướng tử, Tiến-sĩ đệ, bào, hốt, trâm, anh, tỉnh đài uyển các, kiêm như thử nhân vật, như thử tể ngộ, như thử môn đình, thị phả bách thế lưu hương.

DỊCH-NGHĨA

Ở trong thành Trường-An, có nhà của bậc danh thần, có cầm, kỳ, thi, họa, có núi và hồ của họ Nguyễn, họ Tạ, hơn nữa ở đây có Chính - Sự, ở đây có văn chương, ở đây có hàn mặc sinh ca, tất cả muôn thứ đều là xuân cả.

Là con quan tể tướng, thi đỗ Tiến-Sĩ, đủ bào, hốt, trâm, anh, làm việc ở các toà uyển, ở các tỉnh đài, gồm có những nhân vật như thế, thị phả nền nếp dòng dõi như thế, để tiếng thơm hằng mấy trăm đời.

Về sau bị quân Kiêu-binh đuổi đi. Đến bây giờ đời đời vẫn còn trâm anh kế tiếp.

Trong sách An-Nam-Nhất-Thống-Chí có nói rằng: Ông Nguyễn Khản là người có tính cách hào hoa, giỏi nghề đàn hát, thực là một bực đại thần phong lưu. Ông ở Kim-Âu-Đình, trong đó có cả sơn, thủy, trúc, đá, trông có cảnh trí hứng thú, Chúa Trịnh thường ngự ra chơi nhà, ban thưởng rất nhiều. Lại có người em là ông Nguyễn Thích làm Điển-Nhạc-Hầu.

阮伯璘

NGUYỄN-BÁ-LÂN

Người làng Cổ-Đô, huyện Tiên-phong, tỉnh Sơn-Tây. Thân phụ ông là ông Nguyễn công Hoàn (đậu Thủ Khoa khoa Giáp Thìn niên hiệu Bảo-Thái nhà Lê) tính rất nghiêm khắc. Ông hết sức chiều theo ý muốn của cha. Ngày thường hai cha con ông cùng học ganh đua hơn kém với nhau, ông Công-Hoàn bảo ông rằng: Văn bài tao hơn mà yi hì tao ăn đứt mày phải không ? Mày hơn tao thì mày ăn đứt tao phải không? đêm học thường để cái dùi ở bên, và bảo ông rằng : «Mày buồn ngủ thì tao đánh mày, tao buồn ngủ thì mày đánh tao». Ông Hoàn buồn ngủ trước, ông chỉ đánh thức thôi, ông Hoàn tỉnh dậy liền lấy dùi đánh ông và bảo : «Mày chực làm hại tao sao ?» Khi làm bài thì văn ông Lân hơn ông Hoàn, ông Hoàn liền không ăn, ông Lân bất đắc dĩ phải nói với thầy chấm quyển của ông Hoàn hơn, thì ông Hoàn mừng lắm, ngày hôm ấy ông Hoàn đuổi ông đi không cho ăn.

Một hôm hai cha con cùng đi qua đò, ông Hoàn trông thấy đàn dê, liền ra luôn bài phú 掖庭乘羊車賦

«Dịch đình thừa dương xa phú» trong bài phú có câu rằng:

自適可南可北燕閒思無限之春
寧知誰竹誰鹽媒引付有情之客

Tự thích khả nam khả bắc, yến nhàn tư vô hạn chi xuân,
Ninh tri thùy trúc thùy diêm, môi dẫn phó hữu tình chi khách.

Dịch-nghĩa : tùy ý sang nam sang bắc muốn đi đâu thì đi, trong giờ phút yên vui, chợt nhớ đến hứng xuân vô hạn ; há có biết đâu ai cầm tre, ai rắc muối, đón đưa quyến dũ khách đa tình.

Và bảo ông rằng : Nếu sang bờ bên kia, tao làm xong trước mà mày chưa làm xong, thì tao ném mày xuống sông, mày làm xong trước mà tao chưa làm xong thì mày ném tao xuống sông. Khi thuyền sang đến bờ sông bên kia thì ông Lân xong trước, ông Hoàn mới được một nửa, ông Hoàn bắt ông Lân phải ném mình xuống sông, ông Lân không dám nghe lời, ông Hoàn liền đánh ông Lân, Bài phú đến nay hãy còn truyền tụng, người ta gọi là « Sang sông xong bài phú », (coi bài phú này ở phần cuối sách).

Ông Hoàn thường tự hào cho rằng bài phú của cha con mình là vô-địch, nghe tiếng ông Tỏi giỏi phú, ông liền ghé đến thăm, đi đến đầu làng thấy anh thợ cày, hỏi thăm đến nhà ông Tỏi (tức là Hoàng-Giáp Nguyễn-Công người làng Đại-Toán) liền khen ngợi anh thợ cày rằng : « Sao mà anh cày khéo thế ? luống cày trồng rất ngay thẳng. » anh kia được thể nói khoác rằng « Còn phải nói, cầy của tôi như phú Ông Tỏi » Cha con ông nghe nói, càng ngứa tiết. Liền hỏi thăm vào đến nhà. Lúc bấy giờ ông Tỏi đã về trí sĩ ở nhà. Cha con ông liền vào yết kiến, xin ông Tỏi ra đầu bài làm phú, thì vừa lúc có những học trò ở đây đang học, đến cuốn Hoàng-Đế - Kỷ, ông Tỏi liền ra bài : Phượng sào a, lân du uyển, phú » quan đề tự vi vận (lấy chữ ra đầu bài làm vần), ông Hoàn nói với ông Tỏi rằng : Đệ tử nàv chưa biết phép phú của ngài thế nào ? Xin Đại-sư viết cho chúng tôi một, hai thể văn để làm mẫu. Nhưng thực ra lòng ông muốn thi tài với ông Tỏi, ông Tỏi bằng lòng. lấy quyền vừa viết được một hai câu phá câu đề rằng :

Quy phi phụ lạc.

龜 非 負 洛

Long bất xuất hà

龍 不 出 河

Sinh bỉ Hữu Hùng chi quốc

生 彼 有 熊 之 國

Ấp vu Trác-Lộc chi a.

邑 于 涿 鹿 之 阿

Dịch nghĩa

Không phải con rùa ở Lạc-Thủy

Không phải con rồng ở Mạnh-Hà

Sinh ở nước Hữu Hùng (Hùng là con gấu) chi quốc,

Đậu ở gò Trác-Lộc (Lộc là con hươu) chi a !

Ông Tỏi viết đến đó, liền vào nhà trong, bảo người nhà làm cơm để thết đãi. Lúc đó cha con ông Lân, đương làm phú ở bên dưới, nhìn trộm lên trên, thấy mấy câu đó, giật mình biết là không thể địch được với ông này, liền thừa dịp ông Tỏi còn ở nhà trong chưa ra, hai cha con vội vàng trốn khỏi nhà đó, đi về lối khác, không dám đi đường có anh thợ cày nữa.

Ít lâu sau ông Hoàn lại nghe tiếng ở bên làng Kiên-Lao có ông Thủ-khoa Ngô-Tuấn-Kính, liền đến yết kiến. Lúc bấy giờ trời đương nắng chang-chang, ông không đội nón, mà đường đi mất 3, 4 ngày mới tới. Khi đến nơi vừa gặp lúc ông Kính đi ra ngoài chơi, (cả hai đều không biết mặt nhau, nhưng ông Kính vẫn biết tiếng ông Hoàn), ông Hoàn liền hỏi thăm nhà ông Kính, ông Kính thấy ông Hoàn phong thái phi thường, liền hỏi rằng : « Bác ở đâu lại

---

Bốn câu phú nầy ở sách Công-Dư Tiệp-Ký thì nói là của ông Trạng-Nguyên Nguyễn-Hiền. Trong sách Thoái-Thực-Kỳ-Văn thì nói là của ông Tiến-sĩ Dương-Huân. Sách này thì nói của ông Tỏi, (chưa rõ sách nào đúng.)

đây ? ông Hoàn liền kể rõ họ tên. Ông Kính giật mình sợ hãi liền đáp ; « Thưa bác, tôi là Tuấn-Kính đây ? sao quan bác lại đi đương lúc nắng nôi như thế này ? » Ông Hoàn nói : « Tôi nghe tiếng ông, cho nên lại thăm xem văn của Thủ-Khoa thế nào, đọc cho tôi nghe ». Ông Kính đáp : « Thưa bác, tôi cũng là may mà trúng Thủ-Khoa, đâu dám làm trò cười cho bậc đại-gia văn tự, nhưng mà cũng mong quan bác có lòng hạ cố, xin mời quan bác quá bộ đến hàn xá tạm nghĩ, rồi sẽ đưa Bài hầu quan bác coi » .ông Hoàn không chịu, chỉ muốn đọc văn cho nghe ! ông Kính bất đắc dĩ, liền đứng ở bên đường đọc cho ông Hoàn nghe. Nghe đọc xong, ông Hoàn lại từ Kiên-Lao về Cổ-Đô.

Trước đó, ông Hoàn có người bạn cũ đã đỗ Tiến-Sĩ, làm quan tới chức Thượng-Thư, nhiều lần mời ông Hoàn lại chơi, nhưng ông không đến. Đến khi ông Lân đỗ Hương-Tiến, thì ông Hoàn muốn giạm con gái ông Thượng-Thư này cho ông Lân. Và bắt ông Lân xách một buồng cau ; còn ông bỏ vào túi 6, 7 quả hồng, để làm lễ ăn hỏi. Hai cha con kéo đến dinh ông Thượng-Thư, đột ngột hỏi người gác cổng rằng : « Chủ anh có nhà không ! » người gác cổng lấy làm lạ, vào Bẩm với ông Thượng-Thư, ông này cũng chắc là ông Hoàn, nên mới dám đường đột như thế, vội vàng chạy ra đón chào, mời vào sảnh-đường. Nhưng ông Hoàn không chịu vào rồi bảo ông Thượng-Thư rằng : nghe tin ông có đứa cháu gái tôi muốn hỏi nó cho thằng Lân, con tôi, ông có gả không?» ông Thượng cười nói : «Sao mà vội vàng thế, xin mời tôn-huynh vào chơi đã nào?» ông Hoàn nói : «có gả hay không? thì nói đi, cần gì phải vào». ông Thượng cũng biết tính ông, liền nói : «vâng». ông Hoàn liền móc hồng ở trong túi ra và trỏ buồng cau bảo ông Thượng rằng: «đây là lễ Vấn - danh, ông bảo người nhà cất đi, tôi đi về đây». Ông Thượng cười nhận lời, cố mời nhưng ông không vào, những người quanh đó thấy thế, đều cho là việc kỳ-lạ hết sức (vì ông Lân là người thông minh lạ thường, còn ít tuổi

mà đã đỗ Hương-Cống), ông Thượng cũng biết ông Lân sau này sẽ làm nên, cho nên mới gả con gái cho ông Lân. Đến khi cưới, ông Thượng cũng biết gia pháp nhà ông Hoàn rất nghiêm nên không sắm sửa đồ trang sức gì cả, chỉ cho ăn vận quần áo sồi vải và răn dậy một niềm kính thuận mà thôi.

Ông Hoàn là người nết na thẳng thắn, đại khái như thế không nói hết được, những người đồng thời thường gọi ông là hậu-thân của ông Bá-Di, một điều nhận thấy rất rõ rệt là một lòng chính trực, vô tà, của ông, mà ông Lân khéo léo chiều chuộng, kể cũng là hiếu đó thay.

Sau ông Lân đỗ Tiến-Sĩ, Hội-Nguyên, khoa Tân-Hợi, niên-hiệu Vĩnh-Khánh (Triều Hôn-Đức Công nhà Hậu Lê) Văn Đình-đối của ông đáng khôi giáp, vì thất cách nên bị đánh xuống. Sau khi đậu rồi, ông được dự vào công việc chấm trường thi vì không biết là quyển văn của thân phụ mình nên đánh hỏng. Sau ông Hoàn nhờ người chuộc được quyển ra, nhận thấy dấu đánh hỏng là chữ của ông Lân, liền để sẵn cái chẫy giấu trong áo, rồi giả vờ hỏi ông Lân rằng: «Văn tao viết câu : Lưu hành chi hoá tự tây, đông nam bắc vô tư bất bặc phục. Triệu tạo chi cơ tự cảo, Mân Kỳ Phong hữu khai tất tiên.

流行之化 自西東南北無斯不服
肇造之基 自鎬豳岐豐有開必先

Dịch nghĩa

Phong hoá của vua Văn-Vương lưu hành tự phương tây, đến đông, nam, bắc, không nơi nào là không qui phục.

Cơ nghiệp gây dựng của nhà Chu khởi tự đất Cảo, rồi đến Mân, Kỳ, Phong, là do ở nơi đó trước.

Không biết người nào đánh hỏng câu đó.» Ông nghe nói

đã biết là mình rồi, nhưng không biết cha ông đã chuộc được quyển ra rồi, và luôn thể cũng nói chiều lòng ông rằng: « Văn của thân phụ như thế, không biết ai đã chấm nghiệt mà đánh hỏng như thế?» ông Hoàn liền chìa quyển văn ra và nói: «Không biết bút tích của ai đây?» ông vừa nói vừa đánh, ông Lân phải bỏ chạy.

Sau ông Từ-Ô Trần-Văn-Trứ đã đỗ Tiến-sĩ rồi, chưa vào Đình thí, có yết-kiến ông, ông nói: câu thi trung oán hòa bình cũng hay, đã có người lược cũ rồi phải không ? Ông Trứ thưa: «Chưa có», ông nói: Lúc tôi chưa thi đậu, cũng đã lược câu đó, nay lại cho thì là may mà trúng, (chỗ này có lẽ bản hán văn chép sai, xin để khuyết nghi) quả nhiên hôm ông Từ-Ô vào Đình đối, thì gặp câu đó, liền đỗ Hoàng-Giáp.

Ông Hoàn là người có cả thiên-tư và học lực, thế mà không đỗ được khôi giáp (chỉ đỗ Hương-Cống) há chẳng phải số mệnh hay sao ? Về hiếu hạnh của ông Lân thì thực đáng làm gương.

Sau ông làm quan đến Thượng-Thư, được phong tước hầu rồi về trí sĩ, có tập kinh thi bằng quốc-âm lưu hành trên đời.

汝仲台

NHỮ - TRỌNG - ĐÀI (Thai)

Người làng Hoành-Trạch, huyện Đường-An, tỉnh Hải-Dương. Gia thế nhà ông đời đời đăng-khoa, (ông 42 tuổi, đậu Tiến-Sĩ khoa Giáp-Thìn, niên hiệu Cảnh-Trị, triều vua Lê-Huyền-Tôn). Cháu nội ông là Tiến-Dụng, cháu họ của ông là Đình-Hiền đều là người có danh tiếng, nên đời có câu rằng :

文章黎英俊

Văn chương Lê-Anh-Tuấn

政事汝廷賢

Chính trị Nhữ-Đình-Hiền

Dịch nghĩa : (Giỏi văn chương như ông Lê-Anh-Tuấn ; Giỏi chính trị như ông Nhữ-Đình-Hiền). Lại còn người anh họ, của ông là Vũ-Đình-Toản, 34 tuổi, đậu Tiến-Sĩ khoa Bính-Thìn, niên hiệu Vĩnh-Hựu (triều vua Lê). Bác của ông là ông Công-Điền. Họ Nhữ làng Hoành-Trạch cũng nổi tiếng bằng họ Vũ làng Mộ-Trạch. Năm 38 tuổi, ông đậu Bảng-Nhãn khoa Quý-Sửu niên hiệu Long-Đức đời vua Thuần-Tôn, nhà Hậu Lê. Trước ngày vào Đình thí, các ông đồng khoa muốn cùng kéo nhau đi cầu mộng ở Châu-Vũ-Quán. (ở phía bắc thành Hà-Nội), nghĩa là muốn dự biết công việc thi Đình. Ông vì mắc bận việc, không đi, nên giỡn chơi nói : Các anh có đi, thì cầu giùm tôi nhé Rồi các ông này đi. Đêm hôm đó thấy thần báo mộng rằng « Tam khôi thiên hạ là Thái-Công ». Sang hôm sau thì mọi người đều không hiểu ra sao, nên đều kéo cả về nhà ông kể mộng cho ông nghe, và nói không hiểu là ý nghĩa thế nào ! ông liền đáp rằng : Tôi nhờ các anh cầu giùm tôi, là Thần báo tôi. các ông này liền hỏi lại. Ông nói chữ Thái-Công, nói lộn lại, chả phải Công-Thai là gì, mọi người đều cho là phải và lấy làm lạ.

Đến hôm Đình thí, quả nhiên ông đỗ Bảng-Nhãn, khoa này có người Vân Canh, huyện Từ-Liêm, là ông Trần-Hiển cũng đi cầu mộng. thần báo rằng: « Khoa này cả họ nhà ngươi đỗ » cũng không hiểu ra sao. Đến khi ra bảng, họ Trần đỗ 6 người, phần nhiều là học trò của ông.

Ông Đình Hiền, 22 tuổi, đỗ Tiến-sĩ khoa Canh-Thân, niên hiệu Vĩnh-Hựu, Ông Nhữ-Điền 22 tuổi đỗ Hoàng-Giáp, khoa Nhâm-Thìn, niên hiệu Cảnh-Hưng nhà Lê,

Ông Lê-Anh-Tuấn 24 tuổi, người làng Thanh-Mai, huyện

Tiên-Phong, đỗ Tiến-Sĩ khoa Giáp-Tuất, niên hiệu Chính-Hòa, triều vua Lê-Hi-Tôn.

Đời truyền rằng : có một ông sắp ứng thí, đi cầu mộng ở Chấn-Vũ-Quán. Thần bảo khoa này đỗ Trạng Nguyên, khi tỉnh dậy mừng lắm về nhà đi đường nói với người đầy tớ rằng : tao đỗ Trạng-Nguyên sẽ lấy con gái nhà đó, và mở thêm cả đất người hàng xóm ở cho rộng. Người đầy tớ nói rằng : Ông đó là nhà giàu sang, không khi nào con gái chịu đi lấy làm hai vả lại nếu bằng ông lấy, thì đối với bà nhà ta sẽ xử trí thế nào? Ông nói : Bà chủ nhà ta là người quê mùa thô tục, thì làm cái gì, xử cũng rất dễ. Tên đầy tớ lại nói: thế còn đất hàng xóm thì mở làm sao được? Ông nói : tao đã đỗ Trạng rồi, thì tao mở cũng chẳng ai giữ được. Tên đầy tớ cho là không phải, nên không dám nói. Thế rồi quả nhiên ông trượt khoa đó, ông ngờ là Thần báo mộng một cách huyền ảo. Khi về đến nhà, đêm hôm ấy lại mộng thấy Thần bảo rằng : « Thượng - đế đã cho khoa này đỗ Trạng rồi, nhưng Trạng nguyên không có đức không nhớ câu chuyện dọc đường hay sao? Thượng-đế phạt nghĩ một khoa và giáng xuống thứ nhì ». Khi thức dậy, lấy làm hối lắm, mới tin mộng khi trước là thực chứ không phải huyền ảo. Khoa sau chỉ đỗ Bảng-Nhãn, (đời vua Xuất-thế nhà Hậu-Lê) là phát ngôi ở đất này.

Than ôi! cái cơ cảm ứng giữa trời và người sao chóng đến như thế! Đại đề đậu đại khoa là khó nhất, mà đậu khôi nguyên lại càng khó hơn nữa! Dự vào hạng đó cố nhiên là bằng cứ vào thể đức, mà cũng tất phải căn cứ vào hạnh nghĩa nữa, nếu đức sâu xa, mà hạnh nghĩa của người ta có thiếu sót, thì ý trời cũng có cân nhắc mà thưởng phạt đó. Vợ là người phối hợp với mình, xưa kia tác hợp là trời định, trong thuở hàn vi, đã nếm trải biết bao cay đắng, dù có là người thô tục quê kệch, nhưng đã giúp ta công việc nội trợ, cùng ta chịu nỗi cơ

hàn thì ta nên quí trọng, chứ không nên khinh rẻ, may mà được giàu sang, thì dẫu trăm nàng Tê-Khương cũng không đổi lấy một được người vợ hàn vi thuở trước của ta. Có lẽ đâu thấy được phú quí đã vội khinh rẻ là quê mùa thô tục sao? Lập thân như thế thật vô thiên đạo. Đối với xóm làng phải ăn ở cho có tình nghĩa, chu cấp giúp đỡ. Xưa nay đã có người bỏ của mình để giúp đỡ cho kẻ khó, lẽ đâu lại cậy mình hiền đạt, mà sang đoạt đất đai của họ để làm rộng chỗ ở của mình? Lập tâm như thế là vô thiên đạo. Trời đã cho đỗ Trạng, thì thế đức nhà ông chắc hẳn cũng phong hậu lắm. Tấm lòng đùa bỡn vừa mới thốt ra lời nói, đã có sự quở phạt của trời cao thấu tới, huống chi những người thế-đức, không được bằng ông, mà lại làm những việc như thế, thì tránh sao được sự quở phạt của trời xanh ? việc này mọi người ai ai cũng lấy đó làm gương, mà bọn học-trò chúng ta lại càng đáng răn sợ lắm.

鄭穗
TRINH-HUỆ

Hiệu là Cúc-Lâm, người làng Biện-Thượng, huyện Vĩnh-Phúc (nay đổi là Vĩnh-Lộc) tỉnh Thanh-Hóa. Thuở nhỏ nhà nghèo, đến khi lớn mới đi học, vừa học vừa chơi, không chăm chỉ, nhưng rất thông minh dĩnh ngộ, học một lượt là thuộc, thật là một người phi thường, hiếm có.

Xét trong nước nhà từ ông Lưu-Danh-Công đến nay 20 khoa không có đại khôi, đến ông, 33 tuổi đậu Trạng-Nguyên khoa Vĩnh-Thịnh, niên-hiệu Vĩnh-Hựu (đời vua Ý-Tôn nhà Hậu Lê), làm quan đến chức Thượng-Thư, như vậy giáng sinh nhân tài cũng khó như thế đó.

(Ông Huệ là cháu Thuần Nghĩa-Công, con thứ chúa Trịnh Việt-Vương)

武廷權

VÕ-ĐÌNH-QUYỀN

Người làng An-Thái, huyện Quảng-Đức, (nay đổi là huyện Vĩnh-Thuận), tỉnh Hà-Nội. Tiên thế nhà ông rất hàn-vi, xưa nay vẫn bị làng mạc khinh rẻ. Cụ tổ nhà ông đỗ hương-tiến, tính người trung hậu, chưa từng tranh cạnh với ai bao giờ, tuy đỗ Hương-Tiến mà cũng không bao giờ coi mình hơn người, đối xử với người chỉ một niềm khoan hoà, nhưng những kẻ vô lại lở trong hương thôn, thấy ông cụ đỗ-đạt thì ghét, thường chửi mắng khinh rẻ. Một hôm, có người đến nhà gây, chuyện lăng mạ rất là khó chịu, ông cụ bảo người nhà xay thóc, để đánh ấp tiếng đi, mặc kệ không thèm nghe, những kẻ khinh bạc thì cười riễu, ông cụ cũng coi như không.

Lúc bấy giờ có một người cùng quận với ông cụ tìm đất, (đất đã có người táng rồi.) Đêm nằm mộng thấy thần-nhân bảo rằng: (Đất này không cho nhà mày được, phải để lại cho tên giám sinh mỗ ở làng An Thái, mày phải cất mau, nếu không tai hoạ sẽ đến thân ngay, và mày sang làng An thái, bảo với y). Người đó giật mình kinh sợ, biết là thần báo mộng không thể cưỡng được, liền di mộ đi nơi khác. Chỗ đất này cũng rộng, người đó trang phẳng đi, rồi sau mới đi hỏi thăm đến ông, kể mộng đó cho nghe. Người đó trang bằng huyệt đi, là có ý xem ông cụ táng có đúng không. Ông cụ nghe lời đem mộ tổ đến táng, đúng theo chỗ táng không sai một ly, mới biết là trời cho,

Về sau, ông Đình-Quyền đỗ Tiến-Sĩ khoa Bính-Thìn niên-hiệu Vĩnh-Hựu (đời vua ý-Tôn nhà Hậu-Lê), ông Trạng Tề đỗ Tiến-Sĩ khoa Đinh-Mùi, niên hiệu Chiêu-Thống (đời vua xuất-đế nhà Hậu-Lê) là phát ở ngôi đất này,

Khi ông Trọng-Tế chưa đỗ, có cầu mộng ở Châu-Võ-Quán

(đền này ở phía bắc thành Hà-Nội, thờ đức Văn-Xương-Đế-Quân) Thần báo mộng cho một bài thơ như sau,

甲科定鼎在天庭
歲珍豐登事業成

Dịch âm ; Giáp khoa định đỉnh tại thiên đình.
Tuế nẫm phong đăng sự nghiệp thành.
Tạm-dịch : Khoa danh đã bởi thiên-đình định
Thóc lúa rồi rào sự nghiệp nên.

Khi tỉnh dậy quên mất đi hai chữ « Tuế nẫm » và cũng không biết ý nghĩa ra sao ! Sau này trong làng có ông bạn cũng đi cầu mộng, suốt đêm không thấy mộng hiệu gì cả, chỉ thấy thần bảo rằng : « gởi lời anh bảo Võ-Trọng-Tế câu thơ hôm trước quên hai chữ là chữ « Tuế nẫm », ông này lại bảo ông, tuy mừng thầm nhưng cũng không hiểu phong đăng là nghĩa ra sao ! Sau này ông làm Tri-huyện huyện Yên-Phong, mới đậu Tiến-Sĩ. Lúc bấy giờ mới nghiệm lời mộng trước,

范公寶

PHẠM - CÔNG - BẢO

Người làng Hưng-Phú, huyện Nam-Chân, đỗ Hoàng Giáp khoa Đinh-Mùi, niên-hiệu Hồng-Đức. Em ông là Phạm-Đạo-Phú, đỗ Tiến-Sĩ khoa Canh-Tuất được dự vào Tao-Đàn nhị-thập bát tú, làm quan đến chức Hình-Bộ-Tả-Thị-Lang và nay đều làm Thành-Hoàng xã đó, khói hương không ngớt. Còn về gia thế ông, chưa khảo cứu được. Duy có ngôi mộ tổ ở làng Vân-Cù, huyện Nam-Chân, có một hình thể kỳ lạ ở giữa con thổ nổi lên một kim tinh, mạch từ phương Tốn đưa lại, Kim tân bút ứng, hình thể rất đẹp.

范廷重

PHẠM-ĐÌNH-TRỌNG

Hiệu là Thượng-Quận, người làng Khinh-Dao, huyện Giáp-Sơn, 26 tuổi đỗ Tiến-Sĩ khoa Kỷ-Mùi, (niên hiệu Vĩnh-Hựu,) được cải bổ Thống-Lãnh. Lúc ấy, ở tỉnh Hải-Dương có tên tướng giặc hùng mạnh là Quận-Hẻo (tức là tướng giặc Nguyễn-Hữu-Cầu) về đời vua Hiến-Tôn, tụ tập đóng đồn quân ở đó, luôn mấy năm trời, quan quân đánh dẹp, thường bị thất bại luôn. Triều-đình sai ông ra đánh. Ông rất giỏi về mưu lược, ngầm sai người đào mộ tổ của tướng giặc, giặc bị thua luôn, rồi đánh bắt được tên Hẻo. Tên tướng giặc này giỏi nghề bơi lặn, khi đã bị bắt rồi; y xin các quan lập đàn làm chay, rồi sẽ chịu tội. Triều - đình bằng lòng, ông cho dựng đàn chay ở ven sông, y xin phép được leo lên trên cành phan để niệm Phật, triều đình cũng chắc rằng: không còn kế gì thoát thân được. Y liền từ đầu cành phan gieo mình xuống sông, nấp ở dưới nước lặn đến khúc sông dưới, không biết nó đi lối nào bao nhiêu quân gia của triều đình đổ cả ra hai khúc sông trên dưới, dọc theo bờ sông tìm kiếm, không thấy tăm hơi đâu cả, ngày đêm canh phòng cũng không thấy gì. Thì ra y lặn đi xuống hạ lưu rồi, ngoi lên bờ. Từ đó lại triệu tập những quân gia tản mát để chống lại. Triều-đình lại sai ông ra đánh luôn mấy trận, mới bắt được tướng giặc. Vì có công đánh giặc gồm 36 trận, ông được lĩnh chức Thượng-Thư kiêm tước Vân-Quận-Công, hàm Thái-Bảo ra trấn thủ Nghệ-An. Ông mất lúc cư quan, được phong Phúc-Thần.

Ông xuất thân trong làng khoa bảng, mà lại nổi tiếng trong việc binh-nhung để tiếng thơm muôn đời. So với các bậc danh tướng, ông là một nhân vật khác thường. Đó cũng do khí thiêng của phần mộ chung đúc mà nên, cho nên sinh

ra người văn võ toàn tài, danh tiếng còn mãi về sau, Ông hưởng thọ được 41 tuổi bị bạo-bịnh mà mất.

Sách Hoàng-Việt-Địa-Dư chép: ông có tiếng thông minh khác thường khi còn thơ ấu, ông thường đọc đại câu: « Trời chẳng già, đất chẳng già, năm hồ bầy miếu một mình ta » người ta không hiểu ra sao. Sau có một người Tàu bảo rằng khuôn mặt ông giống như tướng thần Ngũ-Hổ, mới biết ông là hậu thân của thần Ngũ-Hổ.

Ông có bài thơ tiễn Kiều-Quận-Công Nguyễn-công-Thái, khi về hưu rằng :

天 南 斗 播 譽 璋 珪
緣 水 魚 謫 緣 遇 一
上 海 升 輪 重 出 捧
邊 雲 瞑 座 八 開 光
寵 居 望 致 復 衛 阿
年 度 樂 閒 歸 社 香
運 世 關 蔵 行 處 出
賢 勳 望 柱 圖 挙 高

Phiên âm

Khuê chương dự bá đầu nam thiên,
Nhất ngộ duyên hài ngư thủy duyên
Phủng xuất trùng luân thăng hải thượng,
Quang khai bát toạ ánh vân biên
A-Hành phục trí hoàng cư sủng
Hương xã quy nhàn lạc độ niên
Xuất, xử, hành, tàng quan thế vận
Cao kình quốc trụ vọng huân hiền

Dịch vần

Tiếng tăm lừng lẫy khắp nam thiên
Cá nước vui vầy thực đẹp duyên

Sáng tỏ trùng luân bên biển cả
Rạng nền bát-toạ ánh mây trên
A-Hanh sủng ái ơn tri ngộ
Hương xã hưu nhàn buổi vãn niên
Quan hệ đường đời khi xuất xử,
Nêu cao quốc trụ bậc danh hiền.

潘 賦

PHAN - KÍNH

Người làng Lai-Thạch, huyện La-Sơn tỉnh Hà-Nội, là cậu ông Nguyễn-Oánh. Khi hai ông chưa ra đời, người trong làng nằm chiêm bao thấy, hai người Tàu vật nhau ở ngã ba đường, đó là điềm ứng mộng.

Khoa thi Quý - Mùi, niên hiệu Cảnh - Hưng, ông đi thi, vì nhà nghèo thiếu lương thực, giữa đường gặp một ông phú hộ, biết tiếng ông là người hay chữ, xin ông một bài văn tế, ông liền cho, để mưu kế nhật dụng hai ba ngày. Ông kể thực cho ông phú hộ nghe để xin cấp đỡ lương thực. Vì chuyện trò giằng dai nên đến trễ, ngày mai vào trường, thì chiều tối hôm nay mới tới nơi, cổng trường đã đóng chặt không vào được, ông buồn bực nằm ở nhà trọ, tính đợi khoa sau. Không ngờ các cống-sĩ vào trường vừa xong, thì suốt ngày hôm đó trời mưa như trút nước, lều chõng không đóng được, phải hoãn đến ngày hôm sau, nhà vua ra lệnh xét xem những người đến thi có còn sót ai không, hoặc còn trễ chưa vào trường hay không? Khi xét đến tên ông, chúa nói tên này thế nào cũng đỗ. Hôm sau ông lại sửa soạn lều chiếu vào thi, khoa ấy ông đậu luôn Thám-Hoa, ông Nguyễn-Oánh cũng đỗ Thám-Hoa, khoa Mậu-Thìn, hai người cùng làng đều đậu Thám-Hoa thực là vẻ vang, coi vậy thì khoa danh thực có thiên mệnh, không

thề lấy trí lực mà lường đọc được. Hai nhà sinh được hai ông có phải ngẫu nhiên, hay là có đức thì trời cho đấy.

陳文燁

TRẦN - VĂN - TRỨ

Người làng Từ-Ô, huyện Thanh-Miện, tỉnh Hải-Dương, là con ông Trần-Văn-Hoán (ông Văn-Hoán đỗ Tiến-Sĩ khoa Giáp-Thìn, niên hiệu Bảo - Thái, triều vua Lê-Dụ-Tôn) ông đỗ Hương-Tiến sớm lắm, nhưng chơi bời, không chịu thực hành. Phu-nhân luôn luôn khuyên can không được, rồi lễ phép vào lậy gia tiên, và lậy ông Trần-Văn-Hoán, để xinvề nhà, phu - nhân nhân đó để khuyến khích ông. Ít lâu sau, tự nhiên ông hối hận. Từ đó ông luôn luôn cố gắng học hành chăm chỉ suốt ngày đêm. Trong những lúc ăn uống, đứng ngồi cũng nghĩ đến sự học không còn biết chi đến việc ngoài nữa. Ông chỉ một niềm dốc lòng vào kinh sử, tay không bao giờ rời quyển sách có khi ông tránh giặc leo lên cây, nấp trong đám lá rậm rạp um tùm quên cả sợ giặc, học luôn ở trên cây, tiếng nghe oang oang, bị giặc bắt được. Tên tướng giặc thấy ông hiếu học liền tha ra, cho về du học ở Kinh-Đô. Khi đi dọc đường, nhớ đến văn chương. không ngờ hai tay áo va chạm phải người gánh phân, người gánh phân bảo ông, ông lại cũng chẳng để ý, người đó thấy ông chăm học như thế, không nói gì nữa.

Sau Ông đỗ Hoàng - Giáp (khoa Quý - hợi năm thứ tư triều Vua Hiến-Tôn), làm quan đến chức Thiêm-Đô-Ngự-Sử. Khi làm quan giữ mực công bình không kiêng nể ai. Nhưng vì ngay thẳng, trái ý triều-đình.

Sau làm Quốc-Tử-Tế-Tửu, chăm việc dẫn tiến hậu học, hoặc khen hoặc chê, hoặc khuyên hoặc mắng, dùng đủ mọi cách. Khi tập văn, quyển nào vừa ý, thì khen ngợi hai, ba lần, và bảo cha

mẹ anh làm gì mà sinh được anh thế tiếc rằng con tôi đã gả chồn. cả rồi. Quyền nào không vừa ý, thì nhiếc mắng tàn nhẫn đến hai, ba lần và nói: cha mẹ anh làm gì, mà sinh ra anh thế, tiếc rằng vợ anh vô duyên mới lấy phải anh.

Lúc đó các học-gia ùn ùn kéo tới kinh-sư không ai là không vào học trường ông. Người nào được ông khen thì như người được ân ban, người nào bị ông chê trách thì đau đớn như bị búa riug rồi cứ thế mà khích lệ, ai cũng thành tài.

Mỗi khóa Hương-thí, Hội thí, học trò trường ông đỗ quá nửa

Ông là người thẳng thắn không tư vị, bao lần sung chủ khảo các khoa Hội thí, không thiên vị ai, chưa từng ai dám thỉnh thác điều gì.

Nhân khoa ấy; ông làm chủ khảo Hương-thí phu-nhân có người cháu tên là Hi cũng đi thi.

Phu-nhân liền nói với ông rằng:

Thiếp đã có hân hạnh được phụng sự ông,... từ trước đến giờ, chưa dám phiền thác điều gì; nay tôi có thằng cháu Hi đi thi, sức học của nó cũng khá, vậy xin ông rộng bút, để thiếp được đội ơn đôi chút. Ông nhận lời, phu-nhân sợ ông quên, dặn trước người theo hầu của ông rằng: Nhìn xem lúc nào ông chấm đến quyển văn đó, thì làm hiệu hi hi, vì sợ lộ ra người ta biết. Khi ông chấm đến quyển văn ấy, lúc đầu cũng quên lời dặn của phu nhân, nhưng văn bài cũng có thể lấy được, lẳng lặng cho rồi. Người hầu đứng cạnh thấy thế liền làm hiệu hi hi, ông sực nhớ lời phu nhân dặn, ghét lắm, lấy bút xổ dài lên mặt quyển mà nói: này hi hi, này hi hi. Rồi đánh hỏng; coi đó thì biết ông thẳng thắn không thể lấy tư tình cầu xin được.

Khi ông mất, cả triều-đình mến tiếc, đều đến phúng viếng và

đi đưa đám, trong triều trống không, ngày hôm tảng cũng thế vì các triều thần, nếu không là học trò thì cũng là bạn bè của ông Có quan triều viếng câu đối như sau :

坐學士於春風面命耳提訓誨拳拳若家人父子
立烈骨於冰水雪肝直氣壯凜烈如雷電鬼神

Phiên âm

Tọa học sĩ ư xuân phong, diện mệnh nhĩ đề huấn, hối nhược gia nhân phụ tử.

Lập lại tử ư băng tuyết, từ trực khí tráng, lẫm liệt như lôi điện quỷ thần

DỊCH - NGHĨA

Dạy học tựa gió xuân, thước ngọc khuôn vàng, răn bảo tựa cha con ruột thịt,

Làm quan như băng tuyết, lời ngay khí mạnh, trang nghiêm như sấm sét quỷ thần.

Bình sinh ông thế nào; câu đó đủ biểu lộ rõ lắm.

Ông lấy thân làm khuôn mẫu cho thiên hạ, trong vài chục năm, cái công tác hun đúc nhân-tài của ông, thật là to lớn. Lòng ông chính đại, quang minh, ít người bì kịp. Khoa danh kế tiếp, thực là đáng lắm.

Khi ông mới đậu, có một hôm, bói một quẻ Dịch đề rõ tương lai về hoạn lộ, bói được quẻ Minh-Di, hào thượng lục, «Sơ đăng vu thiên, hậu thập vu địa » (1) ông chắc dễ chết mất. Nhạc - phụ của ông (cũng đỗ Tiến-Sĩ) liền giải thích rằng :Minh-Di là tượng mặt trời lặn xuống đất, mặt trời lặn lại mọc, sẽ ứng vào hoạn lộ của ông. Sau quả đúng như lời.

---

(1) *Nghĩa là*: Mới mọc lên trời, sau lặn xuống đất.

Nói về tiền thế ông Tiến-Sĩ này (Tức là nhạc-phụ ông) trước còn hàn vi, trong làng có một con rắn thần, mọi người đều đến đó cầu đảo, mà rắn cũng chưa bao giờ hại ai cả.

Một hôm mẹ ông đi qua đó, vừa mới trông thấy con rắn ở trước mặt, bỗng dưng không thấy đâu nữa, bà mẹ ông vì thế mà mang thai, (đó là rắn thần đã thác sinh)

Rồi bà sinh ra ông, ở dưới cổ có nổi dộp lên một đám như vảy rắn. Ông đỗ Tiến-Sĩ, làm quan đến Lục-Bộ-Thượng-Thư sau về hưu, ở nhà dạy học.

Luôn luôn lấy khăn tẩm nước lau mình, nếu không thì nóng nầy khó chịu, cứ ngày rằm, mồng một, thì rắn lớn, rắn nhỏ, bò đến đầy cửa nhà ông, ông nấu cháo cho ăn, nhiên hậu kéo nhau đi, người nhà trước còn kinh sợ, sau dần quen, rắn cũng không làm ai sợ.

Có một học trò, thấy con rắn ở trước cửa, không biết câu chuyện ra sao, liền đánh đuổi ; bắt được rắn, nhưng một lát, ông đương ngồi đọc sách, bỗng dưng rắn lớn, rắn nhỏ kéo đầy nhà, con thì bò lên xà nhà, con thì chui xuống gầm giường, học trò kinh hồn sợ hãi, ông bảo đừng sợ.

Nhân tiện ông hỏi học trò, có ai đánh rắn không, người học trò liền thưa thực, ông liền dỗ bảo đàn rắn rằng :

Học trò không biết, lỡ trêu ghẹo phải, thôi nên đâu hãy về đấy. Đàn rắn liền kéo nhau đi. Đó là thần-rắn thác sinh ra ông vậy...

阮 倪

NGUYỄN-HOÀN

Người làng Lan-Khê, huyện Nông-Cống, là con ông Nguyễn-

Hiệu (ông Hiệu đã giảng bài bình-trị-sách trong năm Chính-Hòa triều vua Lê-Hi-Tôn, được vua quý trọng. Ông làm quan đến chức Tham-Tụng), Ông Hoàn đỗ Tiến-Sĩ, khoa Quý-Hợi, triều vua Cảnh-Hưng; cha con cùng đỗ Hội-nguyên, cùng làm chức tư-giảng, và Tham-Chính. Thực là ít thấy ở đời. Có hai ghế cao nhất ở Quốc-Tử Giám thì hai cha con đều chiếm được. Khi giảng bình văn, các quan đều ngồi bên dưới, nên đời gọi là phụ-tử quốc-sư. Thực là nhà ông đã dày công tích đức, mới được như vậy.

武 撚

VŨ-MIÊN

Người làng Xuân-Lan, huyện Lương-Tài, học rộng tài cao Năm 31 tuổi, đỗ Tiến-Sĩ (Hội-nguyên khoa Mậu-Thìn, niên-hiệu Cảnh-Hưng). Ngày hôm Đình thí, đầu bài nghĩa sách nhớ thuộc vanh vách. hỏi đâu biết đấy. thả sức làm văn, nghĩ rằng đoạt khôi nguyên, như thò tay vào túi lấy vật gì vậy. không ngờ khi đi thi, đương khi viết văn mới viết được một lúc, ngòi bút đã cùn sạch, chỉ còn trơ lại quản bút, không thể nào viết được, nên phải iết trả lời mấy câu hỏi qua loa mà thôi.

Vậy thì, khoa bảng tự trời cho, cân nhắc phúc đức mà định số phận.

黎 貴 惇

LÊ-QUÍ-ĐÔN

Tên tự là Doãn-Hậu, hiệu là Quế-Đường, người huyện Duyên-Hà, tỉnh Thái-Bình, gia thế vốn nghèo. Ông cụ tổ đi hành khất tại một làng ở trong quận. Làng đó có một ngôi đất lớn, để dành cho người có đức. Một hôm có người làng đem mộ tổ đến táng, thần nhân không cho, trong làng động lung tung, đi xem bói, mới

biết động ngôi đất đó, phải dời đi nơi khác, mà người táng ngôi mộ đó cũng mộng thấy thần bảo không cho, phải đi ngay, cứ luôn luôn như thế. Các thầy Địa-lý vẫn thường qua lại, mỗi lần coi xong đều tấm tắc khen là kiểu đất quí, nhưng không dám táng. Ngôi mộ này, huyệt kết ở chỗ trũng, lọa hướng rõ ràng, trông thấy biết ngay. Một hôm, có một người trong làng say rượu, định bụng sẽ chết ở đó, liền nằm lăn quay xuống chỗ vũng ấy nằm đúng phương hướng, nhất định đợi chết. Ngay đêm hôm đó, hai vị thần nói chuyện với nhau : « Chúng ta coi ngôi đất này, mà hết người này đến người nọ cứ chực cố chiếm, chúng ta chẳng khỏi đắc tội với Thượng-đế », vị thần kia nói: « Thử đến xem người nó lạnh nóng ra sao ! » Người đó giật mình bỏ chạy, ông thần liền báo mộng với ông Hương - Trưởng rằng : ngôi đất này nhất định, cho người họ Lê ở làng Duyên-Hà, dân làng phải coi giữ cẩn thận, nếu không sẽ chịu tai vạ Một hôm, dân làng hội họp ở đình, bàn rằng: «đất này đã có thần coi, những người làng chúng ta không được táng, nếu táng sẽ động trong làng, các thầy Địa - lý đi lại ngắm nghía luôn luôn, e rằng đồn đại gần xa, vì táng mà được giàu sang, thì ai không thích. Người tầm thường thì mình ngăn cản, không cho táng thì còn được , chứ những người có quyền thế đem mộ đến táng. thì giữ sao nổi. Như vậy chẳng hóa ra họ để tai vạ cho làng mình hay sao? Vả thần đã báo mộng đất này cho người họ Lê ở Duyên Hà, không biết bao giờ họ đem đến táng, hay là ta chịu khó cho người đến bảo hộ cho xong ». Nói chưa dứt lời, thấy có một ông già đến ăn xin. Người làng hỏi : « Ông quê quán ở đâu» ? Ông già trả lời : « Tôi người làng Duyên Hà» Họ lại hỏi : « Ông họ gì ! » Ông lão nói : « Tôi họ Lê». Dân làng ngạc nhiên bảo : « Làng tôi có ngối đất to Thần bảo cho họ Lê ở Duyên-Hà, chúng tôi đang lo coi giữ, nếu có phải là thần cho ông, thì ông đem mộ tổ đến mà

táng không những ông khỏi đi ăn mày, mà làng tôi cũng khỏi phải đeo cái vạ. »

Ông lão nghe lời, đem mộ đến táng, từ đó làng này được yên lành.

Sau người họ Lê sinh ra ông Lê-Trọng-Thứ, năm 32 tuổi, đỗ Tiến Sĩ (khoa Giáp-Thìn niên-hiệu Bảo-Thái). Ông Trọng-Thứ sinh ra ông Lê-Quý-Đôn dĩnh ngộ, khác hẳn người thường. Lớn lên đi học, kinh truyện sử-sách, xem một lần là không quên. Thực là đắc địa nhân sinh, nên mới được người tài ba như thế.

Ông Lê-Quý-Đôn thường có việc đến nhà xã-trưởng, thấy quyển danh sách người làng, dưới có cước chú đã thu tiền thóc, của người này bao nhiêu, người nọ còn thiếu bao nhiêu. Ông ngẫu nhiên trông qua. Rồi nhà xã trưởng bị cháy, mất cả sổ sách, không còn biết thu được bao nhiêu, còn thiếu bao nhiêu đều quên hết sợ rằng người làng vin vào đó mà không chịu trả nữa. Xã trưởng không dám thổ lộ việc mất sổ, chỉ đêm ngày lo lắng, không biết nghĩ sao. Ngẫu nhiên gặp ông nói chuyện, ông nói tôi đã coi qua, nhớ được hết cả, đừng lo, đem giấy bút ra, tôi đọc cho mà viết. Xã trưởng theo lời, lấy giấy bút ra theo lời ông đọc mà chép, nhưng vẫn còn nơm nớp lo không biết có đúng không. Đến khi cầm sổ gọi tên thu tiền thóc, ai cũng nộp răm rắp, tính cộng lại không sai. Lê Quí Đôn người thông minh, nhớ lâu không cái gì là không biết. Khi ông còn đương đi học, người ta đều cho là sau này ông phải đỗ khôi nguyên. Một ông Tiến Sĩ bảo với ông Trọng Thứ rằng: Nước mình lâu nay không có trạng, nay con ông thông minh ghê gớm, chắc chắn là phải có Trạng. Nhân hỏi công-tử nhà ngài đã coi hết các sách chưa ? Ông Thứ nói : các sách vở tôi cũng tạm đủ, chỉ duy còn thiếu bộ sách «Trinh-Quán-Chính-Yếu» là chưa được xem đến. ông kia nói: nhà tôi có. Ông Thứ liền mượn, cho con đọc. Ngờ đâu ông này tuy bằng lòng cho mượn, nhưng lại chọn chỗ cốt yếu, tháo ra

3. 4 tờ đề ra đầu bài, vì thế mà ông Lê-Qúy-Đôn không đỗ được Trạng-Nguyên, chỉ đỗ Bảng-Nhãn. Ông làm quan đến chức Thượng Thư, cha con đồng-rriều, lừng lẫy trong ngoài.

Ông có câu đối treo ở công đường rằng,

東漸西被朔南暨
家齊國治天下平

Phiên âm

Đông Tiệm tây bị, sóc nam ky,
Gia tề quốc trị, thiên hạ bình.

Nghĩa là

Đông *thịnh*, Tây *yên*, Nam Bắc *Vượng*
Nhà yên nước trị thiên hạ bình

Chúa khen là hay và ban thưởng cho hốt bạc, vì chữ ở Kinh đối với chữ ở truyện. (chữ liền trong kinh, truyện)

Đời còn truyền rằng có một ông Tiến-Sĩ bảo với mọi người rằng : « chờ trong vài năm nữa sẽ có Vương-An-Thạch làm tướng, thay đổi pháp độ.» Đến khi ông nhậm chức Thủ-tướng, pháp độ có thay đổi, ai nấy đều cho ông là hậu thân (kiếp sau) của Vương-An-Thạnh (Thuyết này không rõ đúng không).

Một vị sứ-thần nước ta đi sứ Trung-Quốc. Khi về nước. Triều-Thần hỏi ông có được trông thấy Càn-Long Hoàng Đế ? (Tức là Vua Cao-Tôn nhà Đại-Thanh niên hiệu Càn-Long) Ông nói: Vua Càn-Long cũng chưa có gì khác, chỉ có một điều là ông Lê-Quý-Đôn thì mắt tinh tú tám phần, mà Càn-Long Hoàng Đế thi mười phần thôi.

Về các khoa thiên-văn, Địa-Lý, không khoa nào là Ông Lê-Quý-Đôn khôn; thông thạo, thường viết rất nhiều sách như : Thiên-văn Thư, Địa-Lý tinh ngôn thư, Dân chính thư.v.v...

Bấy giờ quân chúa đi bình định, mở mang đất cát miền nam

(Đất này do Liệt-Tổ Nguyễn-Hoàng hùng cứ) Ông dâng sớ lên nói : Thần coi vượng khí miền nam đương thịnh, không đầy 30 năm nữa, thì đất sẽ mạnh lắm không ai chống nổi, xin tạm rút quân bình Nam về, lấy sông La-Hà làm ranh giới. Sau đúng như lời ông nói (Gia-Long hoàng Đế nhất thống sơn hà.

Lại xét khoa ấy đã thi rồi, một ông đã được trúng Hội-Nguyên nhưng chưa ra bảng. Có một ông sợ, có ong bình nhật đã tập bài thi đó rồi, rợ ông ấy đỗ, mới tố cáo, không ngờ quyền của mình đã được dự trúng cách..... Triều-Đình bèn kén ngày cho thi lại, bỏ hết quyền văn trước đã lấy đỗ. Khi thi lại, thì hai ông đều không đỗ cả..... Nghe đâu ông bị tố cáo trước đã dãy bỏ vợ, mà cố ý không cho chữ, để vợ suốt đời ở góa, nên trời quả báo thế đó. Coi vậy học trò phải lấy đức hạnh làm gốc, phải ở sao cho trọn đạo tam cương ngũ thường. Cũng không nên sanh tâm ố nhân thắng kỷ.

Trời có mắt soi xét rõ ràng, những phường bạc hạnh làm hại người, chỉ tổ hại mình đó thôi Không nên bêu điều xấu của người ta nên coi đó để răn mình.

Khoa này lần thi trước, Ông Lê-Quý-Đôn bị hỏng, đến kỳ thi lại thì ông đỗ luôn Bảng-Nhãn, mấy ông thi lại cũng đều được đỗ. Đạo trời đã định như thế đó !

Ông Lê - Qúi - Đôn đọc sách, xem một lần được mười dòng suốt đời không quên : Ông còn có tài nhớ được mà viết ra những chữ ở bia, có khắc tên họ, những người đóng tiền làm cầu đá. Năm Cảnh-Hưng thứ tư là năm Quý-Hợi thịnh khoa, văn sách của ông được phê ưu trúng thứ nhất. Năm 27 tuổi ông đỗ Hội nguyên và Bảng-Nhãn khoa Nhâm-Thân, niên-hiệu Lê-Cảnh-Hưng thứ 13. Ông Lê-Quý-Đôn phụng mệnh đi sứ sang Trung-Quốc và làm quan đến chức Thượng-Thư.

阮春煊

NGUYỄN - XUÂN - HUYÊN

Người Hoàng-Xá, huyện Thư - Trì : tổ - tiên nhà ông du

học ở làng khác, ông thầy học có biết nghề phong thủy, thường khi thấy thầy vẽ xuống đất long hồ quanh coi ông liền hỏi : « Đất nầy có kết hay không ? » Thầy trả lời rằng : « được ». Ông nói : « Làng tôi cũng có một ngôi đất, như kiểu thầy vẽ ». Thầy nói : « Thử dẫn ta đến xem ». Khi đến nơi quả nhiên là đất tốt. Thầy nói : « Đó là đại phúc đức của nhà anh, Mộ tổ anh ở đâu ? Tôi táng hộ cho. »

Rồi ông đem mộ tổ táng vào đó, sau sinh ra ông Nguyễn-Xuân-Huyên, rất hiếu học. Nhà nghèo, mẹ ông phơi một chiếu thóc ở sân, vì có việc, nên phải chạy đi chỗ khác, dặn ông coi nhà nếu trời mưa thì thu mau thóc đi. Nào ngờ, lúc ông học, đang mải chú ý vào sách, thành ra không biết trời mưa to. Khi mẹ ông về, thóc đã trôi đi chỗ khác mất. Ông chăm học đến thế đó. Ông đỗ Tiến-Sĩ khoa Nhâm-thân, niên hiệu Cảnh-Hưng, triều vua Hiến-Tôn nhà Hậu-Lê. Ông được phát phúc ở ngôi đất này.

東平公

ĐÔNG - BÌNH - CÔNG

Người làng Hoàng-Xá, huyện-Đông-Quan, lúc ông chưa đỗ, ông tự phụ có tài, có người khen rằng : Tài như ông đỗ Tiến-Sĩ dễ như bỡn, chỉ còn thiên-mệnh không biết ra sao thôi ! Ông nói khoác rằng : « Tôi chấp cả trời ». Rồi quả nhiên ông đỗ. Nhưng sau ông đi làm quan bị tội, trong án cũng có buộc tội là chấp cả

Cước chú : Thời Hậu-Hán có ông Cao-Phượng tự là Văn-Thông rất chăm học, nhà phơi lúa mạch, sai ông Phượng cầm cần đuổi gà. Gặp khi giời mưa to, ông Phượng mãi học không biết, trôi mất cả lúa. Cũng giống như câu chuyện của ông này.

trời. Khi sắp bị hành hình, ông đọc một câu rằng :

知者不知者牛馬任其呼

Phiên âm

Tri gia bất tri giả, ngưu mã nhậm kỳ hô.

Dịch nghĩa

Biết chăng hay không biết chăng !,..
Trâu ngựa mặc dầu kêu gọi.

Lúc đó có một vị coi án cũng (chân Tiến-Sĩ) đứng đó đối ngay rằng :

其然豈其然龍安不所遇

Phiên âm

Kỳ nhiên khởi kỳ nhiên, long xà an sở ngộ.

Dịch nghĩa

Phải thế há rằng phải thế ; rắn rồng yên phận nương thân.

Sau con trai ông là Đông-Thời-Tấu, tài cao học rộng, thiên kinh vạn điển, nhớ thuộc làu làu, tính người cương trực, không kiêng nể thế lực. Khi sắp đi thi lên trình diện quan huyện, quan huyện biết là con ông liền ra bài thơ đầu đề «Thái tông vi tử thi, ... » viết bằng quốc âm, Đông-Thời-Tấu liền cầm bút viết ngay rằng :

Phiên - âm

Ông Uyên bà Đậu phiết tỳ tỳ
Đẻ được thằng Dân tốt hữu vi.

Rộng rãi lòng nhân loài Bắc-Hán,
Lăm le chí cả có Cô-Tùy.
Trong nhà con đỏ lon ton chạy,
Ngoài cửa thằng Man khép nép quỳ.
Nỡ để cha ngồi nơi nắng cực.
Đạo con nào có thảo ngay gì ?

Quan huyện giận lắm, liền từ chối không nhận, vì thế ông không được đi thi. Ông nghe tin Hoàng - Trừ nhà Lê bị họ Trịnh hiếp chế, phải vào ở Thanh - Hóa, lập riêng một Triều-Đình để chống nhau với họ Trịnh. Ông đến yết-kiến, Hoàng-Trừ mừng lắm, nhân ra bài phú «Ngộ hội chân quân thần», đánh vừa dứt một hồi trống. ông liền đọc cả toàn đề và viết thành quyển, Hoàng-Trừ hết sức khen thưởng, từ đó duyên may gặp gỡ cá nước rồng mây. Hoàng-Trừ mở khoa thi, ông đậu Thám Hoa, sau ông thảo tờ hịch đánh họ Trịnh. cử binh đại chiến, bị thua và bị từ trận.

Toan ôi, ông là người tiếng văn học, cao hơn mọi người mà đến bất đắc kỳ tử, biết đâu lại không có số đó ư ? Vậy làm người học trò cần lấy đức hạnh làm căn bản mới được

Sau triều nhà Nguyễn, có viên Tri-huyện Cao-Bá-Đạt (em Cao Bá Quát) khi bị hành hình cũng đọc câu rằng :

牛馬任其呼知我者不知我者
龍蛇安所遇有天乎抑無天乎

Phiên âm

Ngưu mã nhậm kỳ hô, tri ngã giả bất tri ngã giả ;
Long xà an sở ngộ, hữu thiên hồ ức vô thiên hồ !

Dịch-nghĩa

Trâu ngựa mặc dầu kêu; biết ta chăng? hay không biết ta nữa ?

Rắn rồng yên phận gặp; có trời ư ? hay không có trời ư ?

TimSachCom.Vn

真君臣賦

明良勝會，喜起奇逢美矣。一時之君宰，信哉千古之英雄！君臣諧相遇之緣，欲成厥志；基圖覩再興之運，立定厥功。時其運正衰周，物將失夏，天興帝胄之真人，下有卧龍之賢佐，濟斯民而輔斯世，信不偉哉；以是君而遇是臣，非偶然者觀其風雲會訂，魚水情堅。一時契明良之會，兩意譖膠漆之緣。訪求多俊傑之流，君以知人爲聖；器使盡賢能之士；臣以任職爲賢。是宜北拒彊曹西扶弱漢伸大義而繼絕興衰，建偉績而扶衰定難嗣山陽之正統，重鑒火德於將灰，開西蜀之洪圖，再續金刀於已斷。算來功効如斯當就君臣上看。雖以官人有昧，疆實多違。屈百里於士元，驥足莫伸於盡用。任先鋒於馬謖街亭取敗於全師。就其間而責備，可於此而求疵。然而自漢以來，無人與並。功蓋三分國魏吳蜀與抗衡。名高八陣圖伊呂無加其盛。豈可以古者堯

TimSach.Com.Vn

者惜伯偏於可所病同之明孔主先為舜而
伯心創之欲成業偕黨人假不天魏為漢將
偏之復漢之興運奚合與白分三混為難業
於之淚谷物移蓋非帝亦無分於志之君得
可惜者伯，偏於可所病。同之明孔主先為舜而
伯心，創之欲成業偕黨人，假不天魏為漢將
偏之，復漢之興運，奚合與白帝亦無分，三混為難業
於之淚谷物移，蓋非帝亦無分，於志之君得
可，惜者伯偏於之心，創之欲成業偕黨人，假不天魏為舜而
伯心，創之欲成業偕黨人，假不天魏為漢將
偏之，復漢之興運，奚合與白帝亦無分，三混為難業
於之淚谷物移，蓋非帝亦無分，於志之君得
可惜者伯，偏於可所病。同之明孔主先為舜而
伯心，創之欲成業偕黨人，假不天魏為漢將
偏之，復漢之興運，奚合與白帝亦無分，三混為難業
於之淚谷物故，猶之為之

Phiên âm

CHÂN QUÂN THẦN PHÚ

Minh lương thắng hội, hĩ khởi kỳ phùng. Mỹ hĩ nhất thời chi quân tể, tín tai thiên cổ chi anh hùng ! quân thần hài tương ngộ chi duyên, dục thành quyết chi ; cơ đồ đồ tái hưng chi vận, lập định quyết công. Thời kỳ vận Chính suy Chu, vật tương thất Hạ ; Thiên tưng đế trụ chi chân nhân, hạ hữu ngọa long chi hiền tá ; Tế tư dân nhi phụ tư thế, tín bất vĩ tai; dĩ thị quân nhi ngộ thị thần, phi ngẫu nhiên giả! Quan kỳ phong vân hội đính, ngư hủy đình kiên. Nhất thời khế minh lương chi hội, lưỡng ý hài giao tất chi duyên. Phóng cầu đa tuấn kiệt chi lưu, quân dĩ tri nhân vi thinh; khi sử tận hiền năng chi sĩ, thần dĩ nhậm chức vi hiền. Thị nghi bắc cự cường Tào, tây phù nhược Hán; Thân đại nghĩa nhi kế tuyệt hưng suy; kiến vĩ tích nhi phù suy định nạn. Tự Sơn-dương chi chính Thống, trùng khư hỏa đức ư tương hội; khai tây-thục chi hồng đồ, tái tục kim đao ư dĩ đoạn. Toán lai công hiệu như tư, đương tựu quân thần thượng khán; Tuy dĩ quan nhân hữu muội, hạch thực đa vi. Khuất bách lý ư Sĩ-nguyên, kỳ túc mạc thân ư tận dụng; Nhậm tiên phong ư Mã-Tắc, Nhai-đình thủ bại ư toàn sư. Tựu kỳ gian nhi trách bị ; khả ư thử nhi cầu tỳ ! Nhiên nhi tự Hán dĩ lai, vô nhân dữ tịnh. Công cái tam phân quốc, Ngụy, Ngô, Thục dữ kháng hành; Danh cao bát trận đồ, Y, Lữ vô gia kỳ thịnh. Khởi khả dĩ cổ-giả Nghiêu Thuấn vi Tiên-chủ, Khổng-Minh chi đồng bệnh. Sở khả tích giả Hán tương vi ngụy. Thiên bất giả nhân, nghiệp cận thành ư thiên bá, thế nan hỗn ư tam phân. Bạch-đế hồi hưng phục chi tâm, sáng nghiệp chi công vị bán ; Ngũ-trượng sái anh hùng chi lệ, phục thù chi chí nan thân. Vô nại thiên chi hưng vận hề cữu Hán chi quân thần. Dĩ hĩ tai! Xà vận tinh di; tàm tùng vật cố, đắc thất chi trần tích dĩ nhiên, thị phi khảo di biên chi do tại. Chí kim luận Thục-Hán chi quân thần, vị thường bất vị chi cảm khái.

Dịch nghĩa

BÀI PHÚ CHÂN QUÂN THẦN

Minh lương hội tốt ;
Hoan hỉ tương phùng.
Đẹp thay một thời tôi chúa ;
Xứng thay muôn thuở anh hùng,

Vua tôi tương ngộ duyên may, muốn thành đại chỉ ;
Cơ đồ tái hưng vận hội, gây dựng huân công.

Thời bấy giờ

Đương vận suy chu,
Gặp thời thất Hạ.
Trên phù đế trụ chân nhân ;
Dưới có Ngọa-Long hiền tá.

Giúp dân ấy mà phù đời ấy, thực hay lắm thay ;
Có vua này lại gặp tôi này, há ngẫu nhiên cả.

Nay xem :

Gió mây gặp gỡ ;
Cá nước lâu bền.
Vua giỏi tôi hiền, một thời hợp mặt;
Keo bền sơn chặt, muôn thuở đẹp duyên !

Tin dùng nhiều tuấn kiệt những ai, vua biết chọn người là thánh .

Cân nhắc hết hiền năng bao kẻ, tôi mà đáng chức là hiền.

Thế nên :
Bắc chống giặc Tào;
Tây phù nhà Hán !
Tỏ nghĩa lớn, nối nghiệp dấy suy ;
Dựng công to, phù nguy cứu nạn,

Ngôi chính thống Sơn-Dương tiếp nối, thổi bùng lửa đức đã hầu tàn;

Chí hồng-đồ Tây-Thục mở mang, gắn lại dao vàng vừa đứt đoạn.

Kể ra công hiệu nhường kia ;
Đề trước vua tôi xét đoán.

Tuy vậy ;
Dùng người còn kém;
Lỡ việc có lần;

Ép huyện lệnh cho Sĩ Nguyên tài ký-túc dùng chưa sứng chức Đem tiên phong giao Mã-Tắc, trận Nhai-Đình hại cả toàn quân.

Cứ theo đó mà trách cứ ;
Nên coi đấy mà sửa dần.
Nhưng mà : Từ-Hán đến nay,
Ai mà đáng sánh.
Công vượt tam phân quốc, Ngụy, Ngô ai dám tranh hùng;
Danh cao bát trận đồ Y, Lã không khen là thịnh ;
Há lẽ lấy việc xưa :
Nghiêu, Thuấn làm Tiên-chủ;
Khổng-Minh là đồng-bệnh.
Điều đáng tiếc là :
Hán sắp là Ngụy.
Trời chẳng giúp phần ;
Nghiệp sắp quay về thiên-bá.
Thế khó tránh được tam phân.
Thành Bạch-đế, hưng thịnh nguội lòng, sáng nghiệp
Công kia chưa được nửa.
Gò Ngũ-Trượng, anh hùng rớt lệ, phục thù chi đó,
vẫn chưa thân ;
Khốn nỗi bởi trời hưng vận,
Đâu lỗi tại Hán quân thần ;
Thế là thôi ;
Vận rắn sao dời
Tơ tằm còn mãi
Được thua dấu cũ qua rồi ;
Dở hay sách xưa còn lại

Tới nay đem chuyện vua tôi triều Hán lạm bàn, ai không ngậm-ngùi cảm khái.

范 進

PHẠM - TIẾN

Người làng Kim-Đôi, huyện Võ-Giàng, có chí học hành Khi du học ở Kinh-Sư, mỗi năm về đầu xuân, các học trò, đều kéo nhau về Kinh tòng học. Ông tập văn ở các trường lớn, họp cùng anh em học trò xa gần, ông đã đọc hơn anh em hang mấy chục quyển. Sau ông đỗ hội nguyên (Tiến-Sĩ khoa Tân-Mùi)

吳 陳 植

NGÔ TRẦN - THỰC

Người làng Bách-Tính, huyện Nam-Chân. Ngôi mộ tổ nhà ông là do một thầy địa - lý Trung-Hoa táng cho. Các gò chung quanh đều nhỏ cả, duy có cái gò để ngôi mộ này lớn hơn gọi là cách «Quần nhạn tân hồng» kiểu đất đó có câu: «tuổi Thìn đỗ khoa Thìn» (sau ông sinh năm Thìn), mà đỗ Hoàng-Giáp Đình-Nguyên khoa Canh-Thìn. Trước đây nhạc phụ ông là Phật-Tích, Tiến-Sĩ, để được hai người con gái, nhưng gả một người cho ông, có ra cho ông một câu đối rằng : «Hữu nhị không tước» để xem khẩu khí ra sao. Ông ứng khẩu đối rằng : «Thành ngũ Thái long» Nhạc-phụ rất qúi trọng liền gả con gái cho ông, và dạy ông học, Sau quả nhiên thành đạt, là phát phúc ở ngôi mộ này. Cái khẩu khí của nhà đại-khoa, đã biểu lộ rõ trong câu đối trên.

阮 輝 公

NGUYỄN HUY - CẬN

Người làng Phú-Thị, huyện Gia-Lâm, là con ông Nguyễn-Huy Dần (Ông Dần đậu Tiến-Sĩ khoa Mậu-Thìn, năm Cảnh-Hưng thứ chín) và là cháu ông Nguyễn-Huy-Nhuận, ông bẩm thụ tính chất thông minh, quyết chí học hành. Nhạc phụ ông cũng đỗ Tiến-Sĩ, Vợ ông luôn mấy năm không sinh đẻ, nhạc phụ vì thế mới hỏi, vợ ông thưa, nhà con chỉ cố chí học hành, không nhập phòng bao giờ. Nhạc phụ sai con đến học cùng ông, giả làm bạn học, ý

định muốn đêm hôm giục ông nhập phòng. Ông lại thưa với nhạc phụ rằng : cậu lại với tôi, không học hành gì chỉ giục tôi ngủ sớm. Nhạc khụ biết tính ông không thể cưỡng, liền thôi. Sau ông đỗ Tiến-Sĩ (Hội-nguyên). Vì có Đình đối, không đỗ được khôi giáp nên cáo từ về không làm quan. Khi trở về, lại càng chăm học ; ăn uống nằm ngồi không giờ phút nào ngơi. Ông thường nói : «Kiếp này tôi cố học để kiếp sau khỏi phải học ». Người ta đồn rằng : Có tiên đem xe ngựa lại đón ông, rồi ông mất. Ông suốt đời không ham muốn gì cả, chỉ thích học kể cũng là lạ.

吳 時 仕

ÔNG NGÔ-THỜI-SĨ

Ông tên tự là Thế Lộc hiệu là Ngọ-Phong, cư-sĩ người làng Tả-Thanh-Oai, huyện Thanh-Oai. Ông vốn quê ở Thanh-Hoá. Tục truyền mộ ông Lỗ-đố, bà Xã chùa, đều là mộ tổ Thiên táng của nhà ông. Từ trước tới nay nối danh khoa bảng. Họ hàng tản mát, thiên cư các nơi, đều được hiển đạt khoa giáp. Một chi ở Thanh-Oai, cũng được hai ba ngôi đất to, phát đạt luôn luôn. Trong làng có một ngôi bệ thờ ở dưới gốc cây, có ngựa đá, sư-tử đá bày ở Tả-hữu, giữa sân có một cái bia, gọi là «Truy viễn đàn» nghĩa là «nơi thờ cúng tổ-tiên của ông»; ở trong bia ghi chép đời đời trâm anh, văn võ kiêm toàn, có câu rằng : «才 千 才 孫 世 升 世 官 tài tử tài tôn, thế khoa thế hoạn ». nghĩa là «con cháu hiền tài, đời đời khoa hoạn». Lời ngạn có câu : «青 成 左 青 成 三 吳 時 爲 大 Thanh-Oai Tả-Thanh-Oai, tam Ngô thời vi đại » «làng Tả-Thanh-Oai, huyện Thanh-Oai, có ba họ Ngô-Thời là lớn». Đó là tỏ ý nói : nước biển mà nhà không biển.

Ông nổi tiếng ở kinh-quốc chịu ơn tri-ngộ rất sớm. Khi ông chưa đỗ Tiến-Sĩ cung đã được tiến-triều. Ông đỗ Hoàng-Giáp Đình-nguyên khoa Bính-Tuất, niên-hiệu Cảnh-Hưng thứ 27, được

---

Triều Lê ông nào chưa đỗ Tiến-Sĩ mà làm quan xuất sắc thì các Triều Thần tiến cử mới được thăng quan Tiến-Sĩ gọi là tiến triều, nếu không chỉ làm đến chức Đốc-đồng là cùng.

cử ra trấn thủ Lạng-Sơn, rồi mất. Sau làm thần động Nhị-Thanh, khói hương phụng tự, lâu dài bất tuyệt.

Xem bài ký Nhị-Thanh động của con ông là Ngô-Thời-Nhiệm, thì ý giả khí linh núi này thác sinh đó chăng. Văn chương của ông lừng lẫy khắp thiên hạ, không cần tán dương nhiều, một câu văn một lời nói, đều được người quý mến.

Sau con ông là Thời Nhiệm cũng đỗ Tiến-Sĩ, con thứ là Ngô Thời-Vị, cháu là Ngô-Thời-Phẩm tuy không đỗ khoa giáp, nhưng cũng làm tới chức Hiệp-Trấn Tham-Tri.

Gia-thế ông vào hàng đầu, trong văn học sử nước nhà. Trải qua các triều-đại, nhà ông ngựa xe tấp nập, kế tiếp hết thế hệ này qua thế hệ khác, đó chả phải là địa-khí chung tú đó chăng' mà sở dĩ được đất, đâu phải là việc ngẫu nhiên ?

Sau ông kiêm chức Quốc-sử Hiệu-Chính, làm bộ Việt-Sử tiêu-án.?

Xét trong Lê-Sử, đời vua Hiển-Tông, Trịnh-Sâm toan bỏ Thế-Tử là Trịnh-Khải. Khải ngầm gởi thơ cho viên Tham-Trấn Sơn-Tây, là Nguyễn-Khản và viên Tham-Trấn Kinh-Bắc là Nguyễn Khắc-Tuân, ước hẹn đem binh vào giúp. Lúc đó tên Sơn làm chức điển-thư cho Trịnh-Khải, trước có học Ngô-Thời-Nhiệm, (bấy giờ ông Nhiệm đương làm chức Đốc-Đồng ở Kinh-Bắc) tiết lộ mưu ấy, Ngô-Thời-Nhiệm toan phát giác, cha là Ngô-Thời Sĩ can ngăn, Nhiệm nói : Trung hiếu khó lòng toàn cả hai được, liền đi tố cáo, ông Sĩ uất hận quá, uống thuốc độc chết.

李陳慣

LÝ - TRẦN - QUÁN

Hiệu là Nùng-Thạch, người làng Vân-Canh, huyện Từ-Liêm

Chú thích : Động-Nhị-Thanh thuộc Châu Thoát-Lãng, phủ Trường Khánh tỉnh Lạng-Sơn. Ngô-Công xây động Nhị-Thanh, ở phía bên phải động Tam Thanh, xây cất đền miếu và đền thờ Tam-Giáo, ở chỗ hang cao có tạc truyền-phẩn của ông ở đó.

đỗ Tiến-Sĩ khoa Bính-Tuất, niên hiệu Cảnh-Hưng thứ 27. Khi Đoan-Vương (Trịnh-Khải) bị quân Tây-Sơn đuổi, ông đem ẩn một nơi, có người học trò ông, người làng Vân-Điềm, tên là Ba-Đạm, cũng là giòng dõi nhà khoa bảng. Ông nghĩ là ông cha hắn hưởng thụ quốc ân, tất nhiên là hắn phải có lòng trung nghĩa và lại còn có tình thầy trò, ông không nghi ngờ, bảo hắn đề nhà cho Đoan-Vương ở, rồi sẽ giấu chỗ khác. Không ngờ hắn mặt người dạ thú, lập mưu bắt Đoan-Vương đề nộp lấy công. Ông không biết làm thế nào, hãy đem cái nghĩa tôi con, và tình thầy trò, bảo cho hắn biết. Hắn nói : « yêu nước không bằng yêu nhà, nghĩ đến thầy không bằng nghĩ đến thân. (An-Nam nhất-thống-chí nói : Sợ thầy chưa bằng sợ giặc, yêu vua chưa bằng yêu mình) Nếu thấy chúa mà không bắt, sợ tội với Tây-Sơn,» Ông biết là không thể bảo được, lại sợ lòng ngay không được tỏ rõ liền quì xuống trước mặt chúa nói rằng : Thần xin chết trước để tỏ lòng ngay, bèn lấy thuốc độc uống, nhưng không chết ông liền sai đem quan tài không chôn xuống đất, ông mặc áo mũ chỉnh tề, thung-dung vào nằm trong quan tài sai người nhà đậy nắp quan. Đã đậy rồi lại sai mở ra, đọc một câu rằng : « Chữ hiếu ba năm đã xong, chữ Trung 10 phần chưa hết » và dặn rằng : bao giờ cúng thì viết câu này. Nói rồi sai đậy nắp quan và lấp đất đi.

Ba-Đạm bắt Đoan-Vương đem nộp, dọc đường vào nhà trọ, Đoan-Vương giật lấy con dao của người trong quán tự vẫn chết, liền đưa xác về Kinh. Tây sơn dùng Vương lễ mai táng Đoan.Vương. Còn Ba-Đạm tự cho là mình có công to, không ngờ lại bị Tây-Sơn khép vào tội bất Trung đem giết luôn.

Sau này cải táng, sắc mặt ông như còn sống, áo xống ngay ngắn, không nát gì cả. Nếu không phải chính-khí mà được thế ư?

Sau Chiêu-Thống Hoàng-Đế trung-hưng, liền phong những người tử tiết. Lúc ấy có Tướng-Thần là Thạc-Quận-Công, vì kháng cự với Tây-Sơn, đánh nhau ở Thúy-ái, cha con đều chết đến 6, 7 người (Trận này Thạc.Quận-Công có 8 người con thì 6 người chết, ông cùng với hai người con cướp đường chạy thoát), Triều-

Đình đề-nghị bao phong, chưa định xong ai là đầu. Chiêu-Thống Hoàng-Đế liền phê rằng :

« Khẳng khái tùng tử dị, thong dong tựu nghĩa nan » nghĩa là : hăng hái xông vào chỗ chết thì dễ, thong thả theo tiết nghĩa mà *liệu mình* mới là khó. Liền bao phong ông lên hàng đầu, vinh tặng Đại-Vương.

Lúc Ông còn sống có làm ba gian từ đường, trên tường có đề rằng 一 全 垒 Nhất toàn đài; mọi người không hiểu ý ra sao ! đến lúc được phong Đại-Vương thì mới biết : Nhất toàn 一 全 là chữ Đại-Vương.

Hai chữ Trung, hiếu, là gốc lập thân, thiên-kinh vạn quyển không sách nào là không lấy điều đó dạy người, *nhiều người đọc sách cũng biết*, nhưng thực hành được có mấy ai ; như Lý-Trần-Quán mới thật đáng là bất phụ sở học. Ở đời ai mà không chết, có cái chết nặng như núi Thái-Sơn, có cái chết nhẹ như lông hồng, nhưng chết «Đắc kỳ sở» mới đáng quý hơn. Tiết-Nghĩa của ông cố nhiên là hơn người, mà chết như thế, thực là cúi không hổ với đất, ngẩng không thẹn với trời, trung gian không hổ thẹn với người, chết như thế há chẳng phải là đắc kỳ sở ru ? Tuy chết đắc kỳ sở, nhưng mà thảng thốt mà chết thì còn dễ chứ như ông chết một cách thung dung như vậy, há chẳng càng khó lắm ư ? Hiếu-Nghĩa của ông thì tôi không được rõ, nhưng lòng trung của ông với vua như thế, thì cái hiếu của ông cũng đủ biết rồi. Hoạn nghiệp của ông thì tôi không rõ, nhưng tiết-nghĩa như vậy, thì lúc ông làm quan thế nào cũng đủ hiểu, đó chẳng phải là quý báu nhất của Quốc-Gia hay sao ?

Non cao núi thẳm, sùng kính muôn đời, người ta khen ông chẳng kém gì Văn Thừa-Tướng thủa xưa. Còn sự-tích của ông đã chép trong cuốn An-Nam nhất thống-chí đây xin chỉ thuật qua loa thôi.

Xét trong An-Nam Nhất Thống-Chí nói : có người thủ hạ của ông, ở xã Hạ-Lôi tên là Trang làm chức Tuần-huyện, bắt Trịnh-Vương hiến cho Tây-Sơn, Tây-Sơn phong Trang làm Tráng-nghĩa-hầu, và trấn thủ trấn Sơn-Tây, vào ngày 27 tháng 6 năm Bính-Ngọ, so với đây thì khác nhau .

An-Nam-nhất thống-chí nói : Ông là người chí hiếu, cư tang cha mẹ ba năm, làm nhà ở mộ, kiêng mặc đẹp ăn ngon, thương xót đến gầy người .

(Văn thừa-tướng tức Văn Thiên-Tường đời nhà Tống bên Tàu.)

阮 惟 宜

NGUYỄN - DUY - NGHI

Người làng La-Khê, huyện Từ-Liêm, đỗ Tiến-Sĩ khoa Bính - Tuất, niên hiệu Cảnh-Hưng . Sau làm chủ khảo thi hội, lấy đỗ Tiến-Sĩ hai người họ khác ở cùng làng ông . Họ này họ kia, thịnh suy hơn, kém đó là lý thường . Nếu sợ người ta hơn mình, mang lòng đố kỵ, chỉ muốn con cháu họ mình được phát-đạt còn họ khác thì tìm cách đè nén ghen ghét những tài năng ngăn trở sự tiến triển, chỉ sợ người ta hơn mình, hơn mình hơn con cháu của mình làm hại con cháu mình thì có ích gì ? người ta khi thịnh hay suy, đã có thiên định, chứ không phải tự ta đề xướng, hay nâng lên được. Ta phải vâng theo lẽ trời mà cư xử, thì tâm trí không bại hoại. Nếu ta theo nhân dục mà lấy ép người ta thì nên tự hỏi người ta xử với mình như thế thì mình có chịu được không ? Rút cục không hại gì cho người, chỉ tổ làm tổn phúc đức mình thôi.

Việc làm của ông Nguyễn - Duy - Nghi, theo sự nhận xét của người quân tử, thì không có gì lạ lùng đặc biệt cả, nhưng đối với hạng người hay đố kỵ, thì có khác hơn nhiều. Đến nay nhà

ông trâm anh nối tiếp, khoa mục đời đời, ngàn xưa ít thấy, đó cũng là do một điểm lương tâm đã gây nên vậy.

阮伯揚

NGUYỄN - BÁ - DƯƠNG

Người làng Nguyễn-Xá, huyện Thần-Khê. Ông nổi tiếng về văn chương, nhà nghèo quần áo không đủ dùng, cắp sách theo thầy du học Trường-An ăn nhờ vào thầy, thổi nấu cơm nước, nhưng tính rất hào mại. Ông thường ra hàng ăn chả chó, không có tiền trả nên nợ chồng chất, nhà hàng thấy thế, sinh lòng chán ghét.

Khoa thi Bính - Tuất niên hiệu Cảnh - Hưng 27, ông đi thi, khi vào tứ trường, kim văn không đủ, mà cổ văn rất đắc lực, ai cũng cho là khó lòng đỗ được, riêng ông cho là thế nào cũng đỗ. Rồi ông ra nhà hàng ăn chả chó, nhà hàng hỏi đến nợ cũ. Ông nói : để hôm treo bảng rồi trả cũng vừa, nhà hàng thấy ông quần áo rách rưới, không ngờ là Giám-Sinh ứng thí, cho là nói khoác, nhân tiện giận sẵn, liền mắng rằng : treo bảng thì mặc treo bảng, ta chỉ đòi tiền thịt chó thôi, liền lột áo ông, ông chỉ có một cái áo đã rách, bị lột mất thành ra phải đứng trần, không biết làm thế nào. Những khách ăn hàng đều xin cho ông, nhưng nhà hàng không nghe. Lúc đó có người con gái bán rượu, cũng ở đó, trông thương hại, hỏi ông rằng : nợ nhà hàng bao nhiêu ? Ông nói : 6 tiền quý. Người con gái nói : Tôi thấy ông hình dáng học trò, mà trần truồng như thế không tiện, để tôi trả cho, mà chuộc lấy áo. Bao giờ có tiền thì trả tôi ; nếu không thì thôi. Cô liền lấy hết số tiền ở dưới gánh, trả người nhà hàng, chuộc áo cho ông. Ông hỏi người con gái quê quán ở đâu ? người ta nói rằng : Cô ấy nhà ở trạm Hoàng-Mai (kẻ Mơ) cha tên là thế, ông nhớ lấy, rồi tỏ lời cảm ơn mà đi. Bấy giờ có người cười, có người khen, nhưng cô không để ý, quảy gánh đi luôn.

Hôm sau treo bảng tên ông đỗ thứ 6, đồn khắp kinh thành rằng

ông nghè đỗ thứ 6 là anh chàng bị lột áo hôm qua, ai cũng mừng thay cho ông. Ông đỗ cờ biển võng lọng về bái môn thầy, lại đến trạm Hoàng-Mai hỏi thăm nhà cô gái ấy, cưới luôn về. Vinh quy cùng với vu quy một ngày.

Cha mẹ cô ta lúc ấy mới biết chuyện. Bấy giờ người ta có câu : « thiếu kim-văn đỗ Tiến-Sĩ; mất 6 tiền được bà Nghè» tức là việc đó.

Lúc thiếu thời, ông nằm chiêm bao thấy Thần bảo rằng : « 終身小十八 chung thân tiểu thập bát » ông cho là không đỗ. Nhưng khoa ấy ông thi đỗ luôn Tiến-Sĩ, đầu bài có câu : « 小十八天下榮之 tiểu thập bát thiên hạ vinh chi. » nghĩa là : nhỏ mười tám, thiên hạ cho là vinh quý. Lại có tin rằng : thày học của ông là người đồng hương với Ngô-Thời-Sĩ, có quen biết nhau trước. Vẫn biết ông Sĩ thi mãi không đỗ sinh nản lòng. Hôm vào tứ trường, ông Sĩ viết câu : « 皇帝王伯 Hoàng-Đế, Vương, Bá, » nghĩ thầm cho là đắc ý vẫn sợ không đỗ, gọi ông bảo rằng : tôi chưa chắc đỗ được, văn viết có câu này rất đắc lực tôi cho ông, ông xem xong bảo Thời-Sĩ rằng : Bác sẽ đỗ khoa này, cố lên, tôi có câu này cũng hay, tôi không thể làm hại cái khoa danh của bác. Thời-Sĩ nghe lời, khoa ấy quả nhiên đỗ Tiến-Sĩ, bởi đắc lực về câu văn trên mà ông đậu cao, cũng do câu văn đắc lực của ông, xem thế thì học lực và độ lượng của bậc đại-khoa thật phi thường. Lại thấy nói : ông Thời-Sĩ văn chương lỗi lạc, nhưng hay khoe khoang, khinh người, các quan triều đều ghét, đi thi nhiều khoa, các quan triều nhớ giọng văn; cố ý đánh hỏng. Lời văn của ông cũng giống lời văn Ngô-Thời-Sĩ, khoa ấy Thời-Sĩ làm văn, cán viết chót trơn hoạt, văn ông rất rộng rãi nhưng kim văn không được đầy đủ, quan trường cho là Thời-Sĩ già rồi nên không đắc lực lắm, hãy lấy cho đỗ chắc cũng không dám tự phụ, khi hợp phách thời Sĩ đỗ hội nguyên, ông đỗ thứ 6. Thế mới biết trời đã cân nhắc

phúc đức, mà bằng ở thiên đình thật đã định sẵn nhơn lực không thể trái được.

裴輝璧

BÙI - HUY - BÍCH

Người làng Định-Công, huyện Thanh-Trì, dòng dõi ông Bùi-Xương-Trạch (ông đỗ Tiến-Sĩ đời Lê Thánh-Tôn, làm quan tới chức thượng-thư, dựng nhà ở xã Thịnh-Liệt), ông giữ hạnh nghĩa rất cẩn thận, văn chương bình thản thuần hậu trang nhã, thừa thượng tiếp hạ, giọng văn chín nục. Buổi thiếu thời theo cha đi chơi, nghỉ ở cái quán bên vệ đường. Một hôm thân phụ ông, có gặp một người bạn quen ở nhà trọ, nhân hỏi về ông học hành ra sao ? thân phụ ông trả lời : nó thiên tư tầm thường, học hành tạm được, chưa tấn tới mấy. Lúc bấy giờ trên vách nhà trọ có đề chữ thiên vị thiên lộc. Ông bạn quen nhân tiện ra câu đối rằng :

位天位祿天祿位祿都兼

Phiên - âm

Vị thiên vị, lộc thiên lộc, vị lộc đô kiêm.

Nghĩa là

Ở ngôi trời, ăn lộc trời, lộc vị đều kiêm

Ông ứng khẩu đối rằng :

君吾君民吾民君民致澤

Phiên - âm

Quân ngô quân, dân ngô dân, quân dân trí trạch.

Nghĩa là

Thờ vua ta, trị dân ta, vua dân đều tốt.

Xem thế thì khí phách đại khoa đã lộ ở đấy, ông bạn khen rằng: Hậu sinh đáng sợ thật? Không ngờ còn ít tuổi mà đã như thế, thực là phúc của nhà ông. Ngày sau mình phải lạy thằng bé này đây?

Khi ông lớn lên, ra chơi Tràng - An, chợt có một người đàn bà, mình mặc áo tang, đầu đội mũ vàng. Quan học chính bảo các học trò vịnh chơi một bài. Ông vịnh rằng:

Bên cồ hãy còn mang áo xám.
Trên đầu trót đã đội hoa vàng.

Quan học-chính khen là khí phách lớn.

Lúc bấy giờ học trò các nơi, kéo đến kinh đô rất đông, nhân tài đầy dẫy, văn chương lỗi lạc, ông tự thấy mình kém. Vì văn chương ông chỉ đều đều, bằng phẳng, không ví với những ông kia được.

Sau ông đỗ Hoàng-Giáp đình-nguyên khoa Kỷ-Sửu, niên hiệu Cảnh-Hưng thứ 30. Ông bình văn tiếng nghe choang choang. Người ta suy tôn ông là bậc nhất, phong thái uy-nghi, ung dung nhàn nhã, thiên hạ không hai. Hàng năm nhà Tôn-miếu và Quốc-Tử-Giám có tế lễ lớn, ông được sung vào việc tế. Thấy ông oai-nghi chững chạc mọi người tranh nhau đến coi. Bấy giờ có vị Tiến-Sĩ ham mộ cái dung nghi của ông, đem lòng kính trọng, một hôm đội mũ mặc áo nghiêm-trang, đi đứng ấp tốn, không sai gang tấc, rồi bảo người nhà rằng: Các ngươi coi ta với ông Bùi-Huy-Bích thế nào? Người nhà thưa rằng: ông Huy-Bích như quả trên cây, còn ông thì như trái quả vẽ ra. Mọi người hâm mộ đến như thế.

Bấy giờ chính sự triều đình hỗn loạn, những kẻ tiểu-nhân đắc chí cầm quyền lộng hành bừa bãi, cầu cạnh, hối lộ công khai, riêng ông vẫn giữ một mực ngay thẳng, lời nói việc làm, có thể đem làm gương mẫu. Các quan đời bấy giờ bàn riêng với nhau rằng: Đời nay đáng gọi là quân tử, chỉ có một ông là Nghệ mà thôi, (vì lúc bấy giờ

ông được làm chủ tỉnh Nghệ-An) khi ông đến nhiệm chức tại tỉnh đó, có đề ở chùa một câu rằng :

疎 鐘 遇 竹 輕 時 打

Phiên âm

Sơ chung ngộ trúc khinh thời đã

Tạm dịch

Chuông xa trúc gõ nhẹ nhàng kêu

Các quan đồng liêu đều khen hay, và nói : ông sắp thăng quan. Chưa đầy tháng, có chỉ triệu vào kinh làm tướng. Sau gặp quốc biến, suốt thời Tây-Sơn, ông đi ẩn cư không thấy đâu nữa. Khi Triều Nguyễn khai sáng, phần nhiều các di thần lại ra làm quan. Ông cũng phải triệu vào Kinh khi bệ kiến, ông từ chối mất lòa, xin hưu dưỡng ở nhà, không chịu ra làm quan. Khi ông làm quan; tơ hào không lấy của dân, lương bổng chỉ đủ ăn, đến khi tản cư thường bị thiếu thốn, nhưng ông vẫn coi như không. Ngày ông sắp mất, dặn đừng có phát tang vì nghĩ đến vua xa nước biển, tiên tự xử như vậy .

Ông hiệu là Ẩm-Âm, lại hiệu là Tồn-Trai, chỗ ở của ông đề là Oa-Lư, có câu đối rằng :

百 年 文 獻 傳 家 泰
一 點 中 機 有 太 和

Phiên âm

Bách niên văn hiến truyền gia khoán,
Nhất điểm trung cơ hữu thái hòa .

Dịch nghĩa

Văn hiến trăm năm truyền nếp cũ ;
Trung cơ một điểm được hòa vui.

Có thi phổ phát hành ở đời, và lại soạn cuốn Hoàng-Việt-thi

tuyển. Lý lịch và tiết-tháo của ông thực không thẹn với khoa danh vậy.

Ông đọc sách, nhìn một lượt được mấy dòng. Khi làm chức tham-tụng, ông đã dọn xếp các sách ngũ kinh tứ thư và sử. Đời gọi ông là Bản Sách Quan Hành Tham.

阮廷僩

NGUYỄN - ĐÌNH - GIẢN

(Hiệu Chuyết-Trai)

Người làng Vĩnh-Trị, huyện Hoằng-Hóa, đỗ Tiến-Sĩ khoa kỷ-Sửu, niên hiệu Cảnh-Hưng thứ 30, làm quan đến chức Thượng-Thư, được tặng Bút-phong-hầu. Gặp lúc quốc biến, ông vẫn một lòng trung quân báo quốc mà bỗng nhiên bị hại. Cái tiết nghĩa lúc làm quan của ông như thế, thì cái hiếu đễ của ông lúc ở nhà, cũng đủ rõ vậy. Sự tích của ông tuy chưa được tường, nhưng cái khoa danh hoạn nghiệp của ông, thì muôn đời cũng không phai mờ.

TimSach.Com.Vn

Ông ngầm mưu kết giao với các hào kiệt, đánh giặc không xong, bị giặc giết chết, ông có thơ rằng :

昔日爲官今作囚
一身還占兩風流
爲官未足酬初志
在獄誰能寫我愁
底事榮枯非碌碌
此生北止係悠悠
古來興廢常常事
但得吾心無怨尤

Phiên âm

Tích nhật vi quan kim tác tù.
Nhất thân hoàn chiếm lưỡng phong lưu.
Vi quan vị túc thù sơ chí,
Tại ngục thùy năng tả ngã sầu.
Đề sự vinh khô phi lục lục,
Thử sinh hành chỉ hệ du du.
Cổ lai hưng phế tầm thường sự,
Đản đắc ngô tâm vô oán vưu.

Dịch nghĩa

Khi trước làm quan nay ở tù,
Một mình chiếm hết mọi phong lưu.
Làm quan chưa đủ đền tâm chí,
Ở ngục ai hay tả nỗi sầu.
Chuyện cũ nhục vinh không thắc mắc,
Kiếp này lao lực mãi thôi ư ?
Xưa nay hưng phế tầm thường đó !
Miễn được lòng ta khỏi oán thù.

吳惟袁

NGÔ-DUY-VIÊN

Người La-Khê, huyện Từ-Liêm. Người ta kể chuyện rằng : Mẹ ông đi cầu tự, chiêm bao thấy thần cho con cá chuối, liền sinh ra ông, không rõ có đúng không, hãy tạm chép vào đây. Lúc ông chưa đỗ có đi chơi xa, ngẫu nhiên vào nằm ngủ một ngôi đền thờ bà nàng, Ông nằm mơ thấy xe ngựa, có người theo hầu rất đông. Lúc qua cửa miếu, sai người vào miếu mời bà nàng cùng đi chầu Đế-Đình. Bà nàng nói rằng : « Hôm nay tôi có khách, mời ông cứ việc

đi trước để cho lần khác.» Rồi một đội người xe cộ, mũ mãng võng lọng, đi luôn. Lúc lâu lại thấy trở về, vào trong miếu, xe ngựa đều đóng ở ngoài. Duy có 6 vị thần đàn ông mũ áo nghiêm chỉnh, đi thẳng vào trong miếu. Bà nàng chạy ra đón chào, mời vào mà hỏi : Hôm nay bàn về việc gì ! Một vị thần nói : Hôm nay đi chầu Đế-đình bàn về đầu bài sang năm thi Hội. Sáu vị thần liền đọc bài và nói chuyện với nhau. Bà nói rằng : Sao các ngài không làm giúp ông Tiến-Sĩ mới một bài. Các vị thần kia xin vâng, rồi cùng với bà nàng đấu sức làm văn. Làm xong lại chấm chấm rồi lại đọc, gạc gạc, khuyên khuyên rất là cẩn thận. Lúc bấy giờ ông Viên nằm nấp nghe. Cổ văn, kim văn, nhất nhất nhớ hết. Khi tỉnh dậy, thì 10 phần quên mất 7,8. Về đến nhà lại quên hết cả, chỉ nhớ được trong lúc bình văn có câu khuyên điểm nhiều nhất rằng :

赤壁勝云而吳以此時爭荆州
淮淝勝矣而晉以此時資寇敵

Xích-Bích thắng vân, nhi Ngô dĩ thử thời tranh Kinh-Châu,
Hoài-Phì thắng hỹ, nhi Tấn dĩ thử thời tư khấu địch.

Trận Xích-Bích thắng, nhà Ngô nhân cơ hội đó cướp Kinh châu.

Trận Hoài-Phì thắng, nhà Tấn nhân cơ hội này giúp quân giặc.

Còn đầu bài không nhớ là gì nữa. Về nhà bảo với anh, lấy bút chép lại để nghiệm xem sao : Năm sau khoa Kỷ-Sửu, đầu bài tứ trường, ông chép đầu bài, thấy về văn sách, quan trường hỏi câu : « Giang đông thập thắng ». Nhân nhớ câu trong mộng chỉ có nhị thắng là Xích-Bích và Hoài-Phì. Đương lúc chưa biết làm thế nào, thì ông vẫn mê man và thấy bên cạnh có tiếng người đọc văn, ông cầm bút chép thao thao bất tuyệt không biết là những câu gì. Chép xong mới tỉnh, thì mặt trời

đã lặn, không kịp xét quyển, đem nộp luôn. Khi về nói chuyện với anh. Anh nói đó là thần giúp, chú sẽ đỗ.

Khoa này ông Từ-Ô chủ khảo thi Hội. Kể từ sơ viện, phúc viện, mỗi viện chấm hai câu đó, hễ chấm một câu nào thì các ngài điểm duyệt ngay. Khi duyệt đến câu : « Giang-đông thập thắng » thấy quyển nào cũng bày tỏ rạch ròi, quan trường đều phê đỗ. Duy có quyển của ông chỉ có hai câu thì khảo quan cho là quá lược và chê. Có ông toan đánh hỏng, lại có ông nói rằng : muốn cẩn thận chúng ta cứ đem quyển này trình lên quan chủ khảo, để rõ cái tội của họ, rồi đánh hỏng cũng vừa, liền đem trình quyển của ông lên ông chủ khảo. Lúc bấy giờ đã quá canh hai ông chủ khảo chờ mãi các viện không thấy đưa quyển đến, chỉ nghe thấy các ông kêu rằng : Những quyển văn khoa này xấu quá. Ông chủ khảo đợi đã lâu sắp vào màn đi nghỉ, bỗng thấy hai ông đem quyển đến trình rằng : quyển này hành văn quá sơ lược, chúng tôi toan đánh hỏng. Vậy trình lên quan lớn xét lại. Ông chủ khảo cầm quyển coi, thấy văn thế hùng mạnh liền cầm bút khuyên mãi, rồi phê hai chữ thần cú và nói : «Việc không có mà bày đặt thêm ra, thì gọi là đất bằng nổi sóng, phàm nhiều chữ phải nên rút bớt gọn lại, mới là tay già giặn. Câu thập thắng nếu nhất nhất viết cả thì bao giờ cho xong, chỉ nêu lên một hai việc là đủ, quyển này thật là thần cú. » liền lấy quyển của ông đỗ Hội nguyên. Coi vậy thì âm chất của nhà ông thực nhiều, mà khoa danh của ông là do tiền định, thực không sai vậy.

阮胡頴

NGUYỄN-HỒ-DĨNH

Người Thịnh-Quang, huyện Quảng-Đức. Khoa Quí hợi, khi

vào tứ trường, quyển của ông đã bị sơ viện đánh hỏng. Các quan nội ngoại trường bình-luận những quyển đã trúng cách, không quyển nào vừa ý. Liền sai lấy những quyển đã đánh hỏng, chọn quyển nào hơn thì phê lại, Chọn được quyển của ông, lúc đem ra bình, quan chủ khảo tấm-tắc khen ngợi, lấy đỗ Hội-nguyên. Đình đối đỗ Hoàng-giáp, coi thế thì nhà ông thực giàu phúc ấm. Khoa danh của giời cho, người ta không thể đánh hỏng được. Vậy học giả cũng nên kiểm điểm lại đức hạnh để sửa mình, và đợi mệnh trời.

汝公填

NHỮ - CÔNG - ĐIỀN

Người làng Hoạch-Trạch, huyện Đường-An, là con ông Đình-Toản (ông Toản đỗ Tiến-Sĩ Hội-nguyên năm Vĩnh-Hựu thứ hai) dòng dõi trâm anh khoa danh nối tiếp. Tương truyền rằng, trong đám con Đình-Toản, có ông Công-Vũ tài năng lỗi lạc, không cần dạy bảo tùy ý muốn học sao mặc lòng. Duy có ông, thì ông Toản dạy dỗ cẩn thận, vì nhận thấy cái tài năng của ông trội hơn, tất sẽ làm nên to. Ông nổi tiếng thông minh học rộng ngay từ lúc thiếu thời, ông Đình-Toản chỉ dạy ông theo qui củ ở nhà không cho coi lối hành văn của người khác. Lúc đó học trò tấp nập kéo nhau về kinh rất đông, nhiều người văn chương lỗi-lạc được đời ham chuộng, nhưng ông Điền bị thân phụ cấm không cho coi, một hôm ông đương coi Văn Giám, ông Toản trông thấy liền hỏi và giật lấy đốt đi. Ngày thường tập văn theo đúng văn chương Đình thí, Hội thí, lề lối phép tắc, không cho phóng khoáng Lại đúc dấu đồng phỏng theo đầu bài của những kỳ Đình thí, Hội-thí, sai ông và học trò sắp đủ cả lều chiếu cấm ở trong sân từ đệ nhất đến đệ tứ trường, sát hạch nghiêm ngặt, như cách thức vào trường, từ hương-thí đến hội thí, lần lượt thứ tự. Cách hành văn

thi hạn theo nhật lực, giờ thu không thì nộp quyển, có cả công hàm để đựng quyển. Học trò viết văn sơ sài, thì in đồng khoản ở trong giấy theo thể thức trường thi. Ông Toản thường nói, « Con tôi ứng thí thì đỗ đệ nhị danh thôi. Khi ông Điển đi thi quan chủ khảo phê cho bài văn của ông đáng ưu hạng, rồi tới nhà nói chuyện. ông Toản không bằng lòng xin cho xuống thứ hai Khoa Nhâm-Thìn niên hiệu cảnh hưng thứ 32, ông Điển đi thi, ông Toản nói với mọi người rằng : Khoa này các người làng Hoàn-hậu, huyện Quỳnh-Lưu là Hồ-sĩ-Đống tự Long-Cát, vào ứng thí sẽ đỗ khôi nguyên (1), con tôi đỗ thứ hai.

Lúc bấy giờ có ông Vĩ-Khiêm, văn chương trác lạc, nổi tiếng kinh kỳ, nhiều học giả hâm mộ, chỉ sợ không theo kịp, mà ông thì học ở nhà, bố dạy con, ít người biết tiếng. Kỳ đệ nhị trường ra bảng, ông đi chơi ở đường, trông thấy ông Vĩ-Khiêm ở nhà trọ, các học trò theo rất đông, trong số người đó biết ông, mời ông ngồi, ông Vĩ-Khiêm lúc đầu không biết là ông, nên cũng coi thường không thèm để ý. Ông Vĩ-Khiêm đọc văn câu tứ lục ở đệ nhị trường cho mọi người nghe, cứ mỗi một câu các học giả lại hoan hô ầm ỹ, cho là thế nào văn này cũng đậu thứ nhứt. Đến khi đọc xong, ông liền báo ông Vi-Khiêm rằng : «chúng tôi là học trò quê mùa cục kịch, văn chương kém cỏi, không giám bình luận hơn kém, kẻ hèn này trộm nghe cái đại danh văn học của quý ngài đã lâu, nhưng mà văn chương của Đài-huynh như thế, thì đánh hỏng một người cũng có đài-huynh, nếu bảo là thứ nhứt thì tôi không dám nói, nếu đài huynh có muốn nghe văn chương của quyển đỗ thứ 2, thì tôi xin đọc» Ông liền đọc văn tứ lục của mình và nói : đây là thể văn

---

(1) sau đổi tên là Sĩ-Đống, hiệu là Dao-Đình, đỗ Hội-nguyên Tiến-sĩ khoa Nhâm-thìn.

đệ nhị khoa này đó. Thể văn của Vĩ-Khiêm thì hùng mạnh sắc bén, còn văn ông thì bằng phẳng trang nhã, không ăn khớp với nhau. Lúc đó ông Vĩ-Khiêm nghe xong coi khinh luôn, cho là nói khoác, đến khi ra bảng quả nhiên Vĩ-Khiêm không đỗ, mà ông thì trúng đệ nhị danh. Khoa này ông đỗ Hoàng-Giáp mà ông Hồ Sĩ-Đống đỗ cả Đình-Nguyên và Hội-nguyên. Nghe tin ông mới đi thi lần đầu, mà từ hương, hội, đình thí đều đỗ thứ nhì, ông Toản có kiến thức thế nào không ai được rõ. Khi đỗ ông mới 22 tuổi, ông Vĩ-Khiêm cũng phải thán phục, và tự nghĩ nếu không đến mừng thì là người đố tài, nên p ải miễn cưỡng đến, và cũng chắc là ông có thấy mình tất nhiên cũng an ủi mình. Quả nhiên đến lúc gặp, ông bảo với Vĩ-Khiêm rằng : Tôn huynh, nếu muốn thi đỗ, thì tôi chữa cách hành văn giúp cho. Vĩ-Khiêm lúc trước cho là khinh mình, sau rồi cũng khâm phục. Ông có ý thực là muốn giúp cho Vĩ-Khiêm thành danh ; Vĩ-Khiêm cũng thành thực phục cái tài của ông. Nghe tin ông thường hay cùng với ông Âm-Chương và mọi người thi đọc thơ ngũ ngôn. Cứ mỗi câu ném một đồng tiền, để nhớ nhiều ít. Hễ câu nào người trước đã đọc rồi, thì không được đọc nữa. Rốt cuộc ông được ba quan tiền. Coi vậy thì trí nhớ của ông hơn các ông kia nhiều lần, đủ chứng tỏ cái phúc trạch của nhà ông, Cha truyền con nối, dạy con con đăng khoa, đời thực ít có, văn chương của ông cũng vang lừng thiên hạ, khoa danh và hạnh nghĩa của ông cũng nổi tiếng kinh kỳ, truyền đề muôn đời, thực không hổ thẹn là một con người trong làng khoa mục.

Đến khi trong nước gặp nhiều biến cố, ông giả dạng điên cuồng, để giữ khí tiết. Thực là con người khéo biết xử trí, để giữ cho trọn vẹn cái danh tiếng của mình.

阮 廻

NGUYỄN - QUỲNH

Người làng Lai-Thạch, huyện La-Sơn, là em ông Thám-Hoa

Nguyễn-Huy-Oánh. Khoa Nhâm-Thìn niên hiệu Cảnh-Hưng, vào thi đệ tứ trường, ông làm bài đã muộn, trong lúc vội vàng đem nộp ngay quyển vở ráp, mà quyển có đóng dấu thì lại cầm ra. Khi về nhà, ông Huy-Oánh lấy quyển ráp ra coi, thì ôi thôi ! không biết làm thế nào được nữa ? Ông Huy-Oánh liền bắt chước đúng theo lễ vận đem quyển văn ấy lấy dấu in vào. Rồi đưa cho hai nén bạc, bảo đến cổng trường thì đút lót lính gác cổng mà nộp vào. Lúc đó đã canh ba, chỉ còn có cách cầu may mà thôi, ông đến cổng trường khẽ gõ cổng, không thấy ai thưa. Đứng đợi lúc lâu, có một người ra nói : « Đêm khuya yên vắng, hòm quyển đã đóng rồi, không ai nộp được, chỉ có tôi may ra mới giúp được ». Ông mừng lắm, cầm quyển đưa cho, đưa cả hai nén bạc và nói : « gọi là chút thiềng, nhờ ông làm ơn ». Người đó không nhận nói : « bất tất phải như thế ! Nếu may mà đỗ được thì ông đừng quên tôi ». Ông hỏi tên họ và nhà ở đâu ? Người kia nói : « tôi tên là thế, thuộc cơ đội ấy và doanh đoàn ấy. Ông cứ hỏi thăm sẽ thấy » : Ông cảm ơn rồi người đó đi vào trong trường. Ông cầm tiền về. Ông Huy-Oánh hỏi ông kể đầu đuôi câu chuyện. Ông Huy-Oánh bảo : đâu lại có người nộp quyển hộ mày, mà không lấy tiền. Đây chắc là sợ ta mắng, đem giấu quyển đi vất chỗ khác, ngày mai nên hỏi lại mau. Nhưng rồi ông Huy-Oánh vẫn một mực không tin, vẫn còn cho là nói dối. Đến ngày ra bảng ông đỗ thứ 7, ông Huy-Oánh lấy làm lạ ; sau này ông Quýnh hỏi thăm, thì được biết người đó đã chết, ông còn thương và chu cấp rất hậu cho gia đình, để báo lại ơn xưa.

Coi vậy thì phúc trạch của tiền nhân nhà ông, tích lũy đã nhiều, mà khoa danh của ông cũng do cán cân tạo hóa. Công danh sự nghiệp hết thảy ở trời cho. Sở dĩ được nối tiếp trâm anh, tiếng thơm muôn thủa. Đó chẳng phải là phúc đức dồi dào hay sao ?

覺 齋

GIÁC-TRAI

Người làng Lộng-Điền, huyện Nam-Chân. Tiên thế nhà ông

vốn nghèo ít văn học. Ông cụ tổ 6 đời, dốc lòng hiếu học; tính nết trung hậu hiền lành, thường để con ngồi ở trên giường học, còn vợ chồng ông ngồi ở bên dưới khuyên bảo, lấy thế làm vui. Cụ chỉ ham thích văn chương mong cho con cháu phát đạt, vẻ vang làng mạc, rạng rỡ trước sau. Cụ tổ 5 đời, đã nối được chí hướng của cha, trung hậu chín chắn, mến thích văn nho, mỗi khi trông thấy con mặc áo đi giày, có vẻ nho nhã thì bằng lòng, con trông thấy cha cần cù khó nhọc, làm đỡ các công việc thì không được vui, mà đi nằm, là vì cảm về công ơn của cha mẹ sinh thành mà còn lo lắng chứ có phải là thích ngủ đâu. Thấy thế ông có ý không bằng lòng nói : « con như thế ? Ta còn hy vọng gì ? »

Lúc bấy giờ ở làng Lạc-Chính có một nhà gia thế trâm anh, đón mời ông thầy Địa lý ở tỉnh Hải-Dương, tên là Vũ-Trác-Việt đến tìm đất, và dẫn ông thầy đến nơi coi cải táng ở trong làng ông. Bấy giờ cha mẹ ông song tang còn tạm quàn lại, liền giết lợn làm cỗ mời đãi ông thầy và họ hàng, để đến chiều tối giúp đỡ công việc. Nhân bày áo quan song tang ở nơi quàn, ông xin ông thầy đừng tiếc dư lực, cho một nơi để an táng. Ông thầy tuy bằng lòng cho, nhưng ngay ngôi đất của họ y cũng chưa tìm được, nên chưa kịp tính đến việc của ông. Ông thầy địa lý bảo người họ rằng : « đất này trung bình thôi, các bác có bằng lòng không ? Người họ nói rằng : « Họ tôi muốn cầu đất to, còn trung bình thì họ tôi đã có ngôi mộ tổ rồi, không nhận, ông thầy bảo ông rằng : tôi muốn để ngôi mộ này cho ông nhưng đất thuê, về người khác thì làm thế nào? Ông nói : Cái gò này là của ông ngoại tôi đã tặng cho họ. Ông thầy nói đây là trời cho ông. mà có một cái cây to ở trên cái gò, đất tuy của ông, mà cây lại của người khác thì làm thế nào ? Ông nói xin ông thầy để thong thả, ông sẽ liệu. Ông liền mua hai lượng vàng sống để yểm, cây chết khô,

ông thầy táng cho ông huyệt này, tốn mạch nhập thủ, lập hướng hợi, theo kiểu đất này, thì anh em nội ngoại đâu đấy đều phát. Họ tổ nhà ông, ở xã Vân-Cù, thì họ ông và họ ngoại ở làng Tây-Lạc, đều đỗ đạt cả đúng như trong kiểu đã nói ; ông thầy lại chọn giúp ông một ngôi đất to ở làng Sa-Lung (mão long nhập thủ. táng ở mộc tinh hướng tân). Bên tay hồ có một bãi cát đóng quân, gần cạnh, có một cái bút lớn, sát ở trước huyệt. Về phương tân có cây bút kình thiên, làm án, là cao to hơn cả. Lúc táng ông thầy bảo lấy chiếu đánh dấu, nhận đúng huyệt rồi táng. Đây là mộ bà cụ tổ của ông. Ông thầy dạy rằng : sẽ phát đại khoa, bao giờ đỗ Hương cống, thì mang tiền lại tạ. Sau này con ông làm Huấn-Đạo ở phủ Triệu-Thiên Ông đỗ Hương cống tức là Cử-nhân Triều nay. Ông thầy lại lấy 30 quan tiền lễ tạ, mà họ ở xã Lạc-Chính thì không được một ngôi đất nào. Ông cụ tổ 4 đời, nối được chí hướng cha, người trung hậu thực thà, suốt đời không cãi nhau với ai. Điều này tuy chưa dám chắc, nhưng được nghe nói là ông thường hay cùng 6, 7 anh em trong làng uống rượu, múa hát làm vui, nay ở nhà này, mai ở nhà khác, kéo dài hàng 6, 7 ngày không về đến nhà, như thế cũng đủ thấy tính tình của ông.

Ông mất sớm, người con thứ của Giác-Trai có bà cụ tổ tính rất đoan trinh, ở góa thủ chí. Bà không buồn phiền gì cái cảnh gia đình nghèo túng, mà lúc nào cũng vui vẻ, nuôi nấng dạy dỗ các con, không bước ra khỏi nhà, ngay cả đến họ hàng cũng ít khi thấy mặt và nghe tiếng. Khi bà đã già, các cháu bỡn kéo vú bà, thì bà vội vàng bưng chặt lấy, cái quần cộc đến nửa ống chân, cũng kéo xuống cao kín. Thực là một người đàn bà có đức hạnh. Ông Giác-Trai khi đã lớn, tuy cảnh nhà thanh đạm, mà bà cũng hết sức lo lắng nuôi thầy cho ông ăn học. Ông cắp cập theo thầy lương thực thiếu thốn, bà mẹ phải xin của họ hàng, được chừng nửa thúng. Vừa đội vừa khóc, để kiếm lương thực, nông nỗi chua cay không thể nói hết

được Ông là người chăm chỉ học hành đã được nổi tiếng. Ông cụ tổ thường đến hỏi dạm Phạm phu-nhân cho ông, nhưng chưa làm lễ vấn danh. Lúc bấy giờ quan Thượng-Thư ở Vĩnh-Lại nghe tiếng ông là người hiếu đễ và có văn học, gọi gả con gái cho, ông nói dối là đã lấy vợ rồi. Các cha chú trong họ đều nói : « Nhà con nghèo túng, sao không lấy đi, để nhờ chỗ ăn học ; há chẳng hưởng lợi ư ? » Ông nói : « Việc hôn nhân của cháu, cháu đã định rồi. Nghĩa không nên trái, vả lại nhà họ giàu sang, nhà con nghèo túng, lấy vợ giàu sang chưa chắc đã được nhờ, mà giữa chỗ nói năng, ăn ở, họ cậy giàu sang, không theo khuôn phép, e rằng nhục đến mình mà phiền đến mẹ con nữa. »

Ông đỗ Hương-Tiến, sau khi thi Hội đỗ tam trường, được bổ làm tri huyện Nam-Chân, không bao lâu về hưu.

Ông có người bạn cũ, giỏi nghề phong thủy, có coi giúp cho ông ngôi hướng nhà ở xã Cổ-Nông, bảo với ông rằng « ở đây 3 năm, công danh có thể toại ý được ». Ông liền cất nhà ở đó, mở trường dạy học một lòng chăm chỉ. Khi ông chưa đỗ, có nhiều điềm lạ. Ông tên húy là Trác. Lúc đó ở huyện Nam-Chân có một nam giám sinh cũng là Trác, là một danh-sĩ thời bấy giờ, văn học hơn người. Có một người mộng thấy thần bảo rằng : sang năm ở huyện Nam-Chân, có Cống-Trác đỗ Tiến-Sĩ, người này bèn lấy nhiều của mang cho viên giám-sinh kia, và kể thần mộng cho nghe, nhưng không biết là mộng lại ứng vào ông.

- Lại khi ở xa, có người mộng thấy rồng và rắn bò ở trên mái nhà, lại có người chiêm bao thấy người làng xúm nhau khiêng cây khế, hoa nở sặc sỡ, đến trồng ở sân nhà ông. Khoa Cảnh-Thìn niên-hiệu Cảnh-Hưng, hôm vào đệ từ trường, học trò ông có người giúp ông một câu văn. Đến khi quan trường ở nội trường chấm bài (vốn các, quan khi xem quyển văn của ông, lại ngờ rằng ; giống như văn của ông Lộng-Điền, nhưng

sao lại có câu này, «không phải là lão thủ» ? (vì ông đã già rồi, văn chương lão luyện khác hẳn với bọn thiếu niên) khoa ấy ông đỗ thứ năm, lúc bấy giờ ông đã 43 tuổi. Được tin ông đỗ các phụ huynh trong họ mừng rằng : « đất sỏi lại có chạch vàng » Ông bụng dạ rộng rãi, làm quan hết sức ngay thẳng không sợ kẻ thế lực. Khi ông làm Hiến-Sứ Kinh-bắc, bấy giờ Đặng-Tuyên-Phi thanh thế hách dịch. Em của bà Phi, tên là Ba-Chè cậy thế hoành hành, lấy gốc sậy làm hành trượng Kẻ hầu người hạ, dữ dội hơn là cọp, sói, trông thấy gái đẹp vừa ý thì chăng màn hãm hiếp ở dọc đường. Có một người con gái không bằng lòng, liền bị cắt ngay hai núm vú. Thế lực vang động trong ngoài. Các trấn-quan không ai dám chạm tới. Sau có một người làng ăn trộm rau, bị y đánh chết tươi. Nhà đó đem việc tố cáo lên Hiến-ty, ông sai người đòi, bị can không đến, ông lập tức lấy trấn binh vây nhà để bắt. Bị can biết đuối lý, nên nhân khi ông ngồi trên sảnh đường, y đem hơn 30 tên đầy tớ và nghi trượng đột nhập ngồi cao hơn ông muốn lấy thế lực ức hiếp ông bắt bỏ án ấy đi, Ông truyền lịnh cho đường-lại (lính hầu) trói ngay tại chỗ, lôi ra trước sảnh đường, buộc là vô phép đánh 30 búa đồng. Y bực tức lắm, liền chạy tuốt vào kinh, tố cáo với Tuyên-Phi. Phi liền vào kêu với vua. Vua khen ông là người chính trực, biết giữ pháp luật, thưởng cho 50 quan tiền. Những việc làm công bình chính trực của ông đại khái như thế.

Lúc đó, Hội thi, kim văn có hỏi đến các quan nội và ngoại triều, ai hơn ai kém, có một ông đối sách rằng : ngoại-quan đương kim chỉ có quan Tham-chính Từ-Ô và quan Hiến-Sát Lộng-Điền thôi. Ông tuy đương làm quan, nhưng đến nơi nào cũng lấy việc khuyên giảng bọn hậu học làm nghĩa-vụ của mình. Sau làm Hiến-Sát xứ Nghệ-An, phụng mệnh khảo sát các học trò trong tỉnh, có người thông nhau, mượn người làm

hộ bài, Ông không biết. Sau có người đem việc ấy tố cáo, ông bị khiển trách. Người đó chắc là ông giận. Nhưng khi người đó ứng thí, ông lại lấy đỗ. Đến khi ông này làm Tham-Hiệp bản trấn, có việc đi qua làng ông, vào bái yết bức tượng truyền thần của ông, rồi kể lại truyện cũ, khen phục độ lượng của ông.

Một lần làm Hiến-sứ trấn Bắc, hai lần làm Hiến-sứ trấn Nghệ, một lần làm Tả-thanh, hai lần làm Tả-Bắc, sau làm Tổng-trấn Lạng-Sơn 3 năm, ông nhân có tang xin nghỉ, được thăng chức Tả-Thị-Lang. Gặp lúc quốc biến, Chiêu-Thống Hoàng-Đế chạy sang làng Thuận-vi (thuộc huyện Thượng-Nguyên, tỉnh Nam-Định) triệu ông giám quân. Hoàng-Đế chạy sang Trung Hoa; ông lại về hưu, Tây-Sơn đem quân lại bắt ông, đóng gông giải đến cửa Tư-Mã. Ông vốn có mục tật (cận thị) từ chối là có chứng thanh manh, chúng biết không thể cưỡng được, liền tha ra.

Ông ở nhà dạy học trò, chung quanh xóm làng đều hâm mộ là có đức. Khi có tranh tụng nhau đều đến nhờ ông phân giải. Đối với làng xóm, ông hết sức ôn hòa, không lấy oai quyền, cấp bậc mà coi mình hơn người. Gặp ngày húy kỵ Tôn-sư (Thầy dạy học) ông cùng với các môn-sinh cũ người làng cùng ngồi ngang hàng. Khi ông đương làm quan, có nhiều người có việc đến thưa kiện, ra về tất gặp trời mưa. Ông nói ý hẳn tôi đây là Thủy-thần chăng? Khi ông làm Hiến-Sứ tại Nghệ-An, có một làng đến xin duệ-hiệu ông để thờ. Khi ông ở nhà làng bên cạnh, là làng Đông-Linh, có một người sinh được hai con, đứa bé tài học rất giỏi, đứa lớn bị bệnh sắp chết, cha mẹ nó cầu khẩn ở đền vị Đại-La-Thần, (Thành-hoàng ở xã đó) xin chết thay con. Ông Thần báo mộng rằng: « Việc này phải xin ông Lộng-Điền mới được ». Cha mẹ đứa trẻ liền đem việc ấy nói với ông. Lúc đó, ông đương cùng mọi người giảng sách, thấy cha mẹ đứa trẻ lại, liền đuổi hết tả hữu ra, viết mấy chữ sơn cho và dặn rằng: «Thiên cơ không thể tiết lộ được, nếu để lộ

TimSachGroup mời bạn xem tiếp phần cuối

Tìm sách
www.timsach.com.vn
tiếp theo phần 2

thì chết hết ». Cha mẹ đứa trẻ xin được chữ của ông về, thì đứa con khỏi bệnh. Sau đứa con thứ đem chuyện tiết lộ ra, nên người con lớn lại mắc bệnh chết mà người con thứ cũng tự nhiên đâm đầu xuống sông chết.

Vị thần ở làng ông cũng báo mộng cho ấp-trưởng hay rằng : «Ta ở đây là phu-mẫu một ấp, ở chỗ khác, chức ông ấy còn hơn ta nhiều ». Trước sáu ngày khi ông gần mất, có một con chim to lớn lạ thường bay đến đậu trên bụi cây gần nhà ông. Bắn không sợ, ném không bay, 3 ngày sau, dương cánh phủ kín bụi cây, một lát bay đi, 3 hôm sau, ông không có bệnh gì mà mất. Sau được bao phong làm Thần ấp đó, có câu đối rằng :

精神凜凜三光對
香火悠悠萬古長

Phiên âm

Tinh thần lẫm lẫm tam quan đối ;
Hương hoả du du vạn cổ trường.

Dịch nghĩa

Tinh thần sán lạn ba vầng sáng ;
Hương khói ngạt ngào muôn thuở thơm.

Dân xã thờ ông ở bên tả vị Thần của làng. Sau đó, ông Giám-Sinh Chế-khoa ở xã Hoa-Cầu cung tiến bức hoành có hai chữ lớn : « 完人 Hoàn nhân »...

Bình sinh và lý lịch của ông như thế, thực đáng gọi là hoàn toàn vậy. Trong khoảng trời đất, chỉ có sự cảm và ứng mà thôi phương-ngôn có câu : « Chưa nghèo mà trước nghèo, rồi sau thế nào cũng nghèo ; Chưa sang mà trước sang, rồi sau thế nào cũng sang ». Như trường-hợp ông cụ tổ ông là người yêu thích văn-tự, muốn cho con cháu thành đạt, thì sau này con cháu quả nhiên

nổi tiếng khoa giáp. Kể cũng là đáng ! Ôi ! yêu đạo, thì đạo sẽ lại, ghét đạo thì đạo sẽ ra. Lý đó không phải quá đáng. Những người hưng vượng thời xưa, trên thì có người dẫn giắt, dưới thì có người nối tiếp . . . . . Cụ Tổ nhà ông truyền gia trung hậu, trải được ba đời, rồi sau mới phát vào ông. Như vậy, sự phát đạt thực cũng là khó. Vì đã được phúc trời cho, tất nhiên trời cho đất. Họ kia mời thầy tìm đất, rút lại không được hưởng, mà họ ông lại được đất, thực là trời đã định sẵn cho vậy. Nhưng tất nhiên phải người có đức mới được.

Lại xét đến bản mệnh ông là Canh-tuất, mà có hình cái bút lớn ở phương Tuất, nên mắt ông cận thị là, vì hình cái bút này sát gần bên trước huyệt, nên ứng vào như thế. Ông sở trường về phú, người đời gọi ông là thợ phú. Tục-Ngữ có câu : «Phú Lộng-Điền, tiền Đức-Hậu» vì lời hay như phú Lộng-Điền, nhiều tiền như nhà giàu làng Đức-Hậu. Lại có câu : « Kê văn-cú, phú Lộng-Điền » nghĩa là « gà văn-cú, phú Lộng-Điền », vì gà làng văn-cú nhiều hơn các nơi khác. Ông học ông Từ-ô, kỳ Hội thí khoa Kỷ-mùi, ông Từ-ô chủ khảo, lúc đó ông có việc phải về kinh, đầu bài đệ tam trường là «Cần quyền lượng, thẩm pháp độ phú» ông Từ-ô từ nội trường đi ra, ông cũng đi xem trường thi, ông Từ-ô gọi ông bảo rằng : các quyển trong trường câu văn bát tự không được câu nào vừa ý. thơ phú thử làm xem nào; ông liền đọc rằng : 並曰不仕, 幹於有爲 (khởi viết bất sĩ, tường ư hữu vi) ông Từ-ô mừng quá nói rằng : «thực là tay thợ.» Hiện nay người ta còn truyền tụng bài phú của ông.

劉 捷

LƯU - TIỆP

Người làng Nguyệt-Áng. huyện Thanh-Trì, có 3.4 anh em. Mẹ

ông ở góa thủ chí, nuôi dạy các con, cho đi các nơi du học. Bấy giờ ở trong làng có một nhà giàu, mời thầy địa lý đến xem đất. Nhà này cũng ở gần nhà mẹ ông. Thầy địa-lý đêm nằm nghe có tiếng đọc sách, liền hỏi nhà chủ. Nhà chủ nói: « đó là nhà một người đàn bà góa, nghèo khó mà nuôi ba bốn người con ăn học, cơm ăn chỉ một chút trứng muối mặn, kho đi, kho lại, chỉ ăn nước mặn, mà trứng gà hàng tháng hãy còn.» Ông thầy địa-lý nghe nói tấm tắc khen ngợi, đây chắc hẳn một nhà có đức, nếu không thì sao có 3, 4 người con theo học ? Bà mẹ trước cũng muốn xin thầy một ngôi đất, nhưng vì nghèo khó chưa dám nói ra. Ít lâu sau, vì ở liền nhà đi lại, thầy đã nghe chủ nói, nên có lúc hỏi đến. Bà liền thừa dịp ấy xin thầy ngôi đất. Bấy giờ đất của nhà chủ thì chưa tìm được, thầy địa-lý liền tìm trước cho bà một ngôi đất. Vừa mới yểm huyệt táng xong, thì ông thầy bị bịnh chết, nên nhà chủ đó chưa được ngôi đất nào.

Sau ông và các em học hành tấn tới, ông đỗ Hương-Tiến, rồi đỗ luôn Hội-Thí khoa Nhâm-Thìn, (niên-hiệu Cảnh-Hưng 33) Năm. trước Quan Thượng-Thư Tiên-Điền Nguyễn-Khản vào trấn, đi qua Nghệ-An. Nơi này có một ngôi đền danh tiếng, dân gian sùng bái rất là linh ứng. Các quan ở Thành, Quận cùng đến lễ bái, xe ngựa rộn ràng, hành hương tấp nập. Ông Nguyễn-Khản tự cho mình là bậc trọng thần của Quốc-Gia, đi qua cửa đền không chịu xuống kiệu, ông nằm ngủ trong kiệu, mơ thấy người hầu ở trong miếu ra mời ông vào. Khi ông vào vị thần liền trách rằng : «Tôi tuy hèn kém, nhưng cũng coi giữ một phương, sao ông lại khinh tôi» ông đương trả lời vị miếu thần, thì chợt có mấy người lại bảo rằng : «Vâng mệnh đứng chi tôn, triệu ông vào yết-kiến » Miếu Thần nghe nói không giám giữ lại Ông cùng mấy người đó đến một nơi thấy cung điện nguy nga, triều bái rất là nghiêm chỉnh. Ngồi trên ngự tọa là Thái-Tử của Lê-Thái-Tổ Hoàng-Đế. Ông vào

phủ phục ở dưới sân. Hoàng-Đế lớn tiếng mắng rằng : « anh ở địa vị trọng yếu mà sao lại để cho Hoàng-Trừ phải đến như thế ? » (Hoàng-Trừ đây là con Cảnh-Hưng Hoàng-Đế, bị Trịnh-Vương ghen là anh mình rồi giết đi) Ông bị quở, rất đỗi sợ hãi, chỉ biết lạy tạ mà thôi. Ngay lúc đó có một viên quan từ trong đi ra, xin hộ cho ông rằng : việc này là do Trịnh-Vương, viên này cũng không can dán nổi, xin lượng trên soi xét. Tức thì trên điện có tiếng truyền : « Hoàng-Thượng miễn trách cho viên đó » và cho phép ra ngoài công sảnh bàn việc. Ông lạy tạ bước ra. Mấy người đó lại dẫn ông đến một nơi sảnh đường rất rộng, Các quan ngồi sắp hàng ở hai bên, tả văn, hữu võ, đều có thứ tự. Họ dẫn ông đến ngồi một cái ghế để ở giữa, ngồi yên vị, bảo ông rằng : « Sang năm Hội-thi, đình nghị danh thứ cao thấp, Thánh-ý chưa ưng, vì thế Hoàng-Đế đặc chỉ cho quan lớn định lại. » liền đưa ra 12 quyển. Mỗi quyển trên một tờ mặt trái đề : tên, tuổi, xã, phủ, huyện nửa tờ trên có đề 3 chữ : « 祖母身 « Tổ mẫu, thân » ; ở dưới 3 chữ đó đều có phê bình cân nhắc bằng dấu đỏ, hoặc khuyên, hoặc điểm, hoặc đề đủ nét. Quyển nào cũng vậy. Ông hỏi : «thứ bậc thế nào mà Thánh-ý chưa ưng ?» Viên quan đó nói : « Từ quyển thứ 3 trở xuống định xong rồi, chỉ còn quyển thứ hai và quyển thứ nhất, thì bàn chưa xong. » Ông cầm một quyển coi, thì thấy : dưới chữ tổ khuyên mà khuyết 3 phân, dưới chữ Thân có một dấu chấm không lớn không nhỏ . một quyển dưới chữ Tổ cũng khuyên mà khuyết 3 phân, dưới chữ mẫu thì chu viên không khuyết ; chữ thân thì có một nét gạch lệch chân. Ông hỏi : Đình nghị lấy quyển chu viên ở trên, mà Thánh-ý chưa ưng. Ông nói : «quyển này tuy dưới chữ mẫu thì chu viên, mà dưới chữ thân lại có nét gạch lệch chân, Đó là hoàn toàn nhờ vào tiên-ấm, chứ tự mình không sở đắc gì cả.

Quyển này tổ ấm tuy khuyên khuyết một phần, nhưng thân

được điềm đó là nhờ vào tiên-ấm, mà tự mình cũng có sở đắc, Thần đã có sở đắc, chả hơn người chỉ nhờ cả vẽ tiên-ấm hay sao ?» Các quan đều khiếp phục. Công nghị đề quyển có điềm thân lên thứ nhất, mà quyển có chữ mẫu chu viên thứ nhì. Khi các quan đệ quyển tâu lên, Hoàng-Đế bằng lòng. Quyết chữ mẫu khuyên tròn tức là quyển của ông Lưu-Công-Tiệp. Thánh chỉ ban xuống sửa sổ trúng cách. Sổ làm xong tâu lên, không ngờ quyển khuyên tròn lại phải đặt xuống thứ 3, mà quyển khắc lên thứ hai, Đình-nghị toan sửa đổi lại. Hoàng-Đế phán rằng : « Sổ đã làm xong rồi, không phải sửa lại nữa. Tên này không được đỗ đầu, lại đánh xuống thứ 3, bị thiệt nhiều quá, sau sẽ đề bù cho con cháu được xứng đáng.» Đình-nghị mới xong. Số trúng chỉ có 12 quyển thôi. Bỗng có bà lão già ngậm cỏ sụp lạy ở sân. Hoàng-Đế truyền hỏi có việc gì ? bà lão già nói : « con tôi chăm chỉ học hành khổ sở quá, cúi xin đèn trời soi xét cho được đỗ.» Hoàng-Đế hỏi họ tên, quê quán sai quan Hữu-Tư lấy sổ thấy tên này sẽ đỗ Hội-Nguyên khoa sau. Hoàng-Đế liền điện truyền rằng : « con mụ đỗ Hội-Nguyên khoa sau, còn kêu nài gì nữa». Bà lão nằn nì kêu van rằng : « con tôi đã nghèo, khổ sở muôn phần, nếu đợi khoa sau thì chết mất, cúi xin Thánh-Thượng dủ lòng thương cho. Chúng con được đội ơn vạn bội. » Hoàng-Đế lại giáng chỉ dụ rằng : « tên đó đã có tên trong sổ dự trúng nếu đợi đến khoa sau lấy Hội-Nguyên thì thôi, nếu không muốn đợi thì trước sau là môt, thề theo lời xin, cũng cho đỗ, nhưng năm nay cho đỗ cuối bảng.» Mụ bèn lạy tạ lui ra. Trong khi ông mơ, cũng nhớ được tên vài người, nhưng khi tỉnh dậy, thì chỉ nhớ tên ông Lưu-Tiệp mà thôi.

Trước kia ông muốn về quê cũ ở làng Tiên-điền, rồi sẽ phó nhiệm. Phu kiệu ông đến sân, ông hãy còn ngủ chưa dậy, không ai dám gọi, cũng tưởng là ngủ như mọi bận. Nhưng mãi đến canh hai ông mới tỉnh, ai cũng cho là lạ, ông thuật lại việc này

và nói: « Thi Hội khoa sau người nào là Lưu-Tiệp ở Thanh trì, Nguyệt-Ánh sẽ đỗ Tiến-Sĩ, đệ tam danh » chưa ai tin. Đến khi Hội-thí khoa ấy, ông Từ-Ô chủ khảo, hôm thi đệ tứ trường văn ông Lưu-Tiệp rất là đắc lực. Ông Từ-Ô hết sức khen ngợi, và nói : « văn này tựa như văn người bỏ học, nhưng lời văn chững chạc, như ngồi vắt chân chữ ngũ, nhàn hạ thư-thái, hút điếu thuốc lào.» Ông chủ khảo muốn xếp thứ nhất, nhưng một lúc lại nghi là không được, bèn lấy văn Hồ-sĩ-Đống làm Hội-Nguyên, Sỹ-Đống tự là Long-Cát, sau đổi tên là Sĩ-Đống, hiệu là Giao-Đình, người ở làng Hoàn-Hậu, huyện Quỳnh-Lưu, Nghệ-An, đỗ Tiến-Sĩ Hội-Nguyên khoa Nhâm-Thìn, niên-hiệu Cảnh-Hưng thứ 33 rồi đến quyển văn ông, không ngờ lúc xếp đặt lại xếp lộn quyển ông Như-công-Điền lên thứ nhì, mà quyển của ông xuống thứ 3, cũng như chiêm bao của ông Nguyễn-Khản. Khi tâu lên số đỗ cũng chỉ lấy 12 người. Lúc đó bà Vương-Mẫu đang làm trai đàn, cũng tâu với chúa xin Hoàng-Đế lấy một quyển số phúc đức nữa, cộng thành 13 quyển, lại ứng với việc bà lão xin cho con đỗ. Khi ra bảng vàng, người ta mới tin rằng mộng của Nguyễn-Khản là đúng. Đời truyền : khi Ông Lưu-Tiệp mới đỗ sinh-đồ (tức là tú-tài triều này) sau thi hương mãi không đỗ, thường uất-ức không vui. Một hôm dựa ghế xem sách ngủ gật, chiêm bao thấy thần bảo rằng : « nên cố gắng học hành công danh không còn bao lâu sẽ đến. » sau lại mộng thấy thần cho một cành hoa, rồi sau mới đỗ. Ông Lập-Trai thường nhắc đến mộng của Nguyễn-Công và nói: không biết phúc đức của bà mẹ ông thế nào, mà được như thế. Đời truyền bà cụ Tổ-Mẫu của ông lúc sanh thời, đi đường gặp một người ăn mày, rách thì vá cho, coi làm thường, không biết chán. Xem cụ ăn ở nhân đức thế, có thể biết được các việc khác. Đến khi Hoàng-Triều khai sáng, 5 người con đẻ của ông đều làm quan chức ở triều, quận. Con rể cũng thế, các con ông Lưu-Tiệp cũng do khoa mục

ra làm quan, xe ngựa đầy nhà, trâm anh nối tiếp. Cái mộng của Nguyễn-Công đến nay hãy còn truyền tụng. Coi vậy thì sự thiện ác không cứ lớn nhỏ, đều lấy lương tâm làm chủ. Khi mẹ ông vá áo cho người ăn mày, cũng là bởi tấm lòng thương người; chứ có phải đâu lấy việc làm đó để mong trời báo đáp có tấm lòng ấy mới là khó. Lấy việc này mà suy ra thì phàm việc còn có kiêng kỵ gì nữa, nên trời mới ban phúc cho. Tục ngữ có câu : « Phúc Đức tại mẫu », thực đúng lắm thay.

Đại để các bậc Thánh-Hiền thì không dám nói. Những người có học thức làm điều thiện, tuy rằng xuất ở lòng thành, nhưng cũng do ở sự răn sợ, chứ không phải hoàn toàn là tự nhiên. Duy có đàn bà, ít tri thức, chỉ có một tấm lòng lành, xuất ư tự nhiên, nên cái thiện của người học thức không bằng cái thiện của người dốt nát, không bằng cái thiện của người đàn bà. Vậy nên Thiên-Đình cân nhắc ông cha đứng một hạng, mà mẹ đứng riêng một hạng. Khoa Giáp rất trọng, tất phải người có hạnh nghĩa, xứng đáng với khoa danh đó, rồi sau trời mới cho. Vậy nên chữ Thân đứng riêng một hạng. Các học trò cũng nên lấy đó làm gương. Làm việc giả thiện để cầu thực báo, là một điều rất không nên. Ta nên sửa mình, tự trách ở lòng mình, chớ đừng nên trách trời, mới hy vọng báo đền bằng khoa-mục được.

吳 時 任

NGÔ - THỜI - NHIỆM

Người làng Tả-Thanh-Oai, huyện Thanh-Oai, (con ông Ngô-Thời-Sĩ) đỗ Tiến-Sĩ khoa Kỷ-Mùi (Niên hiệu Cảnh-Hưng.) Về tài văn-chương, ông thực không thẹn kém thân phụ ông. Ông có nghĩ một câu đối treo ở Từ-đường thờ ông Chữ-Đồng-Tử Đế-nữ rằng :

軒 后 鼎 成 騎 紫 府
娥 皇 琴 池 寡 蒼 梧

Phiên âm

Hiên-hậu đỉnh thành quan Tử-phủ,
Nga-Hoàng cầm bảo quả xương Ngô.

Dịch nghĩa

Đại ý nói : Vua Hiên-Hậu đúc xong cái đỉnh mà trọn đời ở một mình trong Tử-Phủ; bà Nga-Hoàng chỉ ôm đàn ở Xương-Ngô không bằng hai vị này phu phụ lưỡng toàn cả.

Ông làm đôi câu đối để đến vua Lê-Đại-Hành và Hoàng-Hậu rằng:

帝天南祥應聖明擊宋滅占鐵馬餘威陳魏闕;
神左右秀鍾慈淑控蘇帶銳金波別派遠河洲.

Phiên âm

Đế thiên Nam, tường ứng thánh minh, kích Tống diệt Xiêm,
Thiết mã dư oai trần Ngụy khuyết;
Thần tả hữu, tú chung xác thục, khống Tô đới Nhuệ,
Kim ba biệt phái viễn Hà-Châu.

Dịch - nghĩa

Ngất trời Nam, hiển ứng linh thiêng, đánh Tống diệt Xiêm, ngựa sắt vang truyền cửa Ngụy.

Phò tả hữu, khí thiêng chung đúc, dòng Tô sông Nhuệ, sóng vàng vỗ khắp lòng sông.

Bài biểu thượng thọ của Tây triều Hoàng-Thượng Thái-Hậu rằng :

髮膚社稷嘉揚襄西土有興之俊烈
眉袖臣民矜式穆南方純祐之教聲

Phiên âm

Phát phu xã tắc, gia du tương tây thổ,
hữu hưng chi tuấn liệt ;

Mi tụ thần dân, căng thức mục nam phương
thuần bị chi giao thanh.

Dịch nghĩa

Hết lòng vì xã tắc, công lớn vạch mưu mô, giúp việc thịnh hưng nơi Tây-Thổ.

Một dạ với thần dân, lời truyền là mẫu mực, lưu danh thuần hóa chốn nam phương.

Đại ý câu này là lời chúc tụng.

Khi ông phụng mệnh đi sứ Trung-Hoa, lên lầu Nhạc-Dương, ngắm hồ Động Đình, có thơ rằng :

千峯苍翠波涛頂
萬象黃昏未月前

Phiên âm

Thiên phong xương thúy ba đào khoảnh.
Vạn tượng hoàng hôn vị nguyệt tiền,

Dịch nghĩa

Núi non chi chít phô làn sóng ;
Cảnh tượng âm u trước bóng vàng.

Ông đề miếu Tam-nhân có câu sau :

厚服已歸文子聖；江山未改武庚神.

Phiên âm

Lịch phục dĩ qui văn tử thánh :
Giang sơn vị cải võ canh thần.

Dịch nghĩa

Khuôn nếp đã theo văn từ thánh ;
Non sông chưa đổi vẽ canh thần.

Khi đi qua Nhất-Châu, ông có thơ đề miếu thờ Khổng-Tử và Quan-Công rằng :

禮樂百年王孔子
綱常萬古帝關公
周京神亂非眞聖
漢鼎魂爭未表忠
人楚刑書千古白
賊曹心燭五更紅
峴煙六字洲前廟
猶恨丹青畫未工

Phiên âm

Lễ nhạc bách niên vương Khổng-Tử,
Cương thường vạn cổ đế Quan-Công.
Chu kinh thần loạn phi chân thánh ;
Hán đỉnh hồn tranh vị biểu trung.
Nhân Sở hình thư thiên cổ bạch ;
Tặc Tào tâm chúc ngũ canh hồng.
Côn hoàng lục tự châu tiền miếu,
Do hận đan thanh, họa vị công.

Dịch nghĩa

Lễ nhạc trăm năm vương Khổng-Tử,
Cương thường muôn thuở đế Quan-Công,
Kinh Chu thần loạn không chân thánh ;
Vạc Hán hồn tranh chửa rõ trung.

Dân Sở hình thư, bao độ trắng ;
Giặc Tào tâm chúc, suốt đêm hồng.
Sáng chưng sáu chữ trong đền đó,
Hận nét đan thanh, vẽ chửa xong.

Người nhà Thanh khen là ông đã lột rõ được cái nghĩa sâu xa của ngàn xưa, chưa ai nói tới.

Ông viết bài biểu giúp triều Tây-Sơn, gửi viếng vua Càn-Long, (tức vua Cao-Tôn nhà Thanh) có câu :

北 樞 宸 轉 女 須 寒 長 慕 天 家 之 文 物
圖 拿 山 青 遶 水 碧 望 窮 臣 國 之 烟 嵐

Phiên âm

Bắc khu thần chuyển, Nữ tu hàn, trường mộ
Thiên-gia chi văn vật ;
Viên Tản Sơn thanh, Lô thủy bích, vọng cùng
Thần-quốc chi yên lam.

Dịch nghĩa

Bóng Đẩu-tinh quay, sao Nữ lạnh, văn-Vật
Thiên-triều muôn năm còn ngưỡng mộ ;
Nước Lô-Giang biếc, núi Tản xanh, khói mây
Nam-Việt một sớm với trông hoài.

Người nhà Thanh cho là có tài, tấm tắc khen ngợi. Ông có soạn quyển An-Nam-Nhất-Thống-Chí, Tây-Triều và Lê-Triều Sử-Ký. Ông trước tác nhiều, không kể hết được, nay tạm kể ra một hai tác phẩm, để truyền lại về sau. Khi triều Tây-Sơn sắp mất, ông phụ đồng-tiên, hỏi về sự thế Quốc-Gia. Các vị Tiên-Thánh vẫn thường xướng họa thơ phú với ông.

Có khi ông ngồi hầu truyện Bảo-Hưng-Hoàng-Đế (tức là Nguyễn-

Quang-Toản nhà Tây-Sơn) đại khái nói về các triệu chứng vong Quốc, câu nào cũng ứng nghiệm.

Lại nghe nói, khi đến lễ cầu-tự ở đền ông Trạng Tống-Trân, ông Trạng bốc đồng lên bảo rằng: « Ta cũng muốn đến để xem cửa nhà, nhưng không đủ đức, xứng đáng việc đó, nên ta không ở phải trả Duệ-Hiệu của ta, không được thờ ta ở đây» Rồi từ đó liền thôi, không dám thờ cúng nữa. Đương khi ông Trạng chưa bốc đồng lên nói, đã có Sắc của Tây-Sơn phong người con chết làm Trạng-Vương, lại phong sắc vương cho Ngô-Thời-Sĩ. Người ta nói như thế, không biết có đúng không? Nếu quả có việc đó, thì phúc trạch của nhà họ Ngô rất sâu dầy. Ông Trạng cũng muốn ở, nhưng đức hạnh của ông không xứng đáng. Như ông chỉ khả thủ về văn chương thì được. Xem thế thì, những bậc Hiền nhân, Quân-tử nhờ phúc ấm của gia tiên, sự tu thân tích-đức của cha mẹ và nết hạnh của mình, lại, phải còn tiếc giấy có chữ, tôn sùng Thánh đạo, kính thầy, yêu bạn, Còn phải tích ấm đức, thương người côi cút, giúp kẻ khốn khó, cứu người hoạn nạn. Cần phải cấm giới tư dục, tửu sắc, nếu được như vậy, thì sẽ được hưởng khoa danh phú-quý muôn đời nối tiếp, vẻ vang biết nhường nào?

Kiểu đất của Cao-Biền có câu: Trong ấp Thanh-Oai, hình thế rất kỳ, thủy bốn phía Vượng, án nổi Tam-Quy, mạch từ hữu-kết, khí tới tả y, thần-đồng đứng trước, quỳ sứ theo đi, khoa danh phát sớm, phúa lộc nhiều khi, nên phòng mạch hết, không con cái gì.

Trong Tinh Kinh: Tu-Nữ 4 sao, chủ giữ vải lụa làm bảo-tàng, lại một tên là Vụ-Nữ (chú-thích ở dưới chữ tu nữ trên)

Ông Tống-Trấn, người làng An-Cầu, huyện Phù-Cừ, tỉnh Hưng-Yên, đỗ Trạng-Nguyên khoa Giáp Thìn, Triều vua Trần-Anh-Tôn, tám tuổi đỗ Trạng-Nguyên đi sứ 10 năm (Năm Giáp-Thìn thứ 12, triều nhà Trần tức năm Đại-Đức thứ tám triều Vua Nguyên Thành-Tôn).

(Xét sách An-Nam-Nhất-Thống-Chí, từ hồi thứ I đến hồi thứ IX chỉ chép riêng việc đời vua Lê-Hiến-Tôn, chứ không chép về việc biên chứng sơn xuyên)

阮世瀝

NGUYỄN - THẾ - LỊCH

Người làng An-Mục, huyện Từ-Liêm, ba đời làm thuốc, cứu sống được nhiều người, trung-hậu, thực thà, cần-thận không cạnh tranh với ai, chắc hẳn là phúc-trạch của ông cha để lại cho ông. Ông đỗ Tiến-Sĩ khoa Kỷ-Mùi niên-hiệu Cảnh-Hưng, nổi tiếng trong thiên-hạ, mãi mãi về sau.

阮衛

NGUYỄN - VỆ

(Trong bản mục lục viết là Nguyễn-Nha nhưng xét là Nguyễn-Vệ mới đúng.)

Người làng Tả-Thanh-Oai, huyện Thanh-Oai, trong xã ông có một người Giám-Sinh, (tên là Đông,) danh-sĩ thời bấy giờ. Thân phụ ông nằm chiêm bao thấy treo bảng Tiến-Sỹ, có người làng là thày Viên-Đông và tên Vệ được trúng. Nhưng trong làng không có ai tên là Đông. Ông cho là ảo mộng không tin. Ông Ngô-Thời-Sĩ do hương tiến và tập ấm được bổ làm chức Hiến-Sứ Hải-Dương, đỗ cùng với ông trong khoa Kỷ-Mùi; niên hiệu Cảnh-Hưng. Mộng ấy đã ứng nghiệm, vì Hải-Dương tức là tỉnh Đông vậy.

Ông là người có độ lượng rộng rãi bằng phẳng, việc gì chỉ xét đại thể, không để ý đến chi tiết nhỏ nhặt. Chăm chỉ dạy

người, văn chương sung-thiện, đẹp đẽ, ông thường nói chuyện với các học giả rằng: « Văn chương tự nhiên có thiên mệnh, ta đi học thì tính thông minh đã được giời phú cho, mà học lực thì bẩm thụ ở đất, không có thể muốn chóng mà rồi ra đi tìm đất cát, hoặc e có khi đất đã được rồi mà lại làm hỏng mất. Một khi sức học đã đầy đủ, đến khoa thi chỉ nên an nhàn, thong thả, để cho tinh thần thư thái, văn tứ tự nhiên rồi rào. Vả lại việc học phần nhiều sở đắc ở lúc ngày thường, không nên hoạn đắc hoạn thất, ngày đêm lo sợ, chỉ thêm mệt cho tinh thần, mà văn tứ lại càng thêm cùng quẫn. Coi vậy thì đất bẩm tính cho, thật là do ở trời cho, mà phẩm hạnh do tự mình tu tỉnh, ngày lại tháng qua, học càng nên chăm chỉ, thì mới xứng với phúc đức và khoa danh.

阮世評
NGUYỄN-THẾ-BÌNH

Người làng Cát-Ngạn, huyện Thanh-Đàm Ông vốn là con nhà hàn vi. Thân phụ ông học nghề Phù-Thủy (Pháp-Môn) trông nom ngôi chùa thờ Phật của làng. Sớm chiều niệm Phật, làm các công việc từ thiện, hay cứu giúp mọi người nguy khốn, không hề đòi hỏi tiền bạc của ai, tùy theo hằng tâm của nhà chủ, muốn tiền cúng hương hoa nhiều ít tùy ý. Thân phụ ông, lòng dạ cư xử như thế, thực là con người có một điểm hồn hậu. Ông được nhờ phúc đức của thân phụ nhiều lắm, ông có thiên-tư rất thông minh, lực học hơn người, văn chương mẫu mực, ông đi thi lần đầu đỗ ngay Tiến-Sỹ khoa Kỷ-Mùi. Tính rất giản dị, tiếp đãi mọi người không phân giai cấp. Làm quan đến Phó-Đô-Ngự-Sử. Khi đi xét việc, đêm đi qua đò, ngồi chung cả với mọi người cùng thuyền. Ai mà khiêm tốn, cố từ, thì ông

không nghe, người nào miễn cưỡng vâng lời, thì cùng ngồi chung với họ, hỏi chuyện như anh em bạn.

Ông xuất thân là Đại-Khoa, làm quan đến Ngự-Sử, mà không biết mình phú quý. Người khác mới đỗ nhỏ, vừa được làm chức quan nhỏ, đã vội cho mình là phú quý, kiêu ngạo với người, Nghe thấy phong độ của ông, đều phải cảm phục. Vậy thì đã là người học trò, cũng nên tự xét lại mình, thì học nghiệp, khoa danh mới có thể khích lệ được những kẻ sau này

范阮攸

PHẠM - NGUYỄN - DU

Hiệu là Thạch-Động, người làng Đặng-Điền huyện Chân-Lộc, Xưa tên là Vĩ-Khiêm, gia thế thanh bần nhưng vẫn theo đòi học tập. Song thân ông rất qui văn-học. Bên cạnh nhà ông có một cái động đá, trong động có thần Đồng, đêm nào cũng nghe thấy tiếng đọc sách. Cha mẹ ông cầu tự ở động này, mới sinh ra ông, từ đấy không nghe tiếng đọc sách nữa, vì thần-Đồng đã thác sinh vào ông rồi. Ông sinh ra gặp buổi nhiễu-nhương, năm 17, 18 tuổi mới được đi học. Nhưng ông thông minh lạ thường, học hành tấn tới Khi lớn lên du-học ở Trường-An, văn-chương lỗi lạc nổi tiếng nhất thời bấy giờ. Khi khảo tập ở Giám, lừng tiếng trong nước, vì thế được người trên biết đến. Ông có tư cách anh minh, lanh lẹ, khinh đời không kiêng nể ai, nên quan trường không bằng lòng tìm cách đánh hỏng. Vì thế cao tuổi vẫn chưa đỗ. Mãi đến năm Cảnh-Hưng thứ 40 mới đỗ Tiến-Sĩ Hội Nguyên, thi Đình đỗ Hoàng-Giáp, khi vinh quy có câu đối rằng :

一 身 中 黃 甲
全 家 無 白 丁

Phiên âm

Nhất thân trúng Hoàng-Giáp
Toàn gia vô bạch đinh

Dịch - nghĩa

Một mình đỗ Hoàng-Giáp
Cả nhà không Bạch-Đinh

Đại ý kể cái vinh ngộ đấy thôi, nhưng vì câu không bạch đinh ứng vào việc ông không có con, như vậy thực là thiên Mệnh. Ông tính khẳng khái, hào hoa lỗi lạc, nên có thơ rằng :

大 肝 大 胆 淩 曾 骨
熨 進 熨 元 磊 磊 身

Phiên - âm

Đại can đại đảm lăng đằng cốt.
Song tiến song nguyên lỗi lỗi thân.

Dịch - nghĩa

Ông là người gan to, đởm lớn, sừng sững hiên ngang. Hai lần đỗ hương và hội, hai lần đỗ đầu, thực là một người lỗi lạc.

Lúc đầu, ông đỗ giải nguyên, làm quan không sợ kẻ quyền thế. Bấy giờ có người em của Tuyên-Phi là Ba-Chè cậy thế hống hách, ai cũng phải sợ. Một hôm y cùng với Hoàng-Tử tranh nhau đường đi, lăng nhục Hoàng - Tử. Hoàng-Tử đem việc ấy tố cáo ở Triều-Đình, Hồi đó, Hoàng-Gia, bị Trịnh-Vương bức bách, triều thần tuy biết phải tôn Hoàng-Gia nhưng lại sợ cái thế của Trịnh không ai dám nói, Hoàng-Thượng cũng muốn triều-nghị xét việc đó để rửa nhục. Và lại Vương-Gia cũng muốn nhân việc kiện này để thử xem triều-thần hướng về mình hay bội mình thế nào? Luôn luôn thúc giục đình-nghị phải phân-giải, nhưng kéo dài đến

hai tháng không ai dám nói ra trước. Có người nói muốn phân-giải việc kiện đó, phải có Định-Điền-Công mới làm được thôi. Khi đó ông hãy còn làm chức quan thấp, xong các triều thần đề nghị ủy cho ông quyết-đoán. Ông nói: «Tất phải đề cao tôi quyền địa vị Tề-Thần mới có thể quyết-đoán được việc kiện này». Tề-Thần và các triều-thần đều bằng lòng. Đến ngày đã định, bách quan ngồi xếp hàng ở công-sảnh. Tề-thần ở nhà đem mũ áo triều giao cho ông. Ông vận mũ áo ngồi ghế Tề-Tướng giữa nhà Công. Triệu Hoàng-Tử đến trách rằng: «ông là cành vàng lá ngọc, sao không biết tự trọng, lại đi cãi nhau với một kẻ thất-phu, để bị nó lăng nhục đến Hoàng-Gia, còn gì là thể-diện, tội đáng phạt 30 búa đồng» ông liền thân dẫn Hoàng-Tử đến sân rồng, phụng mệnh Hoàng-Thượng đánh 30 búa đồng. Rồi ông lại về ngồi ở công sảnh, triệu Ba-Chẽ đến trách rằng: «Anh là một tên thất-phu ở thôn quê, cậy thế cung phi, lăng nhục người thường cũng là có tội; phương chi lại dám tranh đường đi với Hoàng-Tử, lăng nhục đến Hoàng-Gia, tội thật đáng chết, nhưng Đình-Nghị vì nể kính chúa nên xử phạt anh 50 búa đồng,» liền đứng dậy tay đánh lấy, Mọi người đều vui sướng. Hoàng-Thượng khen ông là người chính-trực (ông làm quan đến chức Đốc-Đồng Nghệ-An) mà Chúa cũng không trách sao được.

Ông thông gia với Bằng-Quận-Công, Sau Bằng-Quận-Công can về quốc nạn, ông tuyệt giao, cầm quân kháng cự, sau rút vào rừng núi. không biết sống chết ra sao! (Sau được một người con hay cháu miễn giao dịch.) Trong tập thơ của ông Lập-Trai có khen văn chương ông đến tuổi già đời ra thuần cổ. Văn chương của ông đã được nổi tiếng vang lừng thiên hạ, ai cũng biết, không đợi phải nói. Nhưng có văn chương như thế mà biến được ra thuần cổ thì tài bộ hơn người xa quá. Đến lòng chính trực, trung nghĩa như thế, thật đáng gọi là lăng lăng, kính kính. (ông lấy danh hiệu

là Thạch - động là vì ông là Thần-đồng ở Thạch-động thác sanh ra vậy).

范 貴 適

PHẠM - QUÝ - THÍCH

Người làng Huê-Đường (nay đổi là Lương-Đường), Huyện Đường-An. Có người nói ông là Sứ-Giả của Đồng-Thiên-Vương không rõ có đúng không? Ông nổi tiếng thông minh dĩnh ngộ từ thủa nhỏ, văn rất thanh tao. Năm 16 tuổi, đỗ Hương-Tiến, và đỗ Tiến-Sỹ (khoa Kỷ-Hợi niên hiệu Cảnh-Hưng thứ 40). Lúc đó ông mới có 20 tuổi, khi sắp vào thi, ông nói bỡn với mọi người rằng: «Phen này gậy vông phá nhà gạch» các anh em bạn hơn tuổi ông đều nói: «chúng tôi đây còn chưa dám chắc, huống chi anh lại dám chắc ư.» Trước đó ông thường nằm chiêm bao lên ngồi núi cao, gần tới đỉnh bám vào đỉnh núi mà dưới chân núi thì quan quân vây kín bốn mặt. Lúc vào thi, các anh em bạn đều hơn tuổi, quan trường lần lượt điểm duyệt xét đến văn của ông tuy có chỗ chưa được chín luyện, nhưng giọng văn sắc bén đanh thép, khí tượng khác thường, ai cũng phải kinh sợ. Hôm thi đệ-tứ-trường, quan Trường chấm đến văn ông; vì tiếc đại tài muốn đánh hỏng, để đợi khoa sau lấy đỗ Đại-Khôi. Nhưng sau lại xếp xuống thứ nhì; khi đình-thi, quyển văn của ông lại vẫn được xếp thứ nhì, rồi lại bỏ lại. Ông Đặng-Điền gấp đôi tuổi ông, khoa ấy đình thí và hội-thí, đều đỗ thứ nhất trên ông, ông Đặng-Điền nói: tôi không sợ thua kém ai, chỉ sợ cậu bé con cứ theo sau tôi. Ngày vinh quy, ông và phu-nhân ngồi trên lưng voi, ông còn ít tuổi, mà phu-nhân thì tóc mới chấm vai, thiên-hạ lấy làm vinh quí lắm.

Ông là người hay châm biếm, chỉ chích, có tài. Theo thể lệ của Hoàng-Triều, các ông Hoàng-Giáp thì được giát đai bằng ngà

voi. Ông Đặng-Điền đỗ Hoàng-Giáp mà ông đỗ Tiến-Sỹ, cùgn nhau vào Triều. Chốc lát ông Đặng-Điền giả tảng hỏi người nhà rằng : cái gì khét như mùi súng cháy, nghĩa là ông Đặng-Điền muốn dùng câu này để chế diễu ông giát đai bằng sừng. Ông biết ý thong thả đáp rằng : « khi tôi còn ở trong bụng mẹ đã nghe tài văn học của ông nổi tiếng thiên-hạ rồi. » Ông Đặng Điền tự biết là bị bé con chỉ chích, vì ông Đặng-Điền là bậc tiền bối, mà ông còn là niên-thiếu ý ông Đặng-Điền mến trọng tài ông, nên đùa bởn thế đó. Sau hai ông càng ngày càng hiểu biết nhau tình, bạn bè trở nên khẳng khít. Đến khi kiêu-binh Tam-Phủ nổi lên, khinh miệt Triều-Đình, bách-quan ai trái ý thì bị đánh chết ngay. Một hôm ông là chức Thiên-Sai, được lệnh vào Phủ tuyên dọc chỉ dụ về khoản tiền lương, chúng liền đem đồ dạc và búa gậy đi thẳng vào nói : « Ta thử xem chỉ dụ thế nào nếu không như ý ta sẽ giết ông đi » ông lớn tiếng nói « Có mệnh lệnh của nhà Chúa ở đây, các anh đứng im lặng mà nghe, không được vô lễ. Nếu, có chỗ nào không thỏa nguyện, Triều-nghi sẽ châm chước lại. » Chúng thấy ông không kinh sợ, lời ngay ý thẳng, nên phải kinh sợ đứng vòng quanh sân Tam-phủ để nghe Rút cuộc không xảy ra sự gì, vì ông là người chính-trực, minh-mẫn, khéo xử, nên chúng đều im lặng để nghe. Sau gặp khi quốc biến, ông bèn ẩn mình để toàn khí tiết. Năm Nhâm-Tuất, ông bị triệu-kiến, vì là người khí tiết, nên được thưởng thụ chức Thị-trung-học-sĩ. ông từ chối không được phải lưu lại ở Bắc-thành, kiêm chức Đốc học ở Phụng-Thiên-Phủ. Sau ông cũng từ Quan về nghỉ, ông tuy tuổi trẻ đăng khoa, mà những công việc hệ trọng lợi hại ở đời đều sáng suốt hết, không kém gì các bậc khoa bảng lão thành. Thường khuyên học trò phải cố gắng học tập, chăm chỉ dạy người; Người lớn tuổi hơn hay bằng hàn thì kính trọng, ân cần dạy giỗ Ông đối với người làng thì ôn hòa tiếp đãi. Nhà ông ở Trường-An, khách khứa lúc nào cũng đầy nhà, tuy những người có ngựa xe đến yết

kiến, nhưng ông không ân cần lắm; còn người làng người họ từ quê nhà lên yết kiến, thì dù là điền-phu già-lão cũng vẫn tôn kính.

Ông hiệu là Lập-Trai, người đời tôn sùng, coi như sơn-đầu thời bấy giờ. Phẩm giá văn-chương rất cao, tiếng thơm muôn thủa Bảng vàng bia đá cùng trời đất non sông, trường thọ muôn đời.

Người ta còn nói rằng : có một ông Tiến - Sĩ Trung - Hoa khi sang du lịch nước ta, nghe tiếng ông, liền, giả dạng là một người học trò lại đấu thơ với ông. Ông bảo cho đầu bài, ông kia liền mở sách thấy một con gián chết ở trong sách, liền lấy đó ra đầu bài, ông vịnh luôn rằng :

朽骨有香留簡冊
殘魂無淚泣文章

Phiên âm

Hủ cốt hữu hương lưu giản sách
Tàn hồn vô lệ khấp văn chương.

Dịch nghĩa

Xương nát còn thơm nơi sử sách;
Hồn tàn không lệ, khóc văn-chương.

Ông Tiến-sĩ Trung Hoa chịu phục là hay. không ngớt khen ngợi từ tạ ra đi (Sau ông không con, người ta bảo sái về câu đó).

Hỏi ông đi sứ Trung-Hoa, người nước Tần hỏi : ở nước Nam-Việt của ông, học thuật và tôn thượng thế nào? Núi nào cao? Sông nào lớn? phong tục ưa chuộng thế nào? ông làm thơ đáp rằng :

星分翼軫大南天
土地縱橫路八千
武帝士王隆學術
拿圓滄水大山川

漢唐衣服參時用
堯舜人民自古傳
百貝五金皆玩物
不須陳說在詩篇

Phiên âm

Tinh phân Dực Chẩn đại nam thiên
Thổ địa tung hoành lộ bát thiên
Võ-đế Sĩ-vương long học thuật;
Tản viên Lư-thủy đại sơn xuyên.
Hán Đường y phục tham thời dụng,
Nghiêu-Thuấn nhân dân tự cổ truyền.
Bách bối ngũ kim giai ngoạn vật,
Bất tu trần thuyết tại thi thiên.

Dịch nghĩa

Sao chia Dực Chẩn cõi Nam thiên,
Bờ cõi tung hoành lối tám thiên,
Học thuật Sĩ-vương cùng Võ-Đế.
Sơn xuyên Lư-thủy với non-Viên
Áo xiêm: Đường, Hán theo thời đổi;
Dân tộc Hoa, Huân (1) lối cổ truyền
Hải vị sơn hào nhiều vật báu,
Không cần bày tỏ viết nên thiên

Tài thông minh mẫn tiệp, đại để như thế đó.

Mùa xuân năm Quý-Sửu Hoàng triều Tự-Đức thứ sáu, các

Chú-thích: (1) Hoa huân nói ông Nghiêu, Thuấn. Chữ kinh-thư

học trò hội nhau tu sửa lại ngôi từ đường thờ ông tại trong thành Hà-Nội, hàng năm phụng sự.

(Sử chép về việc thác sinh của ông Đổng-Thiên-Vương : Về thời vua Hùng-Vương có giặc Ân đến xâm chiếm nước ta. Nhà vua sai sứ giả đi chiêu mộ những người tài năng, để đánh giặc. Làng Phù-Đổng có một cậu bé đã ba tuổi mà không biết nói. Bà mẹ bỡn hỏi; cậu bé liền gọi sứ giả vào nhà và bảo về tâu với vua đúc cho con ngựa sắt để phá giặc. Khi ngựa đúc xong, cậu bé liền vươn mình thành người cao lớn, cỡi lên mình ngựa đi phá giặc Ân. Khi phá xong giặc, qua núi Sóc-Sơn, cậu bằng lên trên trời biến mất. Vua Hùng-Vương phong là Phù-Đổng-Thiên-Vương, lập đền thờ ở trong làng (hiện nay đền thờ ở làng Phù-Đổng, huyện Tiên-Du, tỉnh Bắc-Ninh, Bắc phần).

Học trò của ông Phạm Quý-Thích là Hoàng-Sơ-Trai có đề một câu ở Từ-Đường rằng:

一息尚存齋頭祀
寸心可白集無詩

Phiên âm

Nhất tức thượng tồn trai hữu tự
Thốn tâm khả bạch tập vô thi.

Dịch nghĩa

Chút thở hãy còn trong miếu-vũ.
Tấc lòng khôn tỏ với thi-văn.

Ông có đề ở đền Sùng-Trân một câu đối rằng :

沉死未應埋白骨
浮生能不誤紅顏

Phiên âm

Trầm tử vị ưng mai Bạch cốt
Phù sinh năng bất ngộ hồng nhan.

Dịch - nghĩa

Đại-ý nói : dòng nước xanh kia chưa nên chôn vùi nắm xương trắng; kiếp phù sinh sao khỏi làm lỡ khách má hồng.

Đêm ông nằm mộng thấy bà Liễu-Hạnh Công-Chúa bảo ông nên đối lại câu đối đó, ông không chịu.

Ông có đề một bài thơ hoa dâm bụt rằng ;

猩 憐 淡 薄 應 分 血
靡 妬 妖 嬌 不 與 香

Phiên âm

Tinh liên đạm bạc ưng phân huyết
Xạ đố yêu kiều bất dữ hương.

Dịch nghĩa

Con Đười - ươi kia thương đóa hoa lợt lạt không được tươi thắm, nên sẻ cho thêm máu; con Cày hương kia ghen ghét cái vẻ yêu kiều, nên không cho mùi thơm. Đại-ý nói hoa dâm-bụt hữu sắc vô hương.

黃 國 珍

HOÀNG - QUỐC - TRÂN

Người ở Nam-Chân. Cha mẹ ông đã nhiều tuổi mà chưa có con

ngày đêm cầu khẩn trời, đất, thần, thánh phù hộ cho. Một đêm kai, mẹ ông thấy có hai đứa trẻ xin ở. Hỏi ở mấy năm, hai đứa bé nói: xin ở hơn hai mươi năm, mẹ ông nói: ở suốt đời mới được, hai đứa bé lại nói: xin ở hơn 30 năm, mẹ ông cũng không chịu. Bấy giờ mẹ ông trong lúc chiêm bao tự nghĩ rằng: mình cứ cố ép thì e giữa hắn và mình, sẽ có sự khó dễ, sợ rằng nó lại đi mất, liền bằng lòng nghe theo. Khi tỉnh dậy lấy làm lạ, và biết rằng sẽ có con, nhưng chỉ kém tuổi thọ thôi. Sau này, đẻ người anh ông, rồi kế tiếp đến ông. Ngay lúc nhỏ đã rất thông minh. Người anh thì không có tài bằng ông, lớn lên hai anh em cùng nhau đi học. Người anh cố sức chăm chỉ học, mà ông thì hào hoa phóng đãng, chỉ học qua loa thôi. Tuy nhiên, tài ông, không ai theo kịp. Cứ mỗi kỳ tập bài, người anh và chúng bạn vẫn hết sức học tập, mà ông thì không để ý học. Khi mọi người đều thảo xong bản ráp, ông chỉ coi qua đầu bài rồi cầm bút viết, thao thao bất tuyệt. Đến khi đưa chấm, thì văn ông hơn cả mọi người. Anh ông thường khuyên răn ông. Ông nói: học chẳng qua tiến đến mức trúng, đằng nào chả trúng, tội gì khổ tâm như thế. Ông vẫn không chịu cải tính.

Khoa Kỷ-Hợi (niên hiệu Cảnh-Hưng) đã gần đến kỳ thi rồi, ông mới tập có ba quyển. Khoa ấy ông 29 tuổi, ông đỗ và sau được bổ chức Hiến-Sứ ở Kinh-Triều. Gặp hồi Quốc biến, ông bị hại, năm đó ông 36 tuổi, mà người anh ông cũng chết năm 36 tuổi, đúng như trong mộng.

Ông có một ngôi mộ tổ ở Cốc-Thành, về phía tay phải, địa thế có hình một mũi dao nhọn thẳng vào mộ. Vậy sự đỗ đạt của ông chưa chắc là do ở đó, mà sự ông ngộ hại, có lẽ ở đó. Tuổi thọ và khoa danh, đã có tiền định. Cha mẹ sanh ra ông như thế, thì phúc đức có được, có hỏng, nên chốn u minh cũng theo đó mà định đoạt. Kẻ học-giả theo đuổi về công danh, cố nhiên nên qui về định mệnh, nhưng nhân sự cũng không thể không gắng được.

Những bậc tiền bối do sự chuyên cần mà làm nên đều như thế cả. Đến như ông không chăm học hành mà đỗ được, thì thảng hoặc cũng có một hai người như thế thôi. Nhưng người học trò không nên lấy đó mà tạ khẩu.

Xem như thế, thì những nho giả, không thể không có một ngày nào là không cố gắng học. Chứ nói rằng: ngày nay đợi đến ngày mai, năm nay đợi đến sang năm. Lại không nên vì nghèo mà bỏ học, không nên cậy giầu mà không học, cũng không nên cậy có tài mà biếng học. Cố công học hành để lập thân hành đạo, để nổi tiếng về sau, làm vẻ vang cho cha mẹ, há chẳng đáng nên cố gắng lắm ru!

吳日暹

NGÔ - NHẬT - TIỀM

Người làng Cát-Đằng, huyện Vọng-Doanh, (nay đổi là quận Phong-Doanh, thuộc tỉnh Nam-Định). Thân phụ ông làm nghề thợ sơn, nhưng rất yêu chuộng văn-học. Mỗi khi đi ra Trường-An mua sơn, ông thường trông thấy các học trò mặc áo dài tay, lấy làm ham mộ, cũng theo mặc áo như thế, cắp hộp sơn vào trong tay áo, rồi thủng thỉnh đi, phất phơ ở đường phố, làm như dáng điệu học trò. Lòng ham mộ nho đạo như thế đó, sau ông thợ-sơn sinh ra ông, thông minh dĩnh ngộ, học hành tấn tới. Khi ông du học Trường-An, trọ học tại một nhà kia, trên cửa ra vào, có bàn thờ bà cô. Bà Cô báo mộng cho nhà chủ rằng: nhà anh nên thu dọn bàn thờ ta ra chỗ khác, vì ở đây có Ngô-Quý-Đài ra vào, nên ta đi đứng không yên. Chủ-nhân phải rời bàn thờ đi chỗ khác; mới biết ông là người phi thường, tuy không nói rõ ra; nhưng coi rất kính trọng, không dám khinh rẻ. Rồi sau, nhà chủ cũng nói chuyện cho ông biết.

Tại quê ông, có thờ thần, có nuôi một con chim kiu. Cứ mỗi

lần ông về, thì bay lại đỗ ở nhà ông. Ông đi nọc, thì con chim lại bay về miếu. Cái triệu chứng đỗ đạt của ông đã biểu lộ rõ ràng.

Khi ông đi thi hương, các quan nội ngoại trường chấm quyển văn của ông, đều đánh hỏng, ông không biết, cứ đến công trường nói dối rằng: Ngô-Nhật-Tiêm ở Cát-Đằng, Vọng-Doanh đỗ đầu. Mọi người biết ông là ai, cho là thực, đồn rầm cả lên. Người nhà quan trường ra ngoài thấy ai ai cũng đều nói như thế, liền về trình với quan trường. Quan trường lấy làm lạ, xét trong quyển sổ đỗ, thì không có tên nào như thế cả, ý giả là thần-nhân hiển hiện, nên không ai bảo ai đều nói như nhau thế bèn xem lại quyển của ông, quan trường tấm tắc khen ngợi và cho đỗ đầu. Khoa Kỷ-Hợi (niên-hiệu Cảnh-Hưng), ông đi thi Hội, ông bảo với người ta rằng : Khoa này lấy 14 quyển Tiến-Sĩ thì thôi, nếu lấy 15 quyển, thì thế nào cũng có tên tôi. Đến khi ra bảng, quả nhiên ông đỗ Tiến-Sĩ thứ 15, nên người ta cho rằng có mộng triệu báo trước cho ông.

阮濱
NGUYỄN - TÂN

Người làng An-Vĩ, thuộc Đông-An, có tài viết văn, lời và ý giản-dị mật thiết. Văn thể linh lợi, anh em đồng thời, thường khen ngợi ông và nói là « Trăm năm về trước, trăm năm về sau, không có những áng văn chương nào hay như thế ». Thiên hạ nhiều người truyền tụng. Ông đã cao tuổi, vẫn chưa đỗ Hương-tiến, mãi sau mới đỗ giải-nguyên. Khoa Tân-Sửu niên-hiệu Cảnh-Hưng, ông đỗ Tiến-Sĩ Hội-nguyên. Lúc đó chúa nằm chiêm bao thấy hai người con gái, đầu đội một cái nón bước vào Phủ-Đường, đến trước quan trường sớ tấu lấy đỗ hai Hội nguyên là ông và Nguyễn-Cầu ở An-Khê, huyện Đông-Ngạn. Chúa lấy làm lạ. Ông vốn tên là Nguyễn Lượng, chúa cải tên cho Nguyễn cầu, lại lấy chữ ngọc ở bên trái vừa đổi tên ông là Nguyễn Tân. Đó là ứng vào mộng hai chữ nữ.

阮 瑜

NGUYỄN - DU

Người làng Văn-Xá, huyện Thanh-Oai, ông chỉ chuyên tập văn sách, ông thường nói rằng: « Ông Bành-Tổ số không chết non, nên kinh chuyện, tứ lục, thi phú không được như ý.» Ông không giỏi về phú, nên đã hai, ba khoa cứ đến đệ tam trường là bị hỏng Sau ông đỗ Hoàng-Giáp khoa Giáp-Thìn. Coi vậy thì học trò phải nên thông suốt kinh truyện, sử sách và làm thông được văn thể cả tứ trường, chứ không nên chỉ chuyên chú vào một thứ văn thôi.

吳 儒

NGÔ - NHO

Người làng Tri-Chỉ, huyện Phú-Xuyên. Cha mẹ ông một lòng ham chuộng văn học, trước để được hai người con, đã ngoài 20 tuổi, học hành đã khá, theo nhau chết non. Một hôm đi chợ sớm, mẹ ông đi qua một cánh đồng vắng nghe có tiếng thằn đồng đọc sách. Lúc đó, cùng đi với hai ba người đàn bà, mẹ ông để mặc cho họ đi trước, rồi bà đi lùi lại sau, đến chỗ có tiếng đọc sách, trông lên không, khấn rằng: « ở đây đồng không mông quạnh, học hành không tiện. Nếu về với tôi, tôi sẽ sắp sửa đủ dầu đèn, tha hồ mà học, chả hơn học ở đây ư! » Rồi từ đó nơi này không nghe tiếng học nữa, mà mẹ ông nhân vì thế có thai, rồi sanh ra ông Khi ông lớn lên, cha ông cho rằng, trước kia hai người anh ông đã chẳng ra sao chắc là nhà mình không có đất phát văn học, nên cũng chán nản việc dạy dỗ con học. Ông thông minh lạ thường. Cùng với trẻ em học, ông chỉ coi một lần là thuộc. Bà mẹ bảo với ông chồng rằng: «thằng bé này thông minh, có thể học được. Ta coi như chuyện đánh cờ, ván này chẳng được thì bầy ván khác

nếu không cho nó học, thì chả hóa ra phí cả cái thông minh của nó à ? » Cha ông bằng lòng nghe theo, cho ông đi học. Ông học rất tấn tới, học một biết mười. Văn ông không cần phô bầy cho lắm, chỉ dùng ít chữ ăn khớp với đầu bài. Khi làm bài tập ở giám, các học trò tụm năm tụm ba, mở sách ra coi, chỉ có ông thì không thế, mỗi lần viết đầu bài, rồi cầm cổ làm văn, cứ thường như thế. Ở giám tên ông thường đứng thứ 7, thứ 8, không sai một ly. Sau ông đỗ Tiến-Sĩ khoa Giáp - Thìn, rồi phụng mệnh đi sứ, không thấy trở về.

陳伯覽

TRẦN - BÁ - LÃM

Người làng Vân-Canh, Huyện Từ-Liêm, là dòng dõi ông Trần Hiền. Kiểu của mộ Tổ ông có câu : «Phàm vào trường thi, có chữ sai chữ sót mới đỗ.» Cha ông thường nằm chiêm bao đến một nơi có treo bảng Tiến-Sĩ, bên trên niên-hiệu Hoàng-Triều, thì đề tên các Tiến-Sĩ cũ, bên dưới niên-hiệu đề tên ông và một tên nữa ở dưới, không hiểu ra sao. Sau vua Lê-Chiêu-Thống lên nối ngôi, mở chế khoa, ông cùng với ông Nguyễn-Cát-Gia ở Huê-Cầu đều đỗ lại. Năm ấy Hoàng-Đế lại lánh sang Bắc-Quốc. Mộng đó rất ứng nghiệm.

陳名案

TRẦN - DANH - ÁN

Người làng Bảo-Thiện, huyện Gia-Bình, tỉnh Bắc-Ninh, là con ông Trần-Lâm. Đỗ Hoàng-Giáp khoa Đinh-mùi, niên-hiệu Chiêu - Thống. Văn ông hoạt-bát có vẻ tự-nhiên. Sau gặp Quốc-biến, ông

theo Vua Lê-Chiêu-Thống sang Tầu, xin quân về phục Quốc. Khi Hoàng-Đế lại sang Trung-Hoa lần thứ hai, ông theo vua đi, nhưng không kịp. Trong thời Tây-Sơn, ông phải trốn-tránh, để toàn danh tiết. Cái thảm trạng gian-nan đi xin quân về nước, và tình cảnh khổ sở, phiêu-lưu ẩn-trốn của ông, đã được biểu lộ trong các thi phẩm của ông. Kể những thần tử trung nghĩa ở đời Lê, duy có ông là hơn cả; cái Tiết-Nghĩa của ông, ai ai cũng biết không cần phải kể. Nhưng giữa lúc giao thời, đầu thời Tây-Sơn và cuối đời Lê, nhờ ông chống đỡ được địa duy thiên trụ. Thực không hổ là người trong làng khoa danh.

Năm Tân-Dậu, Hoàng-Triều Tự-Đức thứ 14, khi lập đền thờ những người tiết nghĩa nhà Lê ở Hà-Nội, thờ 33 vị, ông cũng dự ở trong số đó, và đề tên thụy rằng: « Cố Lê Tiết Nghĩa, phong Tĩnh-nạn Công-Thần, Ngự-Sử kiêm phó-đô-Ngự-Sử và thụy là Trung-Mẫn. »

TimSachCom.Vn

裴輝攸

BÙI - HUY - DU

Người làng Bột-Thượng, huyện Hoàng-Hóa, đỗ Tiến-Sĩ khoa Đinh-Mùi, niên - hiệu Chiêu-Thống, văn chương tinh tế, mật thiết chỉ cốt hoạt-bát. Học thì cốt giải thích rõ nghĩa sách. Ông làm Đốc-Học trường Quốc-Tử-Giám. Trong 9 năm giữ việc giảng dạy, gây dựng rất nhiều nhân tài. Đức trạch tác nhân của ông cũng chẳng kém gì ông Từ-Ô.

Lúc ông chưa đỗ, có một người đàn bà chồng chết sớm ở góa, không cầm lòng được. Một đêm kia, đến với ông, ý muốn bỡn cợt ghẹo ông, ông cố ý cự tuyệt, và bảo cho biết cái đạo của đàn bà nên cư xử có nghĩa, để toàn danh tiết, không nên như thế, là

vô thiên đạo. Người đàn bà đó cho ông 5 quan tiền, ông từ chối không lấy.

Ông thường nói chuyện rằng : học trò sở dĩ đỗ đạt được là nhờ ở phúc đức của mình. Vậy thì các học giả muốn chóng bước lên thang Mây, phải nên xem đức hạnh của ông, và theo cuốn Đan-Quế-Tịch là đủ. Người có chí về công danh phú quý, phải nên cẩn thận. Kia như Lý-Đăng không đỗ được Trạng-Nguyên, là do thất-tiết. Tào-Đình đỗ được Hoàng-Giáp, cũng do biết giới dâm, nên lấy đó tự khuyên răn. Trong sách Âm-Chất có nói :« Tội dâm đứng đầu muôn tội, những tội mục dâm, khẩu dâm, tâm dâm, và thân dâm.» Tội dâm có lớn nhỏ: mình dâm ô vợ con người, thì người cũng dâm ô vợ con mình; dâm ô vợ người, có quả báo tất tuyệt tự. Báo ứng rành rành, ở ngay trước mắt. Vậy người học trò há chẳng nên lấy việc đó mà cảnh giới, để làm cái học tu thân hay sao!

阮圭

NGUYỄN - KHUÊ

Người làng Nguyệt-Áng, huyện Thanh-Trì. Ông được Bằng-Quận-Công tin cẩn. Triều-Sĩ ai cũng ghét. Hồi đó ở Gia-Lâm làng Kim-Sơn có một ông danh sĩ thời bấy giờ, các quan Triều đều là đồng-bối. Khoa Đinh-Mùi, hôm thi tứ-trường, các quan trường không tìm thấy quyển của ông để đánh hỏng, mà chỉ tìm quyển của ông Kim-Sơn để lấy đỗ. Sau tìm được một quyển, quan trường chắc là quyển của ông, mừng rỡ bảo nhau rằng : «đã tóm được chú đây rồi. » Nhưng xem quyển hoàn toàn tốt quá, không có chỗ nào đáng đánh hỏng. Liền cố bới lông tìm vết được một chỗ khiếm hoạt, liền đánh chữ : « Đại vị hoạt », không lấy quyển đó, cho là đã sát được ông rồi. Có một quyển văn thế bình thường, ý chắc là quyển

của ông Kim-Sơn, nên lấy đỗ đến khi dán tên, thời quyền của ông trúng cách, mà quyền đánh hỏng lại là quyền của ông Kim Sơn, vì bài văn thi của hai ông tương tự như nhau. Chữ viết cũng giống nhau. Điều đó cũng là do lòng trời xui khiến. Nếu không có phúc lớn thì đâu được như thế? Coi vậy đủ rõ khoa danh có thiên mệnh, không chút tư ý nào ở trong ấy được cả. Vậy đủ rõ học trò làm cho người ta sợ không bằng được người ta yêu. Lại nên cẩn thận về hạnh kiểm để làm căn bản cho sự tiến đức sau này.

阮 理

NGUYỄN - LÝ

Người làng Mỗ - Đoạn, huyện Gia - Lâm. Hội thi khoa Đinh-Mùi, niên-hiệu Chiêu - Thống. Hôm thi đệ tứ trường, ông vào thi dặn đầy tớ rằng: đến chiều phải đứng đợi ở cổng trường, để mang lều chiếu của ta ra. Chiều đến, ông ra ngoài không thấy người nhà đâu cả, ông phải mang lấy về nhà trọ. Về đến nhà, ông thấy nó nằm ngủ, ông toan đánh. Người đầy tớ nói :« xin ông bớt giận, thong thả để cho tôi nói rõ đầu đuôi, rồi sau tôi sẽ xin chịu đòn cũng chưa muộn. Tôi tuy rằng ngủ ở đây, nhưng suốt ngày ở trong trường mài mực cho ông.» Ông nghe anh đầy tớ nói, lấy làm lạ, liền hỏi cớ sao? anh đầy tớ nói :« tôi vừa nằm ngủ ở đây, đã chiêm bao vào trường thấy rất nhiều cờ trắng cắm ở nóc lều, chỉ có hơn mười lá cờ vàng, những lều cắm cờ trắng, thì có nhiều người đến phá cả lều chiếu, cướp cả bút mực, khiến người ngồi trong lều chống đỡ phòng thủ, đứng ngồi không yên. Duy chỉ có lều cắm cờ vàng, thì không việc gì cả. Lều của ông cũng thấy cắm cờ vàng. Tôi suốt ngày ngồi bên ông mài mực.» Ông càng lấy làm lạ, nhưng cũng mừng thầm mà không nói ra. Khoa ấy 13 người đỗ Tiến-Sĩ, ông cũng có tên trong số đó. Câu phương-ngôn nói :»

Tiến-Sĩ cờ vàng, tam tràng cờ trắng », thực không sai vậy. Xem thế thì khoa danh thường báo hiệu trước. Người nào phận mệnh đạt, thì khi ở trong trường làm văn, có quỷ thần ngầm giúp, tứ văn rồi rào, dễ dàng mọi thứ. Đôi khi gặp quẫn tứ, thì hốt nhiên thấy tai mắt sáng sủa, lòng dạ khoan khoái, văn-chương tự nhiên trở nên linh lợi. Đó đều là có quỷ thần giúp đỡ. Còn người phận không đạt, thì tuy ở ngoài có tài viết văn như suốt chảy, sách vở thuộc lòng, văn hay gấp trăm ngàn lần người ta, mà đến lúc vào trường, lại sinh quẫn bí, lần quần nghĩ không ra, cử chỉ hốt hoảng, phập phồng lo sợ, văn chương khô khan. Đó đều là do sự thất đức, nên ma quỷ đến quấy nhiễu. Vậy người có chí về công danh, phải nên sửa mình, cẩn thận, nết na mới được. Vì khoa danh trên có Hoàng-thiên chứng giám, dưới có quỷ thần soi xét, người nho-giả há chẳng đáng cẩn thận sao ?

杜令善
ĐỖ - LỆNH - THIỆN

Người làng Nhân-Mục, huyện Thanh-Trì, làng này có một cái giếng, trong có một con ếch thần lớn lắm. Thân mẫu ông ra múc nước, con ếch nhảy đến trước mặt, rồi bỗng nhiên không thấy đâu nữa. Thân mẫu ông ra về, từ đó mang bầu(có thai) rồi sinh ra ông. Chân tay sù-sì, đầu 5 ngón ngắn giống hệt như chân tay ếch, trên cằm dưới hàm giống như mồm ếch. Ông uống nước gần hớp cả chén, thường ngồi hai tay chống xuống chiếu, để chậu nước rửa mặt ở trước mặt, luôn luôn lấy khăn tay xấp nước lau mặt, ăn uống cư xử khác hẳn người ta, mà không khác ếch tí nào.

Ông và anh ruột ông là Đỗ Lệnh-Hi cùng học ông Giác-Trai. Tài văn-chương của ông tuy không bằng anh ông, nhưng lời văn sắc bén, khí tượng hơn người. Thầy qui trọng nói rằng: « văn chương võng lọng »

Khoa thi Đinh-Mùi, ông Nguyễn-Nha làm giám khảo khoa Hội kỳ tứ-trường. Phúc-viện đệ quyển lên phê, xem lấy bao nhiêu quyển Ông Nguyễn - Nha duyệt được 12 quyển bỗng nhiên đau bụng không thể chịu nổi. Nhân bảo ông Nguyễn - Du rằng : « những quyển phê được, tôi chưa kịp xếp, ông xếp dùm tôi, còn hai quyển kia thì bỏ đi đã để riêng một bên, xin cẩn thận chớ để lẫn. Tôi đau bụng lắm chịu không nổi, phải ra ngoài rửa ráy.» Ông Nguyễn-Du mới đỗ mới được dự vào trường thi tự nghĩ : ta rồi đây ra làm quan, chưa chắc đã dự vào việc trường ốc. Cứ lấy hai quyển kia để trả nợ thi, hai quyển đó tuy bỏ đi, ta cũng cứ xếp lẫn vào. Nếu ông Nguyễn-Nha có xét lại nữa, lấy hay bỏ là tự ông ấy. Nếu không xét lại, đưa ra ngoài trường, thí lấy hay bỏ cũng xong rồi.. Ta chỉ cần trả nợ là được, liền xếp lẫn vào. Khi ông Nguyễn-Kha hỏi : anh đã xếp chưa ? ông nói xếp rồi. Ông Nguyễn-Kha nói ông xếp cũng như tôi xếp, liền chia đưa ra ngoại trường. Sau ông Nguyễn-Kha tỉnh đến hai quyển đó, mới biết ông Nguyễn-Du xếp lẫn hai quyển này. Ngoại trường cũng không đánh hỏng, xếp vào loại đỗ thấp. Khi ra bảng thì tên ông và tên ông Nguyễn-Thời-Ban, người cùng làng, đều đỗ cả. Ông Nguyễn - Nha thường nói chuyện : tôi bị hai ông tổ, nhà họ Nguyễn, và họ Đỗ làm đau bụng. Khi người ta ốm đau đem vàng mã lại cầu xin ông cho một lá phù là hết bịnh. Chỗ ông ngồi vàng mã xếp đầy hai bên, nghe đâu dân hai làng xin tên húy của ông để thờ. Những ông đại khoa phần nhiều là thần thác sinh ra, duy có ông là đặc biệt hiển linh

阮 棋

NGUYỄN - KỲ

Người làng An-Lão, huyện Bình-Lục, là hồ tinh hóa ra, hay ăn thịt cá sống không thích nấu chín chỉ thích nấu rửa chín nửa

sống, Khi ông đươcg làm quan, dân chúng có việc gì đến kêu với ông, thì thường đem biếu gà, cá vì họ biết ông thích ăn các thứ đó. Đêm khuya trời tối như mực, người ta không trông thấy lối đi, mà ông thì đi nhanh như đi đường ban ngày. Tính ông thích đi đêm. Lúc ông chưa đỗ, du học Tràng-An, từ Tràng-An về làng, ông toàn đi đêm cả, vì ông là kiếp sau của Hồ.tinh.

進 士

ÔNG TIẾN-SĨ (Khuyết danh)

Suốt 3 đời, nhà ông không nuôi mèo. Đến khi ông đi thi, ngày vào đệ tứ trường. Sơ-viện và Phúc-Viện ở nội trường lấy những quyển đỗ, còn những quyển đánh hỏng đều xếp lại. Khi tâu trình những quyển lấy đỗ, Hoàng-đế lại hạ lệnh lấy đỗ thêm, quan trường chỉ duyệt lại những quyển đã đánh hỏng. Nhưng không thấy quyển nào đáng lấy cả. Thấy ở chỗ số nhà, có một quyển chưa có dấu chấm, lời văn thông hoạt, có thể lấy được, vì lúc đánh số quyển này bị chuột tha dấu đi; bèn duyệt thêm rồi lấy đỗ. Sau ông chiêm bao thấy thần bảo rằng: Ba đời nhà anh nuôi mèo, mèo không làm hại chuột, vì thế chuột đã báo ơn.

Xét rằng ở đời không có sự oán thù nào là không có sự trả lại, không có ân-đức nào là không có sự báo đáp. Cái đức của người ta còn cảm cả đến giống vật, mà giống vật còn biết báo ơn. Sự cảm ứng giữa trời và người, ví như người cầm dùi đánh trống rất mau lẹ. Người xưa cứu vớt lũ kiến, được đỗ Trạng-Nguyên, chôn lấp con rắn được hưởng vinh hoa Tể-Tướng (hai câu này trích ở trong sách Âm-chất) quả báo ngay ở đời mình. Thế nên người học trò phải có lòng bác ái, làm điều nhân, đối với người cũng như đối với vật, đừng cho loài vật nhỏ mọn mà coi thường.

Phàm người dự được vào hàng khoa-mục, đều là người có đức, tất được báo đền, thực không sai vậy.

探 花

THÁM - HOA Khuyết danh
(được đỗ nhờ chữ mép)

Ngày hôm Đình thí, ông vào thi, quan trường ra văn sách hỏi về việc thuế chè và thuế muối, trong bài của ông có câu rằng :

茶稅征矣而茶婆之面青青
鹽稅摧矣而鹽翁之頭白白

Phiên âm

Trà thuế chinh hĩ, nhi trà-bà chi diện thanh thanh.
Diêm thuế sác hĩ, nhi diêm-ông chi đầu bạch bạch.

Dịch nghĩa

Nhà nước thu thuế chè, thì bà chủ chè lo mặt tái xanh mét, đánh thuế muối, thì ông chủ muối lo nghĩ đầu bạc trắng.

Quan trường khen ngợi, lấy ông đỗ. Sau đó, quan trường không biết câu đó xuất xứ ở sách nào, có ý hỏi. Có người bảo ông, ông nói : « câu đó ở mồm tôi, chứ ở sách nào nữa ?» Đến lúc quan trường biết, thì ông đã về vinh quy. Trót lấy đỗ rồi, không làm thế nào được nữa.

Khoa danh phận mệnh, thực do ở trời, không thể lấy nhân lực mà tranh đoạt được thiên cơ. Văn chương chỉ cần phải nghĩa, chứ

không cần gì phải lập dị, Quí ở cho toàn vẹn, chứ không quí ở chỗ khéo. Phàm chữ mép thô bỉ thiếu sự trang nhã, thiếu vẻ linh động, đều không thể dùng được, mới mong có sự thành đạt lớn lao về khoa danh.

阮自彊

NGUYỄN - TỰ - CƯỜNG.

Người làng Xuân-Lôi. Trong làng có một phú ông, có hai người con gái, ông lấy người chị, còn viên giám-sinh người làng lấy người em. Ông là người dốt nát không có học. Một hôm viên giám-sinh đi tế đám ma. Nhà đám biếu viên giám-sinh bánh dầy, cỗ bàn các thứ vân vân. Viên giám-sinh mời vợ chồng ông lại ăn. Vợ ông nghĩ xấu hổ, chưa dám đến, vì vợ ông là người biết liêm, sỉ, và có chí, khí. Ông đã đến trước, không đợi sắp sửa cỗ bàn, đã ngồi ở sân cầm ngay chiếc bánh mật ăn. Khi vợ ông đến ông vừa ăn vừa nói: « bánh ngon quá! ngon quá! tao ăn thử một miếng » Vợ thấy dáng điệu như thế, hổ thẹn, nghe ông nói lại càng đau lòng. Xấu hổ quá, về luôn ngay, không ăn uống gì cả. Khi ông về đến nhà vợ ông bảo rằng: ông nhạc có hai anh rể, thì một ông, một thằng, khác nhau một trời một vực. Người có chút hiểu biết, cũng đã xấu hổ. Vả lại người ta mời, mình đến phải đợi người ta sắp sửa cỗ bàn tử tế, rồi sẽ cùng ăn, có đáng ăn thì ăn, còn không đáng ăn thì cỗ bàn to mấy cũng không thèm ăn mấy phải. Nay ông ngồi cắn bánh ăn ở sân, đã không biết liêm sỉ, lại còn gọi vợ đến ăn, ao không biết nghĩ: người ta cũng là người, mình cũng là người, sao người ta có xôi có bánh, có cỗ bàn biếu như thế, để mời vợ chồng mình đến cho ăn. Sao lại có con người vô liêm sỉ quá như thế. Cha mẹ tôi gả bán cho ông cũng tưởng rằng hy vọng cái phúc ấm nhà ông, để trông cậy về sau! Nay ông bêu nhục như thế tôi còn

hy vọng nổi gì. Ông nói: «mày muốn tao bằng viên giám-sinh thôi ư!. Tao nói cho mà biết, tao không làm thì thôi; chứ nếu tao đã làm thì còn bằng mấy giám-sinh ấy! bà bỉ ông là nói khoác. Ông lại nói: «mày cứ thử để tao đi học, xem tao có nói khoác không rồi mày sẽ biết.» Vợ ông nghe nói, mới nguôi lòng, tự nghĩ rằng: ông đã lớn tuổi, dù có học chăng nữa, cũng khó lòng mà thành thân được. Nhưng ông đã muốn học, bà cũng bằng lòng, dù chẳng hy vọng gì thành đạt, nhưng biết chữ nào hay chữ nấy. Chẳng gì cũng viết nổi ba chữ ký, còn hơn dốt đặc cán mai. Bà liền bảo ông rằng: quả thực ông muốn đi học không. Hay là nói dỡn; ông nói: Tao không nói dỡn đâu; mày cứ đi tìm thầy đi, để tao đi học.

Hồi đó ông đã 30 tuổi, bà nghĩ rằng, nếu rước thầy về nhà vỡ lòng cho ông, sợ ông xấu hổ, không chịu học. Bấy giờ trong quận ông, có một vị đại-khoa mở trường dạy học, bà liền đến thập thò ở cửa, ba ngày không dám vào. Người nhà thấy thế vội vào bẩm với ông thầy rằng: «hai ba hôm nay, có một người đàn bà đứng chực ở đây, không biết có ý tứ gì.» Ông thầy sai gọi vào hỏi. Bà liền sửa soạn lễ vật vào bái yết, bày tỏ lai lịch, xin cho chồng đến học.» Ông thầy hỏi năm nay anh bao nhiêu tuổi. Bà nói năm nay nhà con đã 30 tuổi. Ông thầy cười nói: Chết nổi! đâu lại có người 30 tuổi mới đi học vỡ lòng. Tôi không tiếc dạy, nhưng khó lòng học kịp lắm. Ông thầy cố từ chối, nhưng bà năn nỉ nói: con cũng biết là chồng con lớn tuổi rồi, học hành cũng khó. Nhưng xin thầy hãy dủ lòng thương đến cái nông nỗi của con, mà dạy cho, học biết được ba chữ ký, còn hơn là ngu dốt không biết gì. Ông thầy thấy bà nói vậy, không còn cách gì từ chối, buộc lòng phải nhận lời. Bà liền hỏi ông thầy về lễ vật khai tâm, phải sắm sửa những gì? Ông thầy ý muốn từ chối, liền nói: «Phải có trầu cau, rượu gạo, và một con trâu». Ý ông muốn nói khó để bà thôi đi, nhưng bà cũng xin vâng và nói: «chồng con lớn tuổi chưa đi học, không tiện ở trọ, xin thầy cho ở đây, hàng ngày hầu hạ thầy để tiện học hành, con xin tiếp tục vận lương đến»

Thầy gượng bằng lòng.

Bà liền về bảo với ông rằng : Tôi đã tìm được thầy học rồi Thầy dặn lễ khai tâm như thế. Nhà mình ít cày cấy, sang nhờ bên ngoại cũng đủ. Nhà có con trâu, nên đem làm lễ khai tâm, ông nói : «Tùy mày thu xếp, miễn là được việc, tao đã đi học, việc nhà mặc mày lo liệu».

Đến ngày nhập học, vợ và người nhà dắt trâu gánh lễ, theo đúng lời thầy dặn, không thiếu thứ gì. Ông tắm gội, rồi đến trường làm lễ khai tâm. Khi đến nơi, ông thầy lấy làm lạ, nhưng biết là lòng thành mộ đạo, liền sai người nhà giết trâu làm lễ trời đất, thần kỳ, tiên thánh, tiên sư, tứ phối, thập triết, thất thập nhị hiền, tam thiên đệ tử, tiền nho, hậu nho, Nam-quốc Sĩ-Vương. Ngày làm lễ, trời đương tạnh nắng bỗng nhiên mây đen phủ kín ; làm lễ xong thì lại tạnh nắng như cũ. Ông thầy biết là lòng thành cảm thấu đến trời. Có lẽ cái triệu chứng đó, sẽ ứng vào khoa danh sau này chăng ? Lễ xong bà vào lạy tạ, rồi từ biệt ra về, ông ở luôn tại nhà thầy để học tập.

Ai cũng cho là câu chuyện lạ, kẻ thì cười, người thì chê là ngu xuẩn, bà giả làm thinh như không biết.

Ông là người rất tối dạ, học sách luận ngữ ba ngày không thuộc một bài; nhưng người lớn tiếng to, ai trông thấy cũng phải buồn cười. Cách mấy ngày sau, bà vợ mang lương đến, và đem lễ vật vào tạ. Ông thầy bảo : « Chồng chị dốt lắm ; không thể học được, không phải tôi tiếc công đâu. Thôi đưa nhau về, cày cấy làm ăn. Sau này con cái lớn, cho chúng đi học. Vợ chồng nhà chị đã có tâm địa như thế, con cháu về sau thế nào cũng khá được». Bà lại hai ba lần lạy tạ, cố xin thầy hết lòng thương cho, may ra biết được một hai chữ thì thật may lắm. Nhưng ông thầy khăng khăng một mực từ chối.

Biết rằng không thể nào kêu nài được nữa; cực chẳng đã, hai vợ chồng phải cùng nhau về. Bà vừa đi vừa khóc, trông rất thảm thiết. Lúc về đến giữa đường, qua một rặng núi, chân núi có một suối nước. Hai ông bà ngồi nghỉ ở bờ suối, trông thấy cái cột đá ở dưới cầu, nước chảy đá mòn dần, bà liền bảo ông rằng : dẫn nào bằng đá, mềm nào như nước, thế nào nước chảy mãi đá cũng phải mòn. Huống chi con người, ngu dốt đến đâu, học mãi cũng phải biết. Ta cứ trở lại, tôi cố năn nỉ với thầy một lần nữa, may mở mang trí khôn ra được, thì cũng không uổng phí cái công lao này. Nói rồi, vợ chồng cùng nhau trở lại, lậy tạ trước mặt thầy. Thầy nói : «Tôi đã bảo thế, sao còn đem nhau lại đây ». Bà liền lạy tạ rằng : trăm lạy Tôn-sư, nghĩ lại thương đến vợ chồng con hết lòng dạy bảo một lần nữa, may ra lòng trời thương lại, mở mang sáng sủa được phần nào, thì là vạn phúc. Nếu bằng vẫn cứ tối tăn dốt nát như trước, không mở trí được, thì chúng con không dám cố xin nữa. Vì mới đây, chúng con đi qua cái suối thấy nước chảy mà đá phải mòn. Chúng con trộm nghĩ dẫn như đá mà nước chảy còn mòn được, huống chi con người ta đâu có phải như đá. Ngày đêm ngẫm nghĩa, gần thầy gần bạn, Vàng mài ngọc dủa, ắt có ngày sáng được. Xin thày cố thương đến chúng con, lại cho vào học, may ra biết được một hai chữ thật là vạn phúc cho vợ chồng con. Ông thầy nghe nói thương tình, không nỡ từ chối, liền bảo bà rằng : chồng chị dốt lắm, không phải ta có ý tiếc đâu? bây giờ ta ra cho một câu đối, nếu đối được thì ta dạy, bằng không thì thôi. Nhân tên làng của ông thầy là làng Hạ-Vũ và gặp lúc đang mưa nhỏ, thầy liền ra cho một câu đối rằng :

Làng Hạ-Vũ mưa bay phất phất;

Ông ứng khẩu đối luôn rằng :

Đất Xuân-Lôi sấm động ù ù.

Ông thầy liền cả kinh mà rằng : coi câu đối này của anh, thì cái khí tượng đại - khoa đã biểu lộ. Thực là ít có, thế nào cũng thành đạt được. Như thế, thì dù không muốn học, tôi cũng khuyên cho đi học. Rồi thầy lại cho vào học, vì khi hai ông bà về đến cái suối ở bên rặng núi, ở đó ban đêm người ta vẫn nghe có tiếng thần - đồng đọc sách, lúc ngồi nghỉ chân, thì thần-đồng nhập vào ông. Từ đó trở đi, ông học rất tấn-tới, ngày qua tháng lại, sức học gấp trăm gấp nghìn lần người khác, văn chương lừng lẫy, có thể lấy cái bảng Tiến-Sĩ dễ dàng như người thò vào túi lấy của vậy.

Xem thế thì lúc còn nhỏ đã đi học, lớn lên thì đỗ, chuyện có gì là lạ. Nhưng cây ông tuổi đã lớn đến 30 tuổi, mới học vỡ lòng, mà cũng thành đạt được, thật là ít có. Mới hay « hữu chí cánh thành » Khoa bảng công danh, trời kia đã định, sớm muộn có lo gì. Một người như ông, thực không phụ cái công lao dạy dỗ của sư phụ; và tấm lòng thành của người vợ hiền, để được lưu danh trong ngàn muôn thuở.

Trong triều nhà Lê có ba người tên là:

1) Ông Nguyễn-Tự-Cường, người ở làng Tam-Sơn, huyện Đông-Ngạn, đỗ Hoàng-Giáp, khoa (niên hiệu Hồng-Thuận thứ 6 triều vua Tương-Dực-Đế nhà Lê).

2) Ông Nguyễn-Tự-Cường, người Lan-Mạc, thuộc An-Lạc, 46 tuổi, đỗ Hoàng-Giáp khoa Giáp-Tuất (niên-hiệu Sùng-Khang thứ 7 triều nhà Mạc).

3) Ông Nguyễn-Tự-Cường người làng Xuân-Lôi.

進 士

TIẾN - SĨ (khuyết danh)

Trong làng ông có một có một cái gò đất thường có tiếng Thần-đồng đọc sách đã ứng vào ông rồi. Nên ông bẩm tính thông minh, nghe một biết mười, biết việc đã qua, hiểu việc sắp đến. Học theo các bậc thánh hiền, lấy bảng tiến-sĩ dễ như trở bàn tay. Sau khi ông sinh, người ta không thấy tiếng thần đồng học nữa. Khi ông mất rồi người ta lại nghe tiếng đọc sách ở cái gò ấy. Sự tích của ông chưa khảo sát được, đây chỉ là ghi chép sự thi đỗ của ông, để truyền về sau.

TimSachCom.Vn

七代進士

BẢY ĐỜI TIẾN - SĨ

Xưa kia, Tả-Ao Tiên-Sinh xem đất ở các nơi, thấy có một ngôi đất phát 7 đời Tiến-Sĩ. Khi đi lên đường, gặp một người thợ cày, ông bảo rằng : « Tôi có một ngôi đất phát 7 đời áo đỏ, anh có chịu táng ngôi đất đó không? » Anh thợ cày nói : «chỉ một củ nâu (Vủ-dư-lương) là áo đỏ cả nhà.» Vì Tả-Ao Tiên-Sinh thường hay ăn mặc quê kệch, không lộ hình tích, để thử người ta, xem có thành tâm không; Người thợ cày không biết, khinh ông là nói láo để kiếm tiền, nên nói câu đó để diễu ông. Tiên-Sinh nghe nói làm thinh đi thẳng. Đứng gần đấy cũng có một người thợ cày khác, thấy Tiên-Sinh nói chuyện với người kia như thế vội đuổi theo gọi, Tiên-Sinh không quay lại, tưởng là người thợ cày trước. Người thợ cày đó cứ đuổi theo mời; Tiên-Sinh lại, táng cho ngôi đất ấy tự một đời đến bảy đời, khoa bảng

liên tiếp, cha con ông cháu, đều đỗ Tiến-Sĩ. Ôi tốt lắm thay; đức thịnh công to, ơn dày phúc lớn; hiếu nghĩa tương truyền, trâm anh nối tiếp, phát phúc ở ngôi đất này.

Tiên-Sinh lại chu du ở Giang-Bắc, thấy một nơi có ngôi đất phát Tiến-Sĩ, Tiên-Sinh bèn nằm ở bên cầu, hễ gặp ai qua lại, Tiên-Sinh đều xin tảng giúp, mọi người cho là nói láo; không thèm trả lời. Tiên-Sinh liền đặt tên cho cái cầu đó là « Vô-sự-kiều ». Tiên-sinh muốn thuận theo ý trời: không bao giờ làm việc cưỡng ép, nên mới ăn mặc xuềnh xoàng, để cho người ta không biết mình mà coi khinh. Đất đại khoa khó như thế, hễ ai có đức thì được, ít đức thì dẫu gặp thầy giỏi cũng bỏ qua. Xem thế thì những ngôi đất to đã có thần coi và có trời cho. Dẫu là người nông phu hèn hạ, nhưng có đức thì tất được báo, được hết đời này, đời khác, nối tiếp lâu dài.

TimSach.Com.Vn

進士

TIẾN - SĨ (Khuyết danh)

Ông làm quan thanh liêm, không nhận hối lộ. Phu nhân của ông sinh ra được hai người con, từ trước đến nay, vì ông thanh liêm chính trực, nên gia-đình thanh đạm. Phu-nhân vẫn vui lòng cam chịu mọi cảnh thiếu thốn; không dám cầu xin ông lấy một mảy may. Một hôm, có một người mắc phải vụ án-mạng, y biết tội thế nào cũng bị tử hình, bèn nhờ người đến nói với Phu-Nhân, để xin hộ với ông cho, và sẽ hậu tạ. Phu-Nhân liền thừa dịp nói với ông rằng : « ông làm quan thanh-liêm, bổng lộc không đủ nuôi mẹ con tôi, đến nỗi phải đói rét. Nay có người mắc phải vụ án, nhờ cậy tôi nói với ông, xin ông rộng bút tha cho, để cho mẹ con tôi được nhờ đôi chút. Ông giả cách bằng lòng. Phu - nhân mừng lắm. Đến đêm khuya yên vắng, Ông sai vú em vào gọi ha.

con dậy và gọi cả Phu-nhân đến. Ông sai trói hai con vào cái cột ở công đường. Phu-Nhân không hiểu ra sao mà ông làm như vậy ? ông sai người hầu mài một thanh kiếm rất sắc, đưa cho Phu-nhân và nói: mày đem thanh kiếm này chém hai đứa con kia đi, rồi ngày mai ta sẽ tha cho kẻ can phạm vụ án đó, để cho mày nhờ được ấm no. Phu-nhân lấy làm xấu hổ, tạ lỗi mà lui ra, rốt cuộc ông xét xử vụ án đó một cách rất công bằng.

Than ôi ! lợi là loài sâu đục khoét tâm hồn người ta. Cái lợi phi nghĩa, người ta ai cũng biết, thế mà lại còn phạm vào, là vì mình còn bụng lo lắng cho vợ con khỏi đói rét. Chứ có biết đâu cái của phi nghĩa, tuy rằng tạm thời được no ấm ở trước mắt thật đấy, nhưng rồi đây quỷ thần sẽ quở trách, trời đất sẽ chán ghét. Thật là để sự đói rét cho thân mình về sau ! Đại phàm cái của bất nghĩa đều là như thế. Người xưa đã nói: ở trên đời, nếu không có phương-tiện làm việc nghĩa, thì đừng tham lợi làm điều bất nghĩa. Vậy cái việc của ông đây, ta cũng nên nhớ lấy để làm gương cho mình.

進士

TIẾN-SĨ (Khuyết danh)

Ông đỗ Tiến-Sĩ, làm quan đến chức Tham-Tụng. Từ trước đến nay, ông vốn thanh-liêm, chính trực. Tuy rằng gia-đình thanh bạch, nhưng ông vẫn coi như không. Ông có bà mẹ già, số lương bổng của ông chỉ đủ cung dưỡng ăn mặc thường thôi. Một hôm, bà cụ ở quê đến thăm, lúc ấy ông đương ở trong triều. Bà cụ coi hết đằng trước, đằng sau trong nhà, chỗ nào cũng thấy trống rỗng. Duy thấy ở công-đường, có một cái rương nát trong có 5 quan tiền. Ông ở trong triều, được tin mẹ đến chơi, liền cáo ra về. Khi về đến nhà, bà cụ bảo ông rằng : « Trước kia, mẹ khó nhọc nuôi con học hành, mong con thành đạt, để nương tựa lúc tuổi

già. Nay con làm quan đến chức Tham - Tụng, có danh vọng ở triều mà không có chút bổng lộc gì, thì mẹ già còn trông cậy vào đâu?» Ông cười và thưa rằng: «Thường ngày mẹ dạy con học hành để mong chiếm được khoa danh, chứ chưa bao giờ dạy con đi kiếm lợi Nay mẹ lại muốn sai con cầu lợi, thì có khó gì? rõi đây mẹ sẽ thấy.»

Bấy giờ các trấn phía Bắc làng Tây - Mỗ có người, cha con kế tiếp giầu có, vàng bạc đầy nhà ông đã biết. Sáng hôm sau, ông vào Triều, giả bộ nói bẩn tin ở ngoài cổng rằng: « Tôi không hiểu tại sao các phiên thần vì công lao gì mà được cha truyền con nối như thế, ta phải tâu lên Hoàng-Đế, xin điều chỉnh việc đó.» Thời đó ông được chúa yêu mến tin cậy: nói sao nghe vậy. Ông đe dọa các phiên thần, thực ra, ông chẳng có tâu trình gì cả.

Khi tan triều, ông về nhà, đã thấy các phiên thần đang khuân các hòm bạc đi vào lối cửa sau, rộn ràng tấp nập. Ông liền nói với bà cụ rằng: « Nay mẹ dạy con cầu lợi, con chỉ nói một một tiếng là bạc đã trắng xóa mặt đất? Xem vậy thì cầu lợi, có khó gì đâu.» Bà cụ bằng lòng lắm.

Rồi ông bảo với các Phiên-thần rằng: số bạc của các bác, xấu tốt không đều, lẫn lộn khó phân biệt được. Các bác nên đem về, của ai đề tên người ấy vào, nhiên hậu tôi mới nhận. Các Phiên-thần vâng mệnh. Ai nấy đề tên vào, rồi lại đem đến nộp. Ông xếp cả vào một chỗ, chẳng thèm tiêu dùng tới mảy may.

Bà cụ ở lại chơi hơn một tháng, rồi về quê. Ông lĩnh số tiền lương trong kho được vài trăm quan, đưa tiễn mẹ.

Chúa vốn biết ông là người thanh, cần, kiệm, ước, nên vẫn thường cấp đỡ cho ông luôn.

Sau khi bà cụ về quê, ông đem số bạc của các phiên-thần đưa

trước, của ai trả lại người nấy.

Ôi! ông làm quan đến chức Tể-tướng, mà vẫn cam chịu cái cảnh nghèo nàn, thủ tiết được như thế, thực mới đáng phục là bậc sư-biểu của bá quan. Nghe thấy tác phong của ông, những con người gian ngoan cũng phải trở nên liêm khiết được phần nào. Đức Khổng-Tử nói: « Người quân-tử cố giữ trong lúc khốn quẫn. Cam chịu, chứ không dám làm xằng, còn kẻ tiểu-nhân, gặp phải cùng khốn, thị làm chuyện bậy bạ ngay.

Quân-tử cố cùng, tiểu-nhân cùng tư lạm hĩ.

君子固窮, 小人窮思濫矣.

Đành rằng: người quân-tử cũng tiếc của thực, nhưng chỉ giữ theo lẽ phải, không vì lợi mà động tâm. Tức như ông Tiến-Sĩ trên đây, lưu lại cái bồng lộc không dùng hết, để trả cho Triều-đình, để phúc đức dồi dào lại cho con cháu về sau.

TimSachCom.Vn

進士

TIẾN - SĨ

Ông đỗ Tiến-Sĩ, tính người chính trực, thường làm trái ý nhà vua, nên phải thải hồi, về ở nhà riêng. Hoàng-Thượng phái một viên Sứ-thần đến thu hồi các giấy tờ ân-điển và sắc Tiến-Sĩ xuất thân của ông. Ông nói: phàm các ân-điển của Thánh-Thượng đã ban cho tôi, nếu muốn thu hồi thì được. Còn như Tiến-Sĩ xuất thân, là do học lực của tôi làm ra, không phải của Thánh-Thượng ban cho, thì xin miễn thu hồi. Ông không chịu giao nộp, Sứ-thần về tâu, nhà vua cũng thôi.

Thực ra Tiến-Sĩ xuất thân; là do nhà vua mở khoa thi tuyển-

dụng học trò, chả là ân-điển của nhà vua là gì? Chẳng qua Thánh-Thượng độ lượng khoan hồng, để bảo tồn danh dự cho ông đó thôi.

進士遂

TIẾN - SĨ TOẠI

Trước kia, Lê-triều Hoàng-đế bị Trịnh-Vương bức bách, nhiều lần toan cướp ngôi, nhưng chỉ sợ có ông là người trung-nghĩa, mà còn do dự không dám. Một hôm bá quan đã sửa soạn loan giá, và hẹn ngày mai lên điện bức bách hoàng-gia. Các triều thần không ai dám can. Riêng ông bước ra tâu rằng:« vương-gia muốn như thế, nhưng thiên-hạ không bằng lòng». Trịnh-vương nổi giận nói : « Thiên - hạ người nào không bằng lòng?» Ông nói:« Thiên-hạ là tôi.» Trịnh-Vương sai giam lại, và cho biết, bao giờ xong việc lên ngôi sẽ xử quyết. Đêm hôm ấy bầu trời sáng sủa, trăng sao vằng vặc, tự nhiên có một đám mây đen, một tiếng sét đánh tan tành tất cả xe giá ở trong phủ. Trịnh-Vương sợ hãi, liền tha ông ra và ý định đó cũng thôi. Mũ áo triều trên điện vua; dưới phủ chúa, đều chế theo kiểu riêng. Một hôm, bá quan đương triều kiến ở trên điện vua, Trịnh-Vương ra lệnh bãi triều, rồi cứ mặc nguyên triều-phục ở điện vua về phủ. Vì muốn mượn cớ mặc triều-phục ở điện vào chầu phủ chúa. Làm bỡn hóa thực, để thành mưu kế cướp ngôi. Bấy giờ có ông Tiến-Sĩ là Tào-Quốc-Sư bảo với Trịnh Vương rằng:« Nếu vương-gia muốn xem kiểu mẫu áo triều; thì bá quan cởi áo triều gói vào đưa cho Vương-gia coi và chỉ lấy mũ áo vẫn triều phủ khi trước mà vào phủ chúa». Viên quan phụng mệnh về tâu, Chúa biết kế đó không thực hành được, liền thôi. Than ôi; Những người khí mạnh như muôn quân, lại thường phải theo nghi lễ. Những kẻ tài sức hơn đời, còn phải nghe lời nói phải; Kìa như họ Trịnh lấn hiếp, Lê-Hoàng, chỉ như giải mũ thừa, sở dĩ không thỏa lòng ham muốn có phải là lực không đủ đâu. Thực là vì danh phận vua tôi, mà không dám phạm, lòng người không thể uy hiếp được;

tuy rằng gần kề long-đình, mà không dám chạm đến. Vì bằng các đình-thần ai cũng im hơi nín tiếng, thì lên ngôi vua có khó gì. Nhờ có hai ông chẹn họng, làm cho muốn nuốt cũng không trôi. Những lời bất bình của thiên hạ tức cũng như Di, Tề, nắm cương ngựa lại để can; lời đề nghị cởi áo gối lại, tức cũng như việc đức Phu-Tử tiếc giải mũ. Nhà Lê sắp mất, mà còn được dai dẳng mãi, cũng là do hai ông làm rường cột cho quốc gia. Khoa mục kén được người thật làm vẻ vang cho nước; chống một cây giữa lúc tòa nhà lớn sắp đổ; chôn vững cột đá, ở giữa dòng nước cuồn cuộn chảy. Tấm gương của hai ông muôn đời chói lọi.

韶貴靈

THIỀU - QUÍ - LINH

Người làng Doãn-Xá, huyện Đông-Sơn, năm 27 tuổi đỗ Hoàng Giáp, khoa Ất-Sửu (niên-hiệu Đoan-Khánh, Triều vua Uy-Mục-Đế, nhà Tiền-Lê) phụng mạng đi sứ Trung-quốc, khi ông trở về, Nguỵ-Mạc đã chiếm đoạt ngôi nhà Lê rồi, ông chửi mắng thậm tệ, ra về đến cầu Long-Nhĩ, đâm đầu xuống sông chết.

Khẳng khái biết bao lời chửi đó, cái chết đó. Chửi là phải, chết là đáng lắm. Nghĩa lớn vua tôi, muôn đời còn mãi; tấm thân tiết nghĩa gương đáng ngàn thu; nếu không có con người đó, thì ta biết theo cùng ai. Hỡi người có quyền quốc-gia, khi viếng thăm cầu Long-Nhĩ, nên nêu cao tấm gương này. Những bậc tấn-thân, nên coi đó làm một tấm gương sáng của ngàn thu vậy

黎俊茂

LÊ - TUẤN - MẬU

Người làng Xuân-Phú, huyện Yên-Phong, đỗ Hoàng-Giáp khoa

Canh-Tuất, niên hiệu Hồng-Đức. Khi Ngụy-Mạc cướp ngôi, ông miễn cưỡng vào chầu, và dấu một hòn đá trong áo để ném kẻ thù, nhưng không trúng, ông liền tự sát, sau được phong là phúc-thần.

Viên đá này là rường cột của trời đất đó? Phải chăng là phiến đá ở núi Thủ-Dương? Sau khi nhà Lê Trung-Hưng, tiếc rằng không có ai tìm được viên đá đó, đem bày trong triều-đường, để biểu dương cái tinh thần của một người bày tôi trung nghĩa. Thực là một cái chết oanh liệt oai hùng, tiếng thơm còn mnôn thuở, cùng với giang sơn vậy.

武睿

VÕ DUỆ

Người làng Trình-Xá, huyện Sơn-Vi, thuộc tỉnh Sơn-Tây, năm 23 tuổi, đỗ Trạng-Nguyên, khoa Canh-tuất, niên-hiệu Hồng-Đức. Khi Ngụy-Mạc tiếm ngôi, ông theo xe loan của vua Quang-Thiệu Hoàng-Đế chạy về đến Thanh-Hóa, ông uống thuốc độc chết. Sau nhà Lê-Trung-Hưng, ông được phong là phúc-thần, khói hương thờ phụng, mãi đến ngày nay.

Người ta ai là không chết. Ông chết một cách trung quân ái quốc, thì dù có chết đi, cũng vẫn như còn sống. Nắm xương có thể vùi lấp được, chứ cái danh của ông thì không thể chôn vùi được; Nắm xương kia có thể mục nát, chứ cái danh của ông thì không bao giờ mục nát được. Ông thực không thẹn là một người trong làng khoa mục.

Trước kia, ông tên là Nghĩa-Chi. Vua Thánh-Tôn thấy ông là người thông minh, liền đổi tên ông là Duệ, và Vua thường nói:«Ngày sau quốc gia có việc, tất người này phải đảm đang».

吳 煥

NGÔ HOÁN

Người làng Thượng-Đáp, huyện Thanh-Lâm, đỗ Bảng-nhãn, năm 31 tuổi, niên-hiệu Hồng-Đức, theo vua Quan-Thiệu Hoàng-Đế, sang Ai-Lao mộ binh, việc không thành, liền thắt cổ chết. Ông chết về việc nghĩa, nên được phong là Phúc-thần.

Ông Nguyễn-Hữu-Nghiêm người làng Phúc-Khê, Đông-Ngạn, đỗ Thám-Hoa khoa Mậu-thìn (niên-hiệu Đoan-Khánh). Sau vua Quang-Thiệu-Hoàng-Đế phải chạy, ông nhận mật chiếu, cùng với ông Đàm-Thận-Huy khởi binh phục quốc, bị quân của Nguy-Mạc đánh bại và bị giết, sau được phong là Phúc-thần.

Ông Trần-Bảo-Tín người làng Khải-Mông, huyện Nghi-Xuân, đỗ Bảng-Nhãn, niên-hiệu Hồng-Thuận. Sau Nguy-Mạc tiếm ngôi, ông bỏ quan về ẩn ở núi Cù-Sơn, không làm quan, sau khi mất, được phong làm Phúc-thần.

Ông Đỗ-Nhân (sau đổi tên Nhạc) người ở Lại-ốc, thuộc Tế-Giang, năm 20 tuổi, đỗ Hoàng-Giáp khoa Quý-Sửu (niên-hiệu Hồng-Đức); ông bền lòng thủ tiết, bị quân Nguy-Mạc giết chết, sau được phong là Phúc-thần.

Ngoài ra các bậc tử-tiết cũng đã chép đủ cả trong Đăng-Khoa Lục. Bầy tôi thờ vua, như con thờ cha, suốt xưa nay không hề thay đổi, dẫu rằng sấm sét phong ba, cũng phải một lòng sắt đá mới là phải đạo. Người ta, ai chẳng chết, nhưng các ông đây chết về việc nước, thì dù có chết cũng như còn sống. Thực xứng đáng là những người trong khoa bảng.

Trần-Bảo-Tín 29 tuổi, đỗ Bảng-Nhãn khoa Tân-Mùi, niên-hiệu

Hồng.Thuận thứ 3, triều vua Tương-Dực Đế nhà Lê, cũng là một người tiết nghĩa.

探 花

THÁM - HOA (Khuyết danh)

Thân-phụ ông trước kia đỗ Tiến-Sĩ, mà ông đỗ Thám-Hoa. Một nhà cha con, nối dõi khoa bảng, đời thật ít có. Ông làm quan đến chức Hữu-thị-Lang, bổng lộc rất hậu. Cái nghĩa vua tôi không thể quên được, sau ông lại theo Ngụy-Mạc, văn làm tới Thượng-Thư, võ làm đến Quận-Công, quan chức to, thân hiển đạt mong ơn trí-sĩ. Thân phụ ông trước kia về hưu, nay ông cũng được trí sĩ, nên trong cờ biển có đề :

累世登科天下有
一門致仕世間無

Phiên âm

Lũy thế đăng khoa thiên-hạ hữu,
Nhất môn trí sĩ thế-gian vô.

Dịch nghĩa

Kế tiếp đăng khoa, thiên-hạ có;
Một nhà trí sĩ, thế-gian không !

Viết câu này có nghĩa phô bày sự vinh-ngộ. Nhưng những người thức giã chê lắm.

Cái nghĩa vua tôi, gốc ở lòng người. Đọc sách thánh hiền ,thì

học những gì. Kìa như Văn-Sơn (hiệu của Văn-Thiên-Tường), là một Trạng-nguyên đời Tống, cũng là một nhà lũy thế đăng khoa mà khởi nghĩa Cần-vương. Ông thường nói: « ăn của người, phải lo việc người ». Quả nhiên sau này ông mở ánh sáng mặt trời ở Nam Minh, xây thi-tù ở Yên - Quán. Có nhà không thiết, làm vẻ vang cho nước. Quân giặc tặng ông chức Đại-Nguyên Thừa tướng, ông cũng không thèm. Lẽ nào ông lại không biết là giàu sang, ai ai cũng muốn. Nhưng vì nghĩa quân thần, khi tiết liêm sĩ, nên ông đối với cái giàu sang bất nghĩa, coi như cỏ rác. Còn như ông này bố Tiến-Sĩ, con Thám - Hoa, ơn vua lộc nước, không phải là ít, khi ở trong triều đáng lẽ phải giữ khí tiết, chết vì nghĩa, để trọn bổn phận làm tôi, mới là phải, mà cớ sao, khi nước bị người chiếm, đã không tử tiết được, và cũng không chạy ẩn lánh một nơi, lại còn đổi mặt thay lời, tham mồi phú quý, không biết xấu hổ, còn lấy cái việc một nhà trí-sĩ, phô trương vinh dự của mình. Sao không nghĩ rằng: nếu mọi người đều làm như mình cả, thì quốc-gia còn trông cậy vào ai? Cột rường một nước còn xây dựng vào đâu? Đăng khoa mà như thế, thì chả hóa ra làm điếm nhục cho khoa bảng lắm sao? Trí-sĩ mà như thế, thì chả hóa ra làm nhơ nhuốc cho danh giáo lắm sao? Một nhà mà như thế, thì chả bõ để cho thiên-hạ chê cười phỉ nhổ. Hạng người vô sỉ như thế, trong thế gian này, hẳn là không có mấy người. Có chăng chỉ có hạng người như Phùng-Đạo viết bài tự thuật « Trường-an Lão-tự » mới có hành-vi ti tiện như thế đó. Đọc « Đăng Khoa Lục » đến đây, tôi nhận thấy rằng: những người mưu toan để lập Ngụy-Mạc cũng có. Người thảo tờ chiếu truyền ngôi cho Ngụy-Mạc cũng có. Hạng người thay mặt đổi lòng ra làm quan với Ngụy-Mạc cũng có. Những hạng người đó không thể kể ra cho xiết. Riêng tôi có cái cảm tưởng rằng: quốc-gia « khai khoa thủ sĩ » mà kén chọn được những người ấy, thì cái đại nghĩa của trời đất, hẳn phải dần dần tiêu diệt. Đến những người tâm hồn mờ ám, còn biết hổ thẹn, nữa

là ông này lại dám cả gan khoa trương cái vinh dự không đáng kể, thì hẳn chỉ có một mình ông thôi, không còn ai nữa. Với tâm hồn ấy, với văn-chương ấy, ông đã muội-tâm, còn lấy làm vinh, để ghi chép vào trong « Đăng Khoa Lục ». ý chừng ông tự nghĩ rằng : mọi người đều không biết đến hành-vi mờ ám của ông, mà ham mộ ông chăng! Bởi các lẽ đó, tôi không thể không biện bạch vài lời, để lại cho đời sau răn sợ.

QUAN - VÕ

Người ở Sơn-Nam, Đồng thời với ông, có một ông Tiến-Sĩ, là người kém tiết tháo, mở trường dạy học. Người con ông không nói cho ông biết, đến học ông Tiến-Sĩ đó. Một hôm, ông có việc đi qua cửa trường, bắt gặp con ông đang học ở đấy. Ông liền đánh và chửi rằng: «người ta lập thân ở đời, cốt lấy Trung-Hiếu làm gốc, nay mày đi học ông ta, thì học cái gì ? » liền thôi không cho học nữa.

Học là học để làm người, tiến làm quan, đạt làm thầy. Cho nên phải tìm thầy hay mà học mới được ! Đức độ không có thực nào, cốt học lấy điều thiện, như ông quan Võ này thực đáng cho chúng ta bắt chước.

Có một khoa thi, đầu bài hỏi về« Hoàng Cực Trù» có một quyển đã được dự trúng. Lúc Ngự phê-bình quyển văn đó, thấy văn dùng nhiều chữ Cực quá, nhà Vua nói : «người này viết văn nhiều chữ cực khổ như thế, đâu phải khí nghiệp Tiến-Sĩ.» liền đánh hỏng.

Có một ông đi thi Hội, quan trường đã lấy đỗ. Đến khi đệ trình trước Ngự, Quan Trường bình giảng đoạn kim văn (luận chính sự), có câu «không thương kẻ góa bụa mồ côi » Nhà Vua nổi giận, nói : Trẫm đây có để thiệt hại gì đến những người góa bụa đâu; mà bài của y lại nói như vậy. Quyển đó liền bị đánh hỏng.

Có một hai quyển đã được dự trúng, mà rồi lại đánh hỏng.

Lại có một quyển bạch-tự, chữ viết thiếu nét; một quyển di-tự (bỏ sót chữ), quan trường không biết lấy hay bỏ, đem hai quyển ấy tâu lên Vua, Vua nói : Bạch-tự thì chữ còn lại; di-tự thì chữ mất đi, liền đánh hỏng quyển có chữ di tự, mà lấy đỗ quyển có bạch-tự.

Khi viết văn, dùng chữ «quan quả» là thường, dùng chữ «cực» mà được đỗ cũng nhiều; Viết mất chữ (di-Tự) mà được đỗ, không phải là ít. Thế mà ba quyển trên lại bị đánh hỏng, quyển Bạch-tự lại lấy đỗ, xem vậy đủ biết khoa danh thực có liên-hệ đến phúc đức và hạnh kiểm, như thế đó. Vậy muốn tấn bước thang mây, ta đừng nên cậy ở văn chương, mà còn phải nhờ ở âm chất một phần lớn và sự tu thân của mình nữa.

Tôi thường đọc « Đăng - Khoa Lục » được biết sự thịnh suy của vận trời, sự quý tiện của khí đất, mà nhân tài cũng do đó thay đổi khác nhau. Vào lúc nhà Tiền-Lê hưng-thịnh, văn vận phát triển lớn, nhân tài ra lũ lượt. Các bậc Tam-Khôi trong làng khoa-mục không phải là hiếm. Khi thế hồn hậu; tức là văn chương đời thá bình. Từ nhà Lê Trung-Hưng trở về sau, bậc đỗ Tam-Khôi rất hiếm, mà văn chương vụn vặt, kém vẻ hồn hậu, nhân tài dần dần không được bằng xưa. Những bài thi sách vấn trong kỳ thi Đình và thi Hội nhiều đến thành thiên thành tập, các ông cũng đã đọc kỹ. Tài-Bộ và kiến-thức hơn người lắm. Đến nay muốn tìm những bậc tài-bộ như thế đã hiếm lắm rồi. Đó có phải là văn vận càng xuống thấp mà ra thế chăng ? Lại nói về địa khí, thì như các huyện Đông - Ngạn, Thanh-Lâm, Thanh-Trì, Thanh-Oai, v.v.. những bậc khoa giáp chen vai thích cánh, kế tiếp, nối dõi, nhiều lắm. Mà miền Nam thì ít ỏi quá. Sự hơn kém đó, há chẳng phải là Địa khí xui nên đó sao ?

Tục truyền: (Sông Tô-Lịch ở Hà-Nội chảy vòng quanh Thanh-

Oai Thanh-Trì v.v... cứ mỗi khúc quẹo vào, thì ở đó lại thấy phát sinh anh tài).

進 士

TIẾN - SĨ (Khuyết-Danh)

Người làng Bột-Thượng. huyện Hoàng-Hóa, dòng dõi lệnh tộc đời nào cũng phát cả văn võ. Văn đến Tiến-Sĩ, Võ đến Quận-Công. Trở dậu, can thành, Công, Hầu, Bhanh, Tướng. Ông cháu cha con khoa danh kế tiếp, nên trong Từ-Đường có câu đối rằng :

Phiên - âm

Văn Tiến-Sĩ, võ Quận-Công, nhất môn tập khánh;
Quốc trung-thần, gia hiếu-tử, dịch thế lưu phương.

Dịch nghĩa

Võ, tước quận; văn, quan nghề; một nhà hợp phúc.
Nước, tôi trung; nhà, con hiếu; muôn thuở lừng danh.

(Dòng dõi nhà ông, khoa danh nối tiếp, con cháu hiền đạt, xưa nay ít có.)

進 士

TIẾN - SĨ

Ông lên 7 tuổi đã được học, nên hiểu biết ít nhiều về văn-chương. Bấy giờ có một người ra cho ông một câu đối « 四 目 Tứ mục » Ông ứng khẩu đối luôn rằng : « 三 川 tam xuyên » người đó, cũng cho là tầm thường, chứ chưa cho là cao kiến,

ông nói : «Không có câu đối nào hay hơn câu đó». Người đó hỏi : «Thế nào là không câu đối nào hay hơn câu đó, xin cho biết». Ông nói : chữ Tứ 四 nhìn ngang thành chữ mục 目, chữ tam 三 nhìn ngang thành chữ xuyên 川 Như thế chả tuyệt hay là gì. Người đó lấy làm lạ và nói «Hậu sinh khả úy 後生可畏 nghĩa là cũng đáng sợ người sinh sau thật» sau quả nhiên ông đỗ Tiến-sĩ.

Người ta lúc còn nhỏ, khi đi học, phải học chăm chỉ, khốn khổ mới hiểu biết. Tôi chưa nghe nói, có ai mới 7 tuổi mà ứng đối giỏi như thế ? Vào chạc tuổi đó mà đã thông minh như thế ? Đó có phải xưa, tôn hiền kính sĩ mà được báo đền đó chăng ?

DỊCH-ĐÌNH THỪA DƯƠNG-XA PHÚ

(bài phú cưỡi xe dê ở trong cung cấm)

Tiến-sĩ Nguyễn-Bá-Lân soạn

(Hai cha con ông sang đò ngang, khi thuyền đến bờ sông bên kia, là xong bài phú này. Tiểu sử và hành trạng của ông đã ghi chép ở trên).

掖庭乘羊車賦

進士阮伯璘著

(公渡江舟抵岸適賦印成事狀己寫在前)

魏狐迹斂.晉馬符徵.特地之虎文日炳.御天之龍位時乘.掖庭羊車,極人間之宴樂.大康風曆斯天保之升恆.時其鯨帖吳江.牛歸周野;外患清逐鹿之塵,内嬖重沉魚之價.姝宮粉黛,選中之如意五千.金屋妖嬌,貯裏之可人萬箇.帝於是,鍾情一物.適志兩輪,幽遂之肥饒得肆;送迎之輦駕,維羣.椒塗鹽次,蘭房米捲之紗醜隱約,檀轂扇行舐轢,恣行之轍迹繽紛,邂逅便爲寢處,風流勝似閒身,莫不:玩偈光陰.徘徊枕席.鷄鳴踈而燎光寒.龜淫送而巫夢窄.自適可南可北,燕閒思無限之春.寧知誰竹誰鹽,媒引付有情之客.孚八有自奉之繁花,曠千古無傳之禁掖.曾不思,女戎敗國.色陣傷生.六嬖只爲酖毒.三妃却重鷄鳴.與其嘲漢妃嬪,虎賁作黑蛇之鬼.孰若捐秦宮女,苗傳延赤

TimSach.Com.Vn

帝之精.觀成敗己昭於前轍.印宴遊
宜節於後庭,獨奈何,歡昵燕堂.方陳
鳩牖.封鯢之盛烈,僅成.樊雉之初心
己蠱.后議偏教礮寵,開三楊用事之
門,孫謀莫審燕貽,玩七馬過江之效.
但貪尤物以爲娛.雖蹈覆車而不顧,
坐見:色皆酒伐,志以情荒,騎龍子七
年莫逭,問蟆兒萬乘何當.九族閱墻,
棣蕚幾調於魚肉.五胡犯闕.宮車頻
折於犬羊.致牛胤潛移於晉祚,想羊
車堪笑於武皇.噫!小器易盈,成功難
處.況中才本乏.於有爲.即逸志易生
於無事.往者矯情牛紖,僅因承魏以
沽名,今焉荒色羊車,正是平吳而致
慮.弗收自己之放心,無奈及身之私
語.說到:銅駝荊棘.衣落氈裘.未嘗不
追笑武皇之失馭.

TmSach.Com.Vn

Phiên âm

DỊCH ĐÌNH THỪA DƯƠNG-XA PHÚ

(*Tiến-Sĩ Nguyễn-Bá-Lân trước.*)

Ngụy hồ tích liễm;

Tấn mã phù trưng.

Đặc địa chi hồ văn nhật bình;

Ngự thiên chi long vị thời thừa.

Dịch đình dương xa, cực nhân gian chi yến lạc;

Thái khang phượng lịch, kỳ thiên bảo chi thăng hằng.

— *Thời kỳ :*

Kình thiếp Ngô-giang;

Ngưu quy Chu-dã.

Ngoại hoạn thanh trục lộc chi trần;

Nội bế trọng trầm ngư chi giá.

Châu cung phấn đại, tuyền trung chi như ý ngũ thiên;

Kim ốc yêu kiều, trữ lý chi khả nhân vạn cá.

— *Đế ư thị :*

Chung tình nhất vật;

Thích chí lưỡng luân.

U súy chi phì nhiêu đắc tứ,

Tống nghinh chi liễn giả duy quần.

Tiêu đồ lân thử loan phòng, bán yểm chi sa song ẩn ước.

Đàn chế nhạn hàng đế bi, tư hành chi triệt tích tân phân.

Giải cấu tiện vi tầm xứ;

Phong lưu thằng tự nhàn thân.

— Mạc bất :

Ngoạn yết quang âm.

Bồi hồi trầm tịch.

Hạc minh sơ nhi liệu quang hàn.

Qui dâm sinh nhi vu mộng trich.

Tự thích khả nam, khả bắc, yến nhàn tư vô hạn chi xuân.

Ninh tri thùy trúc, thủy diêm; môi dẫn phó hữu tình chi khách.

Phu bát hữu tự phụng chi phồn hoa,

Khoáng thiên cổ vô truyền chi cấm dịch,

— Tằng bất tư :

Nữ nhung bại quốc;

Sắc trận thương sinh,

Lục bế chỉ vi trầm độc;

Tam phi khước trọng kê minh !

Dữ kỳ hàm Hán phi tần, hồ bôn tác hắc xà chi quỷ.

Thục nhược quyên Tần cung nữ, miêu truyền diên xích đế chi tinh.

Quan thành bại dĩ chiêu ư tiền triệt.

Tức yến du nghi tiết ư hậu đình.

— Độc nại hà ;

Hoan nật yến đường

Phương trần cưu dũ.

Phong nghê chi thịnh liệt cận thành.

Phàn trĩ chi sơ tâm dĩ cô.

Hậu nghị thiên giao bác sủng, khai tam dương dụng sự chi môn.

Tôn mưu mạc thẩm yến di, ngoạn thất mã quá giang chi số.

Đãn tham vưu vật dĩ vi ngu.

Tuy đạo phúc xa nhi bất cố.

— *Tọa kiến :*

Sắc giai tửu phạt,

Chí dĩ tình hoang.

Kỵ long tử thất niên mạc quản.

Vấn mô nhi vạn thặng hà đang.

Cửu tộc huých tường, lệ ngạc cơ điểu ư ngư nhục.

Ngũ Hồ phạm khuyết, cung xa tấn chiết ư khuyển dương.

Trí ngưu dậng tiễm dĩ ư tấn tộ.

Tường dương xa khảm tiếu ư Võ-Hoàng.

— *Ý !*

Tiều khí dị doanh.

Thành công nan xử.

Huống trung tài bản phạp ư hữu vi.

Tức đật chí dị sinh ư vô sự.

Vãng giả kiều tình ngưu dẫn, cận nhân thừa Ngụy dĩ cô danh.

Kim yên hoang sắc dương xa, chính thị bình Ngô nhi trí lự.

Phất thu tự kỷ chí phóng tâm.

Vô nại cập thân chi tư ngữ.

Thuyết dáo :

Đông đà kinh cức.

Y lạc chiên cừu.

Vị thường bất truy tiếu Võ-Hoàng chi thất ngự.

Dịch nghĩa

Bài phú vua cưỡi xe dê ra ngự Dịch-đình

Do ông Tiến-Sĩ Nguyễn-Bá-Lân soạn.

(Sang qua đò làm xong bài phú này).

Ngụy hồ lần dấu.

Tăn mã đêm trưng.

Dậy đất hồ-văn thêm chói lọi.

Thay trời long vị thật tưng bừng.

Cung-cấm xe dê, hưởng thú nhân-gian khoái lạc.

Thái-Khang lịch phượng, mong ơn thiên-bảo thăng hằng.

Lúc đó:

Kình lặng Ngô-giang;

Trâu về Chu-dã.

Ngo loài quét sạch bụi săn hiêu.

Trong được đắm say duyên lặn cá.

Phấn son cung ngọc, kén hầu non vừa đủ năm ngàn.

Kiều diễm nhà vàng, chứa chất sẵn tình yêu muôn ả.

Thế rồi nhà vua

Chung tình một món,

Thích chí bội phần

Êm thắm thú phi nhiêu thỏa thích.

Đón đưa vui xa giá ân cần.

Vách tiêu vây dát, khép mở phòng loan, bóng song the thấp thoáng;

Bầy nhạn thành hàng, đọc ngang liễn giá, vết xe cộ rối lăn.

Giải cấu là nơi nghỉ mệt;

Phong lưu hơn cảnh nhàn thân.

Ai là chẳng:

Nhơ nhởn quang âm;

Bồi hồi chăn gối.

Hạc kêu thưa, lửa sáng lạnh dần;

Quy vui sướng, hồn mê sối nỗi.

Tùy ý sang nam, sang bắc, nhàn vui chỉ những mừng xuân;

Nào hay ai muối, ai tre, dìu dặt tình chung bao mối.

Riêng một mình hưởng thú phồn hoa;

Trải muôn thuở không cần thay đổi.

Từng chẳng nghĩ:

Gái kia nghiêng nước;

Sắc nọ hại mình.

Lục bế là nơi trầm độc;

Tam phi trọng việc kê-minh.

Nếu cứ say đắm Hán-phi, quân linh biến hắc-xà quỷ quái;

Sao bằng những quên Tần nữ, giống nòi thêm xích-dế tinh anh.

Coi thành bại rõ ràng trên vết cũ;

Bớt yến du diu dặt ở sân đình.

Vậy cớ sao :

Vui thú yến đường;

Phô bày cưu dũ.

Phong-nghê công lớn vừa xong;

Phàn-trì lòng kia đã nhú.

Hậu-Nghị luống thiên bác-sủng, gây tam-dương biến loạn một hồi;

Tôn-Mưu chẳng xét Yến-Di, cho thất-mã qua sông bao số.

Chỉ ham của quí làm vui;

Qua vết xe nghiêng chẳng ngó.

Ngồi trông : Tửu sắc đều hại; Tâm chí hoang toàng.

Cưỡi Long-Tử bảy năm khó trốn;

Hỏi Hà-mô muôn cỗ sao đang.

Chín họ tranh dành, thân thích coi hầu ngư-nhục;

Năm hồ cướp phá, xa tăn gầy bởi khuyển dương.

Đề Ngưu-dận ngầm dời ngôi Tấn;

Tưởng Dương-xa đáng thẹn Võ-Hoàng.

Than ôi ! Tiêu-khi dễ đầy; Thành công khó xứ.

Huống trung-tài vốn kém ở hữu-vi;

Nên dật-chí dễ sinh khi vô-sự.

Trước đã kiếu tình Ngưu-dẫn, chỉ vì nối Ngụy để cầu vinh;

Nay còn ham thú Dương-xa, đó thực bình Ngô thêm để sợ.

Nếu chẳng thu những nỗi phóng tâm;

Ắt di hại đến điều danh-dự.

Nói đến :

Đồng-đà gai góc;

Y-lạc chiên cừu.

Thì ai là chẳng ngán cho Võ-Hoàng,

Đã làm hỏng cả quyển hành thống ngự !

Đạm-Nguyên phỏng dịch ra Việt-Văn

TimSach.Com.Vn

Phụ lục

BÀI HÀNH TRÌNH CA

Do Quan Tuần-Phủ Nguyễn - Tú, khi đổi đi Tuần - Phủ tỉnh Phan-An soạn. Ông là người làng Phương-Đề, huyện Chấn-Ninh, tỉnh Phan-An, nay đổi là tỉnh Gia-Định.

Trong tháng một giữa ngày mười chín,
Vâng chiếu giới ban đến tận nơi,
Phận hèn mong được xét soi,
Cung tên dành phỉ chí trai phen này.
Nặng vì nỗi áng mây đồi chác,
Xót Từ-thân tuổi hạc đã cao,
Ở đây còn vắng âm hao,
Lại quan san ấy, dễ trao tin nhàn.
Từng nghĩ đến từng cơn dầu dĩ,
Song hiếu trung ai dễ gồm nên,
Bấy lâu nhờ đội ơn trên,

Phải lo trọn vẹn mà đền cao sâu.

Chữ trung lấy làm đầu chữ hiếu,

Giục hành trang tỏ ngõ đường mây.

Cuộc đời tan hợp xinh thay,

Kẻ vô, ra, cũng một ngày bước đi.

Ngần ngơ đứng, chừng khi tiễn biệt,

Liễu một cành nào biết đưa đâu?

Một chuyến đò, cũng nhớ nhau,

Tình hai năm ấy chẳng đau cũng buồn.

Trước mặt đã thấy non Thiên-Bút;

Ngó trông chiều tươi rốt cỏ cây,

Bút này biết mấy lâu nay.

Tú-tài mới tự năm này khai khoa,

Khỏi Quán đường đó là Nghĩa-mỹ

Trạm dịch kia sông Vệ một bên

Qua đò sẽ bước chân lên,

Hết chừng Chương-nghĩa tới miền Mộ-Hoa.

Đò Địa-thi nay đà tới đó,

Rằng trước kia vốn có cầu đi.

Cột cầu còn đứng trơ trơ,

Sao không thấy chữ ai đề thuở xưa.

Nghe rằng đó thần thiêng thú dữ,

Kẻ hành-nhân giềng giữ dám chơi.

Ta nay đi có mệnh trời,

Quỷ thần ắt cũng hộ người trung trinh.

Nhớ những thủa vô tình Thái cổ,

Nhân vật cùng một lũ giao-du.

Vì đâu dựng địch gây thù,

Càng khôn ngoan lắm, càng lo nghĩ nhiều.

Hãy giữ được mọi điều ngay thẳng,

Dầu u vi, đâu chẳng cảm thông.

Quỷ thần khen cũng dư công,

Hai tòa đá dựng ở trong đất bằng.

Dưới chân trèo, cây bàng đứng đó.

Cao chẳng bằng ngọn cỏ đầu non.

Tới nay cỏ đã héo hon,

Mà tòng sáng sủa hãy còn tốt tươi.

Ấy là cũng một loài cây cỏ,

Con người ta lấy đó mà coi.

Đỉnh non mấy quán lôi thôi,

Quảng-Nghĩa, Bình-Định chia đôi chốn này;

Có linh miếu đường đi nẻo trước,

Kẻ hành nhân xuôi ngược phải coi,
Gương trung-liệt, trơ trơ đá dựng,
Mạch cương-thường, rằng rặc nước tuôn,
Khí thiêng mở mặt nước non.
Tưởng người lúc ấy như còn đâu đây;
Ây cỏ cứng, chẳng lay trận gió.
Muôn đời sau tới đó phải khen.
Trong trần này, những người quen trước
Nghĩ vào chơi chén nước tha hương.
Lòng đâu như mối tơ vương,
Đã mừng kẻ ở, lại thương người về.
Câu bào-hốt còn nghe đâu đó:
Trách hóa-nhi nỡ phụ tài hoa
Ngậm ngùi khi ấy bước ra,
Người thanh lịch, thú phồn hoa thêm càng.
Từng thấy cảnh, lại càng mến cảnh,
Bồng đâu đâu gặp khách nguồn đào
Hoa xuân hớn hở muốn chào,
Sóng thu lấp lánh ngọt ngào đến ai,
Tuồng hoa liễu, mặc người biếng hỏi.
Đường Vân-Sơn, cứ lối thẳng giong
Hé rèm chợt thấy vầng hồng,

Tưởng như quỳ xuống bệ rồng tấc gang.

Còn tưởng tượng phong quang gần đó.

Đỉnh vọng-phu chợt ngó nẻo xa.

Xưa nay nghe truyện người ta,

Vốn trong đồng khí, sầy ra chung tình.

Trước sau giữ kiên trinh một tiết,

Trải ngàn thu sương tuyết chẳng lay.

Tới đây nghe nói lạ thay.

Rằng nay mới lại buộc dây tơ hồng.

Đã ngọc trắng, giá trong, chẳng bụi,

Lẽ đâu còn đeo thói Vu-Sơn

Thiên-tôn cũng phải tiếng oan.

Chuyện Kim-Cô (1) trước ai bàn cho ra.

Một bên lai láng bể khơi.

Một bên non đứng rất vời xa xa.

Non với nước coi ra cũng thú.

Chẳng trí nhân, ai có biết đâu

Nước khoe có sóng bạc đầu.

Non khoe có đá một mầu xanh xanh!

Non giận nước ra tình hờ hết

---

(1) Chuyện Kim-Cô ở trong sách Liêu-Trai

Đem cù-lao (2) mong lấp duềnh ngân.

Nước thù non nhẽ đón ngăn

Tung cây dập đá như lần mở nên.

— Thênh thênh chèo quế khoan bơi

Lòng sông nước dưới, chân trời trăng lên.

Trăng với nước như in một vẻ

Bến Phúc-Lai, bến lễ lại qua.

Mênh mông bóng cảnh ngã ba.

Ấy trạm Phan-Kiều, đó là Phan-An.

— Nôm na chắp chảnh mà chơi.

Nói thêm một lúc hẹn người chưa đi

Làm trai đã gặp thì mình thánh.

Chữ Cần-vương đừng tính gần xa.

Ta nay trên có mẹ già,

Việc vua phải giữ, việc nhà dám khuây.

Hãy thử nghĩ từ ngày mới nở.

Cái cung dâu ngoài cửa đã treo.

Muốn bề gắn gũi, nâng niu ;

Thì phăn vũ-trụ biết trao tay nào !

---

(2) Tên một ngọn núi.

Trên lượng thánh, ra vào thay đổi

Đường khi vô, là lối khi ra,

Dầu lòng, trời cũng chiều ta,

Nước non đành đó đã già chi đâu?

BÀI THƠ ĐÊM ĐI THUYỀN ĐẬU BÊN BỜ Ở SÔNG

Ông Hoàng-Giáp Bạch-Đông-Ôn đi đến Hưng-Yên, đêm đậu thuyền ở trước miếu ông Chử-Đồng-Tử. Con ông mới lên 7 tuổi, đã làm được bài này:

Chẳng thế sao biết thế là thanh.

Chèo quế êm êm lần tới kênh.

Bến khách lơ thơ chừng đợi nguyệt;

Người đời lo lắng những vì danh.

Tai nghe khúc địch ai đâu hát,

Gió lặng Châu Trần miếu đó linh.

Chén rượu Quỳnh-Tương khuyên chửa cạn,

Yên hà bát ngát buổi sang canh.

MỘT NGƯỜI CON GÁI ĐI ĐƯỜNG TRƯỢT CHÂN TỰ VỊNH

Vén đám mây lên tỏ mặt giời,

Nhác trông từng đám, tõ từng nơi.

Giang sơn đâu đó đua dãu nhầy,

Hoa cỏ quen hơi mỉm miệng cười.

THƠ HỒ-XUÂN-HƯƠNG VIẾNG ÔNG PHỦ VĨNH - TƯỜNG

Trăm năm ông Phủ Vĩnh-Tường ôi,
Võng giá nghênh ngang xếp cả rồi.
Chôn chặt văn-chương ba thước đất;
Ném tung hỗ thỉ bốn phương giời.
Chứa chan trong ngực ôm lòng khóc,
Giọt máu (1) trên tay mỉm miệng cười.
Phú qui, công danh, đà mấy chốc,
Trăm năm ông Phủ Vĩnh-Tường ôi.

Vua Lê Hiển-Tôn truy tặng tước Vương cho ông Phạm-đình-Trọng và phong là Phúc-Thần, truyền lập đền thờ ở ngay trong làng. Có bài Văn-Tế đại lược như sau :

祭 文 略 曰 :

撗山可以礪刀，銀河可以洗甲，山河長存而公

1, Giọt máu trên tay nói đứa con còn bế trên tay.

安在乎!昔人聞鐘鼓之聲則思邊帥之臣.于予心之所深慨也.公一身謀畧,萬甲胸中,餘十年,冒雪衝霜,赫赫壯猷靡辭矢石.經百戰,摧山壓浪,彰彰鴻烈可紀縑緗.千金之僦渥未酬,萬古之馳驅彌篤.屹爾長城重寄,方期聲壯於唐臣.胡然五丈遙屯,忽報燈殘於漢將.細柳之轅門猶昨,前茅之軍令莊聞.予方懷采芑之思,公胡負及瓜之約.

Phiên âm

Tế văn lược viết:

Hoành sơn khả đi lệ đạo,

La hà khả đi tầy giáp.

Sơn hà trường tồn nhi công an tại hồ?

Tích nhân văn chung cồ chi thanh, tắc tư biên súy chi thần.

Vu dư tâm chi sở thâm khái dã!

Công: nhất thân mưu lược,

Vạn giáp hung trung!

Dư thập niên, mạo tuyết xang sương, hách hách tráng du mỵ từ thỉ thạch.

Kinh bách chiến tồi sơn áp lãng, chương chương hồng liệt

khả kỷ kiêm tương.

Thiên kim chi ưu ốc vị thù,

vạn cổ chi trì khu di đốc !

Ngật nhĩ trường thành trọng ký, phương kỳ thanh tráng ư Đường-thần.

Hồ nhiên Ngũ-Trượng dao đồn, hốt báo đăng tàn ư Hán Tướng.

Tế liễu chi viên môn do tạc;

Tiền mao chi quân lệnh mang văn.

Dư phương hoài thái đi chi tư,

Công hồ phụ cập qua chi ước.

Dịch nghĩa

Núi Hoành-Sơn có thể mài dao,

Sông La-hà có thể rửa giáp.

Non sông còn mãi mãi,

Sao ông vội đi đâu ?

Người xưa nghe tiếng trống chuông,

Sực nhớ bày tôi biên soái.

Đó là một điều làm cho lòng ta bùi-ngùi, cảm-động.

Nhớ ông xưa :

Một thân rất nhiều mưu-lược ;

Trong bụng hằng vạn giáp binh.

Hơn mười năm mạo tuyết, pha sương, chói lọi mưu cao, chẳng nề gì tên đạn,

Trải trăm trận dập non đè sóng, sáng choang công lớn đáng chép vào lụa là.

Ơn mưa móc ngàn vàng chưa trả;

Sự duổi dong muôn thuở hãy còn.

Vừa mới Trường-thành nặng gánh, những mong nối tiếng tôi Đường;

Có sao Ngũ trượng đồn quân, chợt báo đèn mờ trướng Hán.

Cửa viên môn Tế-Liễu như xưa,

Hiệu quân lệnh Tiền-Mao mở mịt

Ta đây vẫn một lòng thái dĩ,

Ông sao nỡ phụ ước cập qua?

Và tặng viếng ông một câu đối :

蓋世英雄，今古少.

在人功德，地天長.

Phiên âm

Cái thế anh hùng, kim cổ thiểu;

Tại nhân công đức, địa thiên trường.

Dịch nghĩa

Anh hùng khét tiếng xưa nay ít;

Công đức sánh cùng trời đất dài.

(trích ở sách Hoàng-việt Địa Dư)

TimSachCom.Vn

QUAN THƯỢNG-THƯ NHÀ LÊ CÓ ĐỀ VÀO TƯỜNG ĐỀN THỜ ÔNG PHẠM-ĐÌNH-TRỌNG MỘT BÀI THƠ

文武全才夐出倫
曾於史館記名臣
未言死後長如在
即是生前已有神
一副胸襟橫宇宙
十年琴劍定風塵

何哉亦戴儒冠者
僅僅尋行數墨人

Phiên âm

Văn võ toàn tài quýnh xuất luân,
Tằng ư sử quán ký danh thần!
Vị ngôn tử hậu trường như tại;
Tức thị sinh tiền dĩ hữu thần.
Nhất phó hung khâm hoành vũ trụ,
Thập niên cầm kiếm định phong trần,
Hà tai diệc đới nho quan giả,
Cận cận tầm hành số mặc nhân.

Dịch nghĩa

Văn võ gồm tài thấy tuyệt luân,
Từng ghi sử quán bậc danh thần!
Cứ dâu chết mới truyền nhang khói;
Ngay lúc sinh đây cũng phúc thần.
Một mớ hung khâm lừng vũ trụ,
Mười năm cung kiếm dẹp phong trần,

Cớ sao trong đám người nho nhã
Tìm gặp nhà văn thực khó phần.

◇

•

CA TRÙ (HÁT NÓI)

Hốt ức lục thất niên tiền sự,
Nợ phong lưu chưa phỉ hương nguyền.
Đến bây giờ lại người quen,
Nỗi lưu lạc ghét ghen là thế thế,
Thiếp tưởng thảo khinh lang vị khí ;
Thần quy tội trọng đế do liên !

妾 緣 身 粗 郎 未 棄

臣 雖 罪 重 帝 猶 憐

Can chi mà tủi phận hờn duyên,
Để son phấn, đàn em thêm khúc khích.
Ý trung nhân tự khả tình tương bạch,
Thôi bút nghiên sênh phách cũng đều sai,
Gặp nhau nói nói cười cười.

Chú-thích : (1) Quan cử lệnh, linh cử truyền.

(2) Cõng rắn cắn gà nhà.

(Hai câu này thấy ở An-Nam nhất thống chí.)

(3) Năm Tân-Dậu, Hoàng-triều Tự-Đức thứ 14, xây cất Tiết-nghĩa-từ của Lê-triều ở Hà-Nội, ban thụy-hiệu để phụng tự, cộng 33 người.

TaiSachCom.Vn

BẢNG KÊ SÁCH

do TRUNG-TÂM HỌC-LIỆU xuất-bản

Bán tại 240 Trần-Bình-Trọng Sài-gòn

Đ. T. : 24.142 — 93.642

ĐẠI-HỌC

— Cây cỏ Miền Nam Việt-Nam, *Phạm-Hoàng Hộ* 150$

— Danh-từ Toán-học Pháp-Việt 60$

— Danh-từ Hóa-học Pháp-Việt 100$

— Danh-từ Thực-vật Pháp-Việt 80$

— Danh-từ Động-vật Pháp-Việt 80$

— Lịch-sử Triết-học Đông-phương, *Nguyễn-Đăng-Thục*

* Tập IV 400$

* Tập V 120$

— Nhập môn Triết-học Ấn-độ, *Lê-Xuân-Khoa* 100$

— Giáo-dục Nhật-bản hiện-đại, *Đoàn-văn-An* 120$

— Sinh-học Thực-vật, *Phạm-Hoàng Hộ* 180$

— Nông-học đại-cương, *Tôn-thất Trình* 140$

— Tảo-học, *Phạm-Hoàng Hộ* 200$

— Sơ thảo Ngữ Pháp Việt Nam, *L.M. Lê-văn Lý* 60$

— Sản-khoa, *B.S. Đặng-Hóa-Long*

* Quyển I 300$

* Quyển II 400$

* Quyển III và IV 350$

— Mục-Lục phân-tích Tạp-chí Nam Phong.

L.M. Nguyễn-Khắc-Xuyên 150$

— Lược-khảo Văn-học, *Nguyễn-văn-Trung*

* Tập I 65$

* Tập II 65$

— Danh-từ Hệ Thần-kinh Trung ương,

Nguyễn-Thành-Long 200$

— Hiền-hoa bí-tử, *Phạm-Hoàng Hộ* 400$

— Le Contrôle de l'exécution des dépenses du budget de l'Etat au Viet-Nam, *Lê-Quế-Chi* 120$

— Ngữ-vựng Nguyên-tử-năng 180$

SẮP XUẤT-BẢN

— Rong biển Việt-Nam, *Phạm-Hoàng Hộ*

— Giao-thoa, *Nguyễn-Chung-Tú*

— Giác-quan và Danh-từ Tổng-quát, *Trần-Tấn-Trọng*

TRUNG-HỌC

— Việt-Nam Văn-học Sử-yếu, *Dương-Quảng-Hàm* 25$

— Việt-Nam Thi văn hợp-tuyển, *Dương-Quảng-Hàm* 20$

— Văn-học Việt-Nam, *Dương-Quảng-Hàm* 20$

— Hán-văn Giáo-khoa thư, *Võ-Như Nguyện, Nguyễn-Hồng-Giao* 40$

— Việt-văn độc-bản đệ tam, *Trần-Trọng-San* 55$

— Việt-văn độc-bản đệ nhị, *Đàm-Xuân-Thiều, Trần-Trọng-San* 75$

— Thượng-chi Văn-tập, *Phạm-Quỳnh*

* Tập I 35$

* Tập II 35$

* Tập III 35$

* Tập IV 35$

* Tập V 25$

— Chương-trình Trung-học 20$

— Thế-giới sử đệ nhất, *Tăng-Xuân-An* 45$

— Cơ-học đệ nhất, *Nguyễn-Xuân-Vinh* 70$

— Hóa học đệ tam, *Phạm-Đình-Ái* 20$

— Hóa-học đệ nhị, *Phạm-Đình Ái* 35$

— Hóa-học đệ nhất, *Phạm-Đình-Ái* 40$

— Số-học đệ nhất, *Đặng-văn-Nhân* 45$

TimSachCom.Vn

— Anh-ngữ đệ thất, *Nguyễn-Đình-Hòa* 40$

— Anh-ngữ đệ lục, *Nguyễn-Đình-Hòa* 40$

— Văn-phạm Việt-Nam, giản-dị và thực-dụng,

Bùi-Đức-Tịnh 45$

— Nhân-vật Đông-Châu, *Thanh-Lan Võ-Ngọc-Thành* 250$

— Lượng-giác-học đệ nhất, *Nguyễn-Xuân-Vinh* 35$

TIỂU-HỌC

— Tám chục trò chơi lành mạnh, *Nguyễn-văn-Chinh* 35$

— Chương-trình tiểu-học 35$

CHUYÊN-NGHIỆP

— Kỹ-thuật điện-kinh, *Nguyễn-văn-Chinh* 15$

— Quản-trị học-đường, *Trần-văn-Quế*,

Vũ-Ngô-Xán, Vũ-Nam-Việt 40$

— Sư-Phạm lý-thuyết, *Trần-văn-Quế* 40$

— Sư-Phạm thực-hành, *Trần-văn-Quế* 100$

— Luân-lý chức-nghiệp nhà giáo, *Nguyễn-Gia-Tường* 50$

— Tâm-lý học ứng-dụng, *Phạm-Xuân-Độ* 30$

— Speak Vietnamese, *Nguyễn-Đình-Hòa* 150$

— Căn-bản nhu-đạo, *Thượng-Tọa Thích Tâm-Giác* 20$

— Tập-luyện bơi lội, *Nguyễn-văn-Đào* 55$

— Khái-luận bóng tròn, *Nguyễn-văn-Chinh* 65$

SẮP XUẤT-BẢN

— Bài đàn tranh, *Nguyễn-Hữu-Ba*

— Sư-phạm, chuyên-biệt, *Hồ-văn-Huyên*

DỊCH-PHẨM PHÁP-VĂN

— Femme de Guerrier, *Huỳnh-Khắc-Dụng*

(Chinh-phụ ngâm-khúc, *Đoàn-thị-Điểm*) 40$

— Les Plaintes d'une Odalisque, *Huỳnh-Khắc-Dụng*

(Cung-oán ngâm khúc, *Nguyễn-Gia-Thiều*) 28$

— Vạn-pháp tinh lý, *Trịnh-Xuân-Ngạn*

(L'Esprit des Lois, *Montesquieu*) 30$

— Tế-bào sống, *Phạm-Hoàng Hộ*

(La Cellule vivante, *Henri Firket*) 30$

— Địa-lý học thực-vật, *Lê-Công-Kiệt*

(La Géographie botanique, *Jules Carles*) 50$

— Sự yên lặng của biển cả, *Trịnh-Huy-Tiến*

(Le Silence de la Mer, *Vercors*) 100$

— Dòng-dõi Roquevillard, *Trịnh-Xuân-Ngạn*

(Les Roquevillard, *Henry Bordeaux*) 220$

— Ông già Goriot, *Đào-Đăng-Vỹ*

(Le père Goriot, *Honoré de Balzac*) 180$

— Những vinh nhục của César Birotteau, *Mặc-Đỗ*

(Grandeurs et Décadences de César Birotteau,

Honoré de Balzac) 350$

— Kim-Van-Kiéou, *René Crayssac*

(Đoạn trường Tân Thanh, *Nguyễn-Du*) 240$

— Nhập môn nghiên-cứu y-khoa thực-nghiệm

N.B. Trần-văn-Bảng

(Introduction à l'étude de la médecine expérimentale,

Claude Bernard) 120$

SẮP XUẤT-BẢN

— Triết-học nhập môn, *Lê-Tôn-Nghiêm*

(Introduction à la philosophie, *Karl Jaspers*)

DỊCH-PHẨM ANH-VĂN

— Bên bờ sông xanh, *Nguyễn-văn-Mừng*

(The Mill on the Floss. *George Eliot*) 28$

— Lưỡi dao cạo, *Nguyễn-Ngọc-Phi* (The Razor's

Edge, *Somerset Maugham*) 120$

— Mũi tên đen, *Nguyễn-Đăng-Hải* (The Black

Arrow, *Robert Louis Stevenson*) 25$

— Từ-Hi Thái-hậu, *Tôn-thất Hanh*

(Imperial Woman, *Pearl Buck*) 350$

DỊCH-PHẨM HÁN-VĂN

— Kiến-văn tiểu-lục (*Lê-Quý-Đôn*)

≠ Tập I, *Lê-Mạnh-Liêu* dịch 120$

≠ Tập II, *Đàm-Duy-Tạo* dịch 120$

— Sự-tích vị thần xã Đa-hòa, *Đinh-Nho-Linh* 12$

— Trần-Công-Xán Sự-trạng, *Đinh-Nho-Linh* 15$

— Kinh-thư, *Thẩm-Quỳnh* 160$

— Đại-học, *Phạm-Ngọc-Khuê* 30$

— Luận-ngữ, *Lê Phục-Thiện*

≠ Tập I 200$

≠ Tập II 90$

≠ Tập III 150$

— Đại-Việt Quốc-Thư (*Quang-Trung Nguyễn-Huệ*),

Hoàng-văn-Hoè 140$

— Mạnh-tử, *Nguyễn-Thượng-Khôi*

≠ Tập Thượng 300$

≠ Tập Hạ 300$

— Kinh Chu-Dịch bản nghĩa, *Nguyễn-Duy-Tinh*

≠ Kinh Thượng 180$

≠ Kinh Hạ 250$

— Thi Kinh Tập Truyện I, *Tạ-Quang-Phát* 500$

Thục An-Dương Vương sự-tích, *Đinh-Nho-Linh* 50$

— Công-Thần-lục, *Nguyễn-Thế-Nghiệp* 80$

— Tam khôi bị lục *(Hồ Ngu-Thụy)*, *Nguyễn-Hữu-Tủng* 120$

— Hồng-Vũ cấm-thư *(Dương-Quân-Tủng)*,

Nguyễn-văn-Minh 150$

≠ Tập Thượng 150$

≠ Tập Hạ 200$

— Kiến-văn-lục *(Võ-Nguyên-Hanh)*,

Đàm-Duy-Tạo 80$

— Nam-quốc vĩ-nhân truyện, *Cung-Thúc-Thiềm* 100$

SẮP XUẤT-BẢN

TimSach.Com.Vn

— Thi Kinh Tập Truyện II, *Tạ-Quang-Phát*

— Dã-Sử

— Lĩnh-Nam dật-sử

— Nguyễn-Triều long hưng sự-tích

— Hùng-Vương sự-tích ngọc-phả cổ truyền

— Lập-trai tiên-sinh hành-trạng

Đăng Khoa Lục Sưu Giảng đến đây là hết TimSachGroup chân thành cảm ơn quý khách đã ủng hộ: www.timsach.com.vn. Mọi ý kiến đóng góp xin gởi về email: info@timsach.com.vn hoặc phongvi102@yahoo.com.

TimSách

www.timsach.com.vn

Nhiều chữ in làm xin độc-giả chú ý

BẢNG ĐÍNH CHÍNH

Số trang	Giòng	Chữ làm	Sửa lại
V	7 và 8	Được dược	Thừa 1 chữ
VIII	27	Thông nho học	Đã đỗ Trạng
5	20	Thân khụ	Thân-phụ
9	3	Một ngay	Một vài ngày
9	5	Nên	Sau
16	15	Bùi-Xương-Trạch	B.X.Trạch
19	3	Đến dến	Thừa 1 chữ dến
21	8	Việt Giăm	Việt-Giám
25	3	ẽ	Sẽ
25	8	Trọng Nguyên	Trạng-Nguyên
25	20	Rong	Trong
26	6	Nam-võ	Nam vô
33	27	Liênkh ông	Liên không
41	7	Dùng	Dung
47	14	ông tói	ông Tới
48	23	đều dều	Thừa 1 chữ đều
49	2	Thời mẹo	Hỏi mẹo
52	13	Đủ tam khôi	Đỗ tam-khôi
60	20	dền	đến
61	24		Tuấn-Cung
61	8		Vũ-Thành
63	4		Phạm-Khiêm-Ích
64	27	Bùi Sĩ-Triên	Bùi-Sĩ-Tiêm
65	7	Bà	Báo
65	8	Bùi-Công-Măng	Bùi-Công mẳng
66	9	Phủ diệt	Phủ Việt
68	4		

tìmSáchCom.Vn

Số trang	Giòng	Chữ làm	Sửa lại
69	10	tiền mạn	tiến mạnh
69	25	Xứ Xâm	Sử-Xâm
70	11	phải	ắt
72	27		thừa chữ Huệ
77	15	mà y	mày
		người	sang
86		ngồi ở	ở ngôi
86	9	lỡ	ở
90	12	ắp	ắt
91	4	hạnh	hành
92	8	thực hành	học hành
92	1	gả chồn	gả chồng
94	7	búa riug	búa riu
101	18	phái iết	phái viết
105	10	Long an bất sở	Long sa an sở ngộ
109	1	nhi vi	thừa chữ nhi
120	22	Công	Cận
120	23	bắc chỉ	hành chỉ ( )
121	22	thường thường ( )	tầm thường
121	14	chiếm hết mọi	Hai lượt chiếm
133	15	ai hay	sao hay
142	12	quan	quang
143	3	Châu ( )	
153	2	chưng	trưng
158	6	truyền ( )	( )
166	18	biết	không biết
171	6	nuôi mèo	không nuôi mèo
173	4	nào	mà
175	15	có một, có mộ,	thừa 2
181	14	có	có
		liền thôi không	liền thôi. Bỏ chữ không